

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHẢO VỀ CHÍNH-TRỊ NƯỚC PHÁP⁽¹⁾

III

CÁCH TỔ-CHỨC QUYỀN TƯ-PHÁP

I

Nói chung về các bậc tài-phán

Ta đã xét cách tổ-chức Quốc-gia Pháp thế nào, đã biết rằng quyền lập-pháp thời làm ra luật-pháp, quyền hành-chánh thời thi-hành những luật-pháp ấy; ta lại từng xét những cơ-quan hành-chánh xếp-đặt ra làm sao, và đã biết rằng những « tòa-án cai-trị » (*tribunaux administratifs*) là nơi để cho người ta tố-cáo những việc của quan hành-chánh, cùng để quyết-xử những sự phân-tranh của Nhà-nước với người riêng.

Nay ta phải xét đến cách xếp-đặt các « tòa-án tư-pháp » (*tribunaux judiciaires*) là nơi để xét-xử những việc phân-tranh của người riêng với nhau, cùng những sự can-phạm đến luật-pháp của Nhà-nước và cần phải khép vào hình-phạt.

Thế gọi là quyền tư-pháp hay là quyền tài-phán. Đại-khái quyền tài-phán chia ra mấy bậc như sau này :

1^o — Dân-sự tài-phán (*juridiction civile*), có các hạng tòa-án như sau :

a) Tòa-án trị-an (*justices de paix*) ;
b) Tòa-án đệ-nhất-thâm về dân-sự (*tribunaux civils de 1^{re} instance*) ;

c) Tòa-án phúc-thâm (*cours d'appel*);

2^o — Thương-sự tài-phán (*juridiction commerciale*), để xét những sự phân-tranh của các nhà buôn với nhau thuộc về việc buôn-bán.

Bậc này thời có những tòa-án thương-mại (*tribunaux de commerce*). Hạng nào không có tòa-án thương-mại thời tòa-án đệ-nhất-thâm đặt phiên riêng xét về việc thương-mại cũng được. Kháng-cáo những án của tòa-án thương-mại thời cũng do tòa phúc-thâm xét như các án về dân-sự khác.

3^o — Công-sự tài-phán (*juridiction des prud'hommes*), để xét những sự phân-tranh của chủ với thợ, hay là các hạng làm công cho các nhà buôn-bán hay là các nhà công-nghệ.

Bậc này thời có những hội riêng gọi là « công-sự thăm-phán-hội » (*conseils de prud'hommes*) làm tòa-án. Muốn kháng-cáo những lời quyết-nghị của

(1) Xem Nam-Phong, số 31 và 32.

các hội ấy thời phải đệ ra tòa-án đệ nhất-thâm.

4^o — Hình-sự tài-phán (*juridiction pénale*), có các hạng tòa-án như sau :

a) Tòa - án vi-cảnh (*tribunaux de simple police*), tức là các tòa án trị-an những khi xử phạt về các việc vi-cảnh (*contraventions*).

b) Tòa-án trừng-trị (*tribunaux correctionnels*), tức là các tòa-án đệ nhất-thâm những khi đặt phiên riêng để xử phạt các khinh-tội (*délits*)⁽¹⁾; tòa trừng-trị lại được xử những đơn kháng-cáo về án của các tòa vi-cảnh.

c) Tòa-án phúc-thâm, chia riêng ra hai ban, một ban phúc-thâm các án trừng-trị (*chambre des appels correctionnels*), một ban tố-cáo các trọng-tội để chuyên-đệ lên tòa đại-hình (*chambre des mises en accusation*).

d) Tòa-án đại-hình (*cours d'assises*), cùng với bộ bồi-thâm (*jury*) xét-xử về các trọng-tội, cùng những việc riêng trong luật đã cho quyền xử (như những việc về các nhà báo và về quyền xuất-bản).

5^o — Cao-đẳng tài-phán (*juridiction supérieure*), là bậc cao hơn cả các bậc trên, tức là Tòa Thượng-thâm (*Cour de Cassation*) chung cho cả nước, để trông-nom giữ-gìn cho các tòa dưới phải theo luật-pháp cho đúng và có quyền được phá những án xử trái luật-pháp. — Phải nhận rằng Tòa Thượng-thâm không có xét về cốt việc, chỉ xét xem trong khi các tòa dưới xử việc ấy có theo đúng luật-pháp hay không, nếu xử trái luật thời phá án cũ đi mà lại chuyên việc ấy sang một tòa án đồng-đẳng khác để thẩm-phán lại.

Đó là nói đại-cương về sự tổ-chức quyền tư-pháp ở nước Pháp; nay ta

xét riêng về từng bậc cho biết mỗi tòa-án xếp-đặt làm sao và hành-động thế nào.

II

Dân-sự tài-phán

1 — Các tòa-án trị-an

(Luật ngày 12 tháng 7 năm 1905)

1 — Cách tổ-chức. — Tòa-án trị-an (*justice de paix*) là một số tài-phán về dân-sự để xét những việc nhỏ mọn, hoặc vi số tiền vô-kỷ, hoặc vi únh-cách tâm-thường.

Tòa-này là một tòa-án đặc-biệt, nghĩa rằng chỉ được xét những việc trong luật đã định sẵn mà thôi; chứ tòa-án phổ-thông việc gì xét cũng được la tòa-án đệ nhất-thâm về dân-sự.

Mỗi tỉnh có một tòa-án trị-an; song trong những tỉnh có nhiều tỉnh, thì do sắc-lệnh quan Giám-quốc có thể gồm mấy tòa-án trị-an mà chỉ đặt một ông quan-án cũng được (điều thứ 41, luật ngày 25 tháng 2 năm 1901). Như ở Paris chia ra làm 20 khu, thì mỗi khu (*arrondissement*) mới có một tòa-án trị-an.

2 — Quan-án sơ-cấp. — Tòa-án trị-an chỉ có một quan án, tức là quan án sơ-cấp (hay là quan án trị-an = *juge de paix*). Chức tuy nhỏ mà phải cần có tư-cách hoàn-toàn lắm mới là xứng-đáng, không phải là phải thông pháp-luật cho nhiều (vì những việc thuộc về quan án sơ-cấp xét không phải là những việc khó về pháp-luật), nhưng phải có tài khôn-khéo và có bụng công-bằng lắm mới được, vì chỉ có một mình xét-xử, nhất-nhất phải tự mình phán-đoán cả, không tham-bác ý-kiến của ai được. Cho nên luật năm 1905, chỉnh-đốn lại các tòa-án trị-an, bắt quan án phải có những tư-cách như

(1) Dưới này sẽ phân-biệt thế nào là vi-cảnh (*contraventions*), khinh-tội (*délits*) và trọng (*crimes*).

sau này : phải ít ra là 27 tuổi, và phải đã làm việc quan trong ít lâu, hoặc đã tập-sự về việc án ít hay lâu tùy theo bậc-cấp cao hay thấp.

Quan án sơ-cấp do sắc-lệnh quan Giám-quốc bổ-nhiệm. Khi cách-chức hay giáng-trật phải có một hội-đồng xét, do Bộ Tư-pháp (*ministère de la Justice*) cử, chọn những quan tòa Thượng-thẩm và những sảnh-trưởng ở Bộ (*directeurs du ministère*) sung vào.

3 — *Trợ-thẩm* (*suppléants*). — Gần mỗi quan án sơ-cấp lại đặt hai chức trợ-thẩm để thay quan án trong khi có việc ngăn-trở. Ở Paris có khi đặt ba chức trợ-thẩm. Chức trợ-thẩm phải trọn hai mươi-lăm tuổi, cách bổ-nhiệm cách-chức cũng như các quan án sơ-cấp.

4 — *Chức-quyền của quan án sơ-cấp hay là trị-án*. — Chức-quyền của quan án sơ-cấp hay là trị-án chia ra ba hạng như sau này :

Quyền thăm-giám (*attributions gracieuses*) ;

Quyền hòa-giải (*attributions conciliatoires*) ;

Quyền quyết-tụng (*attributions contentieuses*).

a) Quyền thăm-giám là thuộc về những việc không có sự phân-tranh gì, như chứng-nhận những lời biên-bản của bọn lính-tuần, bọn coi thuế dò thuế chợ, v. v.

Quan án sơ-cấp phải kiểm-phê các sổ-sách (như sổ đồng-ấu, sổ can-phạm về việc thương-chánh, v. v.) ; — phải coi việc biên-ký các sổ sinh-tử-giá-thú, sổ đồng-ấu, v. v. ; — phải khám xét những nhà chứa người điên ; — phải nhận lời tuyên-thệ (*serment*) của mấy hạng chức-dịch như lính-tuần, như chức-dịch coi việc thuế chợ, v. v. ; — phải hội-họp và làm tọa-chủ các gia-tộc hội-nghị (*conseils de famille*),

lập những giấy căn-cước, nhận những giấy lập con nuôi, giấy độc-lập (*actes d'émancipation*), giấy khai quốc-tịch (*déclaration de nationalité*) ; — phải niêm-phong (*apposition des scellés*) những nhà cửa đồ vật của người chết để giữ quyền-lợi cho người kế-thừa vắng mặt.

b) Quyền hòa-giải thời như sau. Trước khi đem một việc gì lên kiện ở tòa án đệ-nhất-thẩm — trừ khi nào việc không thể điều-đinh được, hoặc cần phải xét-xử ngay thời không kể — hai bên nguyên-bị phải lên quan án sơ-cấp trước đã, đề quan án thử hòa-giải xem có được không ; thế gọi là cái « dự-án hòa-giải » (*préliminaire de conciliation*). Bên nào không chịu ra đề hòa-giải như thế thời phải phạt bạc.

Lại trước khi đem lên kiện nhau ở quan án sơ-cấp, cũng phải lên đề quan thử hòa-giải đã, trừ khi nào việc cần-cấp quan cho phép làm đơn cáo không cần phải hòa-giải trước, hoặc khi nào bên bị là người tổng khác hay là tỉnh khác thời không kể. Bên nguyên đến nói với viên lục-sự tòa án sơ-cấp, viên lục-sự làm một cái phiếu thông-tri (*billet d'avertissement*) cho bên bị, đòi phải đến tòa án. Đính-nhật quan tòa thử hòa-giải hai bên, nếu hai bên không thuận thời quan mới cho phép cáo đòi (*permis de citer*), không có phép ấy thời viên « mõ tòa » (*huissier*) không được quyền phát giấy đòi (*citation*).

Sau hết, luật ngày 27 tháng 12 năm 1892 ủy cho quan án sơ-cấp được quyền « trung-tài » (*arbitrage*) những việc thợ bãi-công (*grèves*).

c) Thuộc về quyền quyết-tụng thời là những khi quan án phải kết án quyết-xử một sự phân-tranh gì. Chức-quyền ấy luật ngày 12 tháng 7 năm 1905 đã mở rộng ra. Đại-đề thời trừ mấy việc riêng, còn phạm việc gì giá-ngạch không ngoài 300 quan tiền tây, quan án sơ-

cấp được toàn-quyền xét-xử. Trong giới-hạn ấy thời người đương-sự không được kháng-cáo, tòa Thượng-thẩm không được kiểm-duyet, dù khi không xử đúng pháp-luật cũng vậy. Bởi thế nên quan án sơ-cấp có quyền tự-do phán-đoán, cứ lấy lẽ công-bằng mà xét-xử được. Ngoài 300 quan, cho đến 600 quan hay hơn nữa, hay là cho đến giới-hạn quyền-chức của tòa-án đệ-nhất-thẩm, thời án của quan sơ-cấp đã kết có thể đem lên tòa-án đệ-nhất-thẩm kháng-cáo được.

Có một hạng việc quan-trọng, quan án sơ-cấp cũng có quyền xét-xử, là những việc phân-tranh về quyền chiếm-hữu (*actions possessoires*), nghĩa là một người đã có quyền chiếm-hữu một vật gì ít ra đã được một năm mà trong hạn năm ấy có ai cản-trở cái quyền ấy. thời quan sơ-cấp được phép xét-xử. Nhưng đó là thuộc về quyền « chiếm-hữu » mà thôi, còn thuộc về quyền « sở-hữu » (*propriété*) thời phải do tòa đệ-nhất-thẩm xét.

Quan án sơ-cấp lại có quyền xét những việc như sau này nữa : việc trừ nợ (*saissies-arrêts*) vào tiền công thợ và lương những chức-dịch nhỏ (nghĩa là những người lương mỗi năm không hơn hai nghìn quan) ; việc tai-nạn bất-kỳ của bọn thợ-thuyền (*accidents de travail*) mà đến đái-tật, nhưng đái-tật tạm-thời mà thôi, vì nếu đến đái-tật chung - thân, thì quan sơ-cấp chỉ được quyền tra xét rồi tư lên tòa-án dân-sự. Hoặc đương khi xét một việc trước là đái-tật tạm-thời (*infirmité temporaire*) mà sau thành ra đái-tật chung-thân (*infirmité permanente*), thì quan sơ-cấp không có tư-cách xét nữa mà phải hồi-tị, chỉ được định số tiền phụ-cấp mỗi ngày mà thôi (luật ngày 31 tháng 3 năm 1905).

Khi xảy ra một việc phân-tranh thời tòa-án sơ-cấp nào có quyền xử ? Về việc động-sản thuộc về người (*matière*

personnelle mobilière) thời do tòa-án nơi bên bị có trụ-cư, nếu không có trụ-cư thời là nơi bên bị ở. Người đã bị người thừa, việc thừa phải đệ lên quan tòa xét xem có chánh-đáng hay không, thời tưởng không nên bắt người ta phải đi xa mới đối-nại được, đó cũng là một lẽ đương-nhiên vậy. Nhưng trừ có mấy cái trường-hợp riêng trong luật đã định thời không thể, đại-khái như sau này :

Khi nào bên bị không biết rõ trụ-cư mà cũng không biết rõ ngụ ở nơi nào trong hạt nước Pháp thời bên nguyên có thể đem việc lên thừa ở tòa án nơi trụ-cư mình được.

Về việc tổn-hại về đồng ruộng, về hoa-quả mùa-màng, việc dịch mốc lán bờ, việc chiếm-hữu, việc tu-bổ nhà thuê, việc người lĩnh-canh hay người thuê nhà thuê đất đòi tiền bồi-tồn-hại vì không được hưởng - dụng, hay là người chủ nhà chủ đất đòi tiền bồi-tồn-hại vì làm hư-hỏng, thời nhà đất vườn ruộng ấy ở đâu tòa-án ở đấy được quyền thẩm-phán.

Về việc tố-tụng về thơ-từ cùng những đồ vật phải ký-nhận, hay là những gói đồ gửi nhà bưu-chánh (*colis postaux*) trong địa - hạt trong nước thời tùy-ý muốn đem lên tòa-án chỗ người gửi hay là chỗ người nhận cũng được.

Về việc tố-tụng về thuế chợ (*droits de place*) thời thuế thu ở nơi nào tòa-án nơi ấy được quyền thẩm-phán.

Về giấy phép đề tịch-ký thời tịch-ký ở nơi nào quan án sơ-cấp nơi ấy được quyền thẩm-phán; còn việc trừ nợ về tiền công thợ cùng lương những chức-dịch nhỏ thời giấy phép do quan án sơ-cấp ở nơi người có nợ ở hay là nơi người chủ trả công hay là trả lương cho người có nợ ở cũng được.

Sau hết về tiền cơm thời nếu bên bị có nhiều người, có thể kiện ở tòa-án nơi trụ - cư của một người nào trong nhiều người ấy cũng được.

Tòa-án sơ-cấp đặt phiên phải đặt công-đồng, và đặt ở bản-nha quan án. Hoặc hàng tổng to thời quan có thể thân-hành đến đặt phiên tòa ở các nơi xa để tiện cho những người đương-sự khỏi phải mất thì-giờ đi lại. Khi nào đặt phiên tòa ở xa bản-nha phải có sắc-lệnh định.

Quan án sơ-cấp bao giờ cũng phải có người lực-sự giúp việc.

Khi phiên tòa thời bên nguyên bên bị phải chính-thân đến, hoặc không đến được thời phải có giấy ủy-quyền cho người đến thay. Những thay-kiện cùng trạng-sự có biên tên ở tòa thời không cần phải có giấy ủy-quyền đến thay lẫn cho nhau cũng được. Song cũng có khi quan án có quyền được đòi hai bên chính-thân đến để thuyết-minh cho quan nghe, cách đó thường cũng là một cách tốt để hòa-giải hai bên, vì đã kinh-nghiệm biết rằng lắm khi người thay mặt lại khó xử hơn chính người đương-sự.

Mỗ-tòa (*huissiers*) không bao giờ được quyền thay mặt người đương-sự.

Thủ-tục ở các tòa sơ-cấp thời đại-khái như sau này. Trên kia đã nói rằng phạm việc gì bao giờ cũng phải thử hòa-giải trước đã, không được thời mới cho phép cáo - đòi. Tờ trát gọi (*assignation*) thời do mõ-tòa đưa, trong trát phải định rõ ngày giờ hai bên phải lên đối-nại.

Nếu bên bị ở xa không ngoài năm vạn thước (*myriamètres*) thời phải cho hạn một ngày từ ngày phát giấy gọi cho đến ngày phải lên tòa; nếu ở xa hơn thời cứ tính mỗi năm vạn thước cho hạn thêm lên một ngày nữa; song khi khẩn-cấp thời quan tòa có thể rút hạn lại và cho gọi từng giờ được.

Nếu bên nguyên (nghĩa là bên đi kiện) hôm phiên tòa vắng mặt, hoặc không chính-thân đến, hoặc không ủy người thay, thời quan tòa có thể xử án

« hư-khuyết » (*jugement de défaut-congé*); nhưng thường thường nếu bên bị không yêu-cầu xin phải xử thời tòa-án thủ-tiên việc ấy đi cũng được. Nếu bên bị đòi mà không đến, hoặc không chính-thân đến, hoặc không ủy người thay, thời quan tòa phải xử án « khuyết-tịch » (*jugement par défaut*), án ấy do mõ-tòa thông-đạt cho bên bị biết. Bên bị bấy giờ có thể yêu-cầu đem việc ra xử lại, như thế thời phải làm đơn phản-đối (*former opposition*). Đơn phản-đối ấy phải làm trong hạn ba ngày kể từ ngày thông-đạt (nếu người đương-sự ở ngoài địa-hạt tổng thời cứ mỗi năm vạn thước được thêm hạn một ngày nữa).

Nếu người phản-đối mà đinh-nhật lại vắng mặt thời không được phản-đối lần nữa; tức trong Luật cũ nói là: « Trùng phản-án không có giá-trị » (*Opposition sur opposition ne vaut*).

Khi hai bên nguyên bị cùng có mặt, hoặc chính-thân đến, hoặc ủy người thay, thời án kết gọi là « án đối-tịch » (*jugement contradictoire*).

Trước khi kết án, quan sơ-cấp có quyền được sai điều-tra cùng giám-định.

Khi nào có phép được kháng-cáo (*appel*) thời phải do mõ-tòa làm giấy đề lên tòa-án đệ-nhất-thẩm đề rõ tên bày trạng-sự (*avoué*) thay mặt, vì muốn kháng-cáo tất phải có trạng-sự thay mặt mới được.

Luật định không được phép kháng-cáo trong hạn ba ngày sau khi tuyên-án, trừ khi nào án phải thi-hành lập-tức thời không kể; là có ý phòng những sự kháng-cáo khinh-suất.

Hạn kháng-cáo được 30 ngày kể từ khi thông-đạt tờ án (người nào ở ngoài địa-hạt tổng thời cứ năm vạn thước được thêm hạn một ngày nữa.) Người kháng-cáo mà bị thua thời phải phạt 5 quan.

Quan án có quyền được bắt thi-hành tạm (*exécution provisoire*), nghĩa là án chưa thành hẳn bắt thi-hành ngay cũng được; nhiều khi thời tất phải thi-hành như thế, nhiều khi nửa thời quan án được tự-tiện cho thi-hành, hoặc bắt ký-quĩ (*caution*), hoặc không.

Khi nào án không được kháng-cáo thời chỉ có làm - quyền mới được thượng-cáo lên Thượng-thẩm (*recours en cassation*). Hạn thượng-cáo được hai tháng kể từ ngày thông-đạt tờ án.

2. — Các tòa-án đệ-nhất-thẩm

1. — *Cách tổ - chức.* — Tòa-án đệ-nhất-thẩm về dân-sự là tòa xét xử về luật phổ-thông (*droit commun*), nghĩa là phạm vi gì trong luật không định rõ là không thuộc về tòa ấy xử thời tòa ấy được quyền xử hết.

Mỗi huyện có một tòa-án đệ-nhất-thẩm, bản - nha thường đặt ở ngay huyện-lỵ.

Tòa-án đệ-nhất-thẩm, có chia ra nhiều hạng, nhưng sự phân - biệt ấy chỉ quan-hệ về lương - bổng các quan tòa, chức-quyền thời hạng nào cũng như nhau cả.

Tòa ít việc chỉ có một ban (*chambre*). Tòa nào nhiều việc thời chia ra hai hay là nhiều ban. Ở Paris thời có 11 ban, 7 ban xét việc dân-sự, 4 ban xét những việc trừng-trị (*affaires correctionnelles*).

Khi nào chỉ có một ban thời chia ra làm từng phiên, phiên xét việc dân-sự, phiên xét việc trừng-trị. Ở đâu không có tòa-án thượng-mại thời tòa-án đệ-nhất - thẩm lại phải đặt phiên riêng để xét những việc về thượng-mại.

Cho được kết án có giá-trị thời tòa đệ-nhất-thẩm phải có ba ông quan án; lại phải có một quan chưởng-lý (*magistrat du ministère public*) và một viên lục-sự.

Quan-viên trong một tòa-án đệ-nhất-thẩm thời có các hạng như sau này :

1^o Một quan chánh tòa, khi có phiên tòa thời làm tọa-chủ, và được quyền quyết-xử nhiều việc không cần phải có quan án khác giúp (như chiếu đơn quyết-nghị (*ordonnances sur requêtes*), lâm-thời quyết-nghị hay là « cấp-thẩm » (*référés*), thâu-nhận chúc - thư). Quan chánh tòa-án được quyền giám-đốc cả mọi việc hành-chánh trong tòa-án.

Tòa-án nào có nhiều ban thời lại đặt thêm một hay là nhiều quan phó tòa nữa. Ở Paris thời mỗi ban lại chia ra từng « bộ » (*sections*), vì công việc nhiều lắm; mỗi bộ đều có bộ-trưởng.

2^o Một hay là nhiều quan án, để cùng với quan chánh hay quan phó lập thành tòa-án khi có phiên tòa, và để thay quan chánh trong khi mắc bận. Quan án ấy phải điều-tra về các việc dân-sự, và mỗi năm cử riêng một quan để coi về việc phân các tiền nợ cho trái-chủ (*ordres et contributions*); khi nào phải giám-đốc riêng một sự hành-vi gì, như coi một việc tịch-ký, thời gọi là « quan án sung đặc-phái » (*juge-commissaire*).

Sau nữa, thường có sắc-lệnh cử một quan án tòa đệ-nhất-thẩm để sung dự-thẩm các hình-sự (coi sau này, về mục các tòa-án xét hình-sự).

3^o Một hay là nhiều quan trợ-thẩm để thay cho quan án khi nào mắc bận.

Khi quan án hay quan trợ-thẩm bị bệnh hay mắc bận không thể đến họp cho đủ số ba người mới thành tòa-án được, thời có thể lấy một viên thày-kiện (*avocat*) hay viên trạng-sư (*avoué*) nào cũ nhất có mặt ở đấy lên thay cũng được.

2. — *Chức Chưởng - lý.* — Trong mỗi tòa-án phải có một hay là nhiều

Ông quan gọi là quan chưởng-ly (*magistrats du ministère public*), để giữ cho phải tuân theo pháp-luật, việc gì nên thỉnh-cầu thời có quyền được thỉnh-cầu, hoặc có những người không có tư-cách ra yêu-cầu ở tòa được (như trẻ con vị-thành-niên, như dân-bà có chồng, như người bị mất công-quyền v. v.) thì can-thiệp vào để bênh quyền-lợi cho người ta. Nhiều khi quan chưởng-ly cũng được quyền quyết-xử, như xử bãi-hỏ quyền người cha, hay là cải-chỉnh lại những giấy sinh-l tử-giá-thủ. Sau này xét về hình-sự ta sẽ nói rõ cái chức-vụ quan - trọng của quan chưởng-ly thay mặt xã-hội mà đứng xin trừng-trị những khinh-tội trọng-tội. Sau hết quan chưởng-ly lại được quyền giám-đốc cả các quan án trị-án, các thầy hộ-biện, trạng-sư, mõ-tòa, viên coi công - văn (*notaires*), coi đấu-giá (*commissaires priseurs*).

Ở tòa-án đệ-nhất-thẩm thời quan chưởng-ly gọi là *procureur de la République*, có các quan phó gọi là *substituts* để thay quyền. Các quan án trợ-thẩm cũng có quyền được thay quan chưởng-ly và phó chưởng-ly. Ở tòa-án nào chỉ có một quan chưởng-ly không có phó chưởng-ly, thời có thể cử một quan trợ-thẩm ở tòa khác sang kiêm chức ấy cũng được.

Gồm cả các chức chưởng-ly trong một tòa-án thời gọi là « chưởng-ly-cục » (*parquet*), người ta thường nói nôm là « quan tòa đứng » (*magistrats debout*), đối với các quan án là « quan tòa ngồi » (*magistrats assis*), vì quan chưởng-ly bao giờ nói cũng phải đứng.

3. — *Tư-cách các quan tòa.* — Quan tòa đệ-nhất-thẩm phải có bằng cử-nhân luật và phải làm việc hai năm ở phòng - giấy một ông thầy hộ-biện (thầy-kiện). Quan án trị-án có bằng cử-nhân luật thời đã làm chức ấy trong hai năm muốn lên làm quan tòa sơ-

thẩm được đặc-cách không phải làm hai năm ở sở thầy kiện nữa. Lại những thầy trạng-sư (*avoués*) đã làm nghề ấy trong mười năm có thể vào làm quan tòa được, dân không có bằng cử-nhân cũng cho đặc-cách được.

Đó là những thể-thức theo luật ngày 20 tháng 4 năm 1810 ; sắc-lệnh ngày 28 tháng 8 năm 1906 lại đặt ra một khóa thi cho những người muốn vào làm chức trợ-thẩm. Song có mấy hạng quan-lại, cùng những hạng hộ-biện, trạng-sư, lục-sự, ở các tòa-án đã làm việc được mười năm, và các quan tòa cũ thời có thể bổ-dụng làm quan tòa ngay được, không cần phải thi.

Quan tòa thăng trật nọ lên trật kia thời phải biên trước vào một cái biểu thăng-trật, do một hội-đồng các quan tòa Thượng-thẩm và các sảnh-trưởng Bộ Tư-pháp mỗi năm họp để kê-ra.

Hạn tuổi thời quan Chánh tòa ít ra phải 27 tuổi, quan án chánh, quan án phụ, quan chưởng-ly phải 25 tuổi ; quan phó chưởng-ly thời ít ra phải ngoài 22 tuổi.

Các quan tòa đều do quan Tư-Pháp Tổng-trưởng tư-trình quan Giám-quốc ký sắc-lệnh bổ-nhiệm.

Phàm các quan tòa có quyền thẩm-phán, nghĩa là quan chánh tòa, quan phó tòa, quan án chánh, quan án phụ, quan trên không được tự-ý cách-chức hoặc thuyên-chuyển ; trong luật nói những chức ấy là những chức « bất-dịch » (*inamovibles*), nghĩa là không được tự-do bãi-dịch, là có ý muốn giữ cho các chức ấy được độc-lập và cứ công - bình mà xét-xử. Song khi nào phạm tội nặng thời phải đệ ra tòa Thượng-thẩm tức là nơi Cao-đẳng hội-ngi để xét-xử các quan án. Chiều ý - kiến của Tòa Thượng-thẩm thời quan Tư-pháp Tổng-trưởng có quyền chuyển-dịch các quan án được. Khi quan án nào có tàn-tật thời quan Tổng-

trường cũng có thể chiêu ý-kiến tòa Thượng-thẩm mà bắt về hưu được. Tòa Thượng-thẩm lại có quyền định tội thuộc về quan-kỷ cho đến tội mất công-quyền (*déchéance*).

Trái lại thời các quan giữ chức chưởng-lý chuyên-dịch hay là cách-chức đều do sắc-lệnh cả.

Quan Tư-pháp Tổng-trưởng đối với các quan tòa có quyền giám-đốc cả ; khi nào lầm-lỗi có quyền khiển-trách.

Quan-phục thời những ngày phiên tòa các quan tòa phải mặc áo đen, mặt trước và chõ gấp trái ra ngoài bằng lụa, mũ miện đen, có khoanh bạc, quan chánh tòa và quan chánh-chưởng-lý thời có hai khoanh, các quan khác thời một khoanh. Những khi đại-tiệc lại thêm một cái đai nữa (trong hạt Paris và Orléans thời đai đen, các hạt khác thời đai lam). Ở Paris, những ngày đại-tiệc quan chánh-tòa và quan chưởng-lý thường mặc áo đỏ.

4. — *Chức lục-sự.* — Tòa-án nào cũng phải có một chức lục-sự do sắc-lệnh quan Giám-quốc bổ-nhiệm. Chức lục-sự phải coi các việc giấy-má (biên-ký khi phiên tòa, khi tra-cứu, thảo các án, v. v) và bảo-tồn các công-văn (văn án, sổ sinh-tử-giá-thú bút-lục, sổ các người phạm tội, v. v.). Chức lục-sự thường có những viên tham-biện lục-sự (*commis greffiers*) giúp việc. Khi phiên tòa thời những lục-sự và tham-biện lục-sự phải mặc áo và đội mũ đen như quan tòa, nhưng không có khoanh bạc trên mũ.

5. — *Chức-quyền của các tòa-án đệ-nhất-thẩm.* — Tòa-án đệ-nhất-thẩm xét-xử về luật phổ-thông, thuộc về động-sản thời được quyền chung-thẩm tội giá-ngạch 1500 quan tiền tây, thuộc về bất-động-sản thời được chung-thẩm tội giá-ngạch 60 quan tiền lãi một năm. Còn những việc tố-tụng nào tiền lãi

cao hơn thời chỉ được sơ-thẩm mà thôi, án có thể đem lên kháng-cáo ở tòa phúc-thẩm được.

Tòa đệ-nhất-thẩm lại được tái-thẩm những án của các tòa-án sơ-cấp, các tòa công-sự-lai-phán (*conseils de prud'hommes*) cùng những lời trung-tài quyết-nghị (*décisions arbitrales*) về các việc tố-tụng đáng lẽ thuộc quyền tòa sơ-cấp được xử.

Ngoài các viên-chức của tòa-án còn có một hạng người nữa tuy không phải là quan-lai, nhưng cũng có chức-quyền trong luật định cho và được phép giúp việc cho người đương-sự cùng cho tòa-án : hạng ấy là các thầy trạng-sự (*avoués*), mõ-tòa (*huissiers*), các viên coi công-văn (*notaires*), các viên coi việc đấu-giá (*commissaires-priseurs*), gọi tổng-danh là hạng công-lai của tòa-án (*officiers publics ou ministériels*) ; cùng các thầy-kiện hay là hộ-biện-sự (*avocats*).

6. — *Nói về chức trạng-sự (avoués).* — Trước tòa-án dân-sự, người đương-sự không thể thân-hành đến đối-dai được ; phải cử trạng-sự thay mặt. Cho nên người nào nhận được trật đòi ngày ấy ngày nọ phải ra tòa mà đình-nhật cứ thân-hành ra tòa thời cũng coi như là không có mặt vậy. Vậy khi tiếp được trật đòi hay là khi mình muốn kiện ai ở trước tòa-án dân-sự, thời phải nhờ một người trạng-sự, thay mình mà lo-liệu các việc cho hợp thể-thức.

Chức trạng-sự do sắc-lệnh quan Giám-quốc bổ-nhiệm. Muốn nhận một phòng trạng-sự (*étude*) thời phải trả bồi-khoản cho người mình kế-nghiệp. Quan Tư-pháp tổng-trưởng, trước khi trình lên một người cho quan Giám-quốc bổ-nhiệm thời phải tra xét xem người ấy có đủ tư-cách, nghĩa là đủ học-thức, đủ danh-giá không. Khi đã được bổ-nhiệm rồi thời thuộc về hội

đồng-nghiệp mình và quan chức-ng-lý giám-đốc, nếu phạm lầm-lỗi gì thời hội đồng-nghiệp có quyền trừng-trị, tòa-án được phép bắt tội, như thế tưởng cũng là đủ gìn-giữ cho những người có việc phải nhờ đến các viên ấy giúp vậy.

Nhiều người vẫn thường bác sự đặt ra trạng-sư là phiền-phí, nhưng phải biết rằng pháp-luật hay phiền-phức, thủ-tục hay lời-thối, người có việc ra tòa không có người đưa đường chỉ lối cho thời như vào chỗ mê-li, biết thế nào mà hành-động, có khi sơ-suất mà mắc oan cũng nhiều. Và lại tiền công cho trạng-sư sánh với tiền lệ-phí phải nộp cho Nhà-nước bất-quá chỉ một phần nhỏ, không gọi là phiền-phí được, và tiền công ấy cũng lại do quan tòa định giá, thời không sợ đòi lạm được. Sau nữa, cứ xét ngay ở tòa sơ-cấp, thủ-tục giản-dị hơn nhiều, không có lệ đặt trạng-sư, mà người đương-sự nhiều khi cũng còn phải nhờ tay thạo việc đến đối-nại hộ mình, thời đủ biết sự đặt trạng-sư không phải là vô-ích.

Khi phiên tòa thời trạng-sư cũng mặc áo đen như thầy-kiện, nhưng không có cái vạt vắt qua lên vai tay trái như thầy-kiện.

7. — *Mỗ-tòa.* — Mỗ-tòa là những viên-chức coi về việc thông-đạt các công-văn cùng giấy-má về việc án cùng các việc tòa-án phải giao-thiệp với người ngoài. Bỏ-nhiệm cũng do sắc-lệnh, và cũng phải thuộc quyền giám-đốc của hội đồng-nghiệp mình và của quan Chức-ng-lý; khi nào phạm pháp-luật thời tòa-án có phép bắt tội được.

Khi phiên tòa được mặc áo đen.

8. — *Viên coi việc đấu-giá.* — Là những viên-chức coi việc đánh giá và bán những đồ vật bất-động-sản. Ở nơi châu-thành sở-tại huyện nào thời được quyền riêng đánh giá các đồ vật

và bán đấu-giá công-đồng trong châu-thành ấy, còn ở khắp huyện-hạt thời phải chia quyền ấy với các viên-chức giữ công-văn, mỗ-tòa và lục-sự khác (trừ ở châu-thành nào đã có một viên đồng-chức khác thời thôi).

Cách bỏ-nhiệm và giám-đốc cũng giống như các viên công-lại khác.

9. — *Viên coi công-văn.* — Là những viên-chức coi việc thâu-nhận cùng bảo-lồn các công-văn khế-ước của người đương-sự đem đến gửi hoặc cần phải gửi để cho thành chứng-thư đích-thực. Lại được quyền phát những giấy nhận-thực về tài-sản, về sinh-mệnh, về căn-cước, làm sổ tịch-biên, nhận giữ hộ các giấy-má (chúc-thư, v. v.). Cũng có khi tòa-án ủy quyền cho đi kiểm sổ-sách các nhà hàng, kết-toán và phân chia các tài-sản, cùng bán tịch-ký các nhà cửa.

Luật cấm các viên công-văn không được làm những việc buôn tiền bán bạc, không được cho vay cho đợ bằng nhà-cửa, bằng trái-khoản, không được lấy cách lý-tài mà can-thiệp vào những việc người ta nhờ mình trông-nom. Sắc-lệnh ngày 30 tháng giêng năm 1890 lại cấm không được nhận tiền-bạc để đặt lãi, không được lợi-dụng những tiền người ta gửi mình để dùng về việc gì hoặc để đặt vào kho ký-quĩ, dẫn lợi-dụng tạm-thời cũng không được; không được cho những người phụ-biên (*clercs*) mình can-thiệp vào các công-văn, khi nào cho thời phải có giấy ủy-quyền riêng. Song luật không cấm những viên ấy được quản-lý gia-tài hộ người ta, và thay thâu-nhận các thuế lĩnh-trung, v. v.

Các viên công-văn cũng do sắc-lệnh quan Giám-quốc bỏ-nhiệm, và đến kế chẵn ai thời phải trả tiền bồi-khoản cho người ấy; lại phải có tập sự ít lâu và phải qua một kỳ thi riêng thời mới được lĩnh chính-chức. Cách giám-đốc cũng như các công-lại khác.

nhưng lại còn có trách-nhiệm riêng nữa, như khi làm công-văn kế-ước mà sai-lầm hoặc trái phép, khiến cho giấy-má không có công-hiệu, tổn-hại cho người đương-sự, thời tòa có thể bắt tội được. Lại như khi cầm-đợ cửa nhà, nếu viên công-văn chỉ thay người đương-sự mà làm giấy thôi, thời việc vay nợ đó sau thế nào không có can đến mình, duy chỉ có khi tự mình sao-lãng không kiểm-điểm văn-tự văn-kế cho kỹ, sau đến lỗi-thời thời mới phải trách-nhiệm mà thôi. Nhưng nếu viên công-văn có can-thiệp vào sự thương-thuyết cho vay, hoặc có tư-cách thay mặt cho người đương-sự, thời bấy giờ nếu có lỗi-thời tòa-án có thể trách-cửu được.

Giá-ngạch tiền công cho viên công-văn thời đã do sắc-lệnh ngày 25 tháng tám năm 1898 định sẵn. Viên công-văn nào cũng phải yết giá-biểu rõ-ràng cho khách biết. Khi có phân-tranh thời do quan Chánh tòa-án định giá.

10. — *Thầy hộ-biện (thầy-kiện)*. — Thầy-kiện thời được quyền cãi, nghĩa là ra trước mặt tòa bày nói các lẽ để bênh-vực cho người khách mình có can vào một việc tố-tụng hay là việc án gì. Thầy-kiện phải có bằng luật-khoa cử-nhân và phải có tuyên-thệ trước khi nhập-nghiệp (*serment professionnel*). Các thầy-kiện ở cùng một tòa-án hay là một pháp-viện thời họp thành một hội gọi là « hộ-biện tịch » (*barreau*). Thầy-kiện cũng có tên trong một « tịch » thời do hội đồng-nghiệp mình giám-đốc, nhưng ở những tòa-án nhỏ không có tới sáu viên thầy-kiện thời do tòa-án giám-đốc. Hội đồng-nghiệp có quyền trừng-phạt những viên nào phạm kỹ-luật của Hội, nghị-định trừng-phạt ấy có thể đệ ra tòa án phúc-thẩm được. Trong hội

công-cử một người để cai-quản công-việc chung, chức ấy gọi là chức « tịch trưởng » (*bâtonnier*). Tòa-án nào không có hộ-biện-tịch thì lâm-thời trạng-sư (*avoués*) cũng có thể ra tòa cãi được.

Không nên lẫn những thầy-kiện « nội-tịch » là thầy-kiện có chân hộ-biện-tịch và phải theo kỹ-luật riêng của hội mình, với thầy-kiện « ngoại-tịch » (*avocats libres*), hay là thầy « biện-sự » (*agents d'affaires*) là những tay chạy việc hộ người ta, không thuộc vào hội nào mà cũng không có kỹ-luật gì.

11. — *Mấy điều sơ-lược về thủ-tục ở các tòa-án dân-sự*. — Đây không thể nói tường về thủ-tục ⁽¹⁾ ở các tòa-án dân-sự được, vì thủ-tục ấy phiền-phức lắm, dẫu nói qua cũng phải đến quyển sách mới hết được. Và lại ta phải nhớ rằng người nào có việc kiện-cáo gì không cần phải tự mình chăm-chước thủ-tục, việc ấy là thuộc về các viên trạng-sư, mình có sự gì can-thiệp với tòa cứ đến hỏi, nói rõ ý-kiến cho biết, rồi người ta tùy-nghĩ khuyên-bảo và vận-động cho mình.

Song cho được hiểu những cách vận-động cùng lời khuyên-bảo của trạng-sư thời cũng cần phải biết đại-khái cái trình-thức một việc kiện-cáo ở tòa thế nào cùng những danh-từ riêng thường dùng trong các giấy-má.

Trước khi thành việc kiện thời đầu-tiên phải dự hòa-giải (*préliminaire de conciliation*), trừ khi nào người đương-sự là người vị-thành-niên, người mất công-quyền, không đủ tư-cách, hoặc khi nào việc cần-cấp không thể trì-hoãn được, thời không kể. Hòa-giải là quan án sơ-cấp gọi hai bên lên để xử-hòa cho khỏi thành việc kiện. Chắc rằng trong hai bên, bên nào

(1) *Thủ-tục* 手續 = là gồm những thể-thức phải theo về việc án, từ khi tòa thụ-lý cho đến khi tòa kết án — PROCÉDURE.

trường mình có lý mà không thu-phục được hoàn-toàn cái quyền-lợi của mình, thời cũng đáng tiếc thật, nhưng ngôn-ngữ đã có câu: « xử hòa mà có thiệt còn hơn kiện-cáo mà được hơn » (*une mauvaise transaction vaut mieux qu'un bon procès*), câu ấy tưởng cũng có một phần lẽ phải vậy. Và lại dẫu trạng-sư thầy-kiện cần-mẫn siêng-năng thế nào mặc lòng, một việc kiện cho được giải-quyết xong bao giờ cũng phải lâu ngày lắm, một là bởi trong luật tố-tụng có đặt ra kỳ-hạn không thể vượt qua mà làm mau được, hai là các tòa-án thường có khi nhiều việc quá cứ lần-lượt mà xử thời phải đến mấy tháng mới hết được; sau nữa nếu tòa dưới xử không ưng mà cứ lần-lượt kháng-cáo lên mãi, tự sơ-cấp lên đệ-nhất-thẩm, tự đệ-nhất-thẩm lên phúc-thẩm, tự phúc-thẩm lên thượng-thẩm, thời thường đến mấy năm không xong.

Trước khi khởi ra kiện-cáo hay là trước khi nhận hòa-giải cho xong việc, thời bao giờ cũng nên hỏi những tay nhà nghề thạo việc như trạng-sư cùng thầy-kiện có chân bộ-biên-tịch để người ta khuyên-bảo cho nên làm thế nào là hay là lợi. Người nghèo không thể thuê trạng-sư thầy-kiện được thời có thể làm đơn xin tòa cử người giúp (*assistance judiciaire*), hoặc có nhiều thầy-kiện vẫn sẵn lòng giúp không cho những người không có sức lo được (ở nhiều tỉnh-thành lớn có đặt ra những sở thầy-kiện không mất tiền cho người ta đến tư-vấn).

Giấy khởi đầu việc kiện, đòi người dương-sự lên tòa, gọi là giấy « trát gọi » (*ajournement ou assignation*). Giấy ấy do mõ-tòa đưa; lời giấy phải làm theo pháp-luật và phải kê rõ-ràng người nào là người đứng cáo, người nào là người bị cáo, việc kiện là việc gì và kiện tại tòa-án nào.

Kiến tại tòa-án nào thời phải phân-biệt như sau này :

Về người (*matière personnelle*), như khi tôi kiện một người nợ tiền tôi, thời phải kiện ở tòa-án chỗ trụ-cư người ấy.

Về tài-sản (*matière réelle*), như kiện về một cái nhà hay cái đất ở Hải-phòng, thời phải kiện ở tòa-án Hải-phòng, dù chỗ trụ-cư của người kiện hay là người bị kiện ở đâu mặc lòng.

Về việc tạp (*matière mixte*), nghĩa là vừa thuộc về người, vừa thuộc về tài-sản, như kiện một người để bắt người ta phải bán một cái tài-sản gì, hay là kiện người mua mà không trả đúng giá, thời phải kiện ở tòa-án nơi bên bị có trụ-cư, hoặc nơi có cái tài-sản ấy.

Khi nào kiện về người mà kiện nhiều người, thời được tùy ý chọn tòa-án nơi trụ-cư của một người nào trong mấy người ấy cũng được.

Về việc kế-thừa di-sản (*succession*), hề cái di-sản ấy chưa chia, thời thuộc về tòa-án nơi người chủ chết có quyền thẩm-phán.

Sau hết, hoặc khi hai bên đã có làm khế-ước mà trong khế-ước ấy đã nói rõ-ràng hai bên thuận chọn lấy một nơi nào làm trụ-cư (*d'icelle élu*), thời hề có xảy ra việc tranh-tụng cứ đem lên tòa-án ở nơi ấy xét-xử.

Nếu bên bị không có trụ-cư hoặc ngụ-cư ở địa-hạt nước Pháp, thời việc kiện đem lên tòa-án bên nguyên.

Trát gọi đã phát đi rồi, thế là việc kiện bắt đầu từ đấy. Bên nguyên chắc đã có một người trạng-sư rồi, vì trong trát phải biên tên trạng-sư. Bấy giờ bên bị phải làm thế nào? Có hai cách như sau này :

Một là bên bị không trả lời, không mượn trạng-sư thay mặt. Khi ấy thời bên nguyên nhờ trạng-sư mình (vì không có thể chính-thân ra nói được) yêu-cầu với tòa xử cho mình được,

vì rằng bên bị không xuất-tịch thời tra-hồ như đã nhận rằng lỗi tại mình rồi. Bấy giờ tòa-án xử án « khuyết-tịch », nghĩa là bên bị không có mượn trạng-sư ra thay.

Hai là bên bị mượn trạng-sư. Nhưng khi ấy cũng có lẽ trạng-sư bên nguyên không đến đề mà yêu-cầu, thời bấy giờ bên bị cũng có thể xin tòa xử khuyết được; khuyết ấy gọi là « hư-khuyết » (*défaut congé*).

Nay ta giả-thiết việc cứ tuần-tự theo lệ thường, bên nguyên xin tổng trát đòi, bên bị mượn trạng-sư chống. Nhưng đây lại phân-biệt ra hai hạng việc, một hạng « việc thường » (*affaires ordinaires*) và một hạng « việc giản » (*affaires sommaires*), mỗi hạng thủ-tục có khác nhau.

Việc « thường » là những việc trong luật chưa giảm bớt thủ-tục, phải cứ theo như lệ thường mà làm. Trạng-sư bên bị thông-đạt cho trạng-sư bên nguyên biết cách mình định chống-cãi thế nào, rồi trạng-sư bên nguyên trả lời lại, giấy ấy gọi là giấy trạng-sư thông-cáo lẫn nhau (*acte d'avoué à avoué*). Giấy ấy phải viết chữ thật to, gọi là giấy đại-tự (*actes grossoyés*). — Phần thủ-tục này phiền-phức và vô-ích lắm, đã có nhiều nhà làm sách xin bỏ đi cho bớt lời-thôi. — Đến khi đệ việc lên tòa thời trạng-sư bên nguyên làm một tờ « cáo-trạng » (*placet*), nói rõ sự mình yêu-cầu thế nào, tờ cáo-trạng ấy giao cho viên lục-sự biên vào sổ thụ-lý của tòa-án. Tòa-án nào có chia ra nhiều bộ hay nhiều ban, thời việc thuộc về bộ nào ban nào lại phải biên vào sổ ban ấy bộ ấy. Xong rồi tòa-án mới lần-lượt trích các việc trong sổ ra và biên vào cái biểu những việc phải xử. Bấy giờ viên trạng-sư nọ mới mời viên trạng-sư kia ra phiên tòa để hai bên đối-kết; giấy mời ấy gọi là giấy « thỉnh-lai » (*avenir*). Đối-kết là hai bên đều làm mọi bên một tờ kết-luận kê rõ các phương-cách dùng để chống

giữ quyền-lợi của mình, tờ ấy bên nọ trao lẫn cho bên kia. Khi việc đem ra phiên tòa, nếu có thể xử ngay được, thời cho hai bên đối-nại; nếu không thời tòa-án truyền cho đệ-thẩm trước đã, thí-dụ như phái riêng một quan tòa để điều-tra về việc ấy. Ngoại-giả nếu có xảy ra sự lời-thôi gì nữa (như phản-đối về quyền-hạn, xin thêm xin bớt, v. v..) thời tòa-án cũng phải lần-lượt xét cho xuôi hết, rồi mới xử đến cốt việc. Lắm khi vì những sự lời-thôi đó mà một việc kiện diên-man đến vô-cùng. — Sau này ta sẽ xét cách xử án thế nào.

Việc « giản » là những việc hoặc nhỏ-nhặt, hoặc giản-dị, hoặc cần-cấp mà trong luật đã cho phép giảm bớt thủ-tục thường đi, như kháng-cáo về các án tòa sơ-cấp, yêu-cầu sự gì có văn-tự phân-minh không ai tranh-danh, hay là không có văn-tự hoặc văn-tự có người dị-nghị mà giá-ngạch không quá 1500 quan tiền gốc hay là 60 quan tiền lãi. Phạm những việc như thế thời các giấy-má phiên như trên, giảm hết cả, chỉ một tờ « thỉnh-lai » là đủ cho hai bên ra đối-nại trước tòa. Nếu cần phải điều-tra sự gì thời điều-tra ngay ở phiên-tòa, và những lời người chứng thời chỉ khi nào việc có thể đem lên kháng-cáo ở tòa phúc-thẩm mới cần phải ghi chép mà thôi.

Trênkia ta đã nói rằng chức-chưởng-lý là để khép cho phải tuân theo luật-pháp và giữ-gìn quyền-lợi cho những người không đủ tư-cách. Vậy quan chưởng-lý bao giờ cũng có quyền can-thiệp vào việc án, và ở giữa phiên tòa có thể đứng lên tỏ ý-kiến hoặc yêu-cầu sự gì cũng được; nhưng có nhiều việc thời bút-lục tất phải thông-tư cho quan chưởng-lý biết, như thuộc về những người vị-thành-niên, người mất công-quyền, dân-bà có chồng, hay là thuộc về các « chợ » (*communes*), các « pháp-nhân » (*personnes morales*).

Phiên tòa bao giờ cũng phải đặt công-đồng, nhưng tòa-án có thể đặc-cách bắt đóng cửa cấm người ngoài đến xem được (*huis clos*), như khi nào xử việc gì thành tai-tiếng hoặc sinh náo-động.

Khi kháng-cáo thời hai bên đọc tờ kết-luận, rồi thầy-kiện cãi ; xong rồi quan chưởng-lý đọc kết-luận, bấy giờ thầy-kiện không được nói nữa, khi ấy tòa-án mới bàn-nghị : thường-thường những việc tầm-thường thời mấy ông quan-tòa bàn nhỏ với nhau, rồi quan Chánh tòa tuyên-án tức-thì ; nhưng nếu việc cần phải xét kỹ hơn, thời tòa-án định hoãn đến phiên sau : bấy giờ gọi là việc lưu đề bàn - nghị (*mise en délibéré*). Khi nào việc khó, tòa cử một quan án xét riêng để làm tờ báo-cáo định đến một phiên sau xử thời khi ấy gọi là lưu đề bàn-nghị theo lời báo-cáo (*délibéré sur rapport*). Quan án làm tờ báo-cáo ấy chỉ được tóm tắt đầu đuôi các việc cho rõ ràng, không được nói ý-kiến riêng của mình. Tự đây thời thầy-kiện không được quyền cãi nữa ; nếu có dị-nghị điều gì thời chỉ được phép làm giấy trình quan Chánh tòa thôi.

Trở lên là những cách thủ - tục thường. Nay còn có mấy cách thủ-tục đặc-biệt, kể qua như sau này.

a) Dự-thẩm bằng giấy. — Có nhiều việc cứ chiếu lời cãi của thầy - kiện hai bên chưa đủ xử được (như những việc kết-toán các số-sách). Khi ấy thời tòa-án truyền phải dự - thẩm bằng giấy (*instruction par écrit*), hai bên phải trao đơn cho nhau và để các giấy-má làm chứng-cớ ở buồng lục-sự. Rồi đến đình-nhật thời quan án báo-cáo ở giữa phiên tòa, quan chưởng-lý kết-luận, tòa-án châm-chuốt mà kết án.

Phạm những việc về thuế trước-ba (*droits d'enregistrement*), về thuế gián-tiếp (*contributions indirectes*), thời thế-lắt phải theo cái thủ-tục như thế.

b) Hội-nghị. — Khi nào tòa-án không bàn-nghị ngay giữa phiên tòa thời các quan vào họp trong một cái phòng riêng, gọi là phòng hội-nghị. Lại có nhiều việc riêng không xử theo thủ-tục thường mà thuộc về «thủ-tục hội-nghị» (*jurisdiction de la chambre du Conseil*), thời tòa-án cũng phải họp vào buồng hội-nghị mà xử (*en chambre du Conseil*). Đại-khái như những việc thăm-giám không có người phản-đối (*jurisdiction gracieuse*), như chữa lại một cái giấy sinh-tử giá-thú, chuẩn-nhận một cái giấy căn-cước để thay giấy khai-sinh, duyệt-y những lời hàn-định của gia-tộc hội-nghị, v. v. Lại có nhiều việc tuy cũng là việc tố-tụng, cũng có bên nguyên bên bị, nhưng hoặc người đương-sự muốn giữ kín, không muốn để công-nhiên cho thiên-hạ biết, như việc mất phụ-quyền, việc cải-án biệt-cư ra án li-hôn, việc bảo-hộ cho con trẻ bị cha mẹ bỏ, v. v., phạm những việc ấy thời xét-xử trong hội-nghị, không đem ra phiên tòa. Tuy vậy cũng có khi tuyên-án ở chỗ phiên tòa công-đồng.

c) Cấp-thẩm (*référés*). — Cấp-thẩm là một cái thủ-tục rất giản-dị và rất mau, khi nào cần-cấp trong khoảng một giờ có thể quyết-định được ngay. Nhưng sự quyết-định đó là tạm-thời mà thôi, và không quan-hệ đến chính việc tố-tụng. Tỉ như khi thi-hành một cái án, tịch-ký một cái nhà, mà xảy ra sự bất-kỷ, như chủ nhà không để cho vào nhà, v. v., thời quan án có thể cấp-thẩm mà quyết-nghị ngay được.

Có hai cách cấp-thẩm : một là «chiều cáo-trạng cấp-thẩm» (*référés sur placet*), hai là «chiều biên-bản cấp-thẩm» (*référés sur procès-verbaux*), cách trên là khi nào người đương-sự yêu-cầu một việc gì cần-cấp, cách dưới là khi nào đương thi-hành một cái án mà gặp sự gì ngăn-trở phải giải-quyết ngay.

Khi nào cấp-thẩm thời không phải cả tòa-án quyết, chỉ có một mình quan Chánh tòa thôi (hay là quan án nào thay quan Chánh tòa). Bên nào yêu-cầu thời xin trát đòi bên kia đến ngày nào tòa có phiên cấp-thẩm phải ra ; có khi cần-cấp thời được phép quan Chánh tòa trát đòi giờ nọ sang giờ kia được, hoặc cũng có khi cần-cấp lắm thời hai bên nguyên bị tự thân-hành ra tòa, không cần phải trát đòi nữa. Lại có khi đương niêm-phong (*opposition de scellés*) nhà-cửa hay đồ-vật gì mà xảy ra việc bất-kỳ, thời quan Chánh tòa có thể cho đòi hai bên mà quyết-xử ngay ở nhà mình được.

Lệnh cấp-thẩm (*ordonnances de référé*) có thể thi-hành tạm ngay được, khi cần-cấp thời thi-hành ngay ở bản-thảo (*sur minute*) được, nghĩa là không cần phải sao-lục vội. Lệnh cấp-thẩm không thể phản-đối được. Nếu người phải đòi đến cấp-thẩm mà không đến thời quan cứ xử, lệnh xử ấy không thể phản-đối được, nhưng có thể kháng-cáo, hạn kháng-cáo là mười-lăm hôm kể từ ngày thông-đạt.

Thủ-tục này thời không cần phải mượn đến trạng-sur như các cách trên kia, nhưng thường - thường người đương-sự cũng vẫn mượn, vì không mấy người thuộc lẽ-luật lắm cho có thể tự mình cáo-tố cho hợp-cách được.

— Nay ta nói đến cách vưng-án. Vưng-án có nhiều cách, đại-khái như sau này :

a) Án khuyết-tịch (*jugements par défaut*) là án xử về một người khi ra phiên tòa không có trạng-sur thay mặt. Nếu người bị trát đòi không mượn trạng-sur thời gọi là « khuyết-tịch vì không ra mặt » (*défaut faute de comparaitre*) ; nếu có mượn trạng-sur mà trạng-sur không ra kết-luận thời gọi là « khuyết-tịch vì không kết-luận » (*défaut faute de conclure*).

Khi « khuyết-tịch vì không ra mặt » thời tòa-án phải mời viên mô tòa để thông-đạt án ấy cho bên bị. Bên bị có thể phản-đối (*former opposition*), nghĩa là cáo rằng mình không chịu để thi-hành án ấy, và xin tòa án xét lại lần nữa. Phản-đối thời hoặc phải khai vào giấy biên-bản, hoặc phải nhờ mô tòa làm giấy. Hạn phản-đối có thể lời ngày nào án thi-hành rồi mới thôi. Nhưng phải nhớ rằng phạm án khuyết-tịch (vì không ra mặt) phải thi-hành trong hạn sáu tháng, ngoài hạn ấy thời án không có công-hiệu nữa ; nhưng cái thủ-tục vẫn còn và có thể lại tái-khởi được. Khi nào khuyết-tịch vì không kết-luận, thời án thông-đạt cho trạng-sur, và hạn phản-đối được có tám ngày.

Khi nào bên phản-đối (bất-cử phản-đối vì khuyết-tịch không ra mặt hay là khuyết-tịch không kết-luận) đến phiên tòa xét đơn phản-đối cũng không ra mặt, thời tòa lại xét khuyết-tịch lần nữa, và lần này thời không thể phản-đối được nữa.

Án khuyết-tịch trong hạn tám ngày sau khi thông-đạt hay là sau khi đầu đơn phản-đối, chưa thể thi-hành được, trừ khi tòa-án có lệnh cho thi-hành tạm thời không kể.

b) Án khuyết-tịch khi bên bị có nhiều người. — Khi bên bị có nhiều người mà trong những người ấy có người không ra mặt, thời tòa-án xử khuyết-tịch, nhưng truyền những người vắng mặt phải trát đòi lần nữa, thế gọi là « khuyết-tịch vì không đủ người » (*défaut profit-joint*). Nếu những người bị trát đòi lần nữa mà cũng lại không ra, thời bấy giờ xử khuyết-tịch hẳn, những người ấy không có phép phản-đối được nữa.

c) Án đối-tịch (*jugements contradictoires*). Nếu người bị trát đòi có mượn

trạng-sự và trạng-sự có ra kết-luận, thời án xử gọi là « án đối-tịch ».

Trước khi kết án để quyết hẳn việc phân-tranh, tòa-án có thể kết án trước về những việc phụ-thuộc nhân việc chính sinh ra, hoặc có thể truyền tra-cứ cho đến nơi đến chốn ; những án ấy gọi là án « vị-quyết » (*avant faire droit*).

d) Án vị-quyết. — Án vị-quyết có nhiều hạng :

Một là « án tạm-thời » (*jugements provisoires*), nghĩa là những án không quan-hệ đến chính việc tố-tụng và chỉ giải-quyết một cái vấn-đề phụ-thuộc ở ngoài và cần phải quyết ngay không thể để lâu được ; tỉ như đương khi việc kiện li-hôn chưa xử xong, phải giải-quyết cái việc cấp-lương cho người đàn-bà trước.

Hai là « án dự-bị » (*jugements préparatoires*), là những án để giúp cho việc thẩm-cứu, như án truyền phải đem nộp giấy-má tại tòa, truyền kiểm-điểm sổ-sách, truyền chất-vấn về việc gì, v. v.

Ba là « án trung-gian » (*jugements interlocutoires*), là những án để dự-quyết việc phân-tranh, tỉ như đương xét một việc kiện li-hôn, kết án truyền phải tra-cứu xem người chồng có thật đánh người vợ không, nếu rõ chứng-cớ rằng người chồng có đánh người vợ thật thời thế là dự-quyết việc li-hôn rồi. Nhưng tòa-án không có bị bó-buộc vì đó, ví như tuy có chứng-cớ rằng người chồng có đánh người vợ thật mà đánh không đau không nặng thời tòa cũng có quyền bác đơn li-hôn được.

e) Án quyết-nghị (*jugement définitif ou à fond*), là án quyết-xử ngay cái vấn-đề cốt-yếu trong việc tố-tụng.

Hạng án ấy cũng như hạng trên, phải có sao-lục (*levé*), nghĩa là viên trạng-sự có phép đòi lục-sự phát cho

một bản sao đại-tự (*grosse*). Bản sao đại-tự là bản sao-lục thứ nhất của tờ án viết bằng chữ đại-tự, dưới có câu chuẩn thi-hành truyền cho các mõ-tòa phải đem ra thi - hành và cho binh-lực Nhà-nước làm-thời phải giúp sức.

Án do mõ-tòa thông-đạt cho người bị, hay là gửi đến chỗ trụ-cư người bị, hay là trao cho trạng-sự người ấy.

— Nói về các cách kháng-án. — Cách kháng-án có nhiều thứ : phản-đối (*oppositio*) và kháng-cáo (*appel*) là hai cách thường ; còn những cách đặc-biệt thời có : ngoại-nhân phản-đối (*tierce opposition*), đầu đơn xin cải (*requête civile*), thượng-cáo Thượng-thẩm (*pourvoi en cassation*), cáo-tố thẩm-quan (*prise à partie*).

Trên kia xét về các án khuyết-tịch đã nói cách phản-đối rồi, không cần phải nhắc lại nữa. Nay nói lần-lượt đến các cách khác, trước nhất là cách kháng-cáo.

a) Kháng-cáo là đem việc lên tòa-án trên (như án kết ở tòa án dân-sự thời đem lên tòa phúc-thẩm) để xét và xử lại, cứ sự - thực cứ pháp-luật, theo như tòa-án trước đã xét.

Hạn kháng-cáo là hai tháng kể từ ngày thông-đạt án cho người bị án hay là gửi đến chỗ trụ-cư người ấy. Người xin thông-đạt (tức là người được án) nếu muốn giữ quyền kháng-cáo về sau phải khai trước. Bên đầu-đơn kháng-cáo gọi là bên « đứng kháng » (*appelant*), bên bị kháng - cáo gọi là « bị kháng » (*intimé*). Người « bị kháng » cũng có thể kháng-cáo lại được, mà không phải hạn ngày tháng, bao giờ kháng-cáo cũng được.

Trình-thức sự kháng-cáo thời như thế này. Bên nào muốn kháng-cáo phải mượn mõ - tòa làm trát gọi bên kia. Người kháng - cáo phải ký-quĩ một món tiền, nếu kháng - cáo thua thời mất. Bên kia phải mượn trạng-

sur thay đề kháng-cáo lại ; kháng-cáo ấy gọi « kháng-cáo phụ » (*appel incident*), đối với « kháng-cáo chính » (*appel principal*). Trong hạn 8 ngày sau án kết thì không được kháng-cáo ngay, là có ý phòng người thua kiện hoặc tức-khi mà kháng-cáo một cách khinh-suất chẳng. Song khi nào án có lệnh tạm thi-hành ngay, thời kháng - cáo không phải hạn nữa.

Trình-thức sự kháng-cáo như thế, công-hiệu thời như thế này. Có kháng-cáo thời sự thi-hành án phải đình lại, thế gọi là « kháng-cáo có sức đình án » (*l'appel et suspensif*) ; trừ khi nào có lệnh thi-hành tạm-thời thời không kể. Cái công-hiệu đình án ấy chỉ bắt đầu từ khi đầu-đơn kháng-cáo mà thôi ; song có nhiều việc không thể thi-hành án trong hạn kháng-cáo được, như việc li-hôn, việc giấy giả (*inscription de faux*), hay là khi án phải thi-hành đối với một người ngoài.

b) Ngoại-nhân phản-đối. — Cứ phép thời phạm án chỉ có giá-trị cho những người có phần vào việc kiện mà thôi, nghĩa là cho bên nguyên và bên bị. Song thắng-hoặc cũng có khi án ấy thiệt-hại đến một người trước không có tên trong việc kiện, tỉ như khi thi-hành án vì trùng tên mà lầm người bị án ra một người ngoài, hay là khi tòa án kết án một người mà người ấy lại có nợ một người khác, án ấy có thiệt-hại đến người chủ nợ kia ; hay là khi người chồng có nợ mà người vợ xin được tòa-án cho phân-li tài-sản để khỏi phải trả nợ cho chồng, án phân-li ấy có thiệt-hại cho các chủ nợ người chồng. Trong những trường-hợp ấy thời người ngoài bị thiệt-hại có thể kháng-án bằng cách « ngoại-nhân phản - đối ». Cách kháng-án ấy luật không định hạn. Kể từ ngày người ngoài ấy được biết án thiệt-hại cho mình, trong ba mươi năm lúc nào muốn đầu đơn phản-đối cũng được. Song về việc phân-li tài-

sản thời có hạn định một năm. — Cứ phép thời phạm ngoại-nhân phản-đối phải đầu đơn ở tòa-án đã kết cái án trước.

c) Đầu-đơn xin cải. — Trong mấy trường-hợp như điều 480 Luật Tố-tụng đã định, nhất là khi án có gian-giả hay là không hợp-thức, thời người đương-sự có quyền kháng-án bằng cách « đầu-đơn xin cải » được. Hạn kháng-án ấy là hai tháng, nếu là án đối-tịch thời kể từ ngày thông-đạt cho người bị án hay là gửi đến chỗ trụ-cư người ấy, nếu là án khuyết-tịch thời kể từ ngày hết hạn phản-đối.

d) Thượng-cáo Thượng-thẩm. — Những án đối-tịch đã chung-thẩm rồi và không thể kháng-cáo lên tòa phúc-thẩm, thời có thể thượng-cáo lên tòa Thượng-thẩm. Án khuyết-tịch chung-thẩm vì đã hết hạn phản-đối rồi cũng có thể thượng-cáo được ; nhưng người nào có quyền kháng-cáo lên tòa phúc-thẩm mà bỏ quá thời-hạn không kháng-cáo thời không được dùng cách ấy.

Phải có những nguyên-nhân như sau này mới thượng-cáo được :

1^o Án trước trái pháp-luật :

2^o Tòa-án trước không có quyền thẩm-phán hay là xử lạm-quyền ;

3^o Án trước không hợp những thể-thức mà trong luật đã định rằng hệ trái thời án vô-hiệu ;

4^o Khi nào cùng một việc hai bên đem ra kiện ở hai tòa-án mỗi tòa kết án trái nhau.

Tòa Thượng-thẩm không có xử lại hẳn việc kiện như tòa Phúc-thẩm, chỉ xét xem tòa-án trước xử việc đó có trái luật không, nếu trái luật thời phá cái án trước và giao về cho một tòa khác xử lại.

Thể-thức thượng-cáo như thế này. Bên nào muốn thượng-cáo thời phải mượn một người thay - kiện ở viện

Tham-chính hay là tòa Thượng-thẩm, người thay-kien ấy làm một cái đơn ký tên mình rồi đệ ở buồng lục-sự tòa ấy. Bao giờ cũng phải mượn thay-kien như thế, duy có về việc công-sự, việc bầu-cử, việc thu-mại điền-thổ, thời được đặc-cách không cần phải thay-kien mà thôi.

Người nào muốn thượng-cáo thời phải ký-quĩ một món tiền trước, hễ được thời trả lại, hễ thua thời mất; chỉ trừ quan tổng-chuồng-ly (*procureur général*), các sở công Nhà-nước và người nghèo thời không.

Hạn thượng-cáo là hai tháng kể từ ngày thông-đạt. Nhưng về việc số bầu-cử thời giảm xuống 10 ngày, về án thu-mại điền-thổ giảm xuống 15 ngày.

Về dân-sự thời thượng-cáo không định được việc thi-hành án; thượng-cáo không có công-hiệu đình án, trừ việc

li-hôn, việc giấy giả, cùng những án phạt công-khố Nhà-nước thời không kể.

— Tố-cáo thăm-quan không phải là một cách kháng-án, mà là một cách cáo-tố ông quan-án, hoặc vì hối-lộ, vì từ-chối không chịu xử, hay là vì không theo những thể-thức trong luật đã định về việc hình, làm thiệt-hại cho người đương-sự, khi ấy thời người bị thiệt có thể đòi bồi-tồn-hại, và xin tiêu án đi được. (Vấn-đề này các nhà làm sách còn đương nghị-luận phân-vấn, chưa có định-kiến).

Tố-cáo thăm-quan thời phải đầu đơn hoặc ở tòa Phúc-thẩm, hoặc ở tòa Thượng-thẩm, tùy cái chức-vị của ông thăm-quan bị tố-cáo.

Đó là lệ định như thế, nhưng thường-thường lệ này ít khi dùng đến.

(Còn nữa)

THƯỢNG-CHI

CÁI ÓC NGƯỜI TA

1. — Hình-thể và sinh-lý của óc

Óc là cái phần nở to của não-tủy các giống vật có xương-sống. Lúc mới phôi-thai thời nó là một cái bao nhỏ ở đầu ống xương-sống (*tube médullaire*), rồi sau lớn dần mà bành-trướng mãi ra, nhất là ở giống người ta. Óc là cái cơ-quan cao-thượng nhất và quan-trọng nhất của giống người vậy.

Các nhà giải-phẫu-học (*anatomistes*) đã nghiên-cứu về hình-thể óc tường-lắm, duy có môn sinh-lý-học (*physiologie*) về óc thời mãi đến gần đây mới có người chuyên-trị. Trước người ta vẫn tưởng-rằng óc là một-cái khối thuần-nhất và là nơi trung-tâm của trí-tuệ; nay mới phát-minh ra rằng óc có nhiều bộ-phận, mỗi bộ chủ một phần việc khác nhau, nghĩa là không phải

là một cái cơ-quan hồn-nhiên mà là gồm nhiều cơ-quan đặc-biệt vậy. Những « viên » óc (*cellules*) dùng về một việc gì thời không có tán-mạn mọi nơi mà tập-hợp lại từng bộ, gọi là « não-căn » (*centres*), có não-căn chủ sự cảm-giác, có não-căn chủ sự cử-động, có não-căn chủ sự tư-tưởng.

Óc nằm trong sọ, hình bồ-dục, mặt dưới phẳng. Trọng-lượng ở mỗi người một khác, nhưng cứ trung-bình thời óc đàn-ông cân được 1157 *grammes*, óc đàn-bà 995 *grammes*. Đã có sọ bọc ngoài, trong lại có ba lần da bọc nữa, lần ngoài áp sọ, gọi là « da dầy » (*dure-mère*), lần trong liền óc gọi là « da mỏng » (*pie-mère*), lần giữa có sắp nước gọi là « da mạng » (*arachnoïde*).

Óc chia ra hai phần bằng-bặn như nhau, gọi là hai « bán-cầu » (*hémis-*

phères) của óc, ở giữa có một cái thê da ráp (*corps calleux*) nối lại với nhau. Giữa hai bán-cầu, lại có một cái đuôi của lằn « da dầy » luôn cong vào trong như hình cái lưỡi liềm, gọi là « lưỡi liềm óc » (*faux du cerveau*).

Ở những giống hạ-đẳng-động-vật thời mặt trên óc phẳng-li, đến giống cao-đẳng-động-vật thời mặt óc có chỗ lồi chỗ lõm, chỗ lồi lên gọi là « vằn » (*circonvolutions*), chỗ lõm xuống gọi là « vũng » (*sillons ou scissures*). Xét những « vằn » óc thời biết cái chất xám của vỏ óc ở người ta phát-đạt lắm, vì « vằn » làm cho diện-tích chất ấy rộng thêm ra. Vằn ở óc người ta thời thật là phồn-thịnh lắm, mới coi trông như lúc-nhúc : ông GRATIOLLET là người trước nhất đã phân-biệt và hình-dung ra được những cái vằn ấy. Óc giống hầu không có vằn lắm như óc người ta, nhưng cũng tựa-hồ như cái phác-họa của óc người, cho nên nghiên-cứu óc con hầu có thể giúp dễ biệnbiệt những đường vằn đường vũng phiến-phức trong óc người ta vậy. Tuy những vằn cùng vũng ấy ở mỗi người một khác, khiến cho người này có cái tài-năng này, người kia có cái khiếu-thông khác, nhưng đại-đề thời cũng là đại-đồng tiểu-dị vậy.

Đó là mặt ngoài óc, trong còn phiến-phức hơn nữa. Nếu cứ theo mặt trên cái « thê da ráp » mà bề ngang cái óc ra thời thấy ở trung-tâm mỗi bán-cầu có một đám trắng gọi là « thê Viết-sơn » (*centre ovale de Vieussens*), chung-quanh có chất của vỏ óc bao-bọc. Nếu đem bóc cái « thê da ráp » ra thời thấy : ở đường giữa một mảnh chất trắng gọi là « thê tam-giác » (*trigone cérébral*) ; ở mỗi bên có hai cái hõm to gọi là « bao tả-hữu » (*ventricules latéraux*), trong bọc một thứ màng mỏng gọi là « da lót » (*membrane épendymaire*). Dưới « thê tam-giác », có một cái màng có mạch-quản chạy, hình

như mạng-nhện, nên gọi là « màng mạng-nhện » (*toile choroïdienne*), phần dưới cái màng ấy thời có một đường tia gọi là « tia quả tùng » (*glande pinéale*), vì hình giống như quả cây tùng. Sau hết, ở dưới nữa lại có một cái hõm thứ ba ở giữa, gọi là « bao giữa » hay là « bao thứ ba » (*ventricule moyen ou troisième ventricule*), có những lỗ thông với hai bao trên gọi là « lỗ Môn-lô » (*trous de Monro*).

Mỗi bán-cầu óc lại chia ra ba phần đặc-biệt nhau : 1^o phần vỏ, có sáu lớp bằng chất trắng và chất xám gián-cách nhau, chất xám nhiều hơn ; 2^o phần chất xám ở trong có « thê vạch » (*corps strie*) và những « lớp chân gân mắt » (*couches optiques*) ; 3^o phần chất trắng ở khoảng giữa phần vỏ xám với phần xám trong, có một cái thê như hình cái túi, gọi là « túi trong » (*capsule interne*), những sợi thịt (*fibres*) của cái túi ấy là do cái cuống óc (*pedon-cule*) mọc lên, sòe ra ở cái thê bờ-dục ở giữa như hình cái quạt, gọi là « vòng hoa sòe » (*couronne rayonnante*).

Những « viên » (*cellules*) ở trên mặt óc thời hình tháp (*pyramidales*), thân to và dần nhọn hướng ra ngoài mặt. Mỗi viên có một cái nhân (*noyau*) và những « hạt sắc-tố » (*grains pigmentaires*). Có viên to, có viên nhỏ khác nhau, nhưng lắm viên to quá khổ, gọi là những « viên đại » (*cellules géantes*).

Những sợi làm ra óc cũng cùng một thê-chất với các sợi tủy, không khác.

Máu đem lên óc bằng bốn cái động-mạch lớn : hai cái « mạch tim trong » (*carotides internes*) và hai cái « mạch óc sau » (*cérébrales postérieures*). Bốn cái mạch ấy tiếp-hợp với nhau, làm thành ra ở dưới chân óc một cái thê hình lục-lăng gọi là « Uy-li lục-lăng thê » (*hexagone de Willis*). Những vi-ti-huyết-quản do thê lục-lăng phát ra,

thực là những chi-lưu của bốn cái mạch lớn trên, thời hợp thành ra hai « hệ » (*systèmes*) khác nhau, một hệ thuộc về các vân ở ngoài, một hệ thuộc về các nhân ở giữa.

Hai hệ ấy tuy căn-nguyên cùng một nơi, mà tuyệt-nhiên không có thông-tiếp với nhau; hệ này bị hư-tồn, hệ kia không thể hỗ giúp được, không những hai hệ ấy, mà đến những bộ-phần của hai hệ ấy cũng vậy, thành ra nếu một cái huyết-quản nào bị tắc hay bị gãy thời cả phần óc thuộc về huyết-quản ấy tầm-thấm sẽ hư-hỏng hết. Những mạch quan-trọng nhất cho bệnh-học là : « mạch óc trung », nhất-danh là « mạch Sin-vi » (*cérébrale moyenne ou sylvienne*) và mạch đi qua cái « túi trong », ông Y-sĩ CHARCOT đặt tên là « mạch bệnh đứt mạch máu óc » (*artère de l'hémorragie cérébrale*). — Trở lên là nói về « động-mạch » (*artères*), nghĩa là những mạch máu đỏ, còn « tĩnh-mạch » (*veins*) là những mạch máu xám thời không có quan-hệ lắm; tĩnh-mạch thường chia ra mạch ngoài mặt và mạch trong sâu (*veines superficielles et profondes*), và đại-đề là thuộc vào các đường rỗng trong óc gọi là « cống óc » (*sinus cérébraux*).

Ấy đại-khái hình-thể và các bộ-phần trong óc như thế. Nay xét qua đến sự sinh-lý của óc. Thử lấy một con vật, cắt phần óc bỏ ra, thời con vật ấy không thể nào tự mình cử-động được nữa. Nếu mó vào, chạm vào, thời cũng có kích-thích mà khiến cho cử-động được, nhưng kích-thích thế nào thời tất phản-động lại như thế mà thôi. Tỉ như con ếch thời cứ nhầy liều nhầy bậy, có cái gì trướng-ngại không biết, đâm vào một lượt, lượt sau lại thế; con chim-câu thời vẫn bay, nhưng bay thiên bay theo, ngã xuống đâu không biết. Vì hãy còn cái tủy xương-sống nên phàm gặp kích-thích ở ngoài tất thân-thể có phản-

động lại (*mouvement réflexe*), nhưng sự kích-thích ấy không có tri-giác nữa, nên không còn sự gì là sự hành vi thuộc về ý-thức : cảm-giác, ký-ức, phán-đoán, v.v. đều mất cả. Người ta đã thí-nghiệm không cắt cả bộ óc, mà chỉ cắt từng phần một, hay là dùng sức điện để kích-thích, thời biết rằng cái nguồn-gốc mọi sự tri-tuệ, sự ý-chí của người ta không phải là ở trong toàn-thể óc mà chính là ở cái lớp vỏ óc (*couche corticale*), nghĩa là cái phần chất xám bọc ngoài vậy.

Trên kia đã nói rằng trong óc chia ra từng « não-căn » (*centres*), mỗi não-căn chủ một phần việc mà gồm cả toàn-thể thời làm ra thần-hồn người ta. Nay kể đại-khái các não-căn chia ra làm hai hạng :

1^o Não-căn chủ việc cử-động (*centres psycho-moteurs*) : a) não-căn để nhớ tiếng nói, ở về phần dưới cái vân thứ ba về bên tả trán, nhất-danh là « vân ông Bô-ca » (*troisième frontale gauche ou circonvolution de Broca*). Thuộc về tiếng nói lại còn có cái « não-căn để nhớ âm-thanh chữ » (*centre de la mémoire auditive des mots*), ở vào cái vân thứ ba ở thái-dương bên tả, vân ấy mà hư-hỏng thời quên đặc các âm-thanh chữ, gọi là bệnh « điếc chữ » (*surdité verbale*); cái « não-căn để nhớ hình-dạng chữ » (*centre de la mémoire visuelle des mots*) ở vào cái lá nhỏ ở phần dưới đỉnh đầu (*lobule pariétal inférieur*), lá ấy mà hư-hỏng thời trông chữ không sao đọc được nữa, gọi là bệnh « mù chữ » (*cécité verbale*); « cái não-căn để nhớ những sự cử-động trong khi viết » (*centre de la mémoire des mouvements de l'écriture*) ở vào phần dưới cái vân thứ hai về bên tả trán, vân ấy mà hư-hỏng thời không sao cất bút lên viết được, gọi là bệnh « tê viết » (*agraphie*); — b) các não-căn chủ sự cử-động ở trên mặt và ở tay chân, ở vào chia ba hai phần

trên của cái vắn trán và cái vắn đỉnh đầu trên.

20 Não-căn chủ việc cảm-giác (*centres psycho-sensoriels*): a) Não-căn của thị-giác (*centre visuel*) ở vào trên mặt cái lá ở trầm đầu (*lobe occipital*); b) Não-căn của thính-giác (*centre auditif*), ở về phần dưới vắn thứ nhì và thứ ba thái-đương; c) Não-căn của khứu-giác (*centre olfactif*), ở về phần trên vắn thứ hai nửa về thái-đương nửa về trầm đầu (*deuxième temporo-occipitale ou Hippocampe*); d) Não-căn của xúc-giác (*centre tactile*), để tiếp-xúc với các vật ngoài và cảm sự đau đớn, thời hiện nay chưa tìm được rõ là ở vào vắn nào lá nào.

Những sợi gân tự các não-căn ấy ra thời ở bên nào nối vỏ óc với cái cuống óc về bên ấy; nhưng đến sau vào đến « củ óc » (*bulbe*) và vào đến tủy, thời những sợi ấy chằng-chịt bên nọ sang bên kia, cho nên hề hư-tồn phần nào thời thành ra chứng tê gọi là « tê chẹo » (*paralysie croisée*), thí dụ như hư bên bán-cầu tả thời phần bán-thân bên hữu thành ra tê. Nhưng mà các đường gân ấy chạy trong óc thế nào, nhà y-học đã biết rồi, cho nên đương khi còn sống có thể chẩn-đoán mà biết được óc hư-tồn vào đâu vậy.

2- Các « não-căn » hành-động thế nào

Trong các não-căn kể trên kia thời quan-trọng nhất là cái não-căn chủ về ngôn-ngữ. Nay ta thử xét xem nó hành-động thế nào. Như khi ta lắng tai nghe thời sự nghe ấy ra làm sao. Nếu chỉ nghe những thanh-âm không có nghĩa-lý gì thời chắc là phàm người nào thân-thể kiện-toàn, hai bán-cầu óc đều có thể nghe được cả, nghĩa là đều có thể biên-ký được những thanh-âm ấy. Nhưng có một thứ thanh-âm riêng ta gọi là tiếng nói thời nghe không chưa đủ, phải vừa nghe mà vừa hiểu mới được, hai việc thật là khác nhau, vì

nhiều khi có nghe mà không hiểu, như nghe một người ngoại-quốc mỗi thời ta vẫn nghe nhưng ta không hiểu tiếng người ta nói thế nào.

Người ta đã từng nghiệm rằng những người hay dùng tay-phải thời cái khiếm hiểu nghĩa các tiếng nói là thuộc về bán-cầu tả của óc; có một phần trong bán-cầu ấy đã luyện-tập riêng để hiểu nghĩa những thanh-âm trong tiếng nói, phần ấy tức gọi là cái não-căn chủ về ngôn-ngữ (*le centre du langage articulé*). Nếu phần ấy bị hư-hỏng hay là vì có gì mà không dùng được, thời người bị bệnh ấy vẫn còn nghe được, vẫn còn thấu-nhận được các thanh-âm, nhưng khác nào như đứa con trẻ nghe mà không hiểu, hay là như một người nào nghe một thứ tiếng ngoại-quốc mình chưa học bao giờ vậy.

Thường trong khi nói chuyện, nếu mình không để ý vào câu chuyện thời có khi vẫn nghe thấy tiếng người ta nói mà không hiểu là nói chuyện gì; bấy giờ mới nói: « Xin ông thứ cho, tôi chưa nghe rõ ông nói gì », nhưng trước khi người ta nhắc lại cho mình nghe thời thốt-nhiên mình đã hiểu rồi. Thế là tại làm sao? Thế là tại cái thanh-âm câu chuyện tuy có cảm vào não-căn của thính-giác (*centre auditif*) mà không chuyển tới não-căn về ngôn-ngữ (*centre du langage*); bởi vậy nên cái óc của mình có nghe thấy tiếng mà không hiểu được nghĩa. Cách đây một giây đồng-hồ thời óc mới chú-ý vào câu chuyện, tiếng mới chuyển-động đến não-căn, thành ra thốt-nhiên mình mới nghe vỡ. Xét đó thời không những biết cách hoạt-động của cái óc thế nào, mà lại biết sự chú-ý quan-hệ là bao nhiêu, có chú-ý thì nghe mới hiểu được.

Như nói về âm-nhạc, nghe với hiểu, hai sự cũng khác nhau lắm, và chắc rằng trong bán-cầu óc chủ về sự ấy có hai cái căn riêng, một cái để nghe, một

cái đề hiệu âm-nhạc. Người ta đã nghiệm óc của mấy nhà soạn-nhạc trước-danh sau khi chết rồi, thời thấy có mấy đám « viên » (*cellules*) to hơn các đám khác, có lẽ đó chính là cái não-căn về âm-nhạc đã phát-đạt lắm vậy.

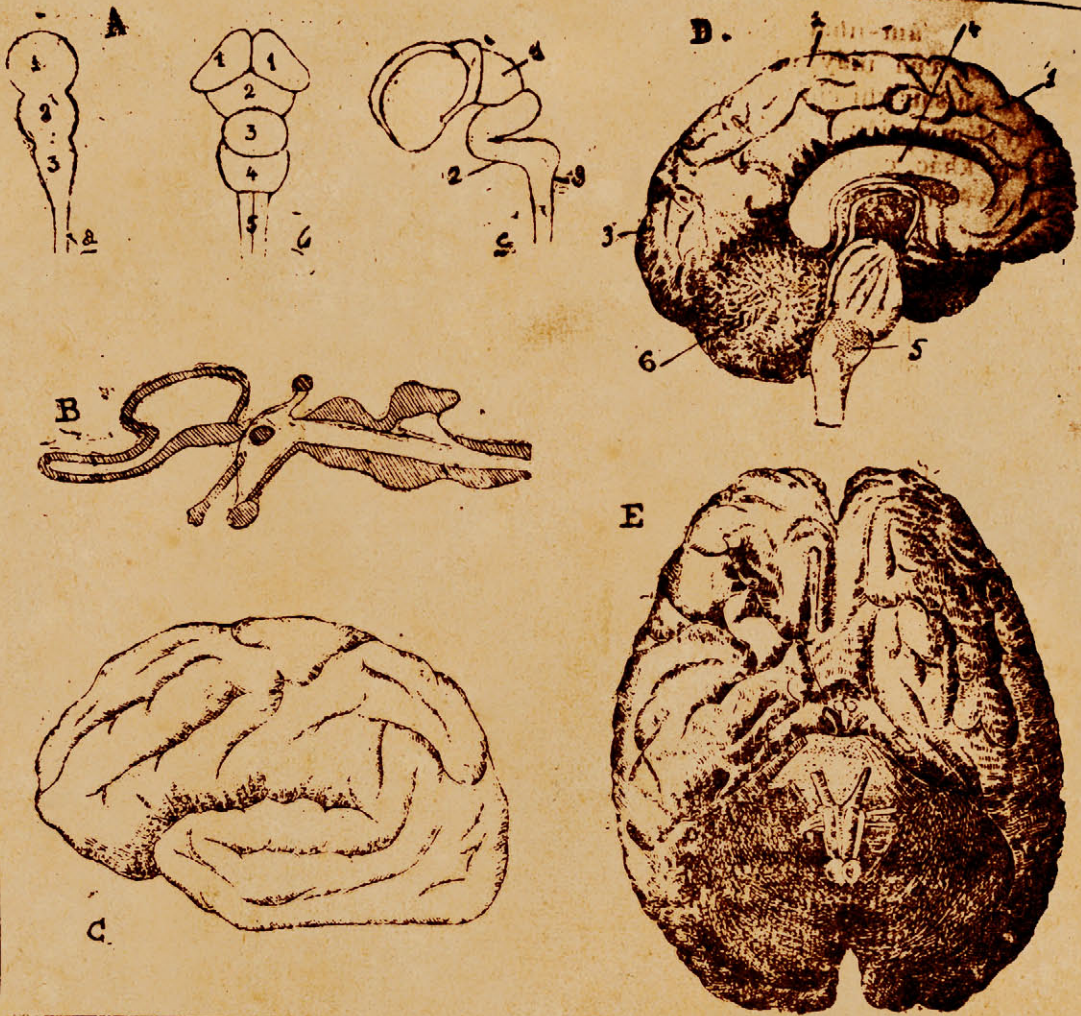
Muốn biết cái óc tác-dụng thế nào, hoạt-động làm sao, thời cần phải nghiên-cứu óc những hạng người lỗi-lạc hơn người; có khi những bậc tài-tri, những nhà bác-học trước-danh xin rằng sau khi chết rồi các nhà chuyên-môn cứ lấy óc mình ra mà xét. Những hạng người ấy thời dẫu chết cũng là có công cho nhân-loại, như trong khi còn sống vậy. Vì ta đã biết rằng mỗi người ấy bình-sinh có cái thiên-tài về sự gì, thời tử-hậu lại được xét óc người ta tất tìm thấy những đặc-sắc trong cái óc ấy và biết được cái thiên-tài của người ta căn-nguyên ở chỗ nào. Như ông GAMBETTA là một tay đại chính-trị, lại vừa là một nhà đại hùng-biến nữa; sau khi chết, có được xét óc ông ấy, thời thấy chính cái phần mà ta thường gọi là não-căn về ngôn-ngữ thật đã phát-đạt một cách khác thường vậy.

Tuy vậy mà cái chuyên-môn về não-học cũng vẫn hãy còn ở trong thời-kỳ phối-thai. Ta biết là gọi là biết đại-khái về cách hoạt-động của óc, nhưng đến giải cái nguyên-nhân sở-dĩ làm sao mà trong hai cái óc cái nọ khác cái kia như thế thời ta còn mang-nhiên chưa hiểu gì cả. Các tay chuyên-môn, các nhà y-học, vẫn thường nghiên-cứu về óc người, nhưng chỉ được xét óc những người tầm-thường, không có tài-năng gì lỗi-lạc, nên cũng không mấy khi phát-mình được sự gì mới lạ. Bởi vậy nên trên kia đã nói rằng muốn cho môn não-học tiến-bộ được thời phải xét óc những hạng người lỗi-lạc kỳ-khệt hơn người thường (bác-học, danh-sĩ, hiền-triết, tài-tử, v. v.) mới mong phát-mình được sự lạ.

Ngoài não-căn về ngôn-ngữ, lại còn não-căn về thị-giác (*centre de la vue*) cũng phát-đạt lắm. Trong hai bán-cầu óc thời đã biết rằng bán-cầu nào cũng trông nhìn các vật được, và cái não-căn về thị-giác là cái căn chung cả cho hai bên, nhưng lại nghiệm rằng phạm người hay dùng tay phải thời chỉ có bán-cầu tả là mới có cái căn thị-giác các chữ viết (*centre visuel des lettres*). Nếu cái căn ấy bị tổn-hại hay hư-hỏng vì bệnh-tật hay vì tai-nạn bất-kỳ, thời người bị ấy vẫn trông thấy chữ, vẫn viết được, chép được, nhưng những chữ ấy không có nghĩa gì cho người ấy nữa, vẫn đọc vẫn viết mà không hiểu là gì; thế gọi là bệnh « mù chữ » (*cécité verbale*) như trên kia đã nói.

Và phạm những tư-tưởng cao-thượng — điều này là ước-lượng, chưa dám quyết chắc — thời có lẽ cũng la do cái não-căn về thị-giác chủ-trương cả. Đem óc ra xét thời nhận được ngay phần nào là phần thuộc về não-căn ấy, chính là phần ở ngay đàng sau sọ; vậy đã nghiệm biết rằng phần ấy từ khi nhân-loại mới phối-thai đến giờ cái diện-tích nó đã khoáng-trương ra to lắm, và so-sánh với óc các giống vật thời rộng hơn các phần khác nhiều lắm. Không những các giống vật, ngay người với nhau mà người nọ sánh với người kia cũng thấy diện-tích phần ấy to nhỏ khác nhau nhiều. Những dân còn mọi-rợ cùng những hạng người ngu-ngốc thời cái não-căn ấy nhỏ và hẹp, còn những giống người trí-tuệ đã mở-mang thời nó rộng và to lắm.

Ta xét kỹ hai cái não-căn về thị-giác và thính-giác, là bởi vì hai cái ấy quan-trọng cho ta hơn cả, có thể nói cả sự sinh-hoạt của người ta là phụ-thuộc ở đó, vì trước khi tiêu ra tất phải thu vào đã, tức là trước khi biết nói biết viết thời người ta phải biết nghe biết trông. Đưa con trẻ sơ-sinh, trí-tuệ nó



ÓC NGƯỜI TA

Vẽ phóng-dại theo trong sách Bách-khoa tự-diễn (*Nouveau Larousse*)

- A. — Óc người ta lúc mới phôi-thai (vẽ phác-họa)
 - a — Mới đầu chia ra làm ba cái bao, thất lại như hình cái bầu rượu dề ngược.
 - b — Rồi ba cái thành ra năm cái, và đã mường-tượng ra hình các bộ-phận trong óc :
1. Óc trên (hai bán-cầu) ; 2. Óc giữa ; 3. Óc trung ; 4. Óc dưới (tức là óc con) ;
5. Óc hậu (tức là đường tủy óc).
 - c — Sau cùng thời uốn lại, mà rõ ra ba đợt : 1. Phần vờ sọ ; 2. Phần dưới sọ ; 3. Phần vờ gáy.
- B. — Địa-đồ óc người và óc các giống cao-đẳng-động-vật, vẽ bề ngang cho biết đại-khái các đường lối trong óc.
- C. — Mặt ngoài bán-cầu bên tả, cho biết các đường vân đường vũng của óc.
- D. — Vẽ bề giọc cái óc cho biết các phần ở trong, từ trên đến dưới : 1. Vân trán ; 2. Vân đỉnh đầu ; 3. Vân trầm đầu ; 4. Thờ-ráp ; 5. Cuống óc ; 6. Óc con.
- E. — Mặt dưới óc, cho rõ chỗ xuất-xứ của mười-hai bộ giầy thần-kinh óc, chủ các việc cảm-giác vận-động trong người ta, và nhất là ở mặt và chân tay.

dần-dần mở-mang ra cũng là theo trình-độ như thế. Trước khi biết nói nó còn phải tập nghe tập trông, và nhờ đó mới thấu-nhập được các cái cảm-giác vào trong óc. Nay ta xét qua đến hai cái não-căn về tiếng nói và về chữ viết, hai cái đó tuy rời nhau mà cũng tức như một, vì có mật-thiết quan-hệ với nhau. Trên kia đã nói rằng trẻ sơ-sinh thì chỉ mới dụng đến hai cái căn thị-giác và thính-giác mà thôi; sau lớn dần lên, dạy cho đọc sách viết chữ thì mới lại nảy ra hai cái căn khác nữa là căn đọc chữ và căn viết chữ.

Cứ suy-nghĩ thì tất hiểu rằng não-căn về tiếng nói là cái căn huyền-diện nhất trong óc người ta; chắc rằng căn đọc chữ và căn viết chữ cũng là quan-trọng cả, nhưng đọc với viết tức cũng là một cách nói và là phụ-thuộc với căn tiếng nói cả. Ta vẫn biết rằng tiếng nói là cái của báu quý nhất của loài người ta, vì người ta sở-đĩ làm người chính là ở cái tài biết nói, như vậy thì cái não-căn chủ về tiếng nói ở trong óc ta tức là khởi-điểm nhân-cách ở đó, và người ta trở nên được một giống linh nhất trong muôn vật cũng là vì đó vậy.

Căn ấy là cái căn phát-minh ra trước nhất, hồi khoa não-học mới bắt đầu thịnh-hành, và đó cũng là một sự may, vì căn ấy chính là căn phát-đạt trước nhất trong óc người ta. Ông ngoại-khoa trước-đanh ở nước Pháp BROCA là người trước nhất đã tìm thấy xứ-sở của cái não-căn về tiếng nói ở trong óc người ta, đặt nó vào vắn thứ ba bên tả trán; cho nên vắn ấy đã đặt tên là « vắn Bô-ca » (*circonvolution de Broca*). Cũng trong một bộ-phận ấy lại có mấy cái não-căn chủ về sự vận-động ở mặt, ở lưỡi và ở hàm, tức là những căn cử-động các gân thịt.

Những gân thịt ta dùng để nói đều có chủ-động ở trong mỗi bán-cầu óc,

nhưng cử-động những gân thịt ấy không thời với cử-động để cho nói được, hai việc thật là khác nhau lắm, nếu nhân ốm-đau hay nhân sự tai-nạn bất-kỳ mà cái não-căn về tiếng nói bị hư-hỏng tổn-hại thì những thịt gân để nói vẫn còn cử-động được, nhưng nói thì không được nữa. Người nào như thế thì ta nói gì có thể bắt chước mà lặp lại được, nhưng mà cũng như con vẹt vậy, bắt chước được thanh-âm của người ta mà không gọi là nói tiếng người được. Song có một vài tiếng giản-dị, như tiếng có, tiếng không là những tiếng thường dùng lắm, nói đã nhiều quá nên nó đã in sâu cả vào trong bán-cầu bên hữu, thì dầu khi cái não-căn chủ-động ở bán-cầu bên tả đã hư-hỏng rồi những tiếng ấy có lúc vẫn còn nhớ mà dùng được. Tỉ như ta thường thấy những kẻ hạ-lưu thô-bỉ, nói gì cũng pha thêm những tiếng văng tục vào, những tiếng văng-tục ấy nói nhiều lắm đã thành quen, in sâu vào bán-cầu bên kia, gặp khi cái não-căn về ngôn-ngữ bị hư-hỏng, nói câu gì cũng không thành nữa mà duy câu văng-tục ấy vẫn còn nói được, cũng là một lý-do như thế. Não-căn về tiếng nói phát-minh đã lâu năm rồi; vả lại những nhà y-học thường phải chữa những bệnh cùng những sự tai-bay phạm đến não-chất, kinh-nghiệm đã nhiều mà biết rằng phạm não-chất biến tinh hoặc hư-hỏng thế nào thì xảy ra những sự thế nào, song đó là phần nhiều thuộc về cái óc có bệnh, đến cái óc lành, vô bệnh-tật, thì còn phải nghiên-cứu nhiều nữa mới gọi là biết được.

Ai cũng biết rằng trong các giống người, không những các giống người, đến các người trong một giống, cái khiếu ngôn-ngữ tự giống này sang giống kia, tự người này sang người khác, có hơn kém nhau xa-lắm. Có khi những người rất thông-thái, rất tài-giỏi, mà khi phải nói-năng gì lấy làm

khó lắm. nói thì chậm-chạp, ngập-ngừng, ấp-ung, dẫu nói với anh em trong nhà cũng vậy, còn ra giữa nơi công-chúng thì không thể sao cất tiếng lên được. Trái lại, thời có nhiều kẻ tri-tuệ rất tâm-thường, học-thức rất thô-thiển, mà đứng diễn-thuyết con cá con kê tới hằng giờ được. Đó là thí-dụ ít nhiều người như thế, chớ không phải nhất-khái như thế cả; vì có nhiều bậc đại-tài vừa là những tay hùng-biện; song mấy cái thí-dụ như trên cũng đủ chứng ra một cái công-lệ về sự tác-dụng của óc, công-lệ ấy là thế này: các bộ-phận trong óc, các *cán*, các *vấn* của óc đều là đặc-biệt, chớ không có liên-hệ với nhau, mỗi cái phát-đạt riêng mà không có quan-hệ gì đến các cái khác vậy.

Như một người có thể có cái não-cần về ngôn-ngữ rất phát-đạt mà các não-cần khác thì rất tâm-thường, hay là trái lại cũng được. Cho nên cứ thấy người nói hoạt mà chớ là người có tài thì lắm khi lắm to, vì không thiếu gì những người tri-tuệ rất cao, tư-cách rất tốt, mà là người trầm-mặc, ít hay nói, cũng có lẽ là người ta thường trầm-tư mặc-tưởng, thường nghĩ-ngợi suy-cứu, mà không có thì-giờ nói nhiều vậy. Ai có con mắt quan-sát một chút, thời cũng có thể nghiệm được như thế, nhưng nay lấy não-học ra mà chứng, biết rằng các não-cần là độc-lập và đặc-biệt với nhau, thời cũng là thêm giá-trị cho sự kinh-nghiệm riêng của mỗi người vậy.

Sau hết ta nên xét qua đến cái vấn-đề này: một cái óc người tâm-thường với một cái óc người đại-trí khác nhau bởi sao. Vấn-đề ấy cũng khó giải cho mình-triết được. Nhưng đã có người xướng ra một cái lý-thuyết đại-khái như sau này. Thí-dụ như hai người chuyện nghề đánh đàn cầm, một người thời bao giờ cũng chỉ đánh được một tay, một người thời đánh đều được cả

hai tay, chắc là cái tài hai người khác nhau xa lắm: cứ bắt hai người lần-lượt nhau cùng đánh một khúc thời đã biết hơn kém nhau thế nào. Lại thí-dụ một người chỉ dùng được một con mắt, chắc là không bằng một người dùng được cả hai mắt, như những người phải bệnh hiếng mắt, một mắt trông tốt hơn mắt kia; thời xét đường-dắt xa gần, hay là nhìn cảnh-vật phối-hợp thường không được tinh.

Vậy thời óc người ta cũng vậy: những bậc đại-trí-thức, những nhà đại-tư-tưởng sở-dĩ khác người thường, là bởi cái tư-tưởng tri-tuệ người ta khác như có hai con mắt vậy (*binoculaires*); lý-thuyết ấy là tự ông HUMANER SPENCER (tàu dịch là Ti-tâu-tắc) là một nhà triết-học đại-danh ở nước Anh khởi-xướng ra. Theo ý ông, thời các bậc đại-trí khác người bình-thường là bởi hai bán-cầu trong óc người ta đều phát-đạt ngang nhau và lợi-dụng được nhiều hơn là óc người thường. Có lẽ sau này sẽ có người phát-mình được một cách giáo-dục cũng luyện-tập thế nào cho hai cái bán-cầu trong óc con trẻ đều có thể phát-đạt được như nhau, như vậy thời nhân-loại tương-lai này có cơ thông-minh hơn đời nay nhiều. Nhưng mà muốn cho hai cái bán-cầu óc đều lợi-dụng được cả là mong hai cái đều phát-đạt được mạnh mẽ như nhau, chớ nếu hai cái đồng-thời dùng được cả mà hoạt-lực năng-lực vì đó đến kém sút đi, thời chẳng nên ước-ao làm gì. Như vậy thời thì dùng một bán-cầu mà dùng được-tài-lực còn hơn. Coi đó thời biết cái vấn-đề luyện óc bỏ óc không phải là một việc dễ như cái nhà bảo-chế thường tưởng làm vậy.

3. — Một bệnh lạ thuộc về óc: bệnh « nhưe óc buồn ngủ » (*encéphalite létargique*):

Từ khi chiến-tránh đến giờ, trong-giờ chỉ thấy bàn đến một thứ bệnh

mới thuộc về óc gọi là bệnh « nhưc óc buồn ngủ ». Bệnh ấy tuy có nặng mà không hại người lắm như cái dịch-tệ khác, song là bệnh quan-hệ đến cái cơ-quan tối-yếu của người ta là tẩm óc, cho nên nhân khảo-cứu về óc cũng nên xét qua bệnh ấy phạm đến óc thế nào, tưởng không phải là vô-tích mà lại là một vấn-đề hợp-thời vậy.

Trước hết kể qua cái bệnh-trạng như sau này. Thí-dụ một người — bất-cứ đàn-ông hay đàn-bà — tuổi chừng ngoài 25, vẫn mạnh-khỏe, thốt-nhiên thấy trong người mệt nhọc quá chừng. Hơi làm việc gì là chân tay rã-rời ra, và cứ mệt nhọc thế tới một hai tuần lễ. Rồi thấy đầu hơi lụng-vụng, lưng mỗi như đau. Rồi đến chân tay đau dữ như người bị đánh bị đập. Đó còn chưa phải là chính bệnh, mới là khai-mào mà thôi. Bệnh thời cứ dần-dần tiếm-nhiễm vào trong thân-thể, ngấm-ngấm không ai biết, như con rắn độc bò dưới đám cỏ xanh vậy. Cứ như thế tới một tuần lễ nữa.

Hết tuần lễ ấy thời mới cuốn màn lên và bắt đầu diễn cái bi-kịch ! Bệnh-nhân hốt-nhiên thấy nổi sốt, nóng tới 39, 40 độ. Đầu nhưc nhưc bở, mà không thể sao đứng buồn ngủ được. Muốn ngủ, ngủ mãi không chán. Nếu cố lay động cho giậy mà xét hai con mắt thời thấy không thể sao nhắm mi lên nổi; người ta đã ví con mắt là cái cửa-sổ của tâm-hồn, vậy mà hai cửa sổ cứ đóng im-ìm không sao hé ra được. Xét kỹ thời có khi thấy mắt hiếng (*strabisme*), hoặc lệch một con, hoặc lệch cả hai con. Lắm khi nhìn hoa lên thấy vật gì cũng thành đôi cả (*diplopie*). Sốt dữ, buồn ngủ không thể sao đứng được, các đường gân mắt bị tê không cử-động được, ấy cái triệu-chứng của bệnh nhưc-óc đại-khái như thế.

Ngủ vẫn là một sự hay, người ta cần phải ngủ được thời mới bỏ lại cái

sức-khó-nhọc trong khi thức, nhưng cái thời-hạn ngủ phải cho vừa phải thời mới là sự thưởng, chớ ngủ mà đến bất-tình nhân-sự như người chết thời là bệnh vậy. Nay được một tuần lễ thời người lại càng hôn-mê mãi lên. Người bệnh càng ngủ càng mê-mệt say-sưa mãi đi, không biết đến sự gì ở ngoài nữa, trong khi ngủ thời thường mơ-mộng hốt-hoảng, rền-rĩ như người cuồng, chốc-chốc lại rất nẩy mình lên; cứ như thế tới hai ba tuần lễ, trong khi ấy thời rất là gian-nan khổ-nạn; nếu qua khỏi được thời cứ dần-dần tỉnh lên như người cải-thổ giậy, bấy giờ hỏi đến những tấn li-kỳ trong cái bi-kịch mới qua thời như mơ-mộng không còn nhớ tí gì nữa.

Tuy vậy mà nhiều khi có được khỏi hẳn như thế đâu. Bệnh nhưc-óc thường còn sinh lồi-thôi ra nhiều chứng khác nữa, như các gân mắt vẫn cứng đờ không được nhậy như trước, sức khỏe mãi chưa được hoàn cũ, cứ thế đến mấy tháng trời chưa chắc đã hồi-phục được nguyên-khi.

Đó là kể đại-khái như phác-họa cái bệnh-trạng như vậy, còn nhiều chứng khác phụ-thuộc vào đấy thời không thể kể sao xiết được. Vì bệnh nhưc-óc này thật là một bệnh thiên-hình vạn-trạng, và nặng nhẹ cũng không thường, có khi rất nặng đến chết người mà có khi qua khỏi dễ lắm. Nhưng bao giờ cũng có buồn ngủ, nặng mắt và sốt rét, đó là ba cái đặc-sắc của bệnh vậy.

Tháng ba năm 1918, quang giáo NETTER là người bắt đầu nghiên-cứu về bệnh này trước nhất, có xét bầy người mới mắc bệnh ở Paris, bấy giờ ai thấy nói cũng lấy làm lạ lắm, tưởng là một bệnh mới xuất-hiện lần này là lần đầu. Song ngài xét kỹ thời biết rằng thật là một bệnh có đã lâu lắm, nghiệm ra đời nào cũng có, như HIPPOCRATE là nhà y-học nước Hi-lạp đã hai nghìn năm nay có nói một thứ bệnh mê-ngủ

(*lethargos*), GALIEN cũng vậy, ARÉTÉE DE CAPPADOCE cũng vậy. Hai nhà sau ấy thời gọi là bệnh « sốt ngủ » (*lethargoi pureloi*), tức là bệnh nhức-óc ngày nay ; lại đến năm 1712, CAMERIANUS là thầy-thuốc nước Đức ở thành Tubingue cũng tả bệnh-trạng như thế mà gọi tên là « bệnh-ngủ » (*maladie du sommeil*).

Năm 1889, sau hồi dịch cúm (*influenza*) bấy giờ nặng lắm, lại thấy bệnh ấy xuất-hiện ra, gọi tên là *nona*, từ đất Dalmatie tràn sang đông-bộ nước Ý-đại-lợi. Từ bấy cho đến năm 1917, không thấy nói nữa ; năm ấy mới lại thấy xuất-hiện ra ở thành Vienne. Bấy giờ nước Áo đương vào hồi nguy-kịch : chiến-tranh đã quệ, dân-gian đau đầu cũng thấy đói-khát, khổ-sở, cùng-quần, thân-thể người ta suy-yếu thật dẽ đón lấy cái bệnh mới vậy.

Ông VON ECONOMO trước nhất nhận được bệnh, tả được đúng các bệnh-trạng ; lấy được con chùng bệnh tiêm sang cho con hâu. Vậy thời bệnh này quả là một bệnh truyền-nhiễm bằng vi-chùng. Năm 1918, ông NETTER thấy bệnh mới truyền tới nước Pháp ; nhân ông nghiên-cứu, rồi thông-báo cho các y-viện biết, bấy giờ mới thấy khắp hoàn-cầu đầu-đầu cũng nói có bệnh ấy. Bệnh nổi lên như một chứng dịch ở Anh, Mĩ, Úc-châu (Australie), nhất là ở đất Queensland và đất Nouvelle-Galles-du-Sud. Bấy giờ khắp trong thế-giới, các nhà bác-học thi nhau mà tìm-tòi nghiên-cứu. Người Anh, người Mĩ, người Pháp, — người Pháp thời có hai ông HARVIER và LÉVADITI, — tìm được cách nuôi con chùng bệnh, chùng ấy thường ở trong nước mũi người ta. Thế là đã rõ được căn bệnh rồi. Bấy giờ những nhà chuyên về não-học mới đem kính hiển-vi mà tế-nhận nơi nào trong óc là nơi con chùng phạm đến. Nhờ ông bác-sĩ GAYET ở Lyon

thời đã biết rằng những chứng riêng của bệnh này là do con chùng hay ở vào một phần óc ngang với cái não-căn chủ về thị-giác, phần ấy mà hư-tồn thời thường sinh ra bệnh ngủ.

Sự đó không lấy gì làm lạ, vì ta đã biết rằng phạm mỗi thất-linh giao-động đến thần-hồn người ta mà sinh ra hi-nộ ai-lạc, là mỗi mỗi có phạm đến một phần riêng trong tâm-não nên mới sinh ra mỗi chứng riêng. Về phần hồn như vậy thời về phần xác cũng như vậy : cái độc nó nhiễm vào phần nào trong thân-thể thời sinh ra một chứng riêng thuộc về phần ấy. Nay ta xét qua bệnh nhức-óc phạm vào óc thế nào.

Hình-thể óc trên kia đã nói tường, không cần phải nhắc lại cho phiền. Chỉ nên nhớ rằng ở dưới cái bao thứ ba có một đường chạy thẳng xuống chân óc (tức gọi là « củ óc » (*bulbe*) và một đường chạy ngang ra mắt. Đường chạy thẳng xuống chân óc ấy trên kia đã gọi là « cuống óc » (*peduncule cérébral*), trong cuống óc thời có một cái tia đen bằng giầy thần-kinh, sách thuốc gọi là cái « buồng đen » (*locus niger*) — chỗ ấy tức cũng ví như cái « cầu-chỉ » để truyền điện vậy. Ấy chỗ đó là chỗ con chùng bệnh nhức-óc thường hay ăn hại. Mới đầu nó còn ở đó, rồi nó leo dần lên tới cái đường ngang ra mắt, là chỗ có mấy cái não-căn chủ sự cử-động các gân trong mắt và ngoài mắt. Bởi thế nên mắt hình như đứt giầy thông với óc, thành ra không mở và không trông được.

Nói tóm lại thời bệnh nhức-óc buồn-ngủ là một bệnh chỉ phạm đến cái phần trung-bộ trong óc người ta. Bởi sao vậy ? Có lẽ là bởi cái não-chất người đời nay, tuy có tinh-mật hơn trước nhưng không được mạnh-mẽ bằng xưa, cho nên dẽ cảm-nhiễm các chứng-bệnh. Người ta thường nói

người đời nay yếu-ớt như con xén, mà yếu nhất chắc là cái đầu : thật thế.

Những nguyên-nhân làm cho óc người ta kém mạnh đi thời nhiều lắm, nhưng thứ nhất là bởi sự cảm-động nhiều và sự bồi-dưỡng ít ; cảm-động nhiều nên cái óc bị lay-chuyển lắm, ở đời nay thiếu gì là những việc đau lòng nhọc trí, mỗi việc như cái tên bắn vào óc người, trách chi mà óc chẳng bị thương bị yếu ; bồi-dưỡng ít thời khi-huyết hư, khi-huyết hư thời óc đã bị thương bị yếu không đủ bồi-bổ cho mạnh-khỏe lên được, nên ít sức mà chống-chối với các thời-chứng. Như bệnh dịch « ghip » (*grippe*) vừa rồi có người đã tính có trong 11 tháng mà chết tới 24 triệu người, hại hơn chiến-tranh trong 51 tháng chết mất có 9 triệu, đó cũng là cái chứng rằng sức khỏe trong nhân-loại đời nay bị kém sút đi nhiều lắm, không đủ mà chống với bệnh-tật vậy.

Đó là mới nói cái đất đẻ cấy bệnh, nhưng còn cái hạt giống bệnh nữa. Bởi có sao mà nhiều bệnh trước kia Âu-châu không biết — như bệnh sốt « tăng-xê » (*fièvre des tranchés*), bệnh *spirochétose ictéro-hémorragique*, nhất danh là *typhus hépatique*, bệnh *sodoku* Nhật-bản, v.v.) — hốt-nhiên vì chiến-tranh mà phát-sinh ra mạnh như vậy ? Lại bởi có sao mà nhiều bệnh Âu-châu vẫn thường biết thường cho là nhẹ — thí-dụ như bệnh đau màng-óc và màng-tủy (*méningite cérébro-spinale*) — hốt-nhiên vì chiến-tranh mà thành ra nặng lên gấp năm gấp mười, khiến cho những thuốc tiêm để phòng cùng trị các bệnh ấy không đủ sức dùng được nữa, thậm-chí phải chế ra những thuốc khác như chữa bệnh mới vậy ?

Cái nguyên-nhân ấy không ở đâu xa, chính là ở sự chiến-tranh mà ra. Trong khi chiến-tranh biết bao nhiêu giống người ăn chung ở lộn với nhau. Trong một giải đất chừng 800 cây-lô-

mét dài, 20 cây-lô-mét rộng, nào là người Âu-châu, người Á-châu, người Mĩ-châu, người Úc-châu, người Phi-châu chằng-chất lộn-xộn, người da trắng, da đỏ, da vàng, da đen, pha-lộn với nhau, không những là ăn chung ở chạ mà lại hòa máu chộn thịt với nhau nữa.

Nhưng mà giống người đã khác nhau, mà các giống vi-chùng lại khác nhau nhiều nữa ; giống người chung-chạ nhau thời giống chùng cũng hỗn-hợp nhau mà biến tính đi. Có con chùng ở trong thân-thể một người Úc-châu thời vô-tội mà truyền vào người Âu-châu thời trở nên tối-ác. Tự ông PASTEUR đến giờ, ai cũng biết rằng các giống chùng độc truyền người nọ sang người kia nhiều lần thời thành ra mãnh-liệt hơn lên, và quan GIÁO VINCENT ở nhà bệnh-viện Val-de-Grâce hồi xưa đã thí-nghiệm mà biết rằng giống vi-chùng lạnh nhất là giống *subtilis* nếu đem tiêm vào nhiều con chuột-con thời đến sau thành ra chùng độc.

Nay xét riêng về bệnh nhức-óc thời cái chùng nó có lẽ do tên chiếu-tù nào người đất Dalmatie — là nơi bệnh đó phát ra lần sau cùng — đem vào nước Pháp, vì ở ngay gần Paris, tại Nanterre và Chatou trong khi chiến-tranh có đặt trại để giam những tù-binh bắt được của quân Áo.

Người đó chắc vẫn mang con chùng ở trong người không việc gì vì đã quen đi rồi, nhưng đến khi truyền-nhiễm sang người Pháp chịu không quen, chùng lạnh thành ra chùng độc. Tỉ như bệnh đậu mùa, xưa kia người da-đen ở các quần-đảo không biết là bệnh gì, kinh thường thành ra mắc mà chết cả, là bởi thân-thể người da-đen không quen bệnh ấy, hốt-nhiên nó nhiễm vào trở nên rất độc.

Nay đã biết căn-nguyên bệnh nhức-óc như thế thời có cách nào chữa

được không? Hiện nay chưa có thuốc đặc-biệt để chữa bệnh ấy, nhưng mà nghề trị-bệnh mỗi ngày một tiến-bộ, đã biết rõ con chùng bệnh chắc nay mai sẽ tìm được thuốc tiêm để trừ-khử. Còn cách phòng-bị thời cũng dễ. Bệnh nhức-óc không phải là một bệnh truyền-nhiễm mạnh, và chùng nó thường ở trong mũi mà trong cổ-họng, vậy nên giữ cho cổ và mũi sạch sẽ, súc miệng rửa mũi luôn là đủ. Giữ riêng cho mũi thời chỉ nên bôi một ít *pommade soufrée*. Coi đó thời biết cách phòng-bị rất là giản-dị. Và bệnh này thường thịnh-hành về mùa đông, sang mùa hè không có mấy.

Đó là cách phòng-bị liệu-trị về phần xác; về phần hồn thời nên giữ cho

tâm-thần được bình-định, tránh những sự cảm-động kích-thích mạnh, như lo-lắng, phiền-não, sầu-muộn, thương-tiếc, v. v. Người ta đau-yếu vì sự lao-động ít, mà suy-nhược vì sự cảm-động nhiều. Người đời nay thời lao-động đã nhiều, mà cảm-động lại lắm, óc người cũng ví như cái điều-sáo hay cái phong-cầm, hễ hơi có tí gì rung-động là kêu lên những tiếng thiết-tha ai-oán, não-nuột lòng người, như tiếng phong-thanh hạc-lệ giữa khoảng trời đất mênh-mông vậy. Cho nên muốn sinh-tồn ở đời này, cần nhất là phải phần-chấn tự-cường mà đừng nên âu-sầu phiền-muộn vậy. Tự-cường lại tự-cường, đạo sinh-tồn chỉ ở một câu đó, mà thuốc bổ-não cũng chẳng qua một câu đó mà thôi.

THƯỢNG CHI

MỪNG CÁC ÔNG TÂN-KHOA TRƯỞNG ĐẠI-HỌC

Từ khi sáng-lập trường Đại-học đến giờ, kỳ thi tốt-nghiệp vừa rồi là kỳ thứ nhất. Thế là công-nghiệp quan SARRAUT đã bắt đầu kết-quả vậy. Ai không nhớ hồi quan Toàn-quyền SARRAUT mới khởi-xương đặt ra một nền cao-đẳng-giáo-dục ở Đông-Pháp này, những người tri-thức trong nước ta hoan-ngheh và cổ-võ biết dường nào. Đến khi trường Đại-học khai-giảng, cử-quốc đều chú-mục, lấy cái cảm-tinh rất đậm-đà, rất âu-yếm mà nhìn bọn thiếu-niên tuấn-tú của nước nhà, từ nay đã được đặc-cách hơn bà-con mà ra hưởng cái ơn giáo-hóa của Bảo-hộ, sau này chắc thành những người tài-giỏi hơn đồng-bào, có thể đền ơn trả nghĩa được cho nước. Lòng kỳ-vọng của quốc-dân đối với các thầy cao-đẳng-học-sinh thật là thiết-tha lắm vậy. Kịp đến hồi quan

SARRAUT dời Đông-Pháp mà trở về quốc-quốc, bấy giờ xét trong dư-luận người Pháp ở bên này có một phe phản-đối cái chính-sách của ngài, chỉ chực ngài đi là phá đổ những công-cuộc ngài đã gây-dựng ra, trong khi ấy bọn ta lo-sợ cho vận-mệnh trường Đại-học biết bao! Nhưng may thay, sự lo-sợ đó không đến nỗi nào, và qua một buổi áy-náy không bao lâu ta lại được vững lòng như trước. Quan Toàn-quyền LONG mới sang tới đây đã bá-cáo cho nhân-dân biết rằng ngài không thay-đổi gì cái chính-sách của quan SARRAUT trước, và những sự-nghiệp khai-hóa của quan SARRAUT không những ngài cứ để như cũ mà ngài lại có ý khoáng-trương cho to-tát thêm ra. Tới nay thời trường Đại-học đã thành cơ-sở vững-vàng rồi; mới rồi học-khóa đã mãn, lớp học-sinh năm đầu của hai

trường Pháp-chính và Sư-phạm đã tốt-nghiệp, trường Đại-học đã cống-hiến cho nước nhà được một mớ nhân-tài mới vậy.

Ôi ! Cái gì khiến cho ta thường mừng, thường lo đến, là cái ấy có quan-thiết đến ta. Trường Đại-học mới sinh-hoạt được ba năm nay mà đã làm cho quốc-dân khi vui-mừng, khi lo-sợ, khi áy-náy, khi vững lòng như thế, thời biết rằng trường Đại-học đối với nước nhà có một sự quan-hệ rất to-tát vậy. Sự quan-hệ ấy thế nào ? Sự quan-hệ ấy là ở cái chức-vụ tối-cao của trường Đại-học làm một nơi để đào-luyện nhân-tài cho nước Nam ta. Chức-vụ ấy, trường Đại-học hiện như bây giờ đã làm được trọn chưa, và những nhân-tài luyện ở đây đã thích-hợp cho sự cần-dùng trong nước chưa, nay hãy tạm không xét cái vấn-đề ấy, vì xét vấn-đề ấy tức là nghị-luận về cách dạy học ở nhà trường, đó không phải là mục-đích ký-giả viết bài này. Chủ-ý của ký-giả chỉ là muốn nhân kỳ thi tốt-nghiệp năm nay là kỳ thi đầu nhất cả, khái-luận mấy câu về cái tư-cách, cái địa-vị, cái nghĩa-vụ của một người đã có cái học-thức cao-đẳng ở trong xã-hội nước ta bây giờ thế nào, tưởng cũng là một cách mừng các ông tân-khoa trường Đại-học ta vậy. Các ông trong ba năm trời rùi-mài học-tập, hăm-hở nhiệt-thành, ra công rắng sức mà thấu-thái những tư-tưởng học-thuật mới để ráp đem ra ứng-dụng với đời, nay công đã thành, danh đã toại, chắc cũng muốn biết quốc-dân bây giờ kỳ-vọng ở các ông những sự gì : ký-giả xin thay mặt quốc-dân mà cùng các ông giải-tỏ một đôi lời.

..

Sự học là cái của báu đệ-nhất ở đời. Học làm được cho thân hiên-vinh, làm được cho nhà tỏ-rạng, làm được cho

nước phú-cường. Học là cái đức sáng phá chốn mê-thành, nơi ám-thất, mà soi tỏ lối văn-minh. Học là cái thang cao vượt được khỏi chốn hôn-mông ngu-muội mà lên tới cõi trí-tuệ quang-minh. Học thật là qui lắm thay. Nhưng học phải có mục-đích thời sự học mới có ích, và mục-đích cao thấp thế nào thời sự học rộng hẹp thế ấy. Có người lấy sự học làm một cái trang-sức cho trí mình, làm một sự văn-vẻ cho người mình, chỉ cảm cái biểu-diện sán-lạn mà không thấu cái giá-trị thâm-trầm của sự học. Phần nhiều người thời coi sự học là một cái thang tiến-đạt cho mình; có lắm người lại chỉ lấy sự học làm một kế sinh-nhai, học để làm nghề này nghiệp kia, ngoại-giả không có cái chí-thú cao-thượng gì nữa. Những mục-đích ấy tuy không phải là không chánh-đáng, nhưng khi thấp và hẹp, không xứng với cái tôn-chỉ của sự học. Tôn-chỉ ấy ở các nước văn-minh cao-thâm và siêu-việt biết dường nào ! Những nhà học-giả của các nước ấy không ai là không có cái chí muốn khám-phá những sự huyền-vi của tạo-hóa, những sự bí-mật trong tâm-tính, những tình-uần của xã-hội, để phát-minh ra chân-lý và cứu-tế cho loài người. Người nước mình chưa thể hoài-bảo được cái tôn-chỉ siêu-việt như vậy, nhưng có thể đặt cho sự học một cái mục-đích cao hơn các mục-đích trên kia : người ta học là vì chân-lý, vì nhân-loại, ta học nên vì nước trước nhất, sự học của ta phải là *cải học cứu quốc* vậy. Chắc ai đi học cũng phải nghĩ đến thân-gia mình trước, thân-gia có yên rồi mới nghĩ đến nước được; nhưng ai cũng phải coi nước là cái mục-đích tối-cao, tới được mục-đích ấy thời sự học mới là hoàn-toàn, chưa tới được thời phải khuynh-hưởng hết tinh-lực cho tới, không nên lấy cái mục-đích nào khác làm trọng hơn vậy.

Học đã là học cứu-Quốc thời tư-cách, địa-vị nghĩa-vụ người học-giả

cũng là suy đó mà ra. Nhưng trước hết hãy giải thể nào gọi là cái học cứu-quốc. Đời nào có sự học của đời ấy. Đời xưa, hồi nước mình còn bế-quan tỏa-cảng, chưa giao-thông với ngoài, thời sự học bấy giờ trọng về đường luân-thường đạo-lý, lấy duy-tri xã-hội làm mục-dịch. Đời nay phong-hội mở-mang, Á-Âu hòa-hợp, sự học bấy giờ lại trọng về đường động-tác kinh-doanh, lấy phú-quốc lợi-dân làm mục-dịch. Cái học cũ của ta không thích-hợp với đời nay nữa. Nhưng trong bấy lâu ta những thương-tiết không nở bỏ đi, những di-du không muốn thay đổi, mà bị cái phong-trào nó tràn ngập, đặt mình vào cái thể nguy-nguy ngập-ngập, đốn-tỏa ủy-mị trong bao nhiêu năm, cơ-hồ như không sao cất đầu lên nổi. Tuy cũng có người bất-đắc-dĩ miên-cưỡng mà theo về đường học mới, nhưng trình-độ dân-tri còn thấp kém quá, Chánh-phủ Bảo-hộ có cái trách giáo-dục cho dân ta, chỉ mới ban-bố cho cái học sơ-đẳng tầm-thường đủ làm thành những bậc hạ-lai để phục-dịch trong các sở công mà thôi, chưa gọi là cái học đào-tạo nhân-tài vậy. Tuy thế mà cũng có người vượt được ra ngoài cái phạm-vi ấy, không ai dạy, không ai bảo, không ai đưa đường chỉ lối, mà cũng biết lĩnh-lược được cái học-thuật mới, dung-hóa được cái tư-tưởng mới; thậm-chí có người đến cái học sơ-đẳng tầm-thường của Bảo-hộ dạy cho cũng không được hưởng mà chỉ vì công-phu khó nhọc, vì tri-tuệ thông-minh, làm nên được sự-nghiệp to lớn, chẳng kém gì ai, thời đủ biết rằng dân-tri mình không đến nỗi bạc-nhược cho lắm, và nếu khéo khai-thông ra thời chẳng bao lâu cũng tấn-tới kịp người vậy. Bấy giờ nhờ có quan Toàn-quyền rộng lượng, chiêm-nghiệm mà biết cái cơ tiến-hóa của dân mình, mới đặt ra trường Đại-học

để ban-bố cho người Việt-Nam một cái học-thức cao-đẳng hơn trước. Tuy trường Đại-học ta so với trường Đại-học các nước còn kém xa nhiều, nhưng sánh với trình-độ nước mình thời hiện nay cũng là bậc học cao hơn nhất. Thế là người mình từ nay trở đi mới có thể gọi là có học vậy, vì cái học từ trước tới nay nhiều người đã công-nhận là « học kiếm gạo » hay là « học nô-lệ » mà thôi. Nay cái học mới này phải tiếp-tục cái học-thống cũ trong nước đã đoạn-tuyệt bấy nhiêu lâu và mở đường cho người mình tiến lên cõi văn-minh tư-tưởng mới; phải chấn-loát tinh-thần, đề-khởi sự-nghiệp, phá những thói mê tục hủ, sửa những nết tốt tinh hay, nói tóm lại là làm cái thuốc bổ-não cho dân mình khỏi được cái tật ủy-mị suy-đổi mà đòi thành cái tinh cương-cường mãnh-tiến, khiến cho chuộc lại được sự chậm-trễ trong bấy lâu mà hồng-bộ bước lên cho kịp người. Bởi thế nên ta gọi là cái học cứu-quốc, nghĩa là học để cứu cho nước khỏi suy-đổi mà nên cường-thịnh vậy.

Người học-giả vì chỉ có cái chí-thú « kiếm ăn » hay là cái tư-tưởng « nô-lệ » ở trong óc thời chẳng nói làm chi, nhưng nếu còn có chút chí-khí cao-thượng, biết quên mình mà thờ một cái lý-tưởng cao, thời đã mang tiếng là người có cao-đẳng-học-thức, bao giờ cũng phải có cái quan-niệm cứu-quốc ở trong lòng. Những học-sinh trường Đại-học ta toàn là hạng thiếu-niên tuần-tú trong nước, chắc ai ai cũng có hoài-bảo một cái chí to-tát như thế và muốn sau này đem tài-học ra giúp cho nước nhà: nếu vậy thời mới là hợp với cái mục-dịch của sự học cao-đẳng như ta đã giải trên kia vậy.

Một nhà danh-sĩ nước Tàu đời bấy giờ có câu nói rằng: « 下士區區保種愛國存學之志也 », nghĩa là: kẻ

hạ-sĩ này chỉ khu-khu có một cái chí giữ-gìn cho nòi giống, yêu-mến lấy nước nhà, và bảo-tồn cho sự học vậy. — Kẻ học-giả trong nước ta, nếu không muốn phụ lòng kỳ-vọng của quốc-dân, cũng phải có một cái chí như vậy.

Nay muốn thực-hành cái chí đó cho đạt được mục-dịch trên kia thời kẻ học-giả phải gồm có những tư-cách gì, phải đề mình vào địa-vị gì, và phải làm trọn những nghĩa-vụ gì ?

Tư-cách một người là gồm những tính hay nết tốt làm cho người ấy xứng-dáng nhân-cách và hữu-dụng với đời. Tư-cách một người học-hành ở nước ta bây giờ phải lao-cần, thành-thực, đôn-đốc, cần-nghiêm ; lại phải có bụng công-tâm, có lòng vị-nghĩa ; sau hết phải có một cái quan-niệm rất cao về phẩm-giá con người ta.

Tư-cách người ta tuy gốc tự thiên-nhiên, vốn trời bẩm-thụ, nhưng một phần nhiều cũng là bởi người ta tự gây-dựng lấy. Cho nên đầu trong tư-cách là tính lao-cần. Người ta có thân ở đời phải lao-động cần-cù, kẻ lao-động bằng thủ-túc, người lao-động bằng não-cân, ai ai cũng phải lao-động cả. Nỗ-lực, lại nỗ-lực, cho kỳ đến ngày kiệt-lực mới thôi, đó là cái luật của tạo-hóa, cái nghiệp của giống người, không ai có thể tránh khỏi được. Trong Thánh-thư đạo Gia-tô, có một câu Thiên-Chúa bảo ông tổ loài người rằng : « Mày phải đổ mồ-hôi nước mắt mới có miếng ăn ! », thật là một lời vắn-cổ châm-ngôn cho người ta ở đời vậy. — Xét ra trong tâm-lý người nước mình có cái tính ưa nhàn, cái tính cầu-an, thật là hai cái ác-căn phải tiết đi cho hết. Nói ngay trong bọn học-hành, được mấy người sau khi thi đỗ làm nên, sự-nghiệp yên-đòn rồi, mà còn ra công học-vấn, ra công tu-luyện, cho trí-thức rộng hơn ra, nhân-cách hay thêm lên ? Thật là ít lắm. Phần nhiều người tốt-nghiệp ở nhà trường là tất-

ngiệp cả một đời, vì cái công lao-động về sau chẳng qua là lao-động như cái máy, như cái đồng-hồ bằng ngày « tích-tắc » hết vòng lại lên giây, không phải là sự lao-động có ý-thức của người biết ma-luyện tâm-thân vậy. Người ta như một loài kim rất quý, phải rèn-đúc, mài-rũa luôn, thời cái chất nó mới rắn mới mạnh, nếu để không thời tất rỉ-han mục-nát ra vậy. Hỡi bạn thiếu-niên ! nên gắng-gỏi mà ma-luyện lấy cái tấm thân quý-báu này để mai sau thành cái khí-giới sắc-nhọn lợi-dụng cho quốc-gia : cũng cùng một mảnh sắt mà thanh gươm bách-chiến với con dao dựa cùn khác nhau là bởi sao ? là bởi cái công ma-luyện vậy. Người ta có ma-luyện mới nên người. Ông Tăng Quốc-Phiên là một bậc danh-nhân ở nước Tàu về cuối thế-kỷ thứ 19 có nói rằng : « Tôi bẩm-sinh là một người rất đần-độn ; sau có làm nên được chút sự-nghiệp thực là nhờ cái công khắc-khổ đề-lệ suốt một đời. » Người tài-năng còn phải khắc-khổ mới nên, huống-chi là những kẻ tầm-thường. Anh em ta nên tập lấy tính lao-cần.

Lao-cần khắc-khổ đề ma-luyện cho tâm-thân, đó là đầu trong tư-cách. Nhưng lao-cần mà không có lòng thành-thực cũng không nên công-chuyện gì. Một người xuất công sức chỉ để dối mình lừa người, tự huyễn-diệu mà huyễn-diệu người, dụng-tâm toàn bằng quyền-thuật, thời dầu có thành-công cũng là người không có giá-trị. Người ta phải thành-thực, thành-thực với mình và thành-thực với người, có thành-thực với mình rồi mới thành-thực với người được. Thành-thực với mình là giốc một lòng chuyên một dạ tu-luyện cho người mình ngày một hay hơn lên, một tốt thêm ra, không có cầu-thả, không có dối-dá với mình, không có vì những sự quyền-muru danh-lợi ở

ngoài mà tự mình lại huyễn-diệu mình, khiến cho không biết cái chân-giá-trị của mình thế nào, lấy bề ngoài làm sự-thực, lấy ảnh-hưởng làm chân-thân, thành ra những sự khuyết-điểm không thể bỏ-cứu được, mà con đường tinh-tiến bị mờ-ám trở-ngại vậy. Xét trong bọn học-hành ta thường thấy nhiều người đối-dã với mình như thế. Sức học còn kém hèn, tài văn chưa lối-lạc, nhờ được buổi « nhá-nhem » dư-luận trong nước còn lỗ-mổ, chưa biết phân-biệt người hay kẻ quấy, kẻ giỏi người hèn, tự riêng mình đã tưởng là những bậc tiểu-thánh-nhân, dưới mắt không còn ai hơn nữa. Cái tính tự-cao tự-đại ấy xét cho kỹ thật là bởi không thành-thực với mình. Những bậc tiểu-thánh-nhân kia sở-dĩ tự mình huyễn-diệu mình như thế là bởi không có cái lòng thành-thực mà tự-lượng tự-xét cho biết cái chân-giá-trị của mình, nên không biết chỗ khuyết mà bỏ và tự gây-dựng cho cái tư-cách được hoàn-toàn. Nhưng cái tính không thành-thực ấy không những là hại riêng cho mình không thể tu-luyện mà tinh-tiến lên được, nhưng lại còn hại chung cho nước nữa, vì phạm tự dối mình tất thành ra dối người, dối người tất người dối lại, hết thầy đều dối lẫn nhau, đều huyễn-diệu nhau, gây ra trong xã-hội một cái không-khí hư-ngụy khi-trá, làm trở-ngại đường tiến-hóa của quốc-dân. Nay bọn học-thức trong nước ta phải ra tay mà phá tan cái đám ác-khí ấy đi, cho học-giới được phong-quang sáng-sủa. Nhưng muốn tiết cái căn-tính giả-dối, phải tập cái tư-cách thành-thực. Anh em phải thành-thực với mình, thành-thực với sự học thời mới thành-thực với nước được. Bọn ta đã lấy cái quan-niệm cứu-quốc làm mục-đích cho sự học thời nếu không thành-thực với sự học, còn mong ích-lợi cho nước nhà sao được. Chớ nên dối mình tức là dối nước vậy.

Đã có tính lao-cần thành-thực, khi ra thi-thố với đời lại phải có tính đôn-đốc thời mới nên sự-nghiệp. Tính đôn-đốc cũng là do ở tính thành-thực mà ra. Có thành-thực thời mới đôn-đốc được. Đôn-đốc nghĩa là trong bụng đã rắp theo một cái mục-đích gì thời tận-tâm tận-lực mà theo đuổi cho tới nơi, lấy làm một việc kính-trọng không dám sai-dời. Thường nhận trong bọn thanh-niên ta có cái tính khinh-bạc, nhiều người tri-thức có cái tính hoài-nghi, và mấy kẻ tự-phụ là cao-thượng có cái tính ngông-cuồng. Mấy cái tính đó hại cho người mình lắm lắm, nhưng tính khinh-bạc của bọn thanh-niên thời dễ sửa, vì tuổi cao lên tất người thuận lại, nếu là người có tư-chất tốt thời cũng dễ khiến cho có lòng đôn-đốc tận-tâm về nghĩa-vụ; đến như tính hoài-nghi, tính ngông-cuồng thời khó chữa lắm, vì những người có tính ấy lấy thể làm tự-cao, không biết hại cho sự-nghiệp biết dường nào. Nhất là tính hoài-nghi thời thật là một cái tội với nước. Ở đời chỉ có hai đường: một là đời người đáng sống, đời người đã đáng sống thời có thân ở đời phải có sự-nghiệp với đời; nếu sự-nghiệp ấy lại là sự-nghiệp cứu-quốc thời lại phải nên đôn-đốc tận-tụy mà làm cho nên, không nên sao-lãng; hai là đời người không đáng sống, đời người đã không đáng sống thời chỉ nên tự diệt mình đi là xong. Ngoài hai đường ấy không còn có đường nào nữa, cho nên cái thái-độ kẻ hoài-nghi phân-vân do-dự, không dám bước lên không dám lui lại, là một cái thái-độ rất khả-ố, khả-ố mà lại hại cho xã-hội nữa, vì kẻ hoài-nghi đã không làm gì thì chớ lại hay có tính bài-bác người ta, tự mình không làm gì không ai bề được mà thấy người khác hành-động chỉ tìm cách làm cho người ta nản chí ngã lòng. Đến anh ngông thời không khả-ố mà nực cười. Vì ngông tất là cuồng.

nhưng cuồng cũng có năm bảy cách : có cái cuồng cao-thượng là cái cuồng của những kẻ hào-mại siêu-quần, trông thấy thế-linh bí-đội, vũ-trụ hư-không, muốn đem linh-thần ra ngoài chỗ hình-hài mà tiêu-diêu tự-đắc; đó là cái cuồng của ông Trang ông Lão. Nhưng cỗ-kim có mấy ông Trang ông Lão, còn những kẻ giả Lão giả Trang thời chỉ có một tên gồm hết : gọi là những « thẳng đờ » vậy. — Anh em ta chớ nên khinh-bạc, chớ nên hoài-nghi, mà cũng chớ nên mang lấy tiếng thẳng đờ làm chi; đã đặt cái mục-dịch binh-sinh ở chỗ nào thời phải nên tận-tụy mà theo đuổi cho tới. Anh em ta nên tập lấy cái tinh đôn-đốc vậy.

Người đôn-đốc tất là người cần-nghiêm. Cần-nghiêm nghĩa là không coi thường, không khinh-suất, không sặc-nổi, không vội-vàng. Ở nước ta kẻ thanh-niên hay có tính nhẹ-nhàng, người đứng tuổi hay có tính cầu-thả, thông-quốc đều có tính a-dua. Xét lắm việc cử-động của người mình trông như là một dân không có óc, không biết quan-sát, không biết suy-nghĩ, thấy ai làm gì cũng a-dua bắt chước mà làm thường cầu-thả không thành việc bao giờ. Thậm-chi có người ngoại-quốc đã binh-phạm dân Việt-Nam là một dân trẻ con. Ôi! một nước đã có một cuộc lịch-sử hơn bốn nghìn năm mà là nước trẻ con rư? Nhưng sở-dĩ có câu binh-phạm đó là bởi cái thông-bệnh trong nước mình là cái tính nhẹ dạ, cầu-thả và a-dua. Anh em ta nên trừ-khử ba cái tính ác-liệt ấy đi, và nhất-cử nhất-động phải biết cần-trọng, phải biết thủ-nghiêm, cho khỏi mang tiếng là một dân con-nít vậy.

Đã có bấy nhiêu tính hay nét tốt như trên thời tư-cách dẫu chưa gọi được là hoàn-toàn không khuyết, song cũng có thể cho được là thuần-túy không tạp. Có cái tư-cách thuần-túy không tạp thời mới xứng-đáng là kẻ

độc-thư-quân-tử vậy. Nhưng làm người quân-tử độc-thư mà để mình ra ngoài thời-thế, nu-du trong bể thánh rừng nho, ở giữa cái đời sinh-tồn cạnh-tranh, ưu-thắng liệt-bại nay, thời sao cho đang? Cho nên người độc-thư-quân-tử lại phải có cái bụng vị-nghĩa công-tâm mới được. Học-vấn yêm-bác, tư-cách tuyệt vời, mà đem cái tài-học ấy ra thi-thố với đời, còn sự-nghiệp gì cao-thượng bằng. Nhưng trong khi ra tri-trục ở đời, cái bả lợi-danh nó thường làm cho dấm-đuôi lòng quân-tử, khiến cho làm những sự không xứng-đáng với nhân-cách người ta. Cho nên người quân-tử ra đời bao giờ cũng phải hoài-bảo một cái quan-niệm rất cao về phẩm-giá con người. Làm người ai cũng có phẩm-giá, có phẩm-giá mới hơn loài cầm-thú, mà phẩm-giá người quân-tử lại là cao hơn người thường. Người độc-thư-quân-tử phạm cử-động phải giữ cho khỏi tổn đến phẩm-giá mình. Công việc ở đời có một cái giới-hạn tới đó thời không hại đến danh-dự, ra khỏi đó thời có tổn đến phẩm-giá; người độc-thư-quân-tử tất mỗi lúc biết tự hỏi lương-tâm mình mà phân-biệt cái đường giới-hạn ấy rất phân-minh vậy.

Độc-thư-quân-tử, có 1 cái huy-hiệu gì tốt đẹp bằng! Ký-giả xin lấy bốn chữ ấy tặng các ông học-sinh cùng tân-khoa trường Đại-học ta. Hễ các ông gồm được đủ bấy nhiêu tư-cách như trên thời xứng-đáng gọi là kẻ độc-thư-quân-tử, ký-giả rất lấy làm mong-mỏi lắm. Còn cái địa-vị của các ông ở trong xã-hội, cái nghĩa-vụ của các ông đối với nước nhà, thời muốn nói cho tường phải một bài đại-luận mới hết được; bài này đã dài quá rồi, xin dừng bút lại đây và chỉ nói qua một câu rằng cái địa-vị các ông rất cao, cái nghĩa-vụ các ông rất nặng, các ông là người tiên-phong, kẻ khai-đạo, nhà giáo-dục cho cả quốc-dân-ta, hậu-vận

nước nhà mai này hay dở thế nào là ở trong tay các ông vậy....

* *

Oi! người ta mừng các ông tân-khoa thường hay tặng bài thơ đôi liền. Nay ký-giả mừng các ông tân-khoa trường Đại-học ta bằng một bài luận dài như thế này, không phải là dám tự-phụ vì các ông dang-dàn thuyết-pháp, muốn dạy lại những người sau này sắp ra dạy quốc-dân dẫu, không phải thế. Nhưng cái lòng hi-vọng của quốc-dân đối với các ông to rộng lắm, muốn giải bày cho hết ý, bàn bạc cho hết lẽ,

thời một bài như bài này cũng chưa thấm vào đâu. Muốn mừng các ông tân-khoa ta cho xứng-dáng thì phải đến mười bài đại-luận, mấy quyển sách dày mới là thật xứng-dáng vậy. Nhưng giữa buổi trời hè nóng-nực này, ký-giả dẫu nhiệt-thành với các ông đến đâu cũng không có tài nào sức nào đương được một việc to-lát như vậy. Nay hằng có mấy lời mừng tạm này, mong các ông xét lượng vậy.

PHẠM QUỲNH

La littérature contemporaine n'est ni sans richesse ni sans agrément. Mais sa splendeur naturelle est altérée par deux péchés capitaux : l'avarice et l'orgueil. Avouons-le. Nous nous mourons d'orgueil. Nous sommes intelligents, adroits, curieux, inquiets, hardis. Nous savons encore écrire et, si nous raisonnons moins bien que nos anciens, nous sentons peut-être plus vivement. Mais l'orgueil nous tue. Nous voulons étonner, et c'est tout ce que nous voulons. Une seule louange nous touche : celle qui constate notre originalité, comme si l'originalité était quelque chose de désirable en soi et comme s'il n'y avait pas de mauvaises comme de bonnes originalités. Nous nous attribuons follement des vertus créatrices que les plus beaux génies n'eurent jamais ; car ce qu'ils ont ajouté d'eux-mêmes au trésor commun, bien qu'infiniment précieux, est peu de chose au prix de ce qu'ils ont reçu des hommes. L'individualisme développé au point où nous le voyons est un mal dangereux. On songe, malgré soi, à ces temps où l'art n'était pas personnel, où l'artiste sans nom n'avait que le souci de bien faire, où chacun travaillait à l'immense cathédrale, sans autre désir que d'élever harmonieusement vers le ciel la pensée unanime du siècle.

ANATOLE FRANCE

Văn-chương đời nay không phải là không phong-phú, không phải là không phong-thú. Nhưng cái vẻ tốt-đẹp tự-nhiên ấy bị bại cái tật to nó làm giảm giá đi mất : hai tật ấy là tật keo-lận và tật kiêu-căng. Ta phải thú-thật : ta chết về tật kiêu-căng. Ta không phải là không khôn, không khéo, không biết tìm-tòi suy-nghi, bạo-dạn khởi-hành. Ta cũng còn biết làm văn, và dẫu lý-luận có không được đúng bằng cổ-nhân, nhưng cảm-giác có phần mạnh hơn. Song cái tật kiêu-căng nó làm hại ta. Ta muốn làm khác người, nhất-thiết chỉ muốn làm khác người mà thôi. Chỉ có một lời khen là cảm động ta không gì bằng : là khen ta có tài li-kỳ đặc-biệt, không biết rằng cái tài li-kỳ đặc-biệt tự nó không phải là một sự hay, và có cái li-kỳ tốt, nhưng cũng có cái đặc-biệt xấu. Ta mơ cưỡng tưởng rằng mình có cái tài sáng-kiến, không biết rằng tài ấy dẫu các bậc thiên-tài cổ-kim cũng chưa có bao giờ ; vì cái phần của những bậc ấy đã đem giúp thêm vào cái kho báu chung của nhân-loại, tuy có to có quý thật, mà đem sánh với cái phần của các bậc ấy đã được nhờ người ta thời chưa thấm vào đâu vậy. Cái duy-kỷ-chủ-nghĩa mà bành-trướng đến như bậc này nay thời thật là một sự tai-hại. Trông thấy thế mà tự-nhiên hồi-tưởng đến thời-dại xưa kia nghề mĩ-thuật không có riêng ai, nhà mĩ-thuật thường không lưu-danh lại, bình-sinh chỉ chăm làm nghề mình cho tận thiện, mỗi người giúp một phần để dựng nên cái nhà giáo đường nguy-nga kia, cao-ngất giữa trời xanh, như biểu-hiệu cái tư-tưởng chung của cả một thời-dại vậy.

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ LUÂN-LÝ-HỌC NƯỚC TÀU (1)

III

B. — Trang-Tử 莊子

Học trò ông Lão-tử, từ trước đến nay vẫn xưng có ông Trang ông Liệt. Nhưng nay sách *Liệt-tử* truyền lại, là cái sách của người đời Tấn Ngụy làm giả ra, các đấng tiên-hiền đã có định-luận, chỉ để xem cho biết cái tư-tưởng người đời Tấn Ngụy mà thôi, cho nên không kể ở đây, mà chỉ chuyên luận sách *Trang-tử*.

Tiêu-truyện. — Trang-tử tên là Chu 周, người huyện Mông nước Tống, thường làm kẻ lại ở Tất-viên; vua Uy-vương nước Sở cho đón, từ trời không đi, tức là giận đời mà ở ẩn vậy. Xét ông Trang-tử ở về trước đời ông Mạnh-tử, cho nên trong sách *Trang-tử* dấu bác đạo Nho mà không nói đến ông Mạnh; mà ông Mạnh gọi là họ Dương-Chu 楊朱 ấy, tức là Trang-Chu 莊周, vì cổ-âm chữ *Trang* 莊 với chữ *Dương* 楊 chữ *Châu* 周 với chữ *Chu* 朱, đọc hơi giống nhau; cũng như là Tuân-Khanh 荀卿 mà đọc Tôn-Khanh 孫卿 vậy. Ông Mạnh-tử nói rằng: « Họ Dương chỉ biết vì mình mà thôi, nhờ một cái lông mà làm lợi cho thiên-hạ cũng không làm. » Lại rằng: « Lời nói của bọn Dương-Chu, Mặc-Địch, đầy trong thiên-hạ, họ Dương chỉ biết vì mình, đó là đạo vô-quán vậy. » Sách *Lã-thị Xuân-thu* rằng: « Dương-tử chỉ biết quý mình ». *Hoài-nam-tử* nói rằng: « Toàn-tính bảo-chân, không lấy vật lụy bình, thuyết họ Dương lập ra như thế, mà ông Mạnh-tử biện-bác đi. »

Qui-kỷ bảo-chân, tức là cái chính-y của thuyết vị-ngã, trong sách *Trang-Chu* nhiều chỗ nói về ý ấy, như là dẫn lời ông Hứa-Do 許由 rằng: « Ta không cần thiên-hạ làm gì »; ông Liên-Thúc 連叔 rằng: « Muốn đem cái đức một người mà bao-dung cả muôn vật làm thành ra một đời, mong cho đến tri-trị, ai lại chỉ bo bo về việc thiên-hạ như thế được, có khác nào đem bụi-rác tấm-mây mà rèn đúc thành ra Nghiêu Thuấn, ai có cần thế làm gì. » Những ý nói như thế không kể sao cho xiết được, chính là ý ông Mạnh chê rằng nhờ một cái lông mà làm lợi thiên-hạ không thêm làm vậy. Ông Tử-Lộ 子路 chê Trang-Thư 長沮, Kiệt-Nịch 桀溺, bảo rằng: « Bỏ mất nghĩa vua tôi »; lại chê rằng: « Muốn sạch cái thân mình mà loạn mất đại-luân. » Chính cũng như ông Mạnh bác họ Dương là vô-quán vậy. Còn như thiên *Dương-Chu* trong sách *Liệt-tử* thời vì hiểu lầm lời ông Mạnh mà nói phụ-hội ra đó, những lời nói ấy thuần là chủ-nghĩa tư-lợi mà hèn-hạ, không những là không hay cổ-động được thiên-hạ, vả lại trái khác với những lời đạo-đức của nhà Nho; ông Mạnh-Tử sở-dĩ bài-bác không những bác là vô-quán mà thôi, ta sau sẽ xét kỹ, đây hãy nói qua đó thôi.

Học-phái. — Hàn-Dũ nói rằng: « Học-phái ông Tử-Hạ 子夏, sau có ông Điền Tử-Phương 田子方, sau ông Điền Tử-Phương phân-lưu ra là ông Trang-Tử. » Cái thuyết ấy không

(1) Dịch theo sách *Trung-quốc luân-lý-học sử* 中國倫理學史 của ông SAI-CHẤN 蔡振. — Tiếp-tục kỳ trước, N.-P. số 35, trang 419-429.

biết bản ra tự đầu. Nhưng xét ra từ khi có cái học-thuyết Lão-Tử thịnh-hành ở phương Nam, Trang-Tử sinh ra ở khoảng nước Sở nước Ngụy, chịu được cái ảnh-hưởng ấy, mà lại lấy cái tư-tưởng rộng xa siển-phát mãi ra, không những là không nhiệm cái ý - kiến quyền-mưu thuật-số của Lão-tử, mà cái kiến-thức về phần hình-nhi-thượng, cũng có điều tiến-bộ hơn, đã gần tiếp-cận đến học-thuyết của nhà Phật. Trang-tử vượt hẳn ra ngoài chính-trị-giới, mà thuần là một nhà đại-tư-trởng nghiên-cứu về đàng triết-lý. Lúc đời Hán-sơ hay bàn đạo Hoàng Lão, từ đời Tấn Ngụy trở xuống, lại hay bàn đạo Lão Trang, xem đó thời biết Trang-tử với Phật Lão, khác nhau và giống nhau thế nào.

Sách *Trang-tử* còn được 33 thiên : 7 nội-thiên, 15 ngoại - thiên, 11 tạp-thiên. Nội-thiên nghĩa-lý sâu-xa, trước sau quán-chú, chính là chỗ trung-kiên của học - thuyết ông ấy ; ngoại-thiên và tạp-thiên thời phản-phức suy-minh thêm ra. Thiên *Thiên-hạ* ở mục tạp-thiên thời kể cả đạo-thuật của các nhà ra mà phê-bình, và tự bày tỏ cái tôn-chỉ của mình, cùng với Lão-tử có hơi khác, tức là lời ông Trang-tử tự-thuật vậy.

Thế-giới-quan và nhân-sinh-quan. — Trang-tử cho thế-giới là bởi cái hiện-tượng tương-đối mà thành-lập, nhưng cái bản-thể nó thời là thuộc về tuyệt-đối, nghĩa là vô-vi, vô-thủy, vô-chung, mà vẫn còn mãi, ấy tức là đạo, cho nên nói rằng : « Kia vì không có cái sánh đôi được nên gọi là đạo. » Lại rằng : « Đạo chứa từng có đôi. » Bởi thế nên nhân-sinh-quan, cũng phải lấy phản-bản phục-thủy⁽¹⁾ làm chủ-nghĩa,

đó là vượt qua ngoại tương-đối-giới⁽²⁾, mà nhận biết cái bản-thể tuyệt-đối vô-chung, để định yên cái tâm-ý mình ; muốn đạt cái chủ-nghĩa ấy, thời phải hư-tĩnh điềm-đạm, tuyệt hết cả những sự tác-vi uốn-nắn, đều phó tự-nhiên cả, quên thiện ác, thoát cả khổ-ách, chỉ lấy vô-vi xử với đời. Cho nên nói rằng : « Đại-khối chỗ ta lấy cái hình, nhọc ta lấy sự sống, nhân-đãi ta lấy cảnh già, yên nghỉ ta lấy cõi chết, cho nên ta thiện-xử lúc sinh, tức là ta thiện-xử lúc chết vậy. » Ôi ! sống chết còn không động lòng; lại còn kể chi đến thiện ác nữa !

Hễ ai đạt được cái chủ-nghĩa phản-bản phục-thủy, thời Trang-Tử gọi là bậc chân-nhân, cũng gọi là thần-nhân, hay là thánh-nhân, mà khen là bậc toàn-tài. Ở thiên *Đại-tôn-sư* đã từng nói rõ ra rằng : « Bậc chân-nhân đời xưa, không trái nghịch kẻ hèn, không hung-hăng lập thành, không khinh-miệt kẻ sĩ; như thế dầu lầm-lỗi cũng không hối-hận, thành-công được cũng không dám tự-đắc ; lên cao cũng không run, vào nước cũng chẳng ướt, vào lửa cũng chẳng nóng, lúc thức không lo, lúc nghỉ thời thiêm-thiếp. » Lại rằng : « Không biết yêu cái sống, không biết ghét cái chết, lúc ra chẳng hân-hạnh, lúc vào chẳng chống-cự, đi lại phiêu-nhiên, không quên lúc kỳ-thủy, không cầu lúc sở-chung, chịu được mà hân-hỉ, quên đi mà phục lại, thế gọi là không lấy tâm mà bỏ mất đạo, không lấy người mà giúp thêm trời, ấy là bậc chân-nhân. » Đại-đề các thiên khác cũng đều diễn một ý như thế.

Cái phương-pháp tu-vi. — Phạm người ta muốn vượt qua tương-đối-giới, mà đạt lên đến cực-đối-giới, thời

(1) *Phản bản phục thủy* 反本復始 = Trở lại căn-bản, phục lại từ lúc nguyên-thủy.

(2) *Tương-đối* 相對, tức chữ tây gọi là *relatif*, nghĩa là cái gì có thể sánh với cái khác được, *tuyệt-đối* 絕對 là *absolu*, cái gì không sánh với cái khác được. — Như trong triết-học của ông KANT thời « tương-đối-giới » tức là *monde phénoménal*, và « tuyệt-đối-giới » là *monde nouménal*.

phải có cái phương-pháp tu-vi, ông Trang-Tử nói cái nghĩa thiên-cận rằng : « Bớt cái sự vụt-động của chí, giải cái sự làm-lỗi của tâm, bỏ điều lụy của đức, thông cái đường lấp của đạo. *Quit, phủ, hiền, nghiêm, danh, lợi*, sáu điều ấy hay làm cho vụt-động cái chí. *Dung, động, sắc, lý, khí, ý*, sáu điều ấy hay làm cho làm-lỗi cái tâm. *Ghét, muốn, mừng, giận, thương, vui*, sáu điều ấy hay làm cho lụy cái đức. *Đi, lại, lấy, cho, hay, biết*, sáu điều ấy hay làm cho lấp mất đạo. Bốn cái sáu điều hại ở trên ấy không để cho động đến trong bụng, thời bụng chính, chính thời tĩnh, tĩnh thời sáng-láng, sáng thời hư-không, hư-không thời không làm gì, mà không phải là không làm. » Đó là cái phép tu-vi thuộc về tiêu-cực vậy. Lại rằng : « Đạo là che-chở cả muôn vật, rầy-rây vậy lớn lắm thay, cho nên người quân-tử phải hư tâm để xét ; vô-vi mà vẫn làm ấy gọi là trời, vô-vi mà vẫn nói ấy gọi là đức, yêu người lợi vật ấy gọi là nhân, hòa-đồng được cả điều bất-đồng ấy gọi là lớn, nết làm không lập-dị ấy gọi là khoan, có hàng vạn cái bất-đồng ấy gọi là giàu, giữ được đức ấy gọi là có cương-kỷ, nên được đức ấy là thành-lập, noi theo đạo mà làm là dự-bị, không phải ngoại-vật nó nên mất chí ấy là hoàn-toàn ; người quân-tử biết tỏ mười điều ấy chứa ở trong tâm rất lớn lao, rồi tràn ra khắp muôn vật vậy. » Ấy là cái phép tu-vi thuộc về tích-cực vậy. Nói rút lại thời là trước bỏ điều vật-dục, rồi cứ phó mặc tự-nhiên cho tiến mãi lên.

Nội-tĩnh. — Bỏ bốn cái sáu điều hại, sáng tỏ mười việc như ở trên đó, là cái phép tu - vi đối với ngoại - giới. Trang-Tử lại tiến lên mà phát-minh cái công-phu nội-tĩnh, gọi là *tâm-trai*. Ở thiên *Nhân-gian-thế* nói rằng : « Thầy Nhan-Hồi hỏi tâm-trai. Đức Trọng-Ni đáp rằng : « Cốt ở định chí ; không những nghe bằng tai mà nghe bằng

tâm, không những nghe bằng tâm mà nghe bằng khí ; tiếng nghe chỉ ở ngoài tai, tâm nghe chỉ ở dấu tích, khi thời hư-không mà dãi vật ; đạo là ở hư-không, hư - không là tâm-trai vậy. » Đó nói tâm-trai là tuyệt cả bụng vọng-tưởng mà phát-hiện cái chân-tĩnh ra vậy. Ông Trang-Tử lại hình-dung cái trạng-thái nói rằng : « Nam-quách Tử Cự tựa ghế mà ngồi, ngửa mặt lên trời mà than, ngậm-ngùi vậy như mất lứa đôi. Nhan-thành Tử-Du hỏi rằng : « Làm sao thế vậy ? hình anh có thể khiến như cây gỗ khô, mà tâm anh có thể khiến như tro nguội được không? » Đức Khổng-Tử yết-kiến ông Lão-Tử, Lão-Tử mới gọi đầu xong, đương phơi tóc cho khô, nóng nẩy hình như không phải là người, đức Khổng-Tử tiến-kiến nói rằng : « Trước kia hình-thể tiên-sinh cứng như cây gỗ khô, hình như bỏ sót đời lia người mà đứng một mình. » Lão-Tử nói rằng : « Ta đương chơi ở ngoài vòng nguyên-thủy muôn vật. » Chơi ở ngoài vòng nguyên-thủy muôn vật, tức là cái tác-dụng của tâm-trai vậy. Nói cái phương-pháp tu-vi thời bảo rằng : « Ta giữ tâm-trai được ba ngày thời ra ngoài được thiên-hạ ; giữ được bảy ngày thời ra ngoài được muôn vật ; lại giữ được chín ngày thời ngoài được cả sự sống ; hay ngoài sự sống thời hay sáng-suốt, hay sáng-suốt thời hay trông thấy lúc một mình, hay trông thấy lúc một mình thời không còn kể gì cồ-kim, không kể gì cồ-kim thời hay vào đến cõi bất-tử bất-sinh. » Lại rằng : « Một năm mà phác-dã, hai năm mà thuận-tùng, ba năm mà thông-suốt, bốn năm mà hóa-vật, năm năm mà lai-phục, sáu năm mà như quỷ-nhập, bảy năm mà như thiên-thành, tám năm thời không biết sống không biết chết, chín năm thời đại-diệu. » Đó là ở trong thế-giới tương-đối, ngoài cái vật-chất và hai cái hình-thức không-gian thời-gian, đều không có gì cả.

Trang-Tử bảo rằng gác ngoài muôn vật và không kể cồ-kim, thời tức là vượt qua vật-chất và thời-gian không-gian, thuần là cái quan-niệm tuyệt-đối-thể-giới ; hoặc nói tự ba ngày cho đến chín ngày, một năm cho đến chín năm, cũng chẳng qua là đặt cái trình-độ tiệm - tiến phỏng - chừng ra như thế, duy có khác nhau là trên nói cái công-phụ, mà dưới là nói cái hiệu-nghiệm. Trang-tử gọi là tâm-trai cũng giống như nhà Phật bảo là tọa-thiền⁽¹⁾, xem đó thời biết tư-tướng phương Nam cũng khế-hợp như tư-tướng Ấn-độ vậy.

Lời bàn bác lại cái tư-tướng phương Bắc — Tư-tướng của Trang-tử như thế, nên cùng với tư-tướng phương Bắc chỉ chuyên lấy lễ-giáo của người đặt ra làm cái tác-dụng để điều-nhiếp tâm-tính, hai đảng như là băng thán không ưa nhau, cho nên những đế-vương mà nhà Nho sùng-bái, thời Trang-tử hay bài-bác bảo rằng : « Đời tam-hoàng ngũ-đế trị thiên-hạ, tiếng rằng là trị, mà rất là loạn, khiến người ta không được yên cái tình tính-mệnh, thế mà còn bảo là thánh-nhân, lại chẳng nên xấu hổ ru? » Lại rằng : « Xưa kia đời Hoàng-đế lấy nhân-nghĩa nhồi vào bụng người ta, Nghiêu Thuấn vì thế vẽ đùi không thịt, ống chân không lông, chịu khó để nuôi cái hình cho thiên-hạ ; lại sàu-não cả ngũ-tạng để làm nhân nghĩa, căng-trì cả khí-huyết để cho đúng khuôn-phép ; thế mà còn không trị nổi. Vua Nghiêu vì thế mới phải đuổi người Hoan-Đầu, ruồng rợ Tam-miêu, đẩy người Cung-công, thế là không trị nổi thiên-hạ vậy. Xướng đến đời Tam-vương thiên-hạ lại sợ hãi lắm, dưới có Kiệt Trich, trên có Tăng Sử, mà phái Nho họ Mặc lại đều nổi cả lên, vì thế mừng giận cùng ngờ nhau, ngu tri cùng lừa nhau, phải với

trái cùng bác lẫn nhau, đối-đối lẫn cùng chế lẫn nhau, thiên-hạ lộn nhào suy vậy. Đức lớn không đồng với nhau, tính-mệnh thành ra nát nát cả ; thiên-hạ chuộng trí khôn mà cái lòng hi-vọng của trăm họ kiệt vậy ; mới chế ra cửa riu, thắt vào thừng mặc, quyết đến cõi dùi, thiên-hạ dần dần đến đại-loạn, đó là tội tại lấy nhân-nghĩa nhồi vào bụng người vậy ». Suốt trong pho *Trang-tử* nói như thế rất nhiều, đại-ý chẳng qua là chê các bậc thánh-nhân chuộng trí-tuệ, đặt ra thứ-bậc chỉ gây ra cái mối tranh-loạn mà thôi.

Bài-bác nhân-nghĩa. — Nho-gia yết cái nêu đề làm đạo-đức ấy là nhân-nghĩa, cho nên Trang-Tử hết sức bài-bác nói rằng : « Quặt ngón chân, chống ngón tay, có phải tự tính đau, mà gọi ngoa là đức ; phụ cái bấu, đeo cái vấu, có phải tự hình đau, mà gọi ngoa là tính ; bày ra nhiều phương nhân-nghĩa để mà dùng, có phải là bày ra tự ngũ-tạng đau ; không phải là đạo-đức chính vậy. Cái tính nó dài không phải chặt, cái tính nó ngắn không phải nối, không phải lo chi cả. Nhân nghĩa há phải là tính người đau, người nhân kia sao khéo hay lo vậy. Vả lại đợi mực-thước khuôn-phép mà mới chính được, thế là tước mất bản-tính vậy ; đợi dây-nút keo-sơn mà mới bền được, thế là lẫn mất đức vậy ; khúm-núm lễ-nhạc, rử-rỉ nhân-nghĩa, để yên-ùi lòng thiên-hạ, thế là sai mất lẽ thường-nhiên ; lẽ thường-nhiên thời thiên-hạ đều nhờ về đó mà sống mà vẫn không biết sở-dĩ thế nào mà sống, đều cùng được cả mà vẫn không biết sở-dĩ thế nào mà được ; cho nên cồ kim không hai, mà không thể khuy-khuyết được, can gì lại phải đeo lấy nhân-nghĩa liền như keo-sơn như dây-

(1) Tọa-thiền 坐禪 = ngồi yên lặng, tâm niệm hư không ; tức tiếng Ấn-độ là *dhya-na*.

chac mà dăm-thăm khoảng đạo-đức làm vậy.» Nhà nho mà bảo làm nhân nghĩa là vốn dễ chi-loạn; nhưng tự Trang-Tử xem ra, thời vì nhân nghĩa mà lại sinh ra loạn, vì là không thuận tính người vậy.

Đạo-đức cũng có đổi dời. — Ý Trang-Tử bảo rằng người đời gọi là đạo-đức, không có nhất-định, thường nhân từng lúc từng chỗ mà đổi dời, cho nên nói rằng: « Đi nước không gì bằng dùng thuyền, đi cạn không gì bằng dùng xe; vì thuyền có thể đi nước được, mà đây lên trên cạn thời suốt đời không thể đi được một chút nào. Cỗ kim không phải như nước với cạn hay sao? Nhà Chu nước Lỗ không phải như thuyền với xe hay sao? Nay đem đạo nhà Chu làm ở nước Lỗ, cũng như là đẩy thuyền lên cạn, khó nhọc mà vô-công, tất đến tai-va. Kia như lễ-nghĩa pháp-độ, phải tùy thời mà biến-thiên mới được, nay thử bắt con vượn con khỉ mà cho mặc cái áo của ông Chu-công, thời nó lắt cằn cào xé ra cho kỳ hết mới thỏa lòng. Cỗ với kim khác nhau, cũng như là giống vượn giống khỉ khác nhau với ông Chu-công vậy.» Trang-Tử bàn như thế, dấu là thiên về đảng quá-kích, song về phái nho-gia mật-lưu, vẫn cho đạo-đức là nhất-định không đổi được, không biết nghiên-cứu tùy thời tùy nơi có khác nhau, mà muốn đưa cả tính người ta đức làm một lò, thời phải nên lấy lời nói của Trang-Tử ấy làm được-thạch.

Cái giá-trị của đạo-đức. — Trang-Tử thấy đạo-đức phải tùy thời tùy nơi mà đổi dời, thời cho là vốn không có cái tiêu - chuẩn nhất - định, chỉ do người tiên - giác trong xã - hội, nhờ được cái thế-lực lâm-dân, mà cứ tự ý sáng-lập-ra, phạm nhân-dân cứ noi

theo mà làm, duyên-tập lâu mãi rồi thành quen; nếu xét lại cái gốc thời đủ biết rằng đạo-đức vốn không có giá-trị, cứ noi theo ấy đều là lũ đua đòi cả, cho nên nói rằng: « Hiếu-tử không có đua nịnh đấng thân, trung-thần không có đua nịnh vua, nếu cứ theo lời nói việc làm của đấng quân thân mà cho làm phải làm hay, thời thế-tục chê là người thần-tử bất-tiểu; thế-tục bảo là phải cũng ừ là phải, thế-tục bảo là hay cũng ừ là hay, như thế chẳng phải là người nói đua vậy ru?»

Nói về đạo-đức có lợi hại. — Đạo-đức đã là việc cả của phạm-dân, thời từ phạm-dân trở lên, tất không hay giữ được cái uy-nghiêm đồng-nhất, cho nên không những bậc đại-thánh, cả đến kẻ đại-đạo (1) cũng có thể lấy đạo-đức làm lợi-dụng, cho nên nói rằng: « Vì phải phòng-bị đũa kẻ trộm nó hay tách tráp, dó túi, mở hòm, thời phải buộc chặt giây giàng, đóng bèn then khóa, thế-tục vẫn cho là khôn; nhưng đến khi kẻ trộm lớn nó đến, thời nó vác hòm cắp tráp dó túi mà bước đảo đi, nó chỉ sợ dây giàng then khóa không được bèn chặt mà thôi; thế thời trước kia bảo rằng khôn, cũng chẳng qua là tích lại cho kẻ trộm vậy. Bởi thế mà xem, thế-tục gọi là khôn chẳng phải là tích cho kẻ trộm lớn hay sao? gọi là thánh chẳng phải là giữ cho kẻ trộm lớn hay sao? Sao lại biết như thế vậy? Xưa kia nước Tề sở-dĩ lập được tôn-miếu xã-tắc, trị thành ra được châu-quận làng xóm, chẳng phải bắt chước phép của ông thánh-nhân là gì. Song nhất-đán người Điền-Thánh-Tử giết vua nước Tề cướp lấy nước Tề, nào có những cướp lấy nước Tề mà thôi đâu! Lại ăn trộm cả cái phương-phép thánh-trị, nước

(1) Đại-đạo 大盜 là kẻ trộm cướp lớn.

nhỏ không ai dám chê, nước lớn không ai dám trách, chiếm giữ nước Tề đã được mười hai đời, đồ chẳng phải là trộm lấy nước Tề và trộm cả lấy phương-phép thánh-trị để thủ-thân cho kẻ trộm cướp hay sao? Học trò người Trích hỏi Trích rằng: « Đi ăn trộm có đạo gì không? » Trích nói: « Làm nghề gì mà không có đạo, xem như lều biết chỗ chứa của ở trong nhà thế là *thánh*, đi vào trước thế là *dũng*, đi ra sau thế là *nghĩa*, biết phải chăng thế là *tri*, chia đều thế là *nhân*, năm đức ấy không đủ mà làm thành được người trộm lớn, chưa có thể bao giờ. » Xem đó thời biết người thiện không được đạo ông thánh-nhân thời không lập được, người Trích không được đạo ông thánh-nhân thời không làm được; trong thiên-hạ người thiện ít mà người bất-thiện nhiều, thế thời thánh-nhân làm lợi cho thiên-hạ ít mà làm hại cho thiên-hạ nhiều, ông thánh-nhân có chết đi, thời kẻ trộm lớn mới không nổi lên được. » Trang-Tử bàn như thế là răn về cái tệ cuối đời Chu chỉ câu-nệ khiên-dẫn danh-nghĩa, gọi là đạo-đức nhân-nghĩa, chỉ làm cái đồ lợi-dụng cho kẻ trộm lớn, muốn trừ bỏ kẻ trộm lớn, thời tất phải vứt cả cái đồ lợi-dụng ấy đi, ấy là cái đạo chính gốc thanh-nguồn vậy.

Kết-luận. — Từ thời vua Nghiêu, vua Thuấn mới nói đến lễ-giáo, trải nhà Hạ qua nhà Thương, đến nhà Chu thời đủ cả, cái tôn-chỉ chỉ cốt là phân-biệt trên dưới, tự chốn gia-đình cho đến chốn triều-miếu, đều hay kẻ nhỏ không dám lăng kẻ lớn, kẻ hèn không dám lăng kẻ sang, thời là trang-an vô-sự. Đến về sau lưu-tệ, dấu còn cái hình-thức mà mất cả cái tinh-thần. Kẻ nào có sức mạnh như là người Diên-Thường, Đạo Trích, thời quyết không lấy lễ-giáo mà hạn-chế, họ được lại nhờ được lễ-giáo để làm cái kiềm-chế kẻ yếu hèn. Nhà nho muốn cứu

cái tệ ấy, sửa sang lễ-giáo, khiến cho kẻ sang người hèn đều nép ^{đi} vào trong khuôn phép. Phái đạo-giáo thời phản-đối lại, bảo rằng lễ-phép đương-thời, ngoài cái sự thúc-phục tự-do của nhân-dân, thời không có hiệu-lực gì cả, phải nên quyết bỏ đi. Lão-Tử đã có câu nói rằng: « Thánh-nhân bất-nhân, coi vạn-vật như chó rom. » Trang-Tử lại nói rộng mãi cái nghĩa ấy ra, phàn-những chính-trị từ đời Đường Ngu trở lại, đều bài-bác tuốt cả, thường khen Hứa-Do là người phương Bắc mà bạc thiên-hạ không thêm làm. Bởi cứ cái lễ quan-sát tiêu-cực, thời muốn bỏ hết cả những điều khen chê thưởng phạt trong khoảng phong-tục chính-trị, khiến cho ai ai cũng không mất cái tự-do, người nào cũng đều chăm việc của người ấy, đều được phần của người ấy, không việc gì phải lờn người để hại mình, mà cũng không phải tổn mình để lợi người, cũng quên cả đi không có phân-biệt gì thiện ác cả; cứ theo cái quan-sát tích-cực mà xem thời cho thế-giới là vô-thường, nhân-sinh như giấc mộng. người ta hay theo hướng về cái quan-niệm thực-thể thế-giới mà tiến-hành, thời không phải những điều họa-phúc tử-sinh trên thế-giới nó chuyển-động, mà bỏ hết được cái lòng ghen ghét sợ hãi, không phải cậy gì đến lễ-giáo cả. Cứ như thuyết ông ấy thời ở về phương-diện xã-hội, cũng gần giống như cái chủ-nghĩa tối-tân xã-hội ngày nay; ở về phương-diện học-lý, muốn gần giống như cái học thần-đạo tối-tân; còn như lý-luận thời bàn vượt ra ngoài cái giới-hạn luân-lý-học mà thuộc về đảng thuần-túy triết-học, đây là trích lấy những điều có quan-bệ đến luân-lý, mà ghi chép đại-lược như trên kia vậy.

3. — Nông-giá

Hứa Hành 許行

Học-thuyết của phái nông-gia truyền đến cuối đời Chu rất ít, mà có quan-hệ đến học-thuyết luân-lý ấy, thời chỉ có đạo ông Hứa-Hành; mà đạo ông ấy thời lữ tân-tiến là Trần-Tương 陳相 truyền-thuật lại, và thấy thuật ra ở sách Mạnh-Tử là phái phản-đối, thời cái chân-trưởng đạo ấy thế nào cũng không biết hết được. Song cứ xem như mấy lời thuật ở trong sách Mạnh-Tử mà dò xét ra, cũng có thể biết được cái ngành-khái học-thuyết của ông ấy vậy.

Tiểu-truyện. — Hứa Hành người nước Sở, đương thời vua Văn-công nước Đổng, đem đồ-dệt và mười người đến nước Đổng, đều mặc áo cát⁽¹⁾, đóng dệp, dệt chiếu để làm ăn.

Nói về nghĩa-vụ với quyền-lợi bình-dẳng nhau. — Thương Ương 商鞅 khen đời Thần-Nông rằng: « Bỏ chông cày lấy mà ăn, nung dầu dệt lấy mà mặc, hình-chính không phải dụng đến mà trị » Sách Lã - thị xuân-thu khen cái giáo đời Thần-nông rằng: « Con trai cả năm mà không cày, thời thiện-hạ có khi phải chịu đói; con gái cả năm mà không dệt, thời thiện-hạ có khi phải chịu rét. » Đương lúc nghiệp nông mới khởi lên, sự thực vẫn như thế thật, Hứa Hành mới bản cái sự-thực ấy suy-diễn ra làm thành một học-thuyết, bảo rằng người ta cứ đều hết cái tài của mình, chớ hoặc làm kiệm quá; đều lấy sự cần-nhu của mình, chớ hoặc làm phong quá; cho nên nói rằng: « Vua hiền ấy cùng dân đều cày mà ăn, cùng nấu nướng lấy ăn mà làm trị. Nay nước Đổng có

lập ra kho dựn phủ khố, thế là làm hại dân để lấy của tự nuôi mình vậy. » Hứa Hành cùng với lữ đồ-dệt chỉ lấy việc đóng dệp dệt chiếu làm nghề nghiệp, há lại không biết cái nghĩa thông-công dịch-sự, song những lời ông Mạnh-Tử bảo làm vua phải lao-tám, phải lo việc thiên-hạ, tự ý Hứa Hành xem ra, thời không bằng vô-vi nhi-trị là hơn.

Vật-giá tề-nhất. — Trần-Tương nói rằng: « Theo đạo ông Hứa-Tử, thời chợ không hai giá, lụa vải dài ngắn cùng bằng nhau, gai sợi tơ bông nặng nhẹ cùng bằng nhau, loài ngũ-cốc nhiều ít cùng giống nhau, dệp lớn nhỏ cùng bằng, thời giá bằng nhau cả. » Ý Hứa Hành bảo rằng những công việc lao-lực tức là cái căn-bản của vật-giá, mà phạm đồ tư-liệu thời là của công cả, chỉ chuyên sự thực-dụng, chớ không chuộng những điều phân-hoa mỹ-lệ, mà phân ra trên dưới, biệt ra thứ bậc, vật-giá thời cứ kể lượng-số bằng nhau, không kể gì tinh với thô vậy. Các nhà xã-hội chủ-nghĩa mới đây, khái về cái nghiệp công thương hưng-thịnh quá, người thôn-dã đua nhau ra ở thành-thị, tức là cái nguyên-nhân làm cho người bần kẻ phú mỗi ngày xa cách nhau; có người phản - đối lại sự vật - chất văn-minh, mà chủ-trị cái thuyết thượng-nông phản-phác,⁽²⁾ cũng là về dòng Hứa Hành vậy.

Kết-luận. — Cái quan-niệm của Hứa Hành đối với chính-trị-giới, cũng giống như Trang-Tử, xem như khen đời vua Thần-Nông, thời cũng như phái đạo-gia khen đời vua Hoàng-Đế, không thèm kể đến cái danh-giáo từ đời vua Nghiêu vua Thuấn trở xuống, thời rõ là chi-phái một nhà tư-tướng phương

1) Cát 褐 = là áo vải dài rộng người làm ăn xưa hay mặc.

2) Thượng-nông phản-phác 尙農返樸 = chuộng việc canh-nông, trở lại đời thuần-phác.

Nam. Ông Mạnh-Tử công kích người Trần-Trương nói rằng : « Trần-Lương 陳良 sinh-sản ở nước Sở, mà còn biết vui lòng mộ đạo ông Chu ông Khổng, sang phương Bắc học ở Trung-quốc, người học-giả phương Bắc chưa dễ dãi ai hơn được. » Lại rằng : « Nay có người Nam-man nói riu lưỡi, không phải đạo đấng tiên-vương, người liền bội thầy người mà đi theo học người ấy. » Xem đó thời rõ cái hiện-tượng tư-trào phương Nam với phương Bắc không dung nhau. Nhưng lúc ấy cái tư-trào phương Nam, đã tiêm-nhiễm dần sang phương Bắc rồi, xem như Trần Trọng-Tử 陳仲子 nước Tề, cái

chủ-nghĩa cũng giống như Hưng-anh 許安. Trọng-Tử là con nhà thế-gia nước Tề, anh là Đái-Cáp ăn lộc nước chư hầu. Trọng-Tử cho cái lộc của anh là lộc bất-nghĩa mà không thêm ăn, cái nhà của anh là cái nhà bất-nghĩa mà không thêm ở, trốn anh lia mẹ, ra ở đất Ô-lăng, mình tự dệt dép, vợ thời róc gai, đề đòi lấy thóc ăn. Ông Mạnh-Tử nói rằng : « Trọng-Tử bất-nghĩa, cho lấy nước Tề mà không chịu lấy. » Lại rằng : « Trọng-Tử bỏ cả thân-thích vua tôi trên dưới. » Xem đó thời biết thực thuần-tủy là tư-tướng phương Nam vậy.

ĐÔNG-CHÂU dịch

LIỆT-NỮ NƯỚC TA

I Nguyễn Thị-Kim

Bà Nguyễn Thị-Kim người ở làng Tì-bà, huyện Lương-tài, tỉnh Bắc-ninh, cung-tần vua Lê Chiêu-Thống. Khi Tôn Sĩ-Nghị thua rồi-thời vua Chiêu-Thống chạy sang nhà Thanh, bà không theo đi được về ẩn ở chốn hương-thôn, không ai biết cả. Năm Gia-Long thứ ba, vua Chiêu-Thống mất ở bên Tàu đem quan tài về Thăng-long (Hà-nội), bà tới quan khóc-lóc thăm-thương và phục-tang. Xong các việc, bà bảo người nhà rằng : « Việc ta như thế là hết rồi. » Bèn uống thuốc độc chết. Quan tổng-trấn là ông Nguyễn Văn-Thành cấp đồ tang-ma rất là long-trọng, rồi ngài lại xin nhà vua biểu-dương cái tiết bà mà ban chữ vàng khen. Vua Minh-mạnh lên ngôi sai dựng bia đá ở làng bà, khắc bốn chữ « An-trinh tuấn-tiết », nghĩa là khen bà giữ trinh-tiết chết theo chồng, cấp hai người mộ-phu để dọn-dẹp ma

bà và hai mươi mẫu ruộng thờ, khiến người họ Lê nhận lấy để cúng đố.

II

Nguyễn Thị-Ngữ

Bà Nguyễn Thị-Ngữ nguyên tiên-tổ người ở Quảng-bình, sau lấy quan Thiếu-sư Đặng Đức-Siêu người ở Hương-trà thuộc về Thừa-thiên. Năm mười-lăm tuổi về nhà chồng sinh được một trai một gái. Hồi loạn Tây-sơn quan Thiếu-sư Đặng bỏ nhà vào Gia-dịnh, lúc bấy giờ phu-nhân mới hai-mươi-mốt tuổi, phòng the giữ lễ, dạy dỗ con cái. Tướng Tây-sơn là Tư-đồ Thiếu-phó muốn lấy làm vợ, phu-nhân thề không dỗi tiết. Năm Minh-mạnh thứ tám sắc ban bốn chữ « Đổng-quản phương-phiêu », cho nhà ở và vàng bạc vóc nhiều, năm Thiệu-trị thứ hai ban cho sâm, quế, áo, lụa ; thọ được tám mươi hai tuổi mất. Lại được ban cấp vào hạng vợ công-thần. Ôi ! giữ trọn được phụ-đạo, khiến cho triều-

định **ông-vọng**, há chẳng đáng kính
lâm?

III

Hoàng Thị-Hân

Bà Hoàng Thị-Hân người ở Hiệp-hòa tỉnh Bắc-ninh, vợ ông Vũ Nguyên-Lượng làm Chiêu-thảo-sứ. Bà đau vì ông chồng chết về tay giặc. Năm Tân-dậu đi lần đến quân-thứ ở Thi-nại. Nhân ông Đặng Trần-Thường đưa vào yết-kiến vua đem linh-bình giặc tâu vua biết. Rồi lại vàng mệnh đi lên ra, bị tên Quang - Thủy bắt được, bà không chịu nhục đâm cổ mà chết. Bà không có con, đến năm Gia-long thứ nhất, vua tập-ấm cho người cháu để trông nom việc thờ-phụng bà, cấp cho mười mẫu ruộng tự-điền. Sau người cháu can về việc làm giặc, ruộng ấy một-nhập vào của công. Trước đền thờ ông Lượng ở Nghệ-an, đền thờ bà ở Bắc-ninh, các bằng-sắc vua ban đều mất-mát về việc trộm cướp cả. Sau cải lại đem ông Lượng cùng với ông Điền hợp lại cùng thờ một đền ở Nghệ-an.

IV

Thị-Tĩnh

Thị-Tĩnh không biết quê-quán họ hàng là gì, là vợ tên Hoàng làm Chưởng-cơ. Lúc mới trung-hưng, giặc vào nhiều-loạn Gia-định, quân của nhà vua ta không được lợi. Thị-Tĩnh bị giặc bắt mà tên Hoàng thời thoát được. Thị bị giặc giải về Qui-nhân. Trại ở núi Diệp-thạch, năm Qui-mão tên Hoàng lại bị giặc bắt nốt, giặc dụ tên Hoàng lấy sự lợi để lưu dùng về sau, mà tên Hoàng không chịu hàng nên bị giặc giết. Thị ở Qui-nhân nghe thấy tin ấy đâm đầu xuống sông chết.

V

Nguyễn Thị-Hảo

Quê-quán không biết ở đâu. Bà Nguyễn Thị-Hảo là vợ quan tri-ba

Phan Văn-Hân, hồi mới trung-hưng vào năm Canh-thân, ông Vũ-Tĩnh trấn ở Bình-định bị giặc đánh vây thành, bà theo ông Hân ở trong thành bị vây, ông Tĩnh sai đem mật-biểu ra Thi-nại., đi đường bị giặc bắt, khảo-tấn hết cách bà không nói một điều gì, thừa cơ bà nhảy xuống sông tự-vẫn.

VI

Phan Thị-Trang

Bà Phan Thị-Trang người ở La-sơn tỉnh Nghệ-an, năm mười bảy tuổi cha mẹ hứa gả chồng, chưa kịp cưới về làm dâu thời người chồng đã bị chết đuối. Bà nghe thấy truyện, xin với cha mẹ đến chịu tang, cha mẹ cũng cho đi đến làm ma chồng để trở ba năm, chân không ra đến đường chợ. Hết tang người ta tranh hỏi dạm, mẹ chồng khuyên cải-giá không theo, xin lập người cháu chồng làm thừa-tự. Mẹ chồng chết ma chạy đủ lễ, khổ-tiết giữ mình, đến năm ba mươi bảy tuổi thời mất. Năm Minh-mạnh thứ tám vua ban chữ vàng cheo ở cửa nhà.

VII

Nguyễn Thị-Ý

Bà Nguyễn Thị-Ý người ở Sơn-vi tỉnh Sơn-tây, năm mười lăm tuổi lấy chồng học-trò là ông Nguyễn-Hiền, sinh được một người con gái và một người con trai. Năm bà hai mươi bốn tuổi thời ông Hiền chết, mẹ chồng thương con dâu góa sớm muốn cho con dâu cải-giá. Nhà bà đã hứa gả cho một người định ngày đến cưới, bà biết truyện bèn ra sông tự-lặn, khi deo mình xuống sông làng-xóm họ-mạc ra cứu được khỏi chết. Hai bên cha mẹ sợ mới đình sự gả chồng cho bà lại, bà đành ở góa nuôi dạy con trai con gái đến già. Triều-định thấy tiết-thảo như thế, năm Minh-mạnh thứ tám ban chữ vàng khen.

VIII

Trần Thị-Tuần

Bà Trần Thị-Tuần người ở An-lạc tỉnh Sơn-tây. Năm mười một tuổi lấy ông Trần Hữu-Lệ. Năm mười tám tuổi chồng chết chưa có con cái chi cả. Nhan-sắc bà lại đẹp cho nên nhiều kẻ ong ve đưa lời dạm hỏi chồng gheo. cha mẹ thương con góa sớm, lấy tình nói với cha mẹ chồng để cho bà tái-giá. Cha mẹ ông Trần Hữu-Lệ cũng ưng thuận như thế. Bà nói rằng: « Đạo nghĩa người đàn-bà thời chỉ theo một người chồng mà trọn đời, còn có mặt mũi nào lại còn dầm vào cửa người khác một lần nữa được! » Không nghe. Bà mẹ cứ đi lại dỗ-dành mãi, bà lấy lời ngọt-ngào mà từ-khước, mẹ cứ nằng-nặc ép-uổng, bà không làm thế nào được, mới thừa-cơ đến trước chỗ linh-sàng thờ chồng, đốt hương lên vừa lạy chồng vừa khóc, trong tay cầm một chén, ngồi sụp xuống mà nói rằng: « Xin chết theo chàng cho trọn đạo nghĩa vợ chồng ta... » Nói chưa dứt lời, thời mẹ chồng ở đầu chạy đến, dật lấy cái chén xem thời ra trong có thuốc độc. Từ đấy không ai dám dỗ-dành bà lấy chồng nữa vậy. Bà thờ cha mẹ chồng ở góa cho đến già. Năm Minh-mạnh thứ tám vua ban chữ vàng khen.

IX

Thái Thị-Oanh

Bà Thái Thị-Oanh người ở Đông-thành tỉnh Nghệ-an. Năm hai mươi tuổi lấy chồng ở trong làng, đương có thai mà ông chồng chết, bố chồng cũng chết theo. Mẹ chồng thời già yếu, nhà lại nghèo khổ lắm. Bà Thái Thị-Oanh giữ tang phụng - dưỡng mẹ chồng, chăm-chỉ làm-áo, đầy tháng sinh con trai. Trên nuôi mẹ chồng già, dưới nuôi con trai nhỏ, bị thương gian-khổ không có oán-thán một tí nào cả. Bấy

giờ có một kẻ hào-mục trong làng đó thấy nhan-sắc bà đẹp liền dạm hỏi vào nhà bắt phải lấy, bà sợ quá không thể nào được, mới bế con giắt mẹ chồng lạnh sang làng khác ở vài năm mới trở lại nhà. Đến khi mẹ chồng chết ma chay hết sức thành-kính. Nuôi con đến khi tuổi già con lớn. Năm Minh-mạnh thứ tám vua ban chữ vàng khen.

X

Trương Thị-Vân

Bà Trương Thị-Vân người ở Trục-dịnh tỉnh Nam-dịnh. Năm hai mươi tuổi thời lấy ông Vũ-Chiều, sinh được một người con trai, lấy chồng được ba năm thời chồng chết. Nhà chồng nghèo cam phận thờ chồng nuôi con cho qua ngày qua tháng để mong đến khi con lớn nên thân. Những kẻ hào-cường trong dân thấy bà nhan-sắc đẹp muốn bức bà phải lấy, song bà khăng-khàng một mực không ai làm thế nào mà đoạt được cái chi-tiết của bà. Sau những phường hào-mục cứ săn-sóc hoài, bà biết rằng chúng chỉ mê về cái sắc đẹp của bà mà thôi, bà mới đem lấy dao rạch mặt ra để cho xấu-xi đi, giữ-gìn cẩn-thận trọn được đời già, những phường hào-mục thấy thế kính-trọng cái tiết-tháo bà mà không dám hôn-hào. Năm Minh-mạnh thứ tám vua ban chữ vàng khen.

XI

Nguyễn Thị-Thanh

Bà Nguyễn Thị-Thanh người ở Hoằng-hóa tỉnh Thanh-hóa. Năm mười tám tuổi thời lấy ông Phạm-Đu tức là ông tiến-sĩ Phạm Nguyễn-Du, người rất có đức tốt, đỗ cao làm quan vinh-hiền, có đại-danh ở đương-thời. Khi bà bước chân về nhà chồng rồi, cần-kiệm làm ăn, giữ gìn đạo làm vợ Loan-Tây-sơn nổi lên bà theo chồng tránh

loại ở ai Chi-linh, giặc thường thường đến đ. ông Phạm-Du ra hàng, ông giữ tr. -nghĩa không chịu khuất giặc mới uống thuốc độc chết. Bảy giờ bà tuổi ba mươi ba rồi mà chưa có con. Mả chay cho chồng xong thời làm nhà lều ở bên mả chồng mà ở giữ tiết. Trống giặc sai mỗi đến đồ để lấy làm vợ, bà bèn cắt tóc mặc đồ y-phục nhà chùa, giả cách đồ cho khỏi thất-tiết. Đến khi bình-định mới đem hài-cốt chồng về chôn ở làng. Chồng không tử tiếng khoa-danh, vợ không then trang lạnh-phụ, một nhà trung-tiết, triền-đình đáng khen. Năm Minh-mạnh thứ tám vua ban chữ vàng khen.

XII

Nguyễn Thị-Thủy

Bà Nguyễn Thị-Thủy người Ngason, tỉnh Thanh-hóa, tuổi hai mươi mà chồng đã mất, nhan-sắc đẹp nên lắm kẻ dòm-nom, nhiều kẻ cậy người dạm hỏi. Bà lúc nào cũng lấy nhọ nời bôi vào mặt, ăn mặc tối-tàn để cho xấu người đi, hết sức giữ mình cho tròn tiết-hạnh. Năm Minh-mạnh thứ tám, vua ban chữ vàng khen cùng với bà Nguyễn Thị-Thanh.

XIII

Phan Thị-Độc

Bà Phan Thị-Độc người ở Tân-định tỉnh Khánh-hòa là vợ ông Lê Minh-Thức. Mười lăm tuổi thời lấy chồng, sinh được một trai một gái. Năm mười chín tuổi thời chồng chết. Giữ tang-phục trong ba năm trời xong, có người dạm hỏi làm vợ, mẹ chồng cùng cha mẹ đẻ khuyến bà cải-giá, bà nói rằng : « Chồng tôi thời mất đi rồi, con tôi thời còn bé cả, mẹ chồng già còn sống ở đây, tôi nỡ lòng nào mà cải cái tiết của tôi được ». Nói xong liền cầm con giao cắt tóc, thề rằng : « Tôi mà có lòng nào thất-tiết thời có như cái tóc này. » Mẹ chồng cùng cha

mẹ đẻ biết rằng không sao đoạt được cái tiết của bà, bèn thôi. Bà nuôi con cho đến già, ai nghe thấy cũng khen ngợi. Năm Minh-mạnh thứ mười một vua ban-phong chữ vàng treo cửa.

XIV

Đào tiết-phụ

Hồi thuộc về nhà Đường, bà tiết-phụ ở Giao-châu họ Kim ấy là mẹ người tướng giặc tên là Đào Tề-Lượng vậy. Bà lấy trung-nghĩa dạy con, con hung-ngoan không nghe lời mẹ, bà từ con ra không nhìn nhận đến nữa. Cây cầy mà ăn, ươm dẹt mà mặc, trong làng mặc tông huyện đều khen ngợi. Vua ban chiếu khen.

XV

Mị-Ê

Bà Mị-Ê là chánh-phi vua Chiêm-thành. Vua Thái-tôn nhà Lý đi đánh Chiêm-thành được trận to, chém vua Chiêm-thành là Xạ-dầu, bắt hết cả các phi-tần đem về, bà Mị-Ê ở trong đám ấy vậy. Quân đi về đến hành-cung Lý-nhân, vua gọi bà Mị-Ê vào hầu trong thuyền, bà then mà giận bèn quẩn cái chân chiên dầm đầu xuống sông tự-vẫn. Vua khen cái tiết-liệt của bà, phong là « Hiệp-chính hựu-thiện phu-nhân », dựng miếu thờ, ngày nay còn ở đất Phú-lý.

XVI

Trần thái-hậu

Bà Trần thái-hậu tính rất nhân-tử yêu mến chăm-bập con các bà thứ-phi như con mình đẻ ra, đãi với các bậc phi-tần rất là có ân-nghĩa. Vua Anhtôn mất, bà ăn mặc nâu-đồng giữ tiết thờ vua. Bà ở chùa chay tịnh, song không có theo phép nhà chùa, có nói rằng : « Kẻ vị-vong này không thể nhìn mặt các ông sư được, vả có cần gì y-bát theo phép nhà chùa mới là tu. » Bà ở chùa mười năm mà mất.

XVII

Trần liệt-phụ

Khi quốc-triều ta mới dựng khôi-phục được phương Nam. Trong Nam có tên Mỹ-Lương tự-chúng làm loạn. Triều-đình sai ông Trương-Trà đi tập-kích, đốt cái trại quân của giặc đi, tướng giặc là Mỹ-Lương bỏ trốn. Ông Trà tiến quân lên thời bị ti-tướng của giặc tên là Nghĩa-Son nó bắn chết, bà vợ là người họ Trần, thấy chồng chết liền ăn mặc đàn ông đứng cầm quân tiến lên đánh, lại giết ngay được tên Nghĩa-Son, dâng giặc phải tan, trở về nhà vua phong cho làm Quận phu-nhân.

XVIII

Vợ Bùi-Khuê

Hồi Lê trung-hưng trấn Hải-dương có tướng Phan-Ngạn, Ngô Đình-Nga.

Bùi Văn-Khuê đều cử-binh triều-đình cả. Vợ Bùi Văn-Khuê là người có nhan-sắc đẹp, Phan-Ngạn mới giết bỏ chồng đi mà thông qua cho Nguyễn-Thị (là vợ Bùi Văn-Khuê), Nguyễn-Thị tâng nhận lời, để Phan-Ngạn giết Phan-Ngạn; khiến bày rượu hoa trong thuyền phục quân lực sĩ ở sau, sai những con ở có nhan-sắc hát các khúc, giữa giòng nước đón chàng Phan-Ngạn, chàng lấy làm sướng lắm, bước chân lên thuyền, Nguyễn-Thị cất chén làm hiệu, quân phục giết chết, chém đầu tế chồng, dẫn hai con về với nhà vua, còn Nguyễn-Thị thì đâm đầu xuống sông chết.

HỘI-NHÂN DỊCH

Sách Liệt-nữ của ông Hoàng Cúc-Lê

VĂN NAM-KỶ

VĂN-MINH NHỜ GIÁO-GIỤC

Ta xem truyện sử cùng nhật-báo, thấy các nước trong hoàn-vũ xưa nay mà được vào bực văn-minh là bởi có nào? còn những nước mê-mụi, dốt-nát, ta gọi là man-di là tại sao? Tôi nghĩ lại nước văn-minh chẳng qua là nhờ học-thức, nhờ chữ-nghĩa, nhờ giáo-giục, sự giáo-hóa dậy-dỗ trong nhân-dân càng nhiều chừng nào, thì nước văn-minh thêm chừng nấy.

Bên Âu Mỹ ngày nay văn-minh cực-diêm, là nhờ cả nước đầu-dầu cũng có học-đường, nam phụ lão ấu thấy đều thông biết chữ nghĩa, trong trăm người có ít nữa chín mươi đều có học. Nước Nhật - bản vừa mới trên ba mươi năm nay, mà trở nên một nước đại văn-minh, chen lấn vào đám liệt-cường, lại đứng hàng trên, ấy có phải

là nhờ có học hay chăng? Cả nước ngày nay mười phần quá tám đều thông chữ-nghĩa, cho nên dân khôn-ngoa, biết yêu vua mến nước, biết thương-tưởng đồng-bào, biết giữ-gìn bổn-phận, quan theo bổn-phận quan, dân theo bổn-phận dân, binh-linh theo binh-linh, làng xã theo làng xã, cho đến kẻ nông thương công nghệ thấy đều vào bực nhơn-tài. Văn-minh ấy tùy theo thời-thế, xưa theo lối xưa, nay theo lối nay, mà thời nào văn-minh cũng tùy theo sự học-hành. Đời nay nước văn-minh chuộng hết đủ nghề, cho nên hề việc học rộng chừng nào, nghề-nghiệp thông chừng nấy, không phải thông lối văn-chương mà thôi.

Còn như mấy nước không có chữ-nghĩa, không có giáo-giục, không lập

học-đường, như nước Mọi, nước Mỹ-An-đô, họ đến buổi văn-minh nay mà hỏi có chưa biết dụng đồ kim-khí, chưa có được lâu-đài, ngày ngày náu chốn sơn-lâm, theo nghề săn bắn, biết đâu đến cuộc nông thương công nghệ.

Nước Nam ta bước tới chốn văn-minh, chân chưa đứng vững, vì sự học còn ở rất xa. Học-đường vừa mới mở, tuy học-sanh đến cũng nhiều mà sánh với cả nước thật là ít lắm, và lại tuổi hồi ấu-niên, việc đời nào biết đến bao nhiêu, ầu là chờ ngày sau việc học này có thấy kết-quả cùng chẳng, bực thiếu-niên ấy có hiểu phận-sự mình chẳng? Chớ ngày nay nghe bốn phía bàn luận văn-minh, mà sánh lại trong nước mình chưa đáng một của Mỹ Âu. Chớ phải chỉ trong cả nước Việt-Nam ta, 16 triệu dân già trẻ gái trai, mà có được một triệu người học hành rành-rẻ, hoặc có được một thứ cấp-bằng sơ-học, thì cũng cho vào đám văn-minh. Có đâu những bực trên trước, cai-trị xã-thôn ⁽¹⁾ mà hỏi còn dốt-nát, việc làng chẳng thông, việc quan chẳng hiểu, pháp-luật cũng không, cho đến việc cần ích nên học, nên biết mà cũng chẳng biết lo. Bởi thế cho nên xem ngày giờ như của bỏ, Nhà-nước thấy tệ, cho nhật-báo để xem, mà không hiểu cái ích-lợi, cái giá-trị của nhật-báo của quan, mắt chẳng hề trông đến, chỉ biết lấy mà làm vật gói đồ, hoặc chùi lau mà thôi. Rồi mỗi khi bàn nghị việc làng trống mõ nổi lên, tụ lại rồi thì trước hết lo mua rượu thịt, xúm nhau đánh

chèn say sưa, chuyện trò lớn tiếng, chừng hơi men đã bắt mới gậy-gỗ rầy la, mà việc làng bàn tính không xong.

Miền có hơi đồng thì chúng bầu cử làm ông xã, ông cả trong làng, nhưng mà quốc-ngữ chẳng thông, viết mười trát bảy tám, chữ nho không thạo, phúc bầm cũng chẳng biết làm. Than thay! nếu tình-tệ như thế, làng-mạc như vậy hoài, biết thừa nào cho quốc thái dân-an, cho được vào hàng liệt-quốc?

Ước cho lớp thiếu-niên mau tấn-phát, nhà học-đường mở rộng thêm nhiều, dân trong nước lợi chen vào biển thành rừng nhu, đua tài học-thức tri-tri cho phần đóng cả chiếm bằng vàng, ngày sau về mà giúp nước an nhà. Ước cho trong mười năm đây, mỗi người hương-chức hội-tề phải có cấp-bằng sơ-học hết thảy, tốt nữa thời hương cả, xã-trưởng, hội-đồng phải có bằng tốt-nghiệp. Như vậy thì lo chi nước chẳng trở nên văn-minh; trong dân đều thông-thái hay chữ, ắt ham xem nhật-báo, hiểu cách-vật tri-tri, thông kim-thời cơ-xảo, ai cũng biết lo sự làm ăn, lo mở-mang trí-thức, có lẽ đâu ở không mà sanh điều trộm cướp hung-hoang, cho phải mang gông mang khổ, nay ở lao tù, mai về ngục tối, bị người mắng nhiếc xấu hổ với loài ong kiến, không biết tiếc ngày giờ mà làm cho nên người danh-giá sao? không biết trên đời giờ ai cũng tranh phần ích lợi hơn-quần sao?

VÕ THANH-TÀN

(Châu-đốc)

(1) Đây tôi nói việc làng của tôi đã thấy đã nghe, chớ không phải tôi nói chung hết, nhưng vậy mà đó là phần nhiều.

VĂN TRUNG-KỲ

DIỄN-THUYẾT Ở QUỐC-TỬ-GIÁM

Tôi tên Nguyễn Tri-Kiểm Tham-tri bộ Công, có làm bài diễn-thuyết này ra để nói cho sanh-viên trường Quốc-tử-giám cùng trường Hậu-bổ các thầy đều nghe. Việc Nhà-nước mà dựng trường đặt thầy, cho sanh-viên học-tập, để ngày sau ra giúp việc cho Nhà-nước, thời không có chức gì mà khó hơn làm chức thú-lĩnh nữa; bởi vậy cho nên các công việc mà chưa tai nghe mắt thấy, đến sau ra làm, không khỏi lỗi lầm, nên chỉ Nhà-nước mới sai các quan ra mà diễn-thuyết. Tôi đây làm phủ huyện và quan tỉnh, cũng đã nhiều năm, tuy không dám nói sự hay dở gì nhưng trong các việc dân-chánh, tôi cũng có biết được nhiều ít, tôi xin nói lược mấy điều thiết-yếu, cho các thầy nghe.

Khoản thứ nhất: nói việc kiện điền-thổ, chủ lấy sổ bộ văn-khế mà làm bằng-cứ, nhưng mà cũng có đũa làm tờ gian khế giả, bán cho người, hoặc bán chủ này lại bán chủ khác, hoặc những ruộng công-điền tư-điền đem bán cho ta, thời đã có luật đạo-mại-khi-trả móng lung trúng phúc, để mà xử đoán các cái luật ấy. Nhà-nước đã ban cấp cho các trường, các thầy cũng đã tăng học hiểu rồi, không đợi phải nói lại nữa, nhưng mà mình ra làm việc, phải giữ một lẽ công-bình, một lòng ngay thiết, chớ có tư-tuận dụng-tình chút nào, thời ra xử đoán việc gì, dân dẫu lại chẳng bình tình, quan trên cũng không bẻ bắt mình được.

Khoản thứ hai: nói về việc mệnh-án là một việc quan yếu rất lắm, thời mình thân-bành khám-sát, thương-tiền rõ-ràng, lại xét những người yếu-chứng cung-khai, hoặc nghiệm ra các người chết ấy là bị người ta thủ-hiềm cố giết, hay là rủi ro lỡ tay đánh chết người, đã có luật cố-sát, ngộ-sát, quá-thất-sát thương-nhơn phải theo luật lệ mà định tội-danh, mới là xác-tạc, phạm mấy việc ấy mình phải thân-thủ mà làm lấy, chớ khinh ủy cho nha thuộc, hoặc giả nó lấy nặng làm nhẹ, xuất nhập tội nhơn, theo ý riêng nó, thời chẳng những là thất-lẽ công-bình, mà mình lại được tội với quan trên nữa.

Khoản thứ ba: nói về việc cân đàng là một việc ích lợi cho cả mọi người, mà mình làm phủ huyện để thay mặt quan trên, lo giữ cho một hạt dầm, trách không phải nhỏ; nếu mà cầu không chắc chắn, đàng không bồi bổ, đến khi mưa gió lụt lội, người ta đi đàng, có khi bồ té, có khi nguy hiểm, ấy là một việc hiểm nghèo cho trong dân-gian, bởi thế cho nên các cầu phải làm cho chắc chắn bền chặt, các đàng phải đắp cho được bình thân cao ráo, phạm những người thương mại, gánh xách qua lại, đã không nguy hiểm vả lại ngựa xe ruidong cũng không trở ngại. Mấy điều nói đó tuy là nhỏ nhện nếu có nghe lời, đến sau ra làm, chút được bổ ích.

NGUYỄN TRI-KIỂM

Tham-tri Bộ Công (Huế)

diễn ngày 26 Avril 1917.

QUAN PHỦ Ở NHÀ QUÊ

Một buổi sáng nay lòng tai nghe sự chấn động của quan-trưởng, trong lòng mừng trong sự hậu-vận của quốc-dân ta. Nước ta từ xưa đến nay vẫn lấy sự tôn-quân thần-thượng làm trọng, mọi sự cải-lương đều phủ tự người trên; phạm người trên có xướng-suất việc gì, hay là khởi đầu cải-cách việc gì thì dưới dân đều bắt chước mà làm theo ngay. Bởi thế nên những người có quyền trị dân, nếu biết lợi-dụng cái tâm-cách ấy của dân ta thì lo gì thua sút trên con đường tấu-bộ.

Hiện nay Triều-đình đã liệu tùy-thời cải-cách phong-tục, Nhà-nước Bảo-hộ cũng rộng lòng truyền-bổ cái văn-minh Âu-châu cho ta; tiếc thay các quan Phủ Huyện ở nơi thôn-giã nhiều người làm sai cái ý lành của hai nhà Nước. Lại-tê nhiều lắm, kẻ sao cho xiết! Sự ăn lê vật trước đã vắng Thượng-đụ nghiêm-cấm, song trong đám quan-trưởng ở xa thánh-hóa còn nhiều tệ-đoan lắm nữa. Mới rồi năm ngoái đây có xảy ra một việc sau này, cũng đủ làm chứng-cớ vậy.

Hôm mồng sáu tháng bảy nhuận An-nam, tôi nhân có việc hôn-nhân, cùng các họ hàng đi qua làng khác; khi đi đến một con đường chạy ngang qua trước mặt chợ, tôi ngồi trên lưng ngựa cho đi từng bước một; vừa tới đầu chợ, bỗng chốc nghe tiếng người ồn-ào, lại nghe tiếng roi đét-đét; tôi dừng ngựa lại nhìn tới đằng trước, thấy năm sáu người lính phủ cầm roi dài đánh vào những người qua đàng không cất nón xuống, tiếng nạc-lạp với tiếng roi vào nón, vào mình! Sự gì lạ? Tôi vội-vàng hỏi người qua đàng thì người ta bảo rằng: « Quan đó! » — Tôi hỏi: « Quan nào? » — Một người lại gần tôi nói nhỏ rằng: « Quan Phủ đó! Thấy không biết hay sao? » — Tôi hỏi ở đâu? Người ấy thậm-thò thậm-thụt (tỏ ra lòng sợ hãi) chỉ và nói rằng: « Ở kia! trong đám đông đó. » Tôi

nhìn một lúc về đằng trước mới thấy nơi đám đông trong chợ cách mặt tôi độ 7, 8 thước tây, một người mang kính đen đứng giữa, hai bên có vài cậu lính bưng tráp chữ-nhật, điệu binh thông cao khỏi người. Tôi hỏi: « Có phải ông mang kính đen kia không? » — Người ấy trả lời: « Phải! »

Tôi ngồi sững một lúc... Bút nào tả đặng cái tâm-thần tôi lúc bấy giờ! Cử-động rất là oai-khiếp! khiến cho ít người nhìn quan phủ mà không kinh-hãi! Tình-trạng rất là thảm thiêt! Nếu người còn có một ít lương-tâm trông thấy thế ai mà không cảm-động! Than ôi! những người áo rách nón cời, quần trăm tấm vá, đầu đội vai mang, gáuh than gáuh củi, đường đã chật, vai đã nặng, mà lại bị đánh ngược đánh xuôi, sanh-dân vất-vả, như thế đã cùng.

Đương lúc trăm điều làm cho trí tôi phải suy nghĩ, vừa có một người lính-lệ tới, bảo tôi rằng có lệnh quan đòi; tôi liền xuống ngựa, cất nón, lại trước mặt chào quan phủ. Bộ-dạng tôi khi ấy rất là kinh-cẩn: song chiền con đầu đặng thoát vòng hồ-lang! — Ông phủ hỏi: « Mày ở đâu đến? không biết quan ở đây, sao không xuống ngựa? » — Tôi trả lời: « Bẩm quan lớn, tôi ở huyện có trọng-sự đi qua đây; tôi vẫn không biết quan ở đây, và lại nếu tôi biết, thì tôi cũng còn ở xa quan, nên tôi chưa xuống ngựa. » Tôi nói chưa dứt lời, quan phủ đã bảo: « Mày nói huyện không thuộc về phủ nên không xuống ngựa phải không? lần này quan dung cho, lần sau quan sẽ trị tội không tha. »

Tôi có hơi thẹn, muốn hỏi quan phủ một đôi lời, nhưng mà tôi cũng nhiều phen nghe tiếng quan phủ rồi cho nên không muốn nói, chỉ nhìn cho qua thời mà thôi.

Nay tôi nhắc lại đây, không phải là có ý tranh hơn thua với quan phủ,

một là tôi muốn phân-biệt cho rõ ràng sự phải lẽ quấy, để một điều thí-dụ riêng của tôi để làm chứng rằng trong các quan phủ huyện ở hương-thôn ta ít nữa là còn một vài người chưa hiểu cái tôn-chỉ cai-trị của hai Nhà-nước.

Sau nữa tôi muốn vì quan phủ mà giải nghĩa hai chữ « lễ pháp » như sau này :

1° — Lễ-pháp là tự trong lòng mà ra, là cái hình-dung của lòng kính-ai phát ra ngoài. Vậy muốn cho dân giữ lễ-pháp thì phải làm sao cho dân có lòng ái-mộ muốn giữ theo lễ-pháp ; nghĩa là nếu quan phủ muốn cho dân tỏ lòng kính trọng mình thì trước hết thì đức hành hơn, thì tự-nhiên lòng dân ái-mộ mà cung-phục, chứ không phải là gạ hết mà đánh đập một hồi mà được đâu. Làm thế thì càng qua là khách-khi một lúc cho toại chí tra cái thú-vị làm quan như vậy mà thôi, nào có ích-gì ?

2° — Lễ-pháp phải tùy-thời mà thay đổi. Lễ-pháp thuộc về dân đối quan ở nước ta tự trước thật là phiền nhứt không nói ai cũng biết : dân có việc gì tới quan, có vật mới được bảm, trước kia lại phải lạy ; các quan phủ huyện về làng, dân dẫu bận công việc gì cũng phải đi đón rước vòng khiêng. Lâu quen thành tục, những lời « cáo lễ dễ thừa, vào lòn ra cúi » là đã vào trong ngạn-ngữ trong hương-thôn ta. Lễ-pháp như thế, sao cho khỏi sinh tệ, lâu ra quan cậy mình, coi dân như rêu rác ; dân ngu dại, coi quan như hồ-lang ; những lời « thân dân chi trách », là hư ngôn, « dân - chi phụ-mẫu » là lời xằng. Chớ kỳ thiết thời chưa tới quan đã mất máu mặt, nghe quan đòi đã thất đởm khi h hồn. Bởi đó mà ra, quan thì bạo ngược thái-quá, dân thì chỉ biết lấy tiền đút-lót cho quan đủ trăm mối tệ.

Nhưng mà lễ-pháp ấy không những

chỉ hại nhứt-thời mà thời, thì hại như Tô-quốc mấy nghìn năm vẫn nằm yên một mực ở giữa đàng tranh tiến-hóa cũng vì những lễ-pháp không chánh-đáng mà thành ra hủ-quả như thế vậy.

Gần nay Nhà-nước Bảo-hộ quyết đem nghĩa « bình-dẳng, bác-ái, tự-do » truyền dạy cho dân ta, trên Triều-đình cũng rộng lòng cho lễ-pháp giản-dị, không câu-thúc như trước, một là có ý mở mắt cho dân ta biết rằng mình cũng có phẩm-giá, quyền-lợi, nghĩa-vụ, chức-trách đối với nước-nhà như kẻ làm quan, chứ không phải là cái máy-móc, con súc-vật để cho quan trên dùng, ai muốn bạc-dãi thế nào cũng được đâu, bởi vậy ai ai cũng phải biết lo chen vai gánh vác một phần việc trong xã-hội ; hai là có ý để cho dân được sanh-lý tự-do, không phải rối phiền : thí-dụ nếu ở tại Kinh mà mỗi khi có quan nào đi qua, thì dân phải xuống ngựa, xuống xe, cúi nón, như quan phủ ép buộc, thì tưởng cũng khó nổi thông-thương vậy. Xem như thế, thì thời-đại nay không phải là cái thời-đại « cả vũ lấp miệng em » như cái thời-đại hủ-bại trước nữa, các quan phủ huyện có cái trách-nhệm « tân-dân », cơ sao lại không suy theo ý lành hai Chánh-phủ mà cải-cách cho dân nhờ ?

Nói tóm lại là lễ-pháp có quan-hệ đến phong-tục, đến tư-tướng, đến công-sự, đến tấn-bộ nhiều lắm, nên cần phải cực-lực chỉnh-đốn lại mới được, mà chỉnh-đốn lễ-pháp thì nhờ các quan trên mới chóng thành-hiệu hơn.

Mong rằng các quan phủ huyện ta là kẻ trực-tiếp với dân, sẽ tự xét tệ mình, tệ-tục mà tự chỉnh-đốn lấy, thì quốc-dân mới khỏi khổ-khổ, mà văn-minh tấn-bộ mới có ngày !

TIÊU-THUYẾT

THẦN THIÊN-LƯƠNG

(Bi-tình tiểu-thuyết)

Trên con đường cái thiên-ly từ huyện Yên-mỹ đi xuống đại-ly Bần-yên-nhân, giữa trưa trời mát mây quang về ngày xuân năm mới, rầm tháng giêng người đi lễ Phật rất đông, thấy có một người trạc ngoại ba mươi, râu mày nhàu-nhụi, quần áo bảnh-bao, bị mấy nhát dao ở cổ và đốn, máu chảy đầm-đìa, ngực thoi-thóp thở, tay cầm một con dao « ca-níp » nhỏ, mắt dương trừng-trừng ở quãng làng X.... Dân làng đương xúm-xít lại đề sắp-sửa cáng lên huyện trình. Người đó tên gì, quê họ nơi nao, tại sao mà thế? Khách bàng-quan không ai là kẻ biết. Người gần đấy chẳng ai là người hay. Than ôi! thua cờ đại bạc, bực thân gian nhà, nổi chi mà tự-sát, hay bị kẻ hung-đồ đang tay hại đó? Xin các độc-giả thử đoán xem sao.

..

Ôi! Nếu mà ta biết rõ đầu-duôi duyên-cớ thời ta cũng nên ghé-góm cho con ma « Tinh-dục », sợ hãi đến vị thần « Lương-tâm ». Vì con ma Tinh-dục ác-nghiệp kia nó xui giục người ta xằng bậy đủ điều, nếu không biết tìm phương mà yểm-trị nó thời dễ phạm tội nợ lỗi kia, trái đạo này nghĩa khác. Mà ông thần Lương-tâm có khi nào xét đến mình thời sẽ sửa phạt cho đến điều tàn-tệ. Than ôi! sắc không sóng gió, chìm đắm người thật dễ như chơi; tình là chi? ái là chi? sao không nghĩ đến điều đạo-nghĩa. Nay xem truyện ông Phan Lưu-Phan thời nửa thương mà nửa ghét. Thương là thương mắc bả hồng-nhan, ghét là ghét đem tâm tàn-ác, nghĩ lại

lo cho đời không biết khi trước mắt thấy phẩn son mà trong lòng có giữ được vững-chãi hay chẳng?

Ông Phan Lưu-Phan là người thế nào? — Là Thông-ngôn phủ Thống-sứ trước, quê ở làng P..., thuộc huyện Kim-động, đã xin nghỉ việc về vui thú điền-viên, chính là người râu-mày nhàu-nhụi, áo-quần bảnh-bao, nằm ở đê đường mà thuật-giả đã kể trên kia vậy.

Ông vốn trước con nhà nho-nhã, lỡ bước sênh vời, lưu-lạc từ thừa mười ba, ra kéo quạt ở Sở Máy-đen Hà-nội, trọ ở một nhà bà hàng nước ở phố Sinh-từ. Bà tuy làm nghề hèn kém mà vốn liếng cũng có ít nhiều, nhận thấy thằng bé kéo quạt đi làm, có chí-thú mà chăm-chỉ siêng-năng, ngày làm việc tối về lại đi học những người đã biết, bà có lòng yêu. Thằng bé đã ngoan mà lại đẹp trai, hỏi giòng giõi ra con nhà nho-nhã, vì cha mẹ chết sớm lưu-lạc nên phải theo đời chức-phận ti-tiểu; ăn nói lễ phép, ra vào ý-tứ, bà yêu mà bà lại thương. Bà ở góa sớm, được một gái tên là Nguyễn Thị-Dần, rau cháo nuôi con cho đi học ở trường Hàng-Trống, nhân hiểm người trông sóc việc nhà mới bảo Lưu-Phan rằng :

— Nếu con có muốn làm con nuôi ta thời ta nuôi cho, sau này sẽ gây dựng cho nên thân nên phận.

Lưu-Phan xin làm nghĩa-tử, gọi bà là mẹ, gọi Dần là chị; tuổi Phan khi đó 14, tuổi Dần 13. Dần bấy giờ đã học lớp năm trường nữ-học bên dạy Phan, Phan thông-minh chẳng mấy mà nhân Dần dạy học lại vượt sức Dần, Dần

dem lòng âu-yếm xin với mẹ cho cả Phan đi học trường Yên-phụ.

Ngày tối mai qua, sấm lán cục nổ, quả địa-cầu quanh đường quỹ-đạo năm vòng thời bà mẹ nuôi Phan đã chơi nơi Bồng-lĩnh. Dần thừa-tự cơ nghiệp, thôi học về nối cửa hàng mẹ, song lợi-dụng cái vốn nhỏ ấy mà mở-mang sự buôn bán cho rộng ra. Bấy giờ Phan học đã giỏi, thi Thông-ngôn thừa ấy còn dễ, nên Dần cố cho Phan dần bước đường mây, hai năm nữa Phan đã sơ - bồ lam Thông - ngôn tại tòa Đốc-lý.

Lửa sẵn gầu rơm, tài em chị đã rõ, mạo em chị cũng tương, em đã thành danh, chị chưa xuất-giá. Tiếng dù em dù chị, song khác mẹ khác cha, gái tờ đứng đó một mình phải sớm tỉnh tìm người nương tựa; trai mớ đờng thì đặc-y cũng mong rằng sánh phượng đẹp đôi. Cái ái - tình này, chớ nói cùng ai, chỉ có hai người biết nhau mà thôi.» Trước còn ân-nghĩa, sau ra đá vàng, sự đó là thương vậy. Ôi! một giây một buộc, ai giằng cho ra?

Con người ta trong khi tru-hoạn thường là người tốt, đến lúc đặc-chi dễ ra người hư, thế cho nên cô-nhàn có câu « sống ở chỗ lo-lắng thời được chết ở chỗ yên vui, sống ở chỗ yên vui mà không nghĩ đến sự lo-lắng thời chết với sự lo-lắng ». Than ôi! thế mới biết câu thơ Tây rằng: « *L'homme est un apprenti, la douleur est son maitre* » — người là học-trò, sự khổ là thầy dạy, — cái khổ không có phụ ai, chỉ có cái vui hay giết người mà thôi vậy.

Khi dân sỡ-tại đó càng lên quan huyện thời mới biết là ông Phan Lưu-Phan, song chưa biết sự-thê thế nào mà đến thế, ông bèn nói với quan huyện rằng: — Không có ai hại tôi cả,

xin ngài sai dân đưa tôi về quê nhà thương Hưng-yên rồi tôi sẽ kể rõ-ràng câu truyện, kéo bây giờ đau lòng không tài nào nói được.

Xướng đến nhà thương thời ông thầy-thuốc khám biết vết thương ông tuy vậy mà nhẹ. Bèn sai đề vào giường bệnh. Nguyên ông cùng với ông thầy-thuốc này là chỗ bạn thân, nên khi nằm yên trong giường bệnh, ông thầy-thuốc vào chữa, ông liền nắm lấy tay bạn gạt nước mắt khóc mà nói rằng:

— Anh Nguyễn Ngô-Hữu ơi! xin anh đừng nên chữa chạy chi cho thẳng khốn mặt này, khắp thế-giàu không ai tồi-tàn chó-đều đến như tôi, anh ạ, ngày nay là ngày thần Thiên-lương đã định lời tôi xướng Diêm-cung đề cho quỷ lôi lôi, chó cắn chân, chịu những cái cực-hình ở trong địa-ngục đây.

Nguyễn Ngô-Hữu tức là tên ông thầy-thuốc vậy. Ông đương sắp thi-hành cái bản-phận cứu-tế, thấy bạn nói như thế thời ngạc-nhiên mà rằng:

— Anh này hoảng! diên mắt rồi! có thương-tích mà không chỗ chữa là cỡ làm sao?

Nói dứt lời, thì ông phán Lưu-Phan liền nói ngay rằng:

— Chao ôi! thương-tích! nào ai dám chém tôi vì sự gì đâu, thương-tích này là tự ông thần Thiên-lương sai tay tôi đâm chém cho chết cái thân ác bản-thửu tội-lỗi của tôi vậy. Tội tôi là tội đáng chết, không nên cứu tôi mà làm gì. Nay tôi xin kể đề ông anh nghe: Tôi được đỗ thông-ngôn cũng là nhờ vợ tôi là Nguyễn Thị-Dần thương yêu mà được thành danh, nếu không có cái ân bà mẹ vợ cái nghĩa người vợ hiền, đâu tội được no cơm ấm cật, ăn học kịp người. Thế mà đến cơn sung-sướng tôi nỡ đem lòng bất-nhân, Trời ơi! thiên-

na có lại bạc-hãnh như thằng tôi không ? Anh ơi! từ khi mà vợ chồng tôi xa nhau một lúc cùng nhau, một hai yêu đương, muôn nghìn chân-trọng, không ai có lấy nửa điều trái nhau. Trái khi đôi Yên-bái, Lão-kay, Thái-bình, Nam-định, giòng-giã sáu năm trời, đôi vợ chồng tôi chẳng khác đôi uyên, thật tam tứ núi đã trèo, thất bát giang đã lội vậy. Cái gia-đình tôi đương êm như mùa xuân, sáng như trăng rằm, hơn-hở như hoa nở gió đông, trong ngần ấy năm sinh ba cháu, còn có hai đứa là nuôi được, đứa trai lên 7, đứa gái lên 5, mà đã nên con mất mẹ ! Trời ơi, mẹ nó là ai ? Có phải là Nguyễn Thị-Dần vợ tôi đó không ? Hỡi mình ơi, hồn mình có thiêng xin chứng-giám cái giờ biết tội của tôi này ! Trời đất ơi, cái con Đát-kỷ kia ! vì mày mà tao thành ra xa vợ xa con, kẻ dương-gian người âm-phủ ! Anh ơi, ấy cũng bởi vợ chồng tôi làm ăn nhờ trời nhờ quan trên một ngày một khá, lưng vốn cũng đã hơn người làm việc khác, vào một tư-bản-gia rồi vậy. Bởi thế mà vợ chồng bàn nhau « phú-qui qui cố-hương » chẳng hơn là « vinh-hoa cư khách-địa » hay sao ? Bèn đem vốn về quê, cáo việc nghỉ ở nhà, cái đoạn này thật là thần-tiên lạc-thú. Tiêu-diêu phóng-khoảng sinh-kế mà ăn, không còn phải ở trong vòng thúc-phọc nữa, thật là sướng là vui. Vợ chồng con cái đoàn-tụ một nhà, bức tranh ngoạn-mục ấy thật là vẽ ra cảnh thú. Thế mà no cơm dẫu mỡ, năm lâu nhớ đến chốn phồn-hoa lại lần về Hà-nội. Ôi ! Hà-nội ! Hà-nội ! ! Vì người mà ta được về-vang, cũng vì người mà ta ra cầm-thú ! Song rút lại cũng là tại tôi đó mà thôi. Năm kia tôi nhân mấy tháng hè sang chơi Hà-nội ở nhà một người bà con gần một trường nữ-học ! Bóng hồng thấp-thoảng, một cô giáo-học trạc ngoài đôi mươi, ăn mặc

thật là hoe-hoét, làm cho tôi choáng mắt, phấn son tô-diêm, khiến tôi mê-tới ! Tôi bèn dò-la đến chỗ ở, biết rằng : cô cũng lỡ-làng duyên-phận, sinh-nhai tuy trong vòng giáo-dục mà tinh-tử cũng quen thói gió trăng ! Vì thế mà đục-tâm tôi như lửa, muốn được nằng làm cam-tâm. Bèn nhờ người giới-thiệu, trước còn tài-bản đánh-chắn, sau thời ra tri-kỷ đồng-sàng. Tôi càng gần nhân-ngãi bao nhiêu càng đem lòng chán vợ bấy nhiêu ! Nào ngắm vuốt khéo, ăn nói bẻo-lẻo, khéo chiều khéo nôm, khéo ngả khéo nghiêng chẳng, khác chi những bà phu-nhân phong-nhã trong các tiểu-thuyết ngôn-tinh cả. Nào con nhà thế-phiệt, cha mẹ song-toàn, cụ-lớn về hưu, cửa nhà thanh-bạch, ở lại miền Nam. Nào tơ duyên ép ồng, ngựa hay vào người ngựa cưỡi, thế không sao kham được mà phải nghiêng rặng bẻ một chữ « đồng » làm đôi. Nào suốt Bắc-kỷ trong áng nam-nhi đến tôi là hơn hết, tài mạo kiêm toàn, nằng vui lòng gửi thân làm lẽ mọn cũng cam. Những cái đó vợ tôi đều kém, chỉ có cái của là hơn, không biết ma xui quỷ ám thế nào mà khiến cho óc tôi trái hẳn đi, tri-khôn không còn một chút nào nữa, người tôi như là một con « búp-bê » của nàng Hồng Thị-Xuân mà thôi. Ôi ! Hồng Thị-Xuân ! Hồng Thị-Xuân ! ! Thừa với ông anh ấy chính là con yêu-tinh, con Đát-kỷ đeo cái lột cô giáo mà đeo cho tôi mấy nhát dao này vậy ! Số là từ khi tôi ran-riu cùng nằng thời rẻ-rúng vợ nhà, nặng tình nhân-ngãi, tôi chiều nằng hết cách, nằng bắt tôi đủ điều. Trước còn lấy dẫu vợ thuê nhà ở hàng Gà cho tinh-nương ở, chuyên bòn của-cải sắm-sửa cho nằng, và cung-đốn nằng tiêu-pha bài-bạc, ăn-mặc chơi-bời, bấy giờ giá nằng đòi ông trăng trên trời mà lời có thể lấy xuống được tôi cũng chiều nằng. Sau rồi vợ tôi biết-truyện,

tôi bèn dùng hết cách giả-man mà áp-chế, khi đánh đập, lúc chửi rủa, thương-cảng chân hạ cảng tai, bố mày mẹ tao, cái đó là thường. Than ôi! như vợ tôi mà gặp phải chồng như tôi, lại đến nước cạn tàu ráo máng như thế thời đá cũng nát gan lọ người! Chẳng bao lâu vợ tôi đeo bệnh thất-tinh, tôi thời bỏ vợ chơ-ơ, vui cùng nhân-ngãi, thuốc-thang đã chẳng được bồi-bổ phải đường, lại thêm khi phải tát tai lúc phải chửi rủa, hoa ngày héo, ngọc ngày tan, chẳng mấy chốc mà vợ tôi uất-muộn thành ra bệnh nặng, thế mà tôi cũng chẳng đoái-hoài đến, chỉ cứ nay cùng nhân-ngãi rạp hát này, mai cùng nhân-ngãi hàng cơm khác, khi xe song-mã, lúc diện ô-tô. Ôi! vợ tôi cùng tôi từ thừa hàn-vi mà không được sung-sướng bằng người nhân-ngãi tôi, ngồi mát ăn bát đầy vậy. Đến khi vợ tôi mất mà tôi vẫn còn ôm-ấp với người yêu giọc đường của tôi! Thảm-đáp thay! cho em, hồi Nguyễn Thị-Dần mình hồi, cùng với ta từ thừa còn hèn, mà đến lúc lâm-chung có chồng thành ra không được nhìn nhau trong trận thổ cuối cùng! Đau lòng mình mà ta bây giờ cũng sót giả lăm lăm! Anh ơi, tôi cùng Thị-Xuân về quê tống-tàng cho vợ tôi xong, thôi cờ đã đến tay, phất cho thỏa sức, cái gia-tài của tôi theo chân nổi gót nàng mà khánh-khiet. Nàng chuyên bòn cũng lăm, mà phung-phá cũng nhiều, tôi bây giờ không còn một tí gì cũng do từ yêu nàng mà đến nỗi vậy. Hai con tôi từ khi mang về Hà-nội, quản-dưỡng không có người, một đứa trai chệt xe điện chết, một đứa gái bị mẹ-min bắt mất. Rồi ra tro có một mình tôi với nàng, sau nàng lấy có lương ít không đủ nuôi nhau, lại xui giục tôi đi xin việc. Cùng bắt-đắc-dĩ tôi cũng phải theo. Được vài hôm thời nàng theo một người « tặc-nịch » xuống tàu vào Sài-gòn mà bỏ tôi lại

ở chốn Hà-thành tro-vơ, đi khách một thân tiêu-tay! Ấy, xưa kia sao tôi cùng nàng cùng ăn tối ở Hàng Gà mà thế nào đến nỗi tôi lại nàng đã theo người khác mà bỏ lòng dứt nghĩa tôi cho đành được. Than ôi! sau khi nàng đi ba ngày tôi được biết đích thực tin-tức, bấy giờ giấc say đắm mê-man của tôi mới tỉnh! Hồi-tưởng lại thời tội-lỗi chưa-chan! Tôi muốn trở về cố-hương thăm má vợ xưa khóc vài tiếng giải chút lòng đau. Bèn dọn dẹp bán chác đi được ít tiền, sáng ngày lên xe hỏa về. Bước lên xe hỏa bấy giờ cái mối nghĩ-ngợi đã bời-bời, xuống đến la ga Đình-dù chào lên cái xe tay mỗi bước là một bồi-hồi. Bèn tai tôi nghe hình như có tiếng Thị-Xuân gọi ở đằng sau mà nhiếc tôi rằng: « Thằng ngốc-hàn kia, mày phụ vợ mày, mày phi con mày, cái tâm-dịa mày độc-dữ ấy ai là người còn dám lại cùng mày ở ven đến già được! » Tiếng gọi quả như ở đằng sau, ngoảnh cổ lại lại không thấy gì nữa. Tay tôi sờ vào túi thấy một cái thư của Thị-Xuân viết lại, nhìn vào thấy nói rằng: « Hồi thằng vong-án bội-nghĩa kia, ta đây là một nàng tiên ác-nghiệt ở núi Bồng-lai hiện-hình ra một người giáo-học đàn-bà mà thử mày xem bụng giả có bền không, nay mới biết là mày lòng lang giả thú, mê sắc quên nghi, thời thời hối cũng không sao lại được, ở lại đó mà chịu tội trời. » Nhìn rõ như thế mà tẻ ra là một mảnh giấy trắng nhạt được khi còn ở ga Hàng-Cỏ. Mỗi một tiếng sọc-sạch của bánh xe là tôi một nghe ra tiếng kêu khóc của hai đứa con tôi, tiếng than-vãn của vợ tôi, tiếng ché-nhiếc của người nhân-ngãi tôi. Than ôi! bấy giờ tôi lại tỉnh ra rằng lỗi là lỗi tôi, Thị-Xuân không làm nên lỗi, tôi lại còn đeo cái tội quyền anh như yến, phá hại cái đức của một cô giáo. Vì vì phồng Thi-

Xuân... hừ đầu mà không phải vì tôi may... chim-chuột thời cái đó mặc kệ trời ơi, song dù nàng có phung-phá có nghiệp, tôi chẳng nữa cũng là tại tôi không biết nhân cái tư-cách tốt của người mà dạy-dỗ, lại đem tiền đem bạc là một vật dễ làm cho người hừ đến cho nàng, lại vẽ trò ra để chiều nàng thời cái hư của nàng càng ngày càng ở tôi ra. Than ôi! tôi, thằng Lư-Phan này là đầu mọi tội trong cái bi-kịch ấy. Tôi hối, tôi nghĩ, tôi hoa mắt lên, tôi choáng-váng người lại, tôi sinh điên không thể ngồi yên trên xe được nữa, đến phố Bần tôi vội nhảy xuống xe đi đất về. Vừa đi vừa tư-niệm mọi lẽ, tôi thấy như một cái màng u-ám đè ập trên mắt tôi, tối-tăm cả mặt mũi lại không sao đi được nữa, trong lòng bấy giờ nghĩ nếu về mà nhìn vào cái mả kia càng thêm tủi thẹn với nắm cỏ đám mồ mà thôi. Tai tôi ù-ù như tiếng ong kêu, nghe văng-vẳng có lời nói trên đầu trên cổ rằng: « Hối hối thằng tội-nhân kia, tòa án Lương-tám đã xét tội mày rồi, báo cho mày biết rằng không thể nào dung-tha được nữa. » Bấy giờ tôi nghĩ mới biết phàm những tiếng gọi từ lúc bước lên xe đến giờ thuận-nhiên là những tiếng gọi của thần Thiên-lương

cả vậy. Tôi biết rằng tội tôi không dung được nữa, mới nhìn lên mặt trời, thò tay vào túi rút con dao « ca-níp », tôi tự-xử lấy đời, cho nó đáng cái tội mình và nó khỏi phải những sức vô-hình nó vật-vã đau-dớn khổ-sở lắm. Anh ơi, nói càng thêm nhục trăm chiều, thời xin anh làm phúc mà đừng phiền chữa chạy làm chi....

Bữa chín giờ hôm 17 An-nam tháng giêng năm... có một cái đám ma rất người bạn-bầu quen biết đi đưa và người hàng xóm đi xem, tuyệt-nhiên không có một tiếng khóc nào, đưa từ nhà Thương ra nghĩa-địa, vừa lúc mặt trời mới mọc được ít lâu, sương sa vừa ẩm, có chẳng mấy giọt nước trên không rơi đó là giọt lệ thương ai. Than ôi! chẳng phải nhắc lại các độc-giả cũng biết đó là đám ma ông phán Lư-Phan mà ông thầy thuốc đã vì ông mời các bằng-hữu quan-thân đưa ông ra nghĩa-địa vậy. — Kia mồ mới ở kia, người xưa năm đó, khách đi qua lại, ai cũng biết câu truyện của ông, cùng nhau truyền-ngôn mãi, bìa miệng biết đến bao giờ mòn ! Thương thay !

MÀN-CHÀU

TẾ - LIÊU

(Dịch *Liêu-trai*)

Tế-Liêu là một nàng nữ-sĩ ở Trung-đó, bóng-dáng éo-lả như cây liễu, vậy người ta mới gọi đùa là Tế-liêu.

Liêu khi nhỏ đã thông-tuệ, biết chữ-nghĩa, hay xem sách tướng. Nhưng tính giản-mặc, không hay bép-xếp nói kể hay người dở. Hễ có người nào đến hỏi, nàng tất xem mặt trước đã, nhưng nàng xem tướng đã nhiều người, đều chê không được cả, mà đã mười chín tuổi rồi, cha mẹ giận mắng rằng :

— Cả thiên-hạ không có người nào vừa đôi phải lứa, dễ thương mà đành chịu chết già hay sao ?

Liêu thưa rằng :

— Con muốn đem tài người mà tranh với ông trời, nhưng lâu mãi mà không xong, cũng là số con vậy. Từ giờ trở đi, con xin theo lệnh cha mẹ, đặt đầu con xin ngồi đấy.

Khi ấy có Cao-sinh là người học-trò hay chữ mà lại con nhà thế-gia; nghe tiếng Tế-Liêu mới đến hỏi làm vợ.

khi cười về rồi, hai vợ chồng rất là yêu nhau.

Người vợ trước Cao-sinh có đứa con riêng tên là Trường-Phúc, mới lên năm tuổi, nàng nâng-niu nuôi-nấng chăm-chút, khi nàng có về thăm nhà, Phúc thường khóc-lóc đòi theo cho được, dầu mắng bảo ở lại cũng không nghe. Hơn một năm, nàng sinh được một đứa con trai, đặt tên là Trường-Hồ. Cao-sinh hỏi : « Cớ sao lại đặt tên ấy ? » — Nàng đáp rằng : « Không có ý gì khác, chỉ mong con nường-nhờ dưới gối cha được lâu dài mà thôi. »

Nàng không chuyên-ý về việc nữ-công, chỉ gọi là biết qua-loa mà thôi. Còn đến như mẫu ruộng bên đông cùng bên nam, liền thuế nộp nhiều hay nộp ít, nàng đều xét sổ tra hỏi, chỉ sợ không tương, được ít lâu bảo Cao-sinh rằng :

— Những công-việc trong nhà, xin chàng không phải bận đến, tiếp xin coi-sóc, chẳng biết có thể đương-nổi được chăng ?

Sinh nghe lời, nàng trông-nom được nửa năm trời, trong nhà không bỏ trễ một việc gì cả. Sinh lại càng khen.

Một ngày kia, sinh sang chơi thôn bên láng-giềng uống rượu, chợt có lính về bắt thuế thiếu, đến đập cửa om-thòm cả lên. Nàng sai đầy-tớ ra ủy-dụ, tên lính cũng không đi. Nàng bèn cho gia-đồng đi mời sinh về, tên lính mới lui đi. Sinh cười nói rằng :

— Nàng ơi ! nay nàng mới biết khôn-dan-bà không bằng đại-dan ông !

Nàng nghe nói vậy, cúi đầu xuống khóc-rung-rức. Sinh lấy làm kinh-hãi, đỡ lên khuyên giải mãi, nhưng nàng vẫn không vui lòng. Sinh không nở phiền lụy nàng coi-sóc việc nhà, muốn để coi lấy, nhưng nàng không nghe, thức khuya dậy sớm, kinh-kỷ lại càng siêng-năng lắm. Từ đây cứ trước một năm, đã tính trừ-bị tiền thuê năm sau, bởi thế suốt cả năm không thấy có

lính về giục thuê nữa. Lại suy chộp ấy ra để tính đường tiêu pha chi-dụng trong nhà, cho nên được chi-dụng càng thur. Cao-sinh cả mừng, thường nói rằng :

Tế-Liễu hà tế lai, mỹ tế yêu tế, lưỡng ba tế, tả hỉ tâm tư cánh tế, 細柳何細哉, 眉細腰細, 凌波細, 且喜心思更細.

Nghĩa là : nàng Tế-Liễu sao xinh thay ! Mày xinh, lưng xinh, gót chân xinh, lại mừng bụng nghĩ càng xinh !

Nàng đối lại rằng :

— *Cao sinh thành cao hỹ, phẩm cao, chí cao, văn tự cao, dân nguyên thọ số vu cao, 高生誠高矣, 品高志高, 文字高, 但願壽數尤高.*

Nghĩa là : Chàng Cao-sinh thực cao vậy, phẩm cao, chí cao, văn-tự cao, chỉ mong thọ số càng cao.

Thăm-thoắt qua năm, sinh 25 tuổi, nàng giữ không cho đi chơi xa, hề đi chơi đâu chưa về, nàng đã cho đầy-tớ đi mời đi gọi, luôn năm sáu tin, vì thế ai cũng nói diều.

Một hôm, Cao-sinh đến chơi nhà người bạn uống rượu, thấy trong mình hơi khác, trở về đến nửa đường ngã ngựa chết. Khi ấy đương mùa nông nực, may đồ khám-liệm đã sẵn từ trước, bấy giờ trong làng nước mới phục nàng Tế-Liễu là có trí-khôn hơn người.

Khi ấy Phúc lên 10 tuổi, mới cho đi học, nhưng là con nhà mồ-côi cha, mà hầy còn trẻ dại, lười-biếng không chịu học, chỉ trốn đi theo lũ mục-đồng đùa chơi, quở mắng thế nào cũng không chừa, roi vọt đánh mãi chỉ trơ ra mà thôi. Nàng không biết làm sao được, mới gọi đến đồ bảo rằng :

— Mày đã không muốn học, ta không thể cưỡng được. Nhưng nhà ta nghèo, không có để người ăn không, mày phải cởi áo ra theo cùng lũ đầy-tớ làm ăn ; nếu không thể thi đánh đòn, không ăn-năn hối-hận được nữa.

Nàng vội mặc cho cái áo bông rách, sai đi nấu lợn, khi về dọn-dẹp nồi, niêu, mâm, bát, cùng lũ đầy tớ ăn rau, ăn cháo, được mấy ngày Phúc lấy làm khâm-lâm, khóc quì ở trước sân, xin lại đi học. Nàng ngảnh mặt vào vách không thềm nghe. Phúc bắt-đắc dĩ lại phải cầm roi nin-thit mà đi chăn lợn. Khi bấy giờ đã hết thu sang đông rét mướt, mà mình thì không áo, chân thì không giày, mưa rét ướt lướt-mướt, trông bộ rứt đầu rứt cổ, đi như thăng ăn mây, người làng ai trông thấy cũng thương; hễ ai muốn kén lấy kế-thất, đều đem truyện nàng Tế-Liêu ra làm gương, nhiều điều chê-bai eo-óc, nàng thường nghe tiếng, nhưng chỉ làm thính.

Phúc khổ quá không kham được, bỏ lợn trốn đi, nàng cũng mặc, không truy hỏi gì cả; được vài tháng, không còn nơi nào ăn xin được nữa, tiêu-tụy quá phải trở về, nhưng không dám vào nhà vợ, nhờ bà lão bên láng giềng vào nói với nàng, nàng rằng:

— Nếu chịu được trăm roi, thì mới cho vào tương-kiến, không thì cứ việc mà đi.

Phúc nghe tiếng vợ-vàng vào van khóc, xin chịu đòn. Nàng hỏi rằng:

— Nay mày đã biết dại chưa?

— Thưa con đã biết dại rồi.

— Nếu đã biết dại mà chừa, thì tha đòn cho, nhưng phải an-phận mà đi chăn lợn, hễ tái-phạm thì không thể tha được.

Phúc khóc òa lên, xin chịu trăm roi đòn, và xin đi học. Nàng không nghe, bà lão láng-giềng, cố xin hộ cho mãi, nàng mới nghe, sai tắm rửa thay áo, rồi cho cùng với em Hồ cùng thầy mà học. Phúc từ đấy siêng-năng lo-lắng, khác hẳn khi trước; được ba năm, ra học trường lớn, Trung-thừa là Dương-công xem bài văn của Phúc, lấy làm

khi-trọng lắm, cấp cho lương tháng, để giúp thềm tiền dầu đèn.

Hồ lính-chiết cực độn, học mấy năm trời, mà vẫn không viết được chữ ký. Nàng bắt cất sách đi làm ruộng. Nhưng Hồ quen tính chơi-nhờn, làm-lụng khổ-sở không kham được, nàng giận mắng rằng:

— Trong tứ-dân đều phải chăm nghề-nghiệp của mình, đã không học được, mà lại không muốn đi cấy, thà rằng chết rấp ở chốn ngòi-lạch cho xong.

Lập-tức đánh đòn, sai theo lũ đầy-tớ đi cấy-cuốc. Một hôm ngủ trưa, bị mắng cực xỉ-nhục, các thức ăn uống, quần áo, nàng chỉ để dành phần tất cho anh; Hồ đâu không nói ra, nhưng trong bụng vẫn không bằng lòng. Xong việc làm ruộng rồi, nàng lại xuất tiền cho đi học buôn. Hồ tinh ham cờ-bạc, hễ tiền vào tay thì bao-nhiêu cũng hết, nói dối mẹ là bị cướp-trộm, lấy mất, nàng biết là dối, đánh cho gần chết. Phúc quì xuống kêu van, xin chịu đòn thay cho Hồ. Nàng mới nguôi giận, từ bấy giờ hễ khi nào Hồ ra khỏi cửa, thì nàng xét-nét, Hồ cũng hơi bớt nết hư, nhưng thực bụng cũng muốn chừa hẳn.

Một hôm, Hồ xin với mẹ theo các lái vào buôn ở đất Lạc, nhưng kỳ-thực là muốn tạ-sự đi chơi xa, để cho thỏa ý-muốn của mình, trong bụng chỉ nơm-nớp sợ rằng mẹ không cho đi. Nàng thấy nói xin đi buôn, cũng không nghi-lự gì cả, liền xuất ra 30 lạng bạc, và sắm-sửa đồ hành-trang cho đi, sau lại lấy một lạng vàng giao cho bảo rằng:

— Vàng này là của ông này lúc làm quan còn để lại, không nên hoang-phi tiêu đi, nay tạm để lót gói cho mày, phòng khi khăn-cấp. Vả mày mới học lậu-lợi đi buôn, cũng không nên mong lãi nhiều, chỉ mong ba mươi lạng bạc ấy không đến nổi lỗ vốn mà thôi.

Khi Hồ sắp đi, lại dậm đi dậm lại mãi, Hồ xin vàng lờ, bạc ra đi, hứa-hở tự-dắc.

Khi đến Lạc, Hồ từ-trối cả bạn buôn, đến ngủ ngay nhà danh-kỹ là Lý-cơ hơn mười tối luôn, phung-phá hết cả tiền, vẫn chắc rằng còn có nén vàng to ở trong túi, không lo gì thiếu-thốn cả, đến khi trở ra thử xem, thì ra nén vàng giả ! Hồ thất kinh, mẹ mẹ giàu biết ý, hay châm-chọc nói mát. Hồ không yên lòng, nhưng trong túi cạn tiền, không biết đi đâu, chỉ mong rằng ở Lý-cơ còn nghĩ đến nhân-tình cũ không nở tuyệt mình chăng. Bỗng đâu thấy có hai người cầm thừng chặc vào, bắt trói cổ Hồ lại, Hồ sợ hãi không biết tại duyên-cớ làm sao, thì ra ở Lý-cơ đã lấy trộm nén vàng giả, đem đến trình quan rồi. Khi điệu Hồ đến quan, không thấy hỏi han gì cả, liền đem gông trói tổng-giam trong ngục. Hồ lại không có gì để dút lót tiền hành-sai, phải kẻ ngục-lại ngược-đãi thậm-tệ, đến nỗi phải ăn-xin của những tên tù, để sống thoi-thóp cho qua ngày vậy.

Trước khi Hồ mới ra đi, nàng gọi Phúc bảo rằng :

— Mày nhớ đến ngày hai mươi này, ta phải sai mày đến Lạc, vì ta lắm việc, sợ quên đi mất chăng !

Phúc hỏi đến Lạc có việc gì, thì thấy nàng có ý buồn rầu, không dám hỏi nữa lui ra. Đến ngày hai mươi, Phúc lại hỏi, thì nàng than - thở nói rằng :

— Nay em mày hay chơi-bời lêu-lồng, cũng như ngày trước mày bỏ học vậy ; ta không mạo tiếng ác, thì sao mày lại được như ngày nay, người ta đều bảo ta tàn-nhân, nhưng giọt lệ đầm-địa đem gối, nào ai có biết cho ta đâu !

Nói rồi rỏ nước mắt khóc, Phúc cung-kính đứng hầu, không dám hỏi

gặng nữa. Nàng gạt nước mắt khóc mà nói rằng :

— Em mày du-dăng khôn-chừa, vậy trước ta có đưa cho nó nén vàng giả, để cho gặp phải tòa-triệt giả bởi thói hư đi, ta lượng nay nó đã phải giam trói rồi. Quan Trung-thừa hậu-đãi mày, mày nên đến kêu với ngài, để gỡ thoát tai-nạn cho nó, may nó sinh lòng quý-hối mà chừa đi chăng.

Phúc lập-tức vàng lệnh ra đi, khi đến Lạc, thì thấy em đã bị giam hãm ngày rồi. Phúc vào ngục thăm em, thấy Hồ mặt mũi nhọt - uhem. Hồ trông thấy anh, cúi gục xuống khóc, không dám trông lên ; Phúc cũng thương khóc.

Khi ấy Phúc được quan Trung-thừa yêu chuộng, cho nên xa gần đều biết tiếng ; quan Huyện biết Phúc là anh tên Hồ, bèn tha Hồ.

Khi Hồ về đến nhà còn sợ mẹ giận, qui gối đi vào. Nàng đoái lại hỏi rằng :

— Mày đã thỏa chưa ?

Hồ rỏ nước mắt không dám lên tiếng, Phúc qui xuống xin cho em, nàng thét rằng :

— Đứng dậy !

Hồ từ đấy càng hối-hận, các việc trong nhà, kinh-lý rất cần, dầu có hơi biếng nhác, mẹ cũng không trách-mắng gì nữa ; được vài tháng, không dám nói gì đến sự đi buôn nữa, ý tuy muốn xin đi, nhưng không dám nói ra, mới sẽ tỏ ý cho anh biết. Nàng biết ý lấy làm mừng, mới hết sức đi vay mượn giao cho Hồ đi buôn, được nửa năm, đã lãi đến gấp hai. Năm ấy Phúc đỗ hương-khoa, ba năm nữa Phúc lại đỗ hội. Em đi buôn bán giàu lên đến cự-vạn.

Khi ấy người làng trông thấy nàng đã lên bậc Thái-phu-nhân, trạc tuổi tứ-tuần, mà hãy còn trẻ như người trạc ba mươi tuổi, ầu-mặc mồm-mặc, vẫn như nền-nếp nhà thường-gia vậy.

Lời *tiên* *binh*. — Phương-ngôn có nói: *Một đời bánh đúc có xương, mấy đời gạo nếp có thương con chồng*. Xưa nay người thế vẫn mang tiếng là bạc đãi con chồng.

Hoặc có người muốn tránh tiếng chê bai, lại kiêu-uồng quá, cứ mặc cho con trẻ phồng-túng, không hỏi đến chi, là vì tại làm sao?

Vì nghĩ rằng mình đánh con mình thế nào, không ai chê là tàn-bạo; nếu đánh con chồng như thế, thì đã xum lại mà chỉ-trích ngay.

Nàng Tề-Liên vốn không phải chỉ tàn-nhân với con chồng đâu, nhưng giả-sử con mình mà hiền, không phải đê-net như con chồng, thì sao hay tỏ được bụng kho-tâm ấy với thiên-hạ. Thế mà nàng không tị hiềm-nghi, không từ hủy-báng, dạy nên được hai con, một người sang, một người giàu, để tiêu-biểu ra với đời, nàng không những là bậc khuê-tú giỏi, cũng đáng gọi là một bậc đại-trượng-phu.

ĐÔNG-CHÂU dịch

CỦA ĐỜI NGƯỜI THẾ

(Dịch truyện Tàu)

Chu-gia-thôn có một người Tú-tài tên là Chu Vinh-Tồ, vợ là Chương-thị, mới sinh được người con trai tên là Trường-Thọ. Nguyên khi xưa Tồ-phụ là Chu-Phụng, nhà giàu đại-phú, tiền bạc súc-tích, nên bạc nào cũng khắc tên mình làm chỉ-hiệu, tính hay tôn-sùng đạo Phật, dốc lòng tin mến, làm mấy gian chùa ở cạnh nhà, ngày đêm phụng thờ, sớm khuya tụng niệm; đến đời phụ-thân, không tin đạo Phật, phá-hủy mấy gian chùa để làm rộng thêm nhà ra, khi làm nhà xong thì phải bệnh mất, người ngoài ai cũng cho là quả-báo.

Đến đời Chu Vinh-Tồ theo nghề bút nghiên, tinh-bạn thông-minh, học-hành rộng-rãi, muốn thi-cử, lập công danh, nhưng ngặt vì vợ đại con thơ, không có thể bỏ mà đi được, bèn nhau đem cả nhà ra ở kinh-thành, cho tiện chỗ học-tập, những vàng bạc của tô-phụ để lại, chỉ đem ít nhiều đi tiêu dùng, còn bao nhiêu thì đem chôn dưới chân tường, mượn một người quản-gia trông nom việc nhà.

Bấy giờ ở Táo-chu có một người

cùng-dân, tên là Giả-nhân, nghèo đói khổn khổ, ngày nào cũng đi làm mướn kiếm ăn, hoặc cuốc đất, hoặc đào tường, ai thuê việc gì làm việc ấy, tối lại về ngủ cái lều nát, thấy người ta phú-quí mà mình nghèo khổ, thường nghĩ bụng rằng: có sao trời ở chẳng cân, người ăn chẳng hết người lần chẳng ra? Khi đi làm trở về qua miếu Đông-nhạc, lại vào lễ bái kêu cầu, nay khẩn mai bài, lòng thành cũng động đến quỷ-thần.

Một hôm vừa khẩn bài xong, nằm lăn xuống thềm, thiu-thiu ngủ, thấy tên linh đem thần-hồn đi đưa vào bầu hai vị linh-thần: 1^o Thần pháí-hậu, 2^o Thần tăng-phúc. Thần pháí-hậu bảo Thần tăng-phúc tra xét xem số phận Giả-nhân thế nào. Phúc-thần giở sổ ra tra xét một hồi, rồi đáp lại rằng: « Tên này kiếp trước bất-lương, kiếp này phải chịu cùng khổ. »

Giả-nhân nghe nói, cố ý kêu cầu. Thần pháí-hậu nói: « Tên này tuy không có điều thiện gì to tát, nhưng khi cùng khổ, tổng tăng cha mẹ hết lòng, cũng là một người có hiếu, vậy thì hãy đem

phúc phận của người khác cho nó mượn tạm, và cho nó như người nghĩa-lữ, nuôi đến khi chết thì thôi.»

Phúc-thần nói : « Chu-gia-thôn có một người Tú-tài, vì có đời cha phá-hủy tòa Phật, nay đến đời con phải chịu phạt một hồi, vậy đem phúc-phận của nhà Chu-sinh cho Giả-nhân mượn tạm trong 20 năm, mãn hạn thì trả lại chủ cũ.

Thần phái-hậu gặt đầu khen phải liền gọi Giả-nhân đến trước mặt, phán bảo phân-minh, Giả-nhân lấy tạ bước ra, tên linh đầy một cái, giạt mình tỉnh dậy, thì té ra giấc chiêm bao, bụng nghĩ rằng : cứ như trong giấc mộng, thì có lẽ thần-linh phù-hộ, mình được giàu có đến nơi.

Hôm sau lại đi tìm việc làm mượn, bước ra khỏi cửa, vừa gặp quán-gia nhà Chu-sinh gọi đến bán cho bức tường đồ, Giả-nhân nhận giá phân-minh, rồi đến đào tường, để lấy gạch đem bán, khi đào đến dưới chân tường, thấy có phiến đá, này lên thì đều là vàng bạc, mừng rỡ vô-cùng, nghĩ bụng rằng giấc mộng hôm trước quả nghiệm thực, bèn bỏ vàng bạc vào trong sọt, phủ đất lên trên, đem về giấu một nơi, hai ba ngày mới đem về hết.

Giả-nhân lấy được của ấy, đem bán ít nhiều, làm một cái nhà nhỏ và làm vốn sinh lợi, trước còn buôn bán tầm-thường, sau thành ra đại cửa hàng, chưa được bao lâu ra cửa cao nhà rộng, ruộng cả ao sâu, càng ngày càng giàu, thành ra một nhà đại-phú, ai cũng gọi là Giả-viên-ngoại ; nhưng tính cực hiền-lặn, không dám đời ra cho ai một đồng, mà tự mình cũng buộc miệng buộc miệng, không sa-phí chút nào, người ta lại gọi là Thần giữ-cửa, vì rằng cửa ấy nguyên là của Chu Tú-tài, cho Giả-nhân mượn tạm trong 20 năm, Giả-nhân chỉ có quyền giữ hộ mà thôi. Giả-viên-ngoại lấy

một người vợ, nhưng không sinh-dục gì cả, nuôi một lão-nho tên là Trần Đức-phủ, trông nom giúp đỡ việc nhà, thường bảo Đức-Phủ rằng : « Tôi nhờ Trời giàu có ưc vạn, nhưng chỉ hiềm vì một nỗi hiềm-hoi, tôi muốn mua một người làm quá-phòng-lữ, trước là vui nhà, sau là trông cậy về thân hậu.»

Đức-phủ nghe nói, ra kể chuyện với người hàng rượu, hề thấy ai bán con, thì mua giúp Viên-ngoại một người.

Chu Tú-tài tự khi đem vợ con ra ở kinh-thành không may gặp phải cơn đen vận tủng, công-danh cũng chẳng ra gì, lại đem nhau về nhà làm ăn, càng ngày càng sa-sút, đào chân tường để tìm vàng bạc chôn khi trước, chỉ thấy những gạch cùng đá mà thôi, dần dần cửa nhà ruộng vườn, bán hết sạch sành-sanh, cơm chẳng có ăn, áo chẳng có mặc, cửa nhà không có mở, đem vợ con đi lang-thang, nay đây mai đó, hết chỗ này đến chỗ khác.

Một hôm gặp mưa tuyết lạnh-lùng, đem nhau vào nhà hàng rượu tạm tránh, hàng rượu ấy ở trước nhà Giả-viên-ngoại, quán-chủ thương tình, đãi cho mấy chén rượu cho khỏi rét ; quán-chủ thấy Trường-Thọ mặt mũi khôi-ngô, bảo Chu-sinh gặp bước gian-nan, nên đem tiền-nhi bán cho người ta làm nghĩa-lữ được ít nhiều tiền tiêu dùng.

Chu-sinh bán với Chương-thị, thuận tình đem con đi bán, có ai mua thì nhờ quán-chủ đánh tiếng giúp cho, quán-chủ liền vào nhà Viên-ngoại kể chuyện với Trần Đức-Phủ, Đức-Phủ chạy ra xem, thấy tiền-nhi có phúc-tướng, vội vàng vào nói với Viên-ngoại để mua làm quá-phòng-lữ, Viên-ngoại hỏi nó là con nhà ai ? Đức-Phủ nói là con anh cùng-tú-tài, tên là Chu Vinh-Tồ. Viên-ngoại nói : « Tú-tài thì hay lắm ! Chỉ hiềm vì một nỗi

ùng.» Đức-Phủ nói : « Bối cùng mới phải bán con, chẳng có ai phụ-qui lại chịu bán mua bao giờ.»

Đức-Phủ chạy ra đưa Chu-sinh và tiểu-nhi vào. Viên-ngoại thấy Trường-thọ khời-ngộ, tuần-tú, trong bụng mừng lắm, liền bảo Chu-sinh viết văn-tự bán con. Đức-Phủ hỏi viết văn-tự thế nào? Viên-ngoại nói : «Viết văn-tự người lập thư tên là mỗ, vì có không có ân, tình nguyện đem con thân-sinh của mình lên là mỗ, bán cho Giả-viên-ngoại làm quá-phòng-tử, đã lập khế rồi, hai bên đều không được phản-hối, hễ ai phản-hối thì chịu phạt nghìn quan tiền,» Đức-Phủ cười rằng tiền phạt một nghìn thì giá mua không biết mấy nghìn. Viên-ngoại nói : « Mua bao nhiêu mặc tôi, cứ bảo Chu-sinh viết như vậy.»

Đức-Phủ ra nói với Chu-sinh, Chu-sinh nghĩ rằng Viên-ngoại nhà giàu, thế nào cũng trả được mấy nghìn, nên cứ theo thế mà viết, nhưng không biết rằng giá bán không nói minh-bạch chàng biển-lập đã lập kế đánh lừa.

Văn-tự viết xong rồi, Viên-ngoại đem tiểu-nhi vào nhà trong, yết-kiến chủ-mẫu, Giả-bà thấy Trường-Thọ my thanh mục tú, trong bụng mừng thầm. Viên-ngoại bảo Trường-Thọ rằng : « Hễ ai hỏi mày họ gì, thì mày phải nói là họ Giả. » Trường-Thọ bấy giờ mới 6 tuổi, đã hơi có trí-thức, liền đáp rằng : « Tôi vốn là họ Chu. » Giả-bà cười mà bảo rằng : « Ai hỏi mày cứ nói là họ Giả, đừng nói là họ Chu, ta sẽ may cho cái áo hoa. » Trường-Thọ nói : « Dẫu may áo hồng-bào cho tôi mặc, nhưng bao giờ tôi vẫn là họ Chu. » Viên-ngoại nghe nói có ý không bằng lòng.

Chu-sinh ở nhà ngoài nhờ Đức-Phủ nói với Viên-ngoại đem trả tiền. Viên-ngoại nói : « Vì hấn không nuôi được con, phải đem bán-cho ta, để ta nuôi giúp cho, ta không đòi tiền

nuôi thì chớ, hấn lại còn đòi tiền ta hay sao? » Đức-Phủ nói : « Người ta mang nặng đẻ đau, công-phu khó nhọc, dẫu tình đem bán cho ngài có lẽ nào lại không trả tiền người ta? » Viên-ngoại nói : « Muốn lấy tiền sao không nói trước, để viết vào văn-tự phân-minh, bây giờ việc đã xong rồi, còn nói gì nữa, thôi, ta nề mặt nhà người, trả cho một quan. » Đức-Phủ cố nói giúp hộ Chu-sinh, Viên-ngoại cho thêm nữa mà bảo rằng : « Nếu không nghe thì là người phản-hối, trong văn-tự đã nói rõ rằng : ai phải-hối thì chịu phạt một nghìn quan tiền, nộp phạt ta sẽ trả con cho đem về. » Đức-Phủ thấy Viên-ngoại khở-khắc, lấy tiền riêng của mình giúp cho Chu-sinh hai quan nữa, và bảo rằng : « Gặp phải người biển-lập, tiền-sinh cũng bằng lòng vậy, con mình ở đây được ăn sung mặc sướng là hơn.»

Chu-sinh gọi Trường-Thọ ra mà bảo rằng : « Cha mẹ không nuôi được con, phải bán cho người ta, con ở đây được no cơm ấm áo, thôi cũng đừng phiền lòng làm chi nữa. » Nói đoạn nước mắt chảy xuống dòng-dòng, Trường-Thọ cũng ôm lấy cha mẹ mà khóc. Đức-Phủ đem Trường-Thọ vào nhà trong, mua quà bánh giỗ-dành, vợ chồng Chu-sinh gạt nước mắt trở ra.

Tự bấy giờ vợ chồng Viên-ngoại, đổi tên tiểu-nhi là Giả Trường-Thọ, dần dần lớn lên, vẫn tưởng mình là con thân-sinh của Viên-ngoại, quên cả cha mẹ thân-sinh ra mình, nhưng tính-khí rộng rãi, coi đồng tiền như cái rác, không giống tính Viên-ngoại chút nào.

Viên-ngoại quản-lĩnh gia-tài, thắm-thoắt được 20 năm, năm ấy Giả-bà tạ-thế, tổng-táng đầu đấy, Viên-ngoại buồn-dầu, thành ra ốm nặng. Trường-Thọ sửa lễ ra miếu Đông-phước, kêu cầu, mong cho phụ-thân được chóng

khỏi; hôm ấy chính là ngày thánh-dán, thiên-hạ đến lễ-bái, người đông như kiến. Trường-Thọ sai gia-đồng tìm nơi thanh vắng, ngủ một đêm, khi chạy xuống hành-lang, thấy hai vợ chồng một người mặt búng da chi, áo quần rách-rưới, chính là vợ chồng Chu Tú-tài. chỉ vì cách-biệt đã lâu, cho nên Trường-Thọ không nhận được mặt.

Nguyên vợ chồng Chu Tú-tài lưu-lạc 20 năm, muốn đến nhà Viên-ngoại thăm tìm Trường-Thọ, nhân đi qua miếu Đông-nhạc, vào viết sớ thuê. kiếm năm ba đồng chi-dụng, thủ-từ cho ở dưới hành-lang; bấy giờ Trường-Thọ sai gia-đồng đuổi đi, Chu-sinh không phục, cãi nhau với gia-đồng, đến tai thủ-từ, thủ-từ nói: « Nhà có chủ nhà, miếu có chủ miếu, ta đã cho vợ chồng người ta ở đó, có sao nhà người dám đuổi. » Gia-đồng nói chủ xin đưa một quan tiền ngủ trọ một đêm. Thủ-từ thấy có tiền, liền đổi giọng mà bảo rằng: « Vậy thì ta bảo hẳn nhường cho thầy trò nhà người. » Vợ chồng Chu-sinh không thể sao được phải tránh ra chỗ khác. Hôm sau lễ-bái xong rồi, người đầu về đây, Trường-Thọ về đến nhà, thì Viên-ngoại đã mất rồi, làm lễ tống-táng cũng như cha sinh, tự bấy giờ gia-tài của Viên-ngoại lại về tay Trường-Thọ cai-quản.

Chu-sinh tự khi ở miếu bước ra, định đến nhà Viên-ngoại, dò-la tin-tức, vào nhà hàng rượu khi trước, chính gặp Trần Đức-Phủ, liền hỏi rằng: « Tiên-sinh có nhớ tôi không? » Đức-Phủ nhìn nhận một hồi lâu, rồi hỏi rằng: « Ngài có phải là Chu Tú-tài bán con khi trước không? » Chu-sinh thưa phải. Đức-Phủ nói: « Vợ chồng Giả-viên-ngoại tạ-thể cả rồi, gia-tài về tay lĩnh-lang cai-quản hết, vả lại tinh-khi hào-phóng, trọng nghĩa khinh tài, chớ không biền-lận như lão trước, tiên-sinh hãy ngồi tạm đây, để tôi vào báo tin cho lĩnh-lang. »

Trần Đức-Phủ vội-vàng chạy về, nói chuyện với Trường-Thọ, mọi việc ngày trước kể lại đầu đuôi miếu-bách, hai năm rõ mười, Trường-Thọ tuy cách-biệt đã lâu, nhưng nghĩ lại lúc thừa bé, hãy còn phảng-phất trong lòng, vội-vàng theo Đức-Phủ ra nhận cha mẹ, cha con gặp nhau, mừng mừng tủi tủi, tình-trạng ấy không kể xiết được.

Trường-Thọ trông thấy hình-dáng cha mẹ, biết là hai vợ chồng người ở miếu hôm trước, thụp xuống lạy mà khóc rằng: « Hải-nhi không nhớ mặt song-thân, hôm trước ở miếu có điều mạo-phạm, thực là tội bất-hiểu. » Liền sai gia-đồng về lấy chấp bạc, đem ra làm lễ tạ tội. Chu-sinh không chịu lấy, Trường-thọ nói: « Song-thân không nhận, thì hải-nhi không được yên lòng, » Chu-sinh bất-đắc-dĩ phải nhận, mở chấp bạc ra xem thì nén nào cũng khắc ba chữ *Chu-phụng ký*, đặt mình kính sợ, bảo Đức-phủ rằng: « Bạc này nguyên là tở-phụ tôi để lại, hãy còn tự-tích phân-minh. » Đức-phủ nói: « Cửa nhà tiên-sinh, có sao lại về tay Giả-viên-ngoại? » Chu-sinh nói: « Khi trước tôi ra ở kinh-thành đem bạc này chôn dưới chân tường, lúc về đảo lên thì thấy mất cả, bây giờ lại thấy ở đây, thực là khá quái! » Đức-phủ nói: « Giả-nhân nguyên là người đi làm thuê, vụt chốc làm giàu có, chắc hẳn lấy được của tiên-sinh, hẳn không có con cái gì cả, mua lĩnh-lang làm quá-phòng-tử, quản-lĩnh gia-tài, bây giờ hẳn qua đời rồi, người và của lại về chủ cũ, thực là lòng Trời; thảo nào mà hẳn không phải của hẳn, hẳn chỉ giữ hộ tiên-sinh đó thôi. » Chu-sinh nghe nói, cũng lấy làm kỳ-ngộ, bèn đưa cho Đức-phủ hai đĩnh bạc, để đền ơn hai quan tiền năm trước, lại đưa cho hàng rượu một đĩnh, để trả nghĩa cho uống rượu khi xưa. Trường-Thọ bèn đem song-thân về nhà phụng-đưỡng. Chu-sinh

lại là ^{bà} ra mấy gian chùa, vợ chồng tu-hải, ⁿⁱ đêm ngày phụng-sự, từ bấy giờ là ^{lin} tăng tin mến đạo Phật lắm.

Kết-l' an. — Tiền của là chúa muôn đời, ki' ở người này, lúc sang kẻ khác, đến ta mới biết của ta, nghìn trăm năm trước biết là của ai ? Như Chu-sinh nhờ của l'ồ-nghiệp, nguyên là một nhà phú-hộ, chỉ vì đời cha phá-hủy phật-tượng, đến nỗi cùng khổ 20 năm ; Giả-nhân làm mướn kiếm ăn, nguyên là một đũa cùng-dân, chỉ vì táng thân có chút lòng hiếu, lại được sung-sướng 20 năm. Tuy rằng đạo

Trời báo-tử, mà cũng là Tạo-hóa thừa-trừ, ~~ki~~ nên thì số giàu đem đến dừng-dur 3, nọ là con mắt cháo-chung với trời ; đến lúc vận chẳng ra gì, thì của Trời, Trời lại lấy đi, dương hai con mắt làm chi được Trời. Cho nên có người tay trắng làm nổi cơ-dồ, có người giàu tám vạn nghìn tư cũng hết, chẳng ai giàu ba họ, khó ba đời bao giờ, vậy cho biết của chung thiên-hạ đồng lẫn, canh thời rồi lại chao đần cho nhau !

NGẠC-ĐÌNH dịch

DU' - LUẬN CHUNG

Mục « Du-luận chung » đề d'ang những bài nghị-luận phổ-thông của các bạn đọc báo lai-cảo. Những ý-kiến trong các bài ấy bản-chi không giữ trách-nhiệm ; bài nào đã có tác-giả đứng tên.

N.-P.

BÀN GÓP VỀ HỘI « KHUYẾN-HỌC »

Các nước bên Âu-châu thường hay lập rất nhiều hội khác nhau, hoặc chủ-nghĩa về luân-lý, hoặc về lý-tài, toàn là để giúp cho cả dân trong nước được hưởng cái kết-quả của văn-minh ngày nay. Cái văn-minh đó là công việc của tinh-thần mấy mươi muôn vạn bậc thượng-trí đã cố hết sức kế-tiếp nhau mà tư-trởng từ khi loài người còn phải ăn lông ở lỗ đến ngày nay. Ở trên mặt đất này, vật gì cũng phải thay đổi luôn ; loài người mỗi ngày một khôn khéo hơn lên, cách xa c'ồ-nhân nhiều lắm, vì rằng được cả các công-nghiệp đời trước để lại mà thêm vào công-nghiệp mình làm, ví cũng như một người con giỏi, cứ những của tay mình kiếm ra cũng đủ ăn, song lại được hưởng gia-tài ông cha để lại, thì cơ-nghiệp tất là to hơn cơ-nghiệp ông cha. Người nào không biết hưởng cái văn-minh chung của thế-giới đời nay, thì khờ biết chừng

nào ! Thật chẳng khác gì một chàng kia có phần to về gia-tài cha mẹ để lại, mà cứ n'ho-n'ho nhác-nhác để hết lợi cho anh em, còn mình thì mồ-hôi nước mắt chăm-chỉ làm ăn cả một đời, mà vẫn kém người ta xa ! Văn-minh là một cái gia-tài rất nên qui-hóa, song muốn hưởng phải có khôn khéo mới được, vậy phải làm thế nào cho đủ trí khôn mà hưởng cái gia-tài chung của loài người ấy ? Chắc là phải học sách vở của các nước văn-minh có dịch ra tiếng Pháp nhiều, mà chính nước Pháp cũng có thừa sách cho ta m'ơ-mang trí khôn, vậy ai cấm ta, mà ta xưa nay chẳng nhìn gì đến cả ? Than ôi ! người nước ta nào có phải gi'ốt-nát như dân m'ường-mọi đầu mà ta cam chịu hèn mạt ? Dân ta thật có đủ tư-cách làm người ở trên mặt địa-cầu này, cứ xem qua Nam-sử thì rõ. Về đường văn-chương thì chẳng cần phải nói đến

ai cũng biết ta đời xưa vẫn là một dân trọng chữ-nghĩa và luân-lý. Tưởng những người biết tư-tướng khi nghĩ đến lúc nước ta nhỏ bằng một tí mà làm cho nước Tàu rộng hơn kẻ có mấy mươi phần phải kính nể, thì cũng đổ vài giọt nước mắt khóc cái vẻ-vang của ta đã qua rồi. Tôi nói thế là có ý nhắc lại rằng nước ta vẫn có trí-tuệ tự-nhiên, mà chỉ vì ta không chịu khó học-hành, cho nên một ngày một mất dần đi. Đời trước ta tuy học hư-văn, song học đến nơi đến chốn, chứ không như các bậc thiếu-niên đời nay. Biết bao nhiêu là người rùi-mài kinh-sử, học đến hết đời ! Tuy về đường cách-trị không biết, song học nhiều thì lợi cho đường đạo-đức bao nhiêu ! Vả lại ta khi trước đã mấy trăm năm học chữ Hán, cho nên biết được đến nơi đến chốn, cho nên nước ta khi trước phong-tục rất là êm-ái. Bây giờ là buổi giao-thời, chữ Hán gần hết, mà chữ Pháp mới biết bập-be, thì thế nào cho khỏi hại đến luân-lý được. Song có giờ mới có hay. Đời bây giờ phải cần có cái học-thức ngay nay thì mới sống được. Vậy đáng lẽ thì buồn thật, song ta cũng nên mừng rằng đã tìm được chính-đạo, lúc mới đi thì còn run-rẩy, sợ ngã thì hồng cả, song cứ nhất-định bước lên thì quen dần dần, rồi cứ tuần-tự mà đến được mục-đích. Tuy vậy khi đi trên đường khó-khăn ấy phải có người dẫn mới được. Có nhiều ông phàn-nàn về cách ăn ở của nhiều người ta đi học chữ Pháp, là vì rằng phần nhiều học-trò ta là không có người dẫn đường. Thầy-giáo người Pháp không hiểu tinh-tinh và phong-hóa ta, cho nên chỉ dạy ta được phần chữ-nghĩa ; về phần luân-lý thì phải chính người nước mình mới dạy được. Vậy nay nên xét xem vì có gì mà bây giờ các cậu học chữ Pháp lại hay phải đảng cựu-học công-kích.

Như ở các nước văn-minh thì những người giàu có thường hay nuôi một ông thầy riêng để trông nom con mình từng tí, vừa bảo học, vừa dạy-dỗ khi còn nhỏ, như người vú vậy ; bởi lẽ ấy trong nước được nhiều bậc đại-tài. Những người

nào không có của nuôi thầy dạy thì cho vào các trường, trong ấy người trông nom cẩn-thận lắm, mà khi nào trẻ ngã đau hoặc làm điều gì xằng thì Nhà-nước có phép bắt người coi sóc nộp tiền phạt, còn người nào có nhà ở gần trường thời tuy cho con đi học, song ở nhà bố mẹ cũng cẩn-thận coi-sóc về dáng giáo-dục con cái. Coi đó thì đủ biết cách cho con đi học của người ta khác mình bao nhiêu. Ở nước ta chữ Pháp chưa thấm-thía vào lắm, cho nên về phần nhiều các ông cho con đi học không biết mà trông nom sách vở các cậu. Vậy nên muốn nói thế nào, cha mẹ cũng từ rằng phải, mà tưởng rằng con mình đã có các thầy dạy-dỗ ở trường học cho, mà có ông thấy con cái nhâng-nháo thì lại tưởng rằng bây giờ lối học mới phải để cho tự-do mới được. Các ông nghĩ thế là lầm to, vì nước nào cũng vậy, cái giáo-dục ở chốn gia-đình là can-hệ nhất, mà phàm trẻ đứa nào cũng vậy, phải uốn nắn lắm thời mới thành tài được. Nay ta thử xét phần giáo-dục một đứa bé đi học chữ Pháp cho đến khi ra làm việc được xem ra làm sao. Ai có ý suy xét một ít thì cũng đã hiểu rằng phần nhiều thầy giáo các trường chỉ chuyên thế nào cho học-trò đỡ nhiều là đủ, còn một chủ-nhật được vài bài luân-lý thì coi rất la khinh thường, ở nhà cha mẹ đã không trông nom, đến trường các thầy lại chẳng giậy cách ăn ở, thì trách gì mà đứa trẻ chẳng hóa ra chơi bời ! Khi lên được trường trung-học thì cũng chỉ tìm cách thế nào cho được bằng là đủ, còn về đường đức-dục thì thầy tây dạy qua-loa thôi ; đến kỳ ra làm thì còn ai dám nói động đến các thầy nữa, phần thì ở xa cha mẹ, phần thì ở chốn tỉnh thành, chúng bạn đủ-dê chơi-bời, xem đó thì biết vì có gì mà phần nhiều người tân-học đức-dục kém ; khi trước ta còn học chữ Hán, bố con thường ở với nhau lộn đời, thật là một cảnh-tượng rất êm-ái chốn gia-đình.

Vậy nay làm thế nào cho các ông có con đi học chữ Pháp khỏi phải lo nghĩ về phần đạo-đức con cái ? Muốn cho học

lười biếng nữa. Nếu các ông có con học được mà lại có của thì tất hẳn-phận phải chăm cho con cái học-hành để mở-mang trí khôn một ngày một hơn, sau này cũng có thể giúp vào việc làm sáng danh Chúa mình được. Hẳn-phận ấy rất là can-hệ cả về phần đạo phần đời. Cứ suy nghĩ kỹ về đoạn kinh *Evangelium*, dịch đại-khái như sau này, thì đủ hiểu người đi giáo trước hết phải có lòng đạo-đức, sau phải có nghị-lực nữa mới được. Ông thánh Matthieu trong đoạn thứ 25 kinh *Evangelium*, có chép lời đức chúa *Jésus* đại-ý thế này : Đức Chúa trời cũng ví như một người kia, trước khi đi vắng lâu thì gọi lũ đầy tớ lại mà giao bạc cho. Giao cho người thì năm nén, người thì hai nén người thì một nén. cứ tùy sức từng người mà cho. Anh được năm nén đi làm nẩy-nở ra được thêm năm nén nữa ; anh đã nhận được của chủ hai nén cũng làm ra gấp đôi ; còn anh chỉ được có một nén thì đào đất mà chôn tiền của chủ mình. Mấy năm sau chủ nhà về thì khen mà thưởng mấy đừa đầy tớ đã chịu khó làm lãi của chủ phó cho, mà phạt đừa lười-linh đem chôn tiền xuống đất, không được ích-lợi gì — Đoạn ấy có ý nói rằng chúng ta ai nhận được ít trí khôn Chúa ban cho thì cũng phải hết sức làm cho nẩy-nở ra để làm được việc lành cho nhiều ; còn ai có nhiều trí khôn cũng phải cố sức làm cho hơn lên, ví cũng như người nhận được năm nén bạc, phải kiếm thêm năm nén nữa, mà người được có hai nén cũng phải làm cho gấp đôi : nếu bảo rằng cứ giữ lấy mình thật sạch tội là đủ, không có ý giúp người chưa biết đường chính, không hết sức mình khuyên việc lành, trừ bỏ việc dữ, thì sao bên Âu-châu có nhiều người còn trẻ tuổi mà bỏ cả sự vui-thú ở đời, để trông nom giúp đỡ kẻ yếu đau, lại có người nhà giàu có sang-trọng mà đi tu-hành, gieo mình vào chốn rất độc-địa là nơi rừng-rú, giảng đạo cùng làm phúc, thuốc thang cho kẻ bần cùng, ăn ở khổ-sở cùng dân mọi rợ. Vậy nếu ta không cố sức học-hành để mở-mang trí khôn trời cho, thì thật phạm tội lười

biếng vì như đừa đầy tớ đem chôn tiền vậy. Các nước Âu-châu trọng đạo hơn ta nhiều, mà nghị-lực rất mạnh ; ai ai cũng lấy sự chịu khó lao-động làm qui-hóa, cho nên mỗi ngày một mình hơn. Nước ta phần nhiều người chẳng tin-ngưỡng gì cả ; mà những nhà đạo-đức thì xem ra có ý nhu-nhược, không muốn đua tranh với ai cả. Ông nào có con mà không chịu mở-mang trí-tuệ cho nó, thì sau này chẳng làm được việc gì ích-lợi, mà giữ của ăn cũng không nên. Cho được hoàn-toàn phải có trí, có đức. Người ta ở đời này phải chịu khó, mới được có lúc nghỉ-ngơi ; hẳn-phận làm dân trong một nước là phải lấy cái dự-sức của mình mà giúp đỡ đồng-bào cho chóng tấn-hóa ; mà muốn giúp người thì mình phải tìm cách gì học-hành cho khá mới được, lẽ ấy chắc ai cũng rõ lắm, song bây giờ tôi hãy đề hẳn-phận người dân một nước đã có nhiều ông bàn đến rồi, mà xét hẳn-phận một người sùng đạo Thiên-chúa xem phải thế nào. Trước hết phải hiểu loài người cứ theo như ý Thiên-chúa thì khi ở đời này được nghỉ-ngơi là phải lao-động. Trong sách thánh đã chép những lời Thiên-chúa bảo ông Adam, trong những lời ấy có mấy câu rằng : « Mày sẽ phải đổ mồ-hôi trán mới có cơm mà ăn (*Tu mangeras ton pain à la sueur de ton front*) ». Đó là số-phận loài người. Ta đã biết chính đạo Thiên-chúa dạy rằng thế-gian này là nơi khổ-hải như là một chỗ để thử lòng người vậy, còn nơi cực-lạc thế-giới mới là chỗ ta nên mong-mỏi. Ta muốn hiểu rõ rằng đời này là không phải lúc được nghỉ-ngơi vui-vẻ, thì rõ lịch-sử các nước ra xem mà suy nghĩ : biết bao nhiêu là năm giặc-giã, mất mùa, dân đói khát ! Ta hãy nhìn ngay các nước đời nay mà xem có nước nào được phong-túc, không phải lao-động chẳng ? Nước nào gọi là giàu, bất-quá được mấy ông, mà bao nhiêu là người phải đổ mồ-hôi nước mắt mới tìm được đủ mà nuôi vợ con. Bởi lẽ ấy phải tràn đản ra các nước khác ở ngụ-cư hoặc buôn

hán k. ăn. Khổ thay ! Phải lao-động cả đời, là cũng còn nhiều khi túng đói phải nhịn, liệu không giữ luật phép ! Thế đã hết đời khổ đau, còn tranh lợi-quyền thành r. đánh nhau mới sống được. Cái khổ khổ g. tiền, cái khổ đau đớn thân-thể, vì với cái khổ thương tiếc thì đã vào đâu ! Một người lính chết nơi chiến-trường, ta không thương bằng những người còn sống. Nào cha mẹ, nào anh em, nào vợ con, nào người tình-nhân yêu mến, biết bao nhiêu là người phải thương khóc lộn đời ! Thảm thay cái số-phận loài người ! Một việc nhỏ mọn làm ra mấy nước sâu xa nhau, làm cho bao nhiêu chiến-sĩ phải vùi giập nơi chiến-trường, làm cho bao nhiêu người ngậm đắng nuốt cay vì thương tiếc ! Xem thế ta đủ biết loài người ở đời này lắm nỗi đắng cay. Lao-động suốt đời như thế có mục-đích gì cao - thượng ta nên khen chăng ? Tưởng cũng ít khi có, vì rằng chẳng qua là phải vậy mới kiếm đủ ăn mà sống được. Chắc rằng nhiều người hôn-đạo cũng nghĩ rằng ở đời này làm ăn khổ sở mà cũng không được lúc nghỉ-ngơi vui-vẻ, cho nên không thiết gì nữa, ai làm gì mặc ai, ta cứ an-phận một mình mà đợi khi đến hạn thì hưởng hạnh-phúc ở Cực-lạc-thế giới. Cũng có người không thiết việc gì mà bảo đời này chẳng qua là một giấc chiêm-bao. Giấc chiêm-bao ! Lời ấy tuy có ích-lợi cho vài người đã chán-nản quá, đã hết cả hi-vọng, song làm hại biết bao nhiêu người đáng lẽ cũng chịu khó học-hành làm ăn, mà vì nghĩ đến đời như giấc chiêm-bao, thì mất hết nghị-lực, thành ra gập đầu hay dấy ! Bảo đời là giấc chiêm-bao, chính là xui người ta gập chẳng hay chớ, thế nào xong thôi. Ta đừng tin lời đó, nên nhớ lại sách đạo dạy rằng thế - gian cũng như chỗ phật chúng ta để thử lòng ta, mà về sau này sẽ thưởng phạt tùy như việc phúc đức cùng tội-lỗi đã phạm ở đời này. Xin các ông nào xưa nay không cần-mẫn về sự mở-mang trí-thức cho con cái, hãy suy nghĩ rằng nếu

đời này đã là một chỗ thử cái giá-trị từng người, thì bọn họ ta phải thế nào ? Chắc là phải dùng hết trí-lực của-cái Chúa đã ban cho mà g. kẻ hèn yếu. Vậy chúng ta tuy rằng không thiết sự vui thú giả dối đời này thật, nhưng cũng phải hết sức làm cho sau này được công to vậy.

Dân nước ta nếu hèn cũng là tại chưa biết giá-trị sự lao-động. cứ nghĩ rằng « vạn sự bất như nhân ». Kỳ-thực thì càng chịu khó bao nhiêu càng quen dần đi, sau thành ra vui lòng, người nghe thấy khoan-thai, mà làm được nhiều việc ; chỉ như cái nhân thì vô-tích lắm : người chơi không tắt sinh ra chán-nản, ăn không ngon miệng, ngủ không yên giấc, mà chẳng làm được việc gì có ích-lợi, hóa ra mỗi ngày một chán-nản hơn, mà dầu có của thì dần dần cũng hết, rồi sau trong lòng bối-rối, mình lại trách mình, mà hay thay, khi trước Thiên-chúa bảo ông Adam nghĩa là bảo cả loài người : « Mày sẽ phải đồ mồ hôi trán mới có miếng mà ăn », thì đã có ý bảo-thủ nhân-loại làm cho người lao-lực được mạnh khỏe, kẻ nhàn-cư phải yếu đuối chán nản, người chịu khó được thỏa chí, kẻ lười biếng phải bối-rối ruột gan. Lại thật, anh làm ruộng kia từ sáng đến tối không lúc nào được nghỉ, chẳng kiêng gió máy, chẳng cần vệ-sinh, ăn uống kham khổ, thế mà có nhiều lúc vui cười, cơm hầm muối vừng lấy làm thú, đêm ngủ êm như không. Xem thế đủ hiểu Thiên-chúa muốn cho loài người ở thế-gian này phải lao-lực, thì đã làm cho ta có lao-lực mới mạnh khỏe mà không bao giờ hại. Bác công - tử kia người hầu kẻ hạ, ăn ngon mặc ấm, giường cao chiếu sạch, nào thuốc bổ cho mạnh khỏe, nào chơi bời cho giải trí, thế mà người vẫn yếu ớt, đêm ngủ phàn-nản chẳng yên, lỡ có ra gió mưa thì yếu hàng mấy tháng. Sao vậy ? Vì rằng không giữ hôn-phận mình, trái luật Trời mà ở yên, không thay thuốc nào làm cho

ra con người tráng-khiên được. Càng lao-động bao nhiêu càng dễ chịu, càng được vui lòng bấy nhiêu bởi vậy các nước Âu-châu rất trọng sự lao-động, mà ngày ngày thêm thịnh. làm việc kẻ phải chăm bằng mấy mươi nước ta, thế mà người Âu-châu vẫn có sắc hớn-hở, không ngại gì nhọc sức nhọc trí, mà càng làm bao nhiêu lại càng vui bấy nhiêu. Người nước ta không những kẻ phải làm ăn thì phần nhiều là chuộng sự nhàn-hạ, dút - dặt thấy việc gì khó nhọc chẳng muốn mó tay. Tôi nói về sự lao động là có ý đánh thức những người nào xưa nay không cần-mẫn công việc kiếm ăn, và giáo-dục con cái cho thành người cán-đáng được việc đời ; giả-thử các người ấy có biết rõ - ràng sự vận - động không khó nhọc gì lắm mà lại vừa được việc, vừa hả dạ, thì chắc dần dần cũng phải cố sức làm ăn, dạy con dạy cháu mà ganh đua với đời. Tôi thấy lắm nhà bên Giáo không hay cho con đi học, và coi sự học là thường, thì thiết-tưởng rằng nếu sau này mà nhiều ông như vậy, thì trong nước sẽ ít người cán-đáng, và không bao giờ bước tới lên được. Vậy xin các giáo-hữu hãy chuyên về sự lao động làm ăn để cho con cháu bắt chước, thì sau này mới khá được. Dù có đi học đến đâu, mà khi ở nhà không bắt trẻ siêng-năng, thì khi học có thành-tài cũng chỉ làm việc Nhà nước được thôi, chứ không ra khai-khẩn buôn-bán được. Giáo dục trẻ bây giờ nên theo lối mới, nghĩa là làm thế nào cho trẻ được mạnh-khỏe bạo-giạn và có lòng ganh-dua mới hay. Nếu không được như vậy thì nước ta chẳng bao giờ tấn-tới. Số người đi học chữ tây nay cũng đã khá song chưa thấy mấy người lấy sự học của mình ra mà làm ruộng, khai-khẩn đồn-điền, nuôi trâu bò, hoặc là làm nghề buôn-bán gì khác. Ai cũng ra làm việc Nhà nước cả thì học có ích gì mấy, bắt-quá nuôi được mình mà thôi. Lạ thật, trong nước ta lắm người buôn-bán khá thì thường là những người

chưa đi học mấy. Bởi sao vậy? Nhưng người có con đi học không thể ch lao-động, cho nên có giáo-dục con cháu thì chỉ lẽ phép mà thôi, không thể như lối mới ngày nay là một thứ giáo-dục cần phải có thì nước mới tấn-hóa được. Ta nên tập cho trẻ sau này có thể không cần đi làm việc cũng ra kiếm ăn nghề khác được. Ở nhà có rèn tập lắm thì sau đến trường mới có lời. Một đứa trẻ ở nhà dạy bảo cẩn-thận, rồi đến khi cho ra trường học lại có người cán-đáng của *Khuyến-học-hội* trông nom thì sau này học biết khá ra làm nghề gì cũng dễ, vì bây giờ có nhiều cách rất ích-lợi cho người làm ăn, song bằng tiếng Pháp cả, cho nên biết quốc-ngữ cũng không xem được. Có sách dạy nuôi súc-vật dạy làm ruộng thế nào cho lợi, dạy buôn-bán, v. v., toàn là những người Tây giới ở bên ta lâu năm đã từng thí-nghiệm rất công-phu mà làm ra cả Nước mình xưa nay ít người làm nghề-nghiệp, vì khi học-trò ở nhà trường thì chỉ học đề thi-cử thôi, trường học nghề ở bên ta chưa có mấy tí, vậy muốn cho trẻ sau này ra cán-đáng việc khó nhọc kiếm ăn, thì phải rèn-tập và bảo-ban nó luôn mới được. Bây giờ người học chữ Pháp một ngày một nhiều, mà chỗ làm việc thì có bằng ấy thôi, vậy không nên cho trẻ đi học chỉ cốt để ra làm việc mà thôi. Học là để biết đường làm ăn sau này, và không ai lừa-đảo ức-hếp được, chứ cứ cốt đi làm việc kiếm tiền thì thật không có ích lợi cho sự tiến-hóa lắm. Ông nào có con thông-minh đủ tư cách về đảng chính-trị cùng các đảng khác nữa thì rất nên cho học đến thành-tài mới thôi, vì học đã thành - tài mà ra làm việc giúp nước, thì cũng là hay lắm ; còn những học-sinh không có tư-cách ấy thì không nên cho đi làm việc Nhà nước ; tập cho làm nghề gì khác thì hơn, mà khi làm nghề gì, thì phải xem nhiều sách dạy về thực-nghiệp mới tấn-bộ được. Bây giờ không còn ai học chữ Hán, mà sách vở bằng chữ quốc-ngữ chưa có mấy

thì tất cả ai học chữ Pháp mới được. Bởi vậy hội « Khuyến-học » là chú-ý khuyến các ng^h môn, môn-báo cho con đi học để ra ganh đua với người trong buổi khó-khăn này.

May thay, bây giờ đương buổi có con cho đi học thật là khó chỗ ở mà lại tốn-kém, thì có ngay « Khuyến-học hội » chú-ý sau này sẽ thuê hoặc cất một cái nhà để cho trẻ ở, có người trông nom cần-

thận và đỡ tốn. Người trong môn-báo có của, ai cũng nộp vào hội thì mới thịnh-vượng được. Ng^h có hội Khuyến-học mà ta đỡ phải lo lắng cho cái tương-lai con cháu ta; vậy nên ta không cố mà giúp đỡ hội được lâu dài, ấy là làm hại con cháu đó.

TRẦN TỔN-TỊCH

Phủ Yên-bình, Yên-bái

THIỆU - NIÊN NAM - VIỆT

Thiếu-niên ! Thiếu niên ! Hai chữ có ý-vị thay ! Ai đọc đến mà chẳng nghĩ ngay đến cái tuổi con người ta đương cường-tráng, đương ham sự vận động, đương mến sự cảm-tình, đương muốn sự sống ở đời, khi ăn khi chơi, khi học-hành, khi đổ-lạt, khi thi-thố, là một cuộc sung-sương tuyệt diệu của đời người. Nhà thi-văn thường ví tuổi ấy với mùa xuân vậy : mùa xuân thì đương-khí chan hòa. loài thảo-mộc côn-trùng đều sinh - hoạt một cách cường-thịnh. Người ta đương đầu xanh tuổi trẻ cũng vậy : khí-lực mạnh-mẽ, trí khôn nhanh-nhẹn, lắm cảm-tình xét đoán, hay tưởng-tượng ra nhiều truyện kỳ-khôi ; nhưng ở trong vòng sinh-hoạt ấy, mà chỉ biết cái thú của sự sinh-hoạt chứ không biết cái luật phép của sự sinh hoạt. thì sống ấy gọi là sống thừa, tuổi ấy gọi là tuổi còn măng-sữa, không phải gọi là « thiếu-niên ».

Nói đến hai chữ « thiếu-niên », sức nhớ đến chúng ta, chúng ta là « thiếu-niên » Nam-Việt ». Tô-tiên ta là ai ? Là cha rông mẹ tiên, một nơi giống rất tinh-linh cường-nhuệ. Ta ở giải đất nào ? Ở ôn-dải cực-đông, một giải đất rất phì-nhiều ấm-áp. Thấy đỡ đầu cho ta lại là ai ? Là nước Pháp, chính là một nước văn-minh bên Âu-Tây. mà chính là chuông vang, ngọn đuốc sáng cho ta. Ấy xứ-sở ta như thế, ông cha ta như thế, thầy dạy học ta như thế, lẽ ra ta xứng-đáng gọi là

thiếu-niên thì phải chứ. Ôi ! ta nghĩ đến bao nhiêu, ta lại sợ cho ta bấy nhiêu, ta lại lo cho ta bấy nhiêu. Nói cho công-nhiên ra thì ta chỉ là « giả-thiếu niên » thôi. Vì đã gọi là « chân-thiếu niên » thì phải có tư cách thiếu niên, tinh - thần thiếu-niên với công nghiệp thiếu niên.

Thế nào gọi là tư-cách thiếu-niên ? — Cách ăn nói, bộ đứng đi, đều hợp thời phải cách, không phóng-túng cũng không câu nệ. Đến sự ăn-mặc lại cũng không thái-quá cũng không bất cập. Tuy cái tư-cách chỉ là cái hình - thức mà thôi nhưng có hình-thức mới có tinh-thần.

Thế nào gọi là tinh thần thiếu-niên ? — Không sợ sự gian-hiềm, không hãi sự cường-bạo, dẫu gặp loài mãnh-thú cũng không thối chí, dẫu đứng gần núi lở cũng không biến sắc; lại có chí-khí giúp người đồng-bào, gánh việc thiên-hạ.

Thế nào gọi là công - nghiệp thiếu-niên ? — Lúc tư - cách đã hoàn-toàn. tinh-thần đã cao thượng, thì công-nghiệp tức là công-hiệu, làm cho nước được giàu, dân được mạnh, đường kinh luân, đường phong-tục, đều là cơ-quan để về-vang cho nước

Ấy tư-cách, tinh-thần, công - nghiệp của chân-thiếu-niên đều đại-khái như thế, cho nên cái công-nghiệp chưa dám chắc, nhưng cái tư-cách, cái tinh-thần không bao giờ đòi-bại cả.

Than ôi ! Bây giờ ta tự kiêu là thiếu-niên thì nhiều, được gọi là chân-thiếu-niên thì ít. Cái quái-trạng của ta càng ngày càng xuất-hiện ra nhiều trò đáng khinh, đáng bỉ, đáng kính, đáng sợ ; cái nông-nổi ấy kể sao cho xiết....

Kìa có kẻ ham mê chè rượu, chơi bời phóng-túng. ngoài sự vui thú ấy không còn đôi chút tư-tưởng nào cả ; lại còn chơi chim chơi cảnh tự cho mình là « tiểu thần-tiên ». Thế gọi là *ngộ thiếu niên*.

Kìa có kẻ suy-đòi nhu-nhuộc, không liệu làm ăn, nhờ có cửa-cải ông cha để lại, no-ấm không lo, đóng cửa tự làm ra anh khinh thế ngạo vật, khi đờn-ca, khi hát-xướng, vui thú anh em. Thế gọi là *phê thiếu-niên*.

Kìa có kẻ không biết đức-dục học-thuật, chỉ ham cái mạnh về huyết khí, hoặc giả cách giận đời, nhân một khi cuồng-nhiệt mà nói càn làm bậy, đến nỗi deo vạ cho nước nhà. Thế gọi là *mãng thiếu-niên*.

Chừng ấy hạng người đều không được gọi là thiếu-niên. vì không có đức-nghiệp thiếu-niên ; còn có kẻ mà ta rất nên kính sợ, giả việc công-ích mà mong lấy tư-lợi, mồm nói yêu nước mà bụng thì hại nước, xét cái ngôn-ngữ của người hình như có tính nhiệt-thành quả-quyết thực thì bụng lạnh như đồng. một giống người không can đảm. Than ôi ! thế gọi là *ngụy thiếu-niên*.

Vậy thà là *ngộ-thiếu-niên*, *phê-thiếu-niên* với *mãng-thiếu-niên* còn có thể mong làm chân - thiếu-niên được ; còn hơn là *ngụy-thiếu-niên* chắc không thể tiến lên làm chân-thiếu-niên được. Đức Khổng-tử có nói rằng : « Ghét cái giống mà không giống, tức là ghét màu tía vì sợ lẫn với màu đỏ ». Sở dĩ ta sợ *ngụy-thiếu-niên* cũng vì ta phòng xa sợ lẫn với chân-thiếu-niên.

Vả chẳng thiếu-niên không có hạn nhất-định. Nhà triết-học phương Tây có nói rằng : « Có ông già hơn mười tuổi. có trẻ em trẻ hơn trăm ». Thực thế, thiếu-

niên không phải là tuổi chưa đủ bông, hay là đầu chưa bạc, răng chưa long, mà được gọi là thiếu-niên đâu. Ông Mã-Viện, chín-mười tuổi mà còn háng-hái đánh dẹp man-di, đề mở-quang bờ cõi, ấy là thiếu-niên chín-mười tuổi. Kia ông Quốc-Toản hơn mười tuổi, mà đã quyết lòng đi đánh giặc Minh, đề định yên xã tắc, ấy là ông già mười tuổi. Vậy được gọi là thiếu-niên há có dễ ru ? Xem thế cho nên ta càng lo càng sợ cho ta ; nhưng trong cái lo cái sợ ấy, ta còn đôi chút hi-vọng, nên ta cũng nửa lo mà nửa mừng vậy.

Cái hi-vọng ấy ở đâu ? Ở các trảng Cao đặng. Người mà ta rất nên hi-vọng ấy lại là ai ? Chính là bọn thiếu-niên học trảng Cao-đặng.

Nhưng sao ta không kể đến bọn hơn tuổi ta với bọn kém tuổi ta ? Vì ta tức là cái cơ-quan trung-độ của hai bọn ấy mà ta tức là bọn học để làm châu-thiếu-niên. Cho nên bọn hơn tuổi ta hay thì ta bắt chước, dở thì ta sửa đổi. Cái chức-trách rất quan-trọng của ta là ta nay mai sắp phải gánh vác việc đời thay cho bọn ấy. Ta lại còn phải phấn-khích tập-luyện cho bọn kém tuổi ta sau này rồi cũng thành ra chân-thiếu-niên. Ấy đấy, cái vận-mạnh mai hậu của nước nhà, chẳng phải là cái vận-mạnh hiện-tại của chúng ta ru ?

Nói đến trảng Cao-đặng, ta không thể quên mà không nói đến cái ơn cao dày của quan Toàn-quyền SARRAUT đại-nhân được. Quý-hóa thay cái lòng quảng-đại của ngài đã sáng-lập ra trảng Cao đặng nung-dúc những những nhân-tài hoàn-toàn cho Nam-Việt ta, nghĩa là ngài đã vị một chủ-nghĩa tối-cao tối-đại mà lo toan đến vận-mạnh tương-lai của nước ta, mà lịch-sử tôn-giáo cùng phong-tục đã từng gây nên cho ngài những mối cảm-tình có bề ân ái, có bề thương tiếc... Ôi ! bọn thiếu-niên Nam Việt ta đối với nước, với nhà, còn thiết-tha hơn cái lòng bác-ái của ngài, mà ta không biết theo tôn-chỉ của ngài, há chẳng thẹn lắm ru

Vậy bất-cứ ta theo khoa-học nào, nghề-nghiệp nào, ai ai cũng phải biết cái bổn-phận mình thế nào, mới đáng gọi là Cao-đẳng học-sinh, mới đáng gọi là thiếu-niên Nam-Việt mới khỏi phụ lòng khai-hóa của Nhà-nước với lòng ao ước của quốc-dân.

Cho nên, nếu ta học trảng Sư phạm, thì tư-cách tức là tư-cách làm thầy, thầy tức là cha mẹ trò vậy; tinh-thần tức là tinh-thần làm thầy, mà tinh-thần ấy do ở khoa tâm-lý cả; còn công-nghiệp tức là công-nghiệp làm thầy: đem hết tư-tưởng mới, học-thuật mới nung-đúc cho học-trò sau này cũng nên bậc chân-thiếu-niên; mà sự đó tất-nhiên phải thế, vì mình đã nên bậc ấy thì bao nhiêu tư-cách tinh-thần sẽ truyền sang trò cả. Nếu thế thì đường khai-hóa có lo gì không tấn-tới.

Nếu chúng ta học trảng Pháp-chánh, thì tư-cách tức là tư-cách làm quan, quan tức là cha mẹ dân vậy, tinh-thần tức là tinh-thần làm quan, mà tinh-thần ấy do ở khoa kinh-tế cả; còn công-nghiệp tức là công-nghiệp làm quan: đem lòng thương dân như con đò làm gốc mà thi-thố ra chính-sự để dân được an cư lạc nghiệp. Nếu thế thì đường chính-trị có lo gì không phát-đạt.

Còn như nếu ta học trảng thuốc, trảng nông, trảng lục-lộ, vân vân... thì cái tư-cách, tinh-thần, công-nghiệp đều theo khoa-học cùng nghề-nghiệp của ta mà đổi khác. Nhưng nói tóm lại thì ta theo tài-năng ta, trí khôn ta mà tìm khoa-học riêng học khoa-học ấy để thi-thố ra nghề-nghiệp; nghề-nghiệp đã chu-viên tức là ta làm hết bổn-phận. Vậy bổn-phận là gì?

Bổn-phận đối với thân ta: ta ở đời tức là ta nợ đời, ta nợ đời thì ta phải trả. Ta từ lúc mới mở mắt cho đến khi ta ra đời, ta đã nợ của bố mẹ ta, thầy dạy ta biết bao công-của. Và chẳng tự ta, ai là chẳng biết cái sung-sướng, cái danh giá là giá-trị rất quý của một loài có đủ cảm-giác thần-kinh, ai là chẳng có cùng một hi-vọng ấy. Thế khi ta đã thỏa

lòng ao-ước ấy, tức là ta đã trả được đôi ít nợ đời rồi đấy. Nhưng lòng tự hồi lòng, ta trả nợ đó nên cho là bất-đắc-di hay cho là xuất-ư lương-tâm. Lương-tâm! lương-tâm! ấy là cái chủ-dịch của người con « hiếu-tử ».

Bổn-phận đối với quốc-dân: đã là hiếu-tử tức là trung-thần. Không những ta là một phần dân trong nước, ta phải làm hết chức trách của ta, ta lại còn phải làm gương khuyến-khích cho bọn thiếu-niên hiện tại và bọn thiếu-niên tương-lai nữa. Nay từ khi lập trảng cao-đẳng đến giờ, ông bà nào có con cũng mong cho con vào học trảng ấy; mà cái hi-vọng của người con cũng ở trảng ấy; cho đến thầy cũng khuyên trò vào học trảng ấy. Vậy ta học trảng ấy, mục-dịch là để học làm chân-thiếu-niên, chớ không phải là học để mong lấy phú quý thôi đâu. Lại nhân lúc này anh em ta trong ba xứ (Bắc kỳ, Trung-kỳ, Nam kỳ), đều phải biết chủ-nghĩa hợp-quần, hễ ta đã biết đồng-tâm đồng-trí với nhau, khuyến-nhau làm điều hay xa điều dở thì tình-ái càng ngày càng bền chặt mà trí-não linh-hồn của ta sẽ hợp lại làm một trí-não quảng-đại, linh-hồn cao thượng. Vậy ai bảo ta không phải là chân-thiếu-niên.

Bổn-phận đối với Nhà-nước Bảo-hộ: Cái mục-dịch Nhà-nước mở ra trảng Cao-đẳng, ta đã hiểu rồi, cho nên ta sẽ hết chức-trách ta, làm việc chăm-chỉ, cư-xử không lảm; nhưng ta chưa được gọi là « chân-thiếu-niên », thì lại phụ tấm lòng rộng-rãi của Nhà-nước, nghĩa là ta không xứng đáng được gọi là Cao-đẳng học-sinh. Ôi, sau khi công-thành danh-toại, sao ta lại chỉ yên hưởng phú-quí, thậm chí có khi cái phú quý ấy bắt ta phải dè-ép người, khinh-rẻ người, mà ta quên ngay mất ta là thiếu-niên, chân-thiếu-niên của nước nhà Nam-Việt!

Còn một bổn-phận nữa ta càng phải lưu-tâm suy-nghĩ là bổn-phận đối với quốc-văn.

Cái vấn-đề quốc-văn này, các nhà hữu-tâm về quốc-vận từng đã nhiều phen bàn cãi rồi, nhưng ta bàn đây là bàn bổn-phận của thiếu-niên đối với quốc-văn, không lẽ không bàn cho xác lý.

Có nước phải có tiếng. Đã có tiếng thì có chữ. Ấy là lẽ chung, thiên-hạ ai cũng công-nhận là phải; cho nên văn-chương là linh-hồn của một nước, nguyên-khí của một nước; văn-chương thịnh thì nước thịnh, văn-chương suy thì nước suy, trình-độ văn-minh tùy theo vận-mệnh văn-chương, mà vận-mệnh văn-chương lại chỉ tùy theo vận-mệnh thiếu-niên thôi.

Nước ta từ đời Hồng-Bàng chỉ có tiếng mà chưa có chữ. Đến ông Hàn-Thuyên nhà Trần mượn văn tự Tàu lập ra một thứ chữ riêng. Đến đời nhà Lê vào khoảng 300 năm, một ông cô-đạo Pháp tên là Alexandre de Rhodes cùng đồ-đạo lập ra thứ chữ ta vẫn dùng bây giờ. Thứ chữ ấy thực là giản-dị, dụng công trong một tháng đã am-hiền rồi. Thế sao ta phần nhiều chỉ có cảm-tình với chữ Hán với chữ Pháp mà cảm-tình với quốc-văn lại rất là nguội lạnh? Hay là quốc-văn không phải là văn-chương hay chẳng? Nói thế thì làm to. Văn-chương nào là văn-chương chẳng hay, hay hay dở chỉ tùy theo người biết dùng hay không. Ta thử hỏi xem Pháp-văn xuất ở đâu? Chẳng qua cũng bởi văn La-mã với Hi-Lạp mà ra. Nếu thực thế lại may cho quốc-văn ta lắm. Trước ta học chữ Tàu, nay ta học chữ Tây, biết dùng ra thì hai thứ chữ ấy đủ sửa-sang cho quốc-văn ta thành một thứ văn cũng thâm-thúy, cũng cao-xa, cũng rõ-ràng, cũng phân-biệt. Vậy sở-di ta không có lắm cảm-tình với quốc-văn, cũng vì công-phu học quốc-văn không mất nhiều thì giờ, nên ta không đem trí xét mà khinh ngay là thứ văn giản-dị; sao ta không biết rằng ta học chữ Hán hay chữ Pháp mà không nói ra được bằng tiếng ta hay không viết ra được bằng chữ ta, không gọi được là ta đã hiểu rồi đây. Cái thí-nghiệm này tưởng ta đã từng thấy.

Tràng thuốc, tràng lục-lộ, mở ra đã lâu, bọn ta thành-tài cũng nhiều. Nào thấy ai làm ra được quyền quốc-văn nói về nghề-nghiệp mình đã học để giúp đỡ những người không đồng-nghề. Vậy không phải hiềm-học như người Tàu, chỉ vì ta không chịu lưu-tâm đến mà thôi. Nay Nhà nước bảo hộ dạy ta chữ nước người, nghề-nghiệp của người, là muốn cho ta phải giảng dịch ra tiếng ta chữ ta, một là để sửa-sang cái văn-phong của ta hai là để dễ đường khai-hóa của người. Nào ta có thể! Ta học nghề nào ta biết nghề ấy, ta không vạch đường chỉ nẻo cho người không học cùng nghề với ta. Cho nên nay Nhà-nước hiểu-dụ việc này, mai Nhà-nước ban phát sách mới, tuy hơn ba bốn mươi năm trời, Nhà nước chưa được ngồi trông cá công-hiệu hoàn-toàn, vẫn phải khố-tâm trừ-tính, nhất về công-việc nơi thôn-giã. Thế là ta không lưu-tâm giúp Nhà-nước, cho nên chưa hết bổn-phận ta.

Có người bảo rằng: quốc-văn không phải là thứ văn dùng để sinh-nhai. Người nói rất phải nhưng tiếc cho người chưa xét đến nguồn cơn. Văn chương nào cũng hữu dụng, tuy ngoại-quốc không dùng mà mình vẫn phải dùng, thì tình giao-thiệp, sự khai-hóa, mới mong tấn-tới. Khốn lắm! Ta học quốc-văn chỉ mong ký được ba chữ tên là mần-nguyên; rồi ta nói chuyện với nhau, viết thư cho nhau, đều dùng chữ Pháp. Đến khi ta nói tiếng ta lại thường không đúng, đến nỗi người vô học thức bảo ngay là ta không quen nói tiếng ta; người ngoại-quốc lại bảo ta quên tiếng nước nhà. Ngán thay! Nước nhà có tiếng có chữ hẳn-hoi mà ta không dùng là ta không có nước. Kia anh Tích Đàm vong-tổ, xấu hổ gì bằng!

Vậy cho nên lời bàn « người Nam-Việt phải biết chữ Nam-Việt » thực là đích-đáng

Hỡi thiếu-niên Nam-Việt chúng ta ơi! nên mau mau nghĩ lại, làm sao cho đối với thân ta, ta không xấu-hổ, đối với quốc-dân ta không hối-hận, đối với Nhà-

nước ta không phụ-bạc, đối với quốc-văn ta lại nhiệt-thành ; ta biết thân ta là thân của gia tộc, của xã-hội, mà tư cách, tinh-thần, công-nghiệp đều mười phần trọn vẹn ; họa may Nhà-nước trông cái

quang cảnh, càng vui lòng ra ơn cho dân nhà Nam Việt.

Thiếu-niên¹⁾ Thiếu-niên !

HOÀNG-TÍCH-CHU
Phù-lưu (Bac-ninh)

VĂN - UYÊN

HỒNG-ĐỨC QUỐC-ÂM THI-TẬP

(1470-1497)

Lăng-Mẫu tống sử-giả

Đình phò dăng-dăng ngựa dừng chân,
Nỗi mẹ con rầy gửi sử-quân.
Nhớ Hán lòng còn son một tấm,
Thương Lăng đầu đã bạc mười phân.
Niềm trung-hiếu khôn hai vẹn,
Hội công-danh dễ mấy lần⁽¹⁾.
Minh thiếp già này bao nữ tiếc,
Về thời khuyển nó nghĩa quân thần.

Điều Lê-Du

Đẹp yên tám cõi mới buông tay.
Lờ-lộ Thái-tĩnh một đóa mây.
Tề-trướng bếp tàn mai lạnh vắng,
Trương-quần đình vắng liêu châu mây.
Phong-lưu phú-quí ba đời thấy,
Sự-nghiệp công-danh bốn bề hay.
Thương ít tiếc nhiều khôn xiết kể,
Miếu-đường hầu lấy cột nào thay ?

Điều Cao-hương Lương-trạng-nguyên

Chiếu-thư Thượng-đế xuống xem qua,
Giống khách tiên-dai kịp tới nhà.
Cầm-tú mấy hàng về động-ngọc,
Thánh-hiền ba chén thấp hồn hoa.
Khí thiêng đã lại thu soạn-nhạc,
Danh lạ còn truyền về quốc-gia.
Khuất ngón tay than tài cái-thế,
Lấy ai làm trạng nước Nam ta ?

Vĩnh Nghĩa-bang Trạng-nguyên

Đời dãi nho-tông phát ấp Bang,
Xem trong đạo-đức có từ-chương.
Nổi dòng thi-lễ nhà truyền báu,
Tranh giải khôi-nguyên bằng trời vàng.
Nam bắc hai triều danh rậy,
Phong-lưu một cửa họ sang⁽¹⁾.
Từ-đương ở đấy niềm tây lạnh,
Dấu cũ càng thơm sạ có hương.

Mị-Ê

Thờ chùa thờ chổng hết tấc thương,
Một mình trọn vẹn đạo cương-thương.
Non thiêng dễ hóa hồn Tinh-vệ,
Nước biếc khôn nhìn mặt Sở-vương.
Dòng bạc thề cùng thu có nguyệt,
Sử xanh chép đề bút còn gương.
Tiếng đàn ai oán bên sông đó,
Gió táp mưa dầm trải mấy sương ?

Hoàng giang điệu Vũ-nương

Ngàn lau san-sát cỏ thanh-thanh,
Sầy nhớ ngày xưa kẻ tiết-trinh.
Cách-trở bấy lâu hằng giữ phạm,
Hiềm-nghi một phút hồng vô-tình.
Hay lòng phó mặc vầng cao-thẳm,
Nề bụng tìm nơi chốn vắng thanh.
Dù nhân ai ai qua đến đấy,
Thương-nàng hòa lại trách Trương-sinh.

1) Thơ cổ thường có câu sáu chữ.

II

Nghi-ngút đầu ghềnh tua khói hương,
 Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
 Bóng đèn dù nhẵn đành nghe lấy,
 Cung nước chi cho lụy đến nàng.

Chứng-quả đã đòi vàng nhật nguyệt,
 Giải-oan chẳng nợ mấy đàn tràng.
 Qua đây bàn-bạc mà chơi vật,
 Khá trách chàng Trương khéo phũ-
 [phàng.

BẠCH - VÂN THỊ - TẬP

(1530-1540)

(Cu trưng TRINH NGUYỄN BÌNH-KHIÊM)

LII

Hễ của tự-nhiên có ít nhiều,
 Một kho tạo-hóa cũng chi điều.
 Hương đây tiệc khách hoa khi rụng,
 Hứng rầy vườn xuân chim thửa kêu.
 Ân cũ xem chơi ba quyển sách,
 Song thưa ngồi nghỉ một con lều.
 Non xanh nước biếc xưa là bạn,
 Ngâm nghĩ đòi khi nhớ bấy nhiêu.

LIII

Thức giậy tay còn sách chữa buông,
 Khách nào thăm hỏi sự phảo tuông.
 Bếp chè hâm đã sôi măng trúc,
 Nương cổ cây thôi vãi hạt bông.
 Cửa vắng ngựa xe không riu-rit,
 Cơm no tôm cá lọ thêm thường.
 Sơn-tăng trêu khách làm chi mấy,
 Văng-vẳng chầy kèn đã dấm chuông.

LIV

Một bầu một bát một sơn-tăng,
 Thế-sự ngoài tai biếng nói-uăng.
 Hoa nở luống hay tin gió,
 Dầm trong còn thấy bóng trăng.
 Già ai chuộng, thông làm củi,
 Trẻ người yêu, trúc mọc măng.
 Nếu có công-danh thời có lụy,
 Cho hay giàu-có chẳng bằng chẳng.

LV

Già khờ đại tinh lôi-thôi,
 Sao lại còn nên nói sự đời.
 Nghèo-hiềm là khi vị nước,
 Khó khăn dù mệnh ở trời.
 Tới lui đường lợi khôn chen chóc,
 Rộng hẹp lòng nhân mặc nghỉ ngơi.
 Dĩ-hạ Lưu-hầu từ Hán lộc ⁽¹⁾,
 Cốc-thành lánh ẩn Xích-Tùng chơi ⁽²⁾.

LVI

Xóm tự-nhiên một cái lều,
 Qua ngày tháng lọ là nhiều.
 Gió cuốn mạnh hay chổi quét,
 Trăng kê cửa kéo đèn treo.
 Cơm ăn chẳng quản rau cùng muối,
 Điu-hiu ta hãy mặc điu-hiu.

LVII

Tiền-tài là số của lưu-thông,
 Cấp-nấp làm chi cho nhọc lòng.
 Cửa Thạch-sùng nào của ấy,
 Danh Sào-phủ há danh không?
 Từ vàng khá nhớ lòng Dương-thị,
 Ham bạc đừng như dạ Bái-công.
 Miễn đề danh truyền là sự-tích,
 Còn thời muôn sự ấy là không.

(1-2) Lưu-hầu tức là Trương-Lương, khi qua dưới cầu Dĩ-hạ gặp ông Hoàng-Thạch, rồi đi theo học. Sau ra giúp ông Hán Cao-Đỗ, khi thành công rồi từ tước lộc không lấy, rồi theo ông Xích-Tùng-tử đi chơi.

HÁT NÓI (hát a-dào)

Chiêu-Quân

Nàng Chiêu - Quân nghiêng thành sắc nước, giã sáu cung ngân-ngại bước chân ra ; giọt dòng châu lai-láng dưới thềm hoa, liêu mặt phần đề cầu hòa cho Hán-đế. Vạn lý Hán thiên hoa hữu lệ 萬里漢天花有淚 (1), Bách niên Hồ địa mã vô thanh 百年胡地馬無聲 (2). Khúc ti-bà ai chấp chành to mảnh? Mâu sơn phần vẽ ra hình phai lạt. Chốn ải tía mưa sâu tuôn bát-ngát, nơi cố-cung còn một bóng trăng thanh ; kiếp hồng-nhau có mong-manh, hờn con tạo ghen tình chi mấy nhĩ? Phận đành vậy đã sao thời mặc thế, nặng chữ trung nên nhẹ chữ tình riêng ; thành sần chất-chứa một bèn !

Lời trâm đề Kim-khánh

Mưỡu

Trong vòng vượt khỏi si-tham,
Mời hầu giữ được đạo làm tôi ngay.
Lời trâm ghi chiếc khánh này,
Dù phai nét thắm, khôn lay da vàng.

Hát nói

Lời di-huấn giữa vầng chín bệ,
phép trâm - biêm nghiêm-lệ (3) trâm quan. Ân-chỉ trên Kim-khánh gia ban, chữ cần, cán, liêm, bình 勤幹廉平

vàng trời đỏ, Liêm bất ngôn tham cần bất ngôn khổ 廉不言貪勤不言苦 (4). Quốc nhĩ vong gia công nhĩ vong ti 國爾忘家公爾忘私 (5). Ai sớm khuya lấy dấy làm ghi, lòng gang tấc uy trời đầu dám nhác. Dấu chưa phai lòng này đành chữa nhạt, đề trăm năm cùng khoán sắt thư son, chữ rằng : mục kích đạo tồn 目擊道存 (6) !

Thủy-xa cứu hạn

Mưỡu

Tư nhuần đỡ sức thiên-công,
Khó đều thấm ướt héo cùng hóa tươi.
Mẫu nam lũng bắc đòi nơi,
Lớp xô sóng biển, sắc phơi mây vàng.

Hát nói

Thương thảo-dã phải nông oai thần Bạt (7), đặt thủy-xa cho đỡ sức nhà nông. Máy huyền-vi vòng lai-vãng đề xoay cùng, giọt thanh-lãnh chốn hỏa-thang đều tưới hết. Thủ chi bất cấm, dụng chi bất kiệt 取之不禁用之不竭 (8), Địa khởi năng cùng, thiên khởi năng tai 地豈能窮天豈能災 (9). Con nòng hạ-phổ gác gâu chơi, lúc cạn thu-diên xem lúa giậy. Khuyên những kẻ phục-cầu ai nấy, dấu gập cơn lửa nắng chớ lo ; nhờ ơn nhuần hạn phần khó 潤澗繁枯 (10) !

(1) Muốn dặm trời nhà Hán, hoa cũng đỏ giọt lệ ; là nói cảnh biệt-ly buồn rầu.

(2) Trăm năm đất rợ Hồ, ngựa không nghe tiếng kêu ; là nói cảnh xa xôi vắng vẻ, quân rợ không có những nhiễu.

(3) Nghĩa là đặt lời trâm-biêm răn dạy kích-khuyến cho nghiêm.

(4) Giữ lòng liêm-khiết thì không có tính tham-lam ; hết sức cần-lao thì không sợ khó nhọc.

(5) Chăm việc nước thì quên việc nhà, bận việc công thì quên cả việc riêng.

(6) Mắt thường trông thấy, thì thường nghĩ đến đạo-lý.

(7) Bạt là tên thần nấng.

(8) Lấy không cấm, dùng không hết.

(9) Trời không làm khổ cùng được, đất không làm tai hại được

(10) Làm cho nhuần đất cạn, tốt cây khô.

Ca-nương tiên khách đi thi

(Tập cổ-khúc)

Giao chén tiễn chỉ non xa thăm-thẳm, lúc phân-kỳ khôn xiết nỗi nhớ nhung. Ba câu tiễn-biệt nhắn tin hồng, mỗi tơ-tưởng để bên lòng thắt-mắc.

Khứ-khứ hành-hành sắc 去去行行色⁽¹⁾, cầm-thư du-tử Nhị-hà biên 琴書遊子珥河邊⁽²⁾. Người tài-tử khách thần-tiên, thân hệ bang gia chung hữu dụng 身係邦家終有用⁽³⁾. Cá vượt Vũ-môn ba lớp sóng, hội quyết-khóa âu cũng có ngày; chén đưa nhớ bữa hôm nay!

VIỆT-SỬ NGUYÊN-ÂM (4)

Tựa

Sự-tích là một cái gương sáng để soi về sau, cho nên người trong nước mà muốn truyền sự-tích trong nước, thì nên dùng chữ quốc-âm trong nước. Có lẽ ai ai xem cũng biết, mà quốc-lúy bấy nhiêu lâu mới in vào óc khôn người ta được. Sách Sử nước ta xưa chép bằng chữ nho, cũng đã nhiều bản, song nhà trường không còn giảng-học, khoa thi không còn hỏi đến, đâu người học-trò thông-thái cũng không hiểu mấy, phương chi là học-thức tầm-thường, đàn-bà con trẻ còn ai biết sự-tích nước mình là gì, nếu muốn giải buồn thì lại đem truyện Thủy-Kiền, truyện Phan-Trần ngâm-nga mấy câu, không những là không ích cho thần-trí người ta mà lại dễ di-đăng cho tinh-tình người ta lắm.

Nay nhờ Nhà-nước Bảo-hộ cải-lương phép học, lấy chữ quốc-ngữ làm chữ phổ-thông, ai học cũng biết được ngay, ai xem cũng đọc được ngay, thế cũng là một cái dịp tốt để mở bảo người trong nước đọc quốc-sử.

Tôi nhân buổi nghỉ hè, đọc sách Việt-sử lồng-vịnh, trên xét từ đời Hồng-bàng, dưới đến đời Tây-sơn, trong khoảng hơn bốn nghìn năm, nào là vua thánh tôi hiền, trai tài gái giỏi, kẻ trung người nịnh, kẻ hay người dở, tìm kiếm đề-mục, phần nhiều thiếu thời bổ thêm vào, cả thấy được hơn 200 truyện, trên lược dẫn sự-tích, rồi thục thành truyện, đặt thành thơ, thuần chép bằng chữ quốc-âm, nhan sách rằng Vịnh-sử nguyên-âm. Mong sau này học quốc-ngữ một ngày một tiến, chữ quốc-ngữ một ngày một tinh, khiến người ngâm-đọc, truyện hay lấy làm phép, truyện dở lấy làm răn, ai ai cũng biết bụt nhà là thiêng, đèn nhà là rạng, thế chẳng hơn truyện Thủy-Kiền, truyện Phan-Trần, ngâm-nga mà không ích gì ru?

(1) Cảnh sắc lúc tiễn-biệt đi xa.

(2) Đàn sách của người du-tử khi đi bên sông Nhị.

(3) Thân mình có quan-hệ về nhà nước, tất thế nào cũng hữu dụng.

(4) Tập này của cụ NGUYỄN TRÙNG-HANH 阮重亨, tự là TỐN-NGUYÊN 遜元, hiệu là PHONG-XUYẾN, người làng Thổ-khởi, tổng Cự-linh, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh. Đỗ Cử-nhân khoa Giáp-tý, sơ bổ Huấn-đạo, thăng Giáo-thụ phủ Đa-phúc, cải bổ Tri-huyện Phượng-nhơn, lại thăng về giáo-chức, trải Đốc-học Thái-nguyên, Sơn-tây. — Tập « Việt-sử nguyên-âm » này được người con đẻ cụ là ông ĐẶNG TIỆM-ĐẠT 諫-sinh, con trai cụ ĐẶNG TÍCH-TRỪ ở làng Giã-tổn đưa cho. Vậy xin in ra đây trước nữa là lưu lấy một áng văn-chương, sau này hiểu các trường học Pháp-Việt đương không có sách làm bài đọc thuộc lòng (Récitation Annamite) cho học-trò, tưởng các thầy giáo đem lấy những bài trong sách này ra dạy vừa cho trẻ nhớ sử nước mình mà thêm thuộc cách làm văn nữa.

Bạn đồng-chí tôi là ông NẾ-XUYÊN thấy mà mình cũng học sử nôm nước ta có lẽ một ngày một rộng ra, nghị-luận đại-đoạn thời đã có gương sử Nam của quan Quận-công Hoàng; dịch-lục từng hồi thời lại có Sử dịch-bản của ông ĐỒ-THẬN. Muốn biết người hay giỏi trong một đời, việc hay giỏi của một người, thời sách này có thơ có truyện, miệng ngậm bụng nghĩ, thường thường như gặp người đời xưa, nhân mực thước của cụ kỹ, học khôn ngoan của chị em, rồi một mai biết càng tinh, trí càng rộng, rồi chen vai với các nước văn-minh trong hoàn-cầu, thế mới biết con cháu muốn khôn hãy học khôn từ ông vãi trước.

Ngày mồng một tháng mười năm Duy-Tân thứ 6.

Sơn-tây Đốc-học

NGUYỄN TRUNG-HANH cần-tự

* * *

CÁC BẠC ĐẾ-VƯƠNG

I

Hùng-Vương 雄王

(2.879-258 trước Gia-lô)

Lược dẫn. — 18 đời đều gọi là HÙNG-VƯƠNG, đóng đô ở Châu Phong, nước gọi là Văn-lang, các đời cả thảy hơn 1.000 năm, đến đời vua HÙNG-VƯƠNG thứ cuối có con gái là MỸ-NƯƠNG không gả cho vua Thục, vua Thục oán, dặn con cháu lấy nước Văn lang. Sau vua chỉ hay rượu, không biết cách giữ nước. cho nên cháu vua Thục là PHÂN đánh lấy mất nước.

Truyện

Hùng-vương tổ nước ta xưa,
 Một nhà mười tám đời vua dõi truyền.
 Mỹ-nương không nỡ ép duyên,
 Khiến sao vua Thục gây nên oán thù.
 Quá say quên bằng cơ-đồ,
 Sức thần dẫu có khỏi thua được nào.

Thơ

Lạ lòng truyện tổ nước Nam ta,
 Mười tám đời vua vẫn một nhà.
 Dẫu bề hơn nghìn năm định-cục,
 Xin đừng dở án Mỹ-nương ra.

II

Thục An-duyong-vương 蜀安陽王

(257 trước Gia-lô)

Lược dẫn. — Vua là người Ba-thục cướp ngôi vua Văn-lang. Đắp thành Cổ-loa, thần Kim-qui cho máy nổ, đánh nhau với TRIỆU-BÀ. Bà thua, sau hai đảng giảng hòa, chia sông Thái-bình mỗi người cai trị một nửa, con trai Bà là TRỌNG-THỦY lấy con gái vua là MỸ-CHAU, lừa vợ cạy mắt máy nổ, về bảo Bà đem quân sang đánh, vua cùng con gái chạy xuống bể chết, nước Thục mất.

Truyện

Thục-vương ngang khoảng đời Chu,
 Đánh Văn-lang đề bảo-thù cho ông.
 Thành Loa đắp mãi mới xong,
 Thần cho máy nổ uy-hùng ai đưng.
 Đề về Triệu kéo binh sang,
 Cha con theo ngọn suối vàng một khi.

Thơ

Xây đắp thành Loa biết mấy phen,
 Nổ thần khôn chắp nước ngôi bền.
 Sông Bình rạch nửa sơn-hà Triệu,
 Nọ phải nga-mao dặc lối quen.

III

Triệu Vũ-đế 趙武帝

(207 trước Gia-lô)

Lược dẫn. — Là người Tàu làm quan
Lĩnh quận Long xuyên, nhân lúc nhà Tần
loạn, nghe mưu NHÂM NGAO đánh vua YÊN-
DƯƠNG lấy nước Việt làm vua, gặp vua CAO-
TỖ vua VĂN ĐẾ nhà Hán dãi-dọa tử-tử thời
thần-phụ nhà Hán, xưng làm vương, đến
bà LÃ-HẬU làm sự ngăn cấm thời ông
ấy tự xưng Hoàng đế, lấy văn-hóa mở
mang nước ta, sau truyền ba đời vua, nhà
Triệu mất nước, ta từ đây phải nội thuộc
về nhà Hán.

Truyện

Triệu-dã quan Lĩnh đời Tần,
Thừa-cơ dật máy nổ thần Thục vong.
Xe vàng tán tia nghênh ngang,
Một thân nào để nào vương đủ vánh.
Xem lời thư tạ Hán-dinh,
Thi thư hóa nước Nam mình đã lâu.

Thơ

Nghe chước thầy Ngao khéo kheo bày,
Thừa-cơ quân lại kéo sang ngay.
Mấy phen quyền biển dân yên ổn,
Văn-hóa trời Nam dễ tự đây.

IV

Trung-vương 徵王

(40-43 sau Gia-lô)

Lược dẫn. — Người ở châu Châu-duyên,
huyện My-linh (Yên-lãng), vợ Lạc-lương
là THI-SÁCH, giận về quan Tàu là Tô-ĐỊNH
giết mất chồng, dù em là TRUNG-NHỊ khởi
bình đánh Tô-ĐỊNH, để báo thù cho chồng,
60 thành đều thần-phục, bà ấy tự xưng
là vương. Sau Tàu sai Mã-viên sang đánh,
quân ít không địch nổi, phải bại-trận ở
Cấm-kê, hai chị em cùng mất. Nước ta
độc-lập tự bà ấy.

Truyện

My-linh Trung-thị quê nhà,
Giận Tô-Định giết chồng là Thi-lang.
Dù em phất ngọn cờ vàng,
Sáu mươi thành cũng một đường
[phục theo.
Cơ quân gặp bước hiểm nghèo,
Cấm-kê nổi giận ba-đào muôn năm.

Thơ

Thua được cần chi hỏi truyện bà,
Thù chồng sau nữa nghĩa dân ta.
Ngọn cờ độc-lập từ đây xướng,
Vớ số trai tài mới nảy ra.

(còn nữa)

NHÂN - ĐÌNH QUỐC - ÂM THI - VĂN TẬP

(tiếp theo)

Tự-trào

Không bán không buôn cũng hờ-hênh,
Hờ-hênh vì nổi chí ngông-nghênh.
Câu thơ vô vẻ ư rằng được,
Chén rượu mềm môi đáng muốn quên.
Túng đến non sông không thăm-thía,
Truyện vào trời bề vẫn mộng-mênh.
Nghĩ ta ta khiếp cho ta nhỉ,
Thế cũng ơn vua chiếc lải kèn.

Thị gia-nhi

Ông ta sinh hạ mấy lắm người,
Quanh quần một thầy một chú thôi.
Đừng bắt chước thầy mang tiếng hủ,
Muốn làm hơn chú mới nên tài.
Đề tiền đề bạc không bằng chữ,
Đua mặc đua ăn chớ mãi chơi.
Hiếu-hữu ấy là nền sự-nghiệp,
Phải là con hiếu phải nghe lời.

**Tặng tụng-đệ nguyên Lê-phòng
Thư-lại (1)**

Tám một trời cho mạnh lại nhân,
Trải bao lượt suốt cõi nhân-hoàn.
Trước đường danh-lợi chân hơi quyện,
Trong đám kỳ-anh tóc mới ban.
Địa-lý sá lên câu chú khách,
Phong-tình hay nói chuyện cô Loan⁽²⁾.
Lờ phờ nợ biết tiên chẳng phật,
Đôi đây kiền khôn chiếc nón sơn.

Giáp-dẫn tuế-trừ

Ngày tháng loanh-quanh lại hết năm,
Bây giờ chung-nữ đã năm năm.
Lớn đầu mới biết nhiều câu đại,
Luống tuổi may chẳng ít cái lâm.
Danh-lợi buổi nay nghe chán-chán,
Giang-hồ vị ấy khí ngấm-ngấm.
Ê-a chốn cũ ba con sách,
Dàn kinh mà xem sự cồ cảm.

Hành-niên ngũ-thập-ngũ chí-hỉ

Mình năm-nhăm tuổi ngô mình già,
Ai cũng khen mình trẻ tựa hoa.
Hội chiêm văn-minh đầu đã hỏi,
Chữ nhìn quốc-ngữ mắt hơi lòa.
Ngửa nghề thỉnh-thoảng và câu thông,
Quen nét chiều hôm một chén khà.
Ngẫm cái mình ta ghê đã lạ,
Buổi đời tranh-cạnh thế mà ta. . .

Chuyết-phụ họa

Chưa già ông cứ tăng ông già,
Còn trẻ hơn tôi một tuổi hoa.
Nói truyện mua hầu nghe vẫn tỉnh,
Khuyên ngồi bảo trẻ chỉ kêu lòa.
Văn-minh giá đắt ba đồng kẽm,
Danh-lợi xem không một tiếng khà.
Chúc chén mừng câu xuân bất lão,
Có chẳng gì nó khéo hơn ta !

Tiện-thiếp họa

Vui thú non quê chẳng biết già,
Mùi đời ông cứ thoảng như hoa.

Bàn câu kình-sử dương đầu hỏi,
Hỏi chữ a b vắng mắt lòa.
Rượu bữa nay còn ừ chén đã,
Gạo ngày mai hết chỉ cười khà.
Cách ông như thế ông còn thọ,
Khôn khéo phần ai chữa đến ta.

Phượng-trì Lưu-dài họa

Trời đất non sông vẫn chữa già,
Xuân còn ông cứ nở như hoa.
Hỏi đầu may được râu không trụ,
Tốt mau cho nên mắt chữa lòa.
Thơ lúc nhàn ngâm tay viết thoảng,
Rượu khi vui uống miệng cười khà.
Năm nay ông mới năm-nhăm lẻ,
Này hội văn-minh hẳn có ta.

**Phượng-trì cựu Phó-tổng
Bùi-dài họa**

I

Già được như ông mới kể già,
Chị nâng chén cúc chị bình hoa.
Đầu tra tay ngọc càng nên hỏi,
Mắt ngoại tròn kim chẳng chịu lòa.
Toả lợi vòng danh không vương-viu.
Làng thơ tiệc rượu vẫn khề-khà,
Phong-lưu đó trái mùi nhân-thế,
Cõi thọ mừng nay lại có ta.

II

Chen xong rử-rỉ với trăng già,
Tiếc cái xuân xanh những thẹn hoa.
Văn-tự êm tai còn chị mắc,
Phấn son ngon mắt đổ ai lòa.
Cơ trần dâu bể từng khi trải,
Mùi thế cay chua đá giọng khà.
Già lại đa mang cơ muốn thọ,
Mảnh tình gian-diu chỉ phường ta.

Tú-tài LÊ ĐÌNH-HUYỀN.

(1) Người này tra phong-thủy, tiếp với người hay thích chuyện địa-lý.

(2) Cô Loan bán hàng cần Cỏ.

DỊCH BÀI « QUI KHỨ LAI » (Cổ-văn)

歸去來兮
 Về đi, sao chẳng đi về,
 田園將蕪胡不歸
 Ruộng vườn cùg đũ ðề-huề hôm mai.
 既以心爲形役
 Tâm lòng trót ðề mình sai,
 奚惆悵而獨悲
 Sao còn ngán ngại cứ hoài bi-thương ?
 悟已往之不諫
 Trước kia trót ðã lỡ-lãng,
 知來者之可追
 Biết rằng nay phải thật là trước sai.
 Sau này ngảnh lại lòng càng tỉnh ra.
 寔迷途其未遠
 Đường mê may cũng chữa xa,
 覺今是而昨非
 Biết rằng nay phải thật là trước sai.
 舟搖搖而輕颺
 Cánh buồm thây-thây ðưa người,
 風飄飄而吹衣
 Gió hiu-hiu thổi áo hơi ðộng tà.
 問征夫以前路
 Hỏi người đi đường trước ðạo,
 恨晨光之熹微
 Lòng hận ánh sáng sớm mờ mờ,
 曩與爾同歸
 Trước kia cùng ði về nhà rồi,
 乃瞻衡宇
 Chỉ thấy nhà mình ở đây,
 載欣載奔
 Vừa mừng vừa chạy,
 童僕歡迎
 Trong lòng hớn-hở muốn ðời chân mau.
 僮僕權迎
 僮僕權迎
 稚子候門
 稚子候門
 Vào ra đón rước trước sau vui vầy.
 三徑就荒松菊猶存
 三徑就荒松菊猶存
 三徑就荒松菊猶存
 Vườn hoang thông cúc chưa gầy,
 攜幼入室有酒盈樽引壺觴
 攜幼入室有酒盈樽引壺觴
 攜幼入室有酒盈樽引壺觴
 以自酌酌庭柯以怡顏
 以自酌酌庭柯以怡顏
 以自酌酌庭柯以怡顏
 Bông con đánh chén ngắm cây vui lòng.

倚南窗以寄佛
 Thanh-nhàn khi tựa nam-soa,
 審容膝之易安
 審容膝之易安
 Nhà tuy nhỏ hẹp ðủ dung mình nơi
 園日涉以成趣
 園日涉以成趣
 Trên vườn ngày tháng thánh-the
 門雖設而常關
 門雖設而常關
 Cửa trong vườn ðóng việc ngoài mặc ai
 策扶老以流憩
 策扶老以流憩
 Có khi chống gậy ðông-dài,
 辰矯首以游觀
 辰矯首以游觀
 Có khi ngẩng cổ ra ngoài vườn luôn.
 雲無心以出岫
 雲無心以出岫
 Trên ngàn có ðám mây tuôn,
 鳥倦飛而知還
 鳥倦飛而知還
 Chim kia bay mỏi biết còn về nơi.
 景翳翳以將入
 景翳翳以將入
 Bóng chiều xê-xê ngang vai,
 撫孤松而盤桓
 撫孤松而盤桓
 Vỗ thông mà vẫn ngậm-ngùi với thông.
 歸去來兮
 歸去來兮
 Thú vui càng ngắm càng nồng.
 請息交以絕游
 請息交以絕游
 Bạn-bè xin nghỉ chẳng cùng ðong-chơi.
 世與我而相遺
 世與我而相遺
 Ta không hợp với thời ðời,
 復駕言兮焉求
 復駕言兮焉求
 Gượng ði gượng nói gượng cười làm chi.
 悅親戚之情話
 悅親戚之情話
 Họ hàng tích truyện riêng ti,
 樂琴書以消憂
 樂琴書以消憂
 Mãng vui sách-vở cầm-thi tiêu sầu.
 農人告余以春及
 農人告余以春及
 Mùa xuân làm ruộng bắt ðầu,
 將有事於西疇
 將有事於西疇
 Nông-phu ðã ðến chực hầu ta ði.

或命出車

Khi đi đã có xe tày,

或掉孤舟

Trèo thuyền dưới nước cảnh gì cũng hay.

既窈窕以尋壑亦崎嶇而經邱

Lên ghềnh xuống thác tự đây,

木欣欣而向榮泉涓涓而始流

Người vui xui cả suối cây cũng mừng.

羨萬物之得辰

Khen thay cảnh vật tung-bùng,

感吾生之行休

Mà ta sự-nghiệp xem chừng đã ngời.

已矣乎

Thôi thời thôi vậy thời thôi.

寓形宇內復幾辰

Gửi hình trời đất mấy hồi thung-dung.

曷不委心任去留

Khử-lưu sao chẳng mặc lòng,

胡爲乎皇皇欲何之

Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi?

富貴非吾願

Giàu sang đã chẳng muốn gì,

帝鄉不可期

Cung tiên thăm-thăm biết khi nào về.

懷良辰以孤往

Một mình vui thú ai bì,

或植杖而耘耔

Trông nom đồng áng không về nghỉ ngơi.

登東臯以舒嘯

Khiên khôn riêng chiếm bầu trời,

臨清流而賦詩

Nước non có ý giục người ngâm thơ.

聊乘化以歸盡

Tiêu dao ngày tháng cho vừa.

樂乎天命復奚疑

Không doanh-cầu nữa còn ngờ việc chi?

NGÔ HUY-LINH (Hải-phòng)

Núi Dục-Sơn

(Thuộc huyện Chí-linh)

Núi Dục quanh-co mọc dưới trời,

Lượn tròn ba mặt tựa vành ngoài.

Nam-tào ngọn bút tay long uốn,

Bắc-đầu trở nghiêng cánh hồ duôi.

Hương lửa nhân-duyên truyền vạn-kiếp,

Cỏ hoa nhan-sắc thú trăm đời.

Non thần ghi nhớ bia hào-kiệt,

Trời đất không già cảnh tốt tươi.

Núi Đồn-sơn

(Thuộc Đông-triều)

Quỉ tặc thần xây khéo-khéo mà,

Núi vờn năm sắc tỏ như hoa.

Mầu khoe đỏ tía châu truyền bóng,

Gân gọn vàng xanh gấm dệt da.

Đá nhuộm mầu tươi tay tạo-hóa,

Non pha thức thắm mầu trời già.

Khôn ngoan rất mực đua nghề thợ,

Rập kiểu Đồn-sơn mới vẽ ra.

Núi Đờ-sơn

(Thuộc huyện Nghi-dương)

Khen ai xe cát lấp kênh đồng,

Mặt bễ bồi lên một cánh đồng.

Chín núi theo giòng ngời nhấp-nhôm,

Tám làng men biển ở chông-vông.

Sóng reo trắng toát thuyền lưng cá,

Nước gọn trong veo giếng mắt rồng.

Cảnh mát trời nam treo bạc nhất,

Bốn mùa xuân cả nắng không nồng.

NGUYỄN HỮU-MINH.

Mồng chín tháng chín lên chơi

Núi Dục-Thúy

1

Sông Vân ba chiều ngọn nước giao,

Bên sông xanh-xanh hòn núi cao.

Núi ấy gần ngay núi Hối-hạc,

Đình xưa tên gọi đình Hám-giao.

Trời sinh non nước một thú lạ,

Bụi hồng rừng tía trông nháo-nhào.

Ninh-bình tám cảnh đâu là nhất,



Đường này mở sẵn cho tui vào.
 Năm năm người người vẫn qua lại.
 Nào kể ngày nào hay tháng nào.
 Năm nay năm nhuận nhuận tháng bảy,
 Trăm hai mươi thu thu dôi-dào.
 Vừa rằm tháng tám chơi trăng đỏ,
 Tháng này mồng chín xa là bao.
 Gặp chơi ta hãy lên chơi đã.
 Ngày nay xá kể ngày mai sao ?

Anh chẳng thấy :

Chúa đây dựng tháp từ đời Lý,
 Thầy Nhu kê-lễ công lớn-lao.
 Vua Lê chúa Trịnh cũng chơi đó.
 Lối xưa xe ngựa nay hàng rào.
 Đến triều Nguyễn ta năm Thiệu-trị,
 Núi ấy làm thành sông ấy hào.
 Thành là thành-nội đây thành-ngoại.
 Bắc Nam đôi ngả trông bao-lao.
 Từ khi thành bỏ lĩnh lăm việc,
 Quan thì bận-rộn dân lao-xao.
 Mấy năm tình dân khổ lụt lội,
 Mấy năm việc nước lo binh-đao.
 Bức tranh sơn-thủy vẽ người đời,
 Thuyền ngư biết đâu nơi nguồn dào.
 Hang sâu lâu ngày tiếng trâu vắng,
 Trăng khuyết trăng tròn kể mấy tao.
 Mừng nay cảnh cũ đã sửa lại,
 Trúc kia như đón thông như chào.
 Cho hay cảnh cũ chờ người nhĩ ?
 Năm trước năm nay xem khác nào...
 Thơ ông Thăng-phủ còn ghi đó,
 Chữ « nhân » ai chẳng lòng khát khao.
 Lũ ta vốn xưa giống Hồng Lạc,
 Bốn nghìn năm nay nghĩa đồng-bào.
 Quen thú non xanh cùng nước biếc.
 Những là rầy ước lại mai ao.
 Bây giờ lên núi đứng trông xuống,
 Mấy thuyền bến cầu cắm con sào.
 Người đợc con rô kể con diếc,
 Có đâu cá kinh hay cá ngao.

Bóng tàu dưới sóng hòm thấp-thoảng,
 Tiếng xe cầu sắt trưa ào-ào.
 Truyện đời biết đâu cũ chẳng mới,
 Chén rượu say như mi với tao
 Có mưa có gió có lúc tạnh,
 Còn non còn nước còn trăng sao.

II

Thấm thoát chiều thu muộn,
 Lờ-mờ đỉnh núi cao.
 Tiết lạnh nhân xầy gặp,
 Thú lạ lại tìm vào.
 Một dãy non bày trước,
 Ba bề nước đổ giao.
 Lá vàng gieo bóng ngả,
 Rêu đá gọi cơn giao.
 Chùa Lý hang rầy vắng.
 Cung Lê lối đã rào.
 Hơi may dường nhạt-nhạt,
 Lòng khách vẫn nao-nao,
 Tám cảnh trời ngan-ngát,
 Trăm năm sự nháo-nhào.
 Đã từng cơn bụi cát,
 Nay rạng vẻ trăng sao.
 Xe nọ đua cầu sắt,
 Tàu kia lướt sóng dào.
 Củi tiều chưa nhẹ gánh,
 Chài cá tối buông phao.
 Khóm trúc màu sương đậm,
 Trời thông ngọn gió chào.
 Cỏ cây nền cỏ-tích,
 Ngày tháng giặc chiêm-bao.
 Đỉnh cũ vira trang-diềm,
 Người xưa những khát-khao.
 Câu thơ danh họ Đỗ,
 Nét vẽ gạch ông Tào.
 Trăm thước cần câu đó.
 Năm hồ chiếc dĩa sao ?
 O' đây kẻ chén cúc,
 Chẳng uống đợi khi nào !

BÀI TỰA CHƠI CHÙA TRẦM

Thợ tạo-hóa bày ra muôn vật, vì nhân-duyên nên dan-diu với non sông;

Khách phù-sinh trong cõi trăm năm, có du-lãm mới sai-lạc mùi trần-thế.

Vậy xem như: Từ Đạo-Hạnh lên hang Phật-Tịch, chẳng tiên cũng gọi là tiên;

Trịnh Tĩnh-Vương chơi núi Tiêu-tương, hỗn tục mà ra thoát tục.

Thơ thần rượu thánh, nghề chơi cũng lắm công-phu;

Nước tri non nhân, cuộc thú thiếu gì phong-nguyệt.

Năm Kỷ-vị đương mùa qui-hạ;

Mô Vân-Liên nhân dịp thanh-nhàn.

Ngảnh lại động Trầm,

Trông lên ninh Trúc.

Lòng ao ước bấy lâu nay khao khát;

Cuộc chơi bời đầu dám nói phong-Chèo non lộ quản chi cao, [tao.

Lên núi phải tìm đến đỉnh.

Lưng bầu rượu ngọt,

Một túi thơ đầy.

Bạn đồng-tâm dắt-diu họa thơ chơi;

Miền sơn-lộ tả-toi chiều gió bắc.

Khi đèn Thánh-Mẫu,

Lúc chùa Vô-Vi.

Cũng chèo chợ trời,

Cũng chui hang tối.

Vào chào tượng đá, đá vẫn tro-tro;
Ra đọc bia thơ, thơ dề san-sát.

Gặp sư giảng kệ, lòng lợi-danh nghe rửa sạch như không;

Lên gác gỗ chuông, hồn ảo-mộng thoát rất minh muốn tỉnh.

Ngắm phong-cảnh lại nhớ người hào-
[nhã;

Hỏi cỏ-hoa mà thăm khách thần-tiên.

Đòi người đợc mấy, ai ơi!

Truyện cũ hầy còn, chẳng tá?

Ước gì: trăng không khuyết, mây không tan, núi không lở, tấm lòng này xin thề-nguyện với giang-san;

Chắc rằng: trời còn cao, bề còn rộng, đất còn dày, cuộc vui ấy cứ đi về cùng bạn-hữu.

Đã dễ chốc mà tiên, mà phật;

Cho nên phải nửa tục, nửa thiền.

Ngâm mấy câu thơ, dề qui-thần biết;

Đề một bài tựa, cho nước-non xem.

Nghìn thu mấy cuộc bề dâu, sơn-thủy vẫn giữ nền gấm-vóc;

Muôn kiếp trải bao sống thác, anh-hùng còn in dấu dăng-lám.

Xin dặn núi này đừng quên ai, nhé!

ĐOÀN QUÝ

VĂN NHÀ SƯ LÀM CHAY TẾ MẸ

(bốn mươi chín ngày)

Khuôn tạo-hóa sinh-sinh hóa-hóa, cuộc trần-hoàn khôn tránh kiếp luân-hồi;

Cửa từ-bi không-sắc sắc - không, giọt dương-thủy tưới cho người đàn-việt.

Trông chừng khi thoát hóa siêu trần;

Lại nghĩ lúc sinh-ly tử-biệt.

Nhớ mẹ xưa:

Tinh nết hiền-lành;

Nói-năng chân-thật.

Ở trong nhà cùng người thân thuộc, không hề điều nọ tiếng kia;

Ra ngoài đường với kẻ hương-lân, chẳng chút suy hơn tính thiệt.

Kể từ lúc nhà xuân khuất bóng, một dạ sắt son;

Trải mấy phen chiếc bả giữa dòng, tấm lòng trinh-tiết.

Thắt lưng buộc bụng, mọi việc siêng-năng;

Thờ chổng nuôi con, trăm chiều mỗi-một.

Công sinh-thành như non như nước,

ngĩ đèn ơn chưa chũ tóc tơ ;
Việc tu-hành là phúc là duyên, vậy
nên phải theo giòng y-bát.

Miêng niêm câu kinh ;

Tay lần tràng hạt.

Mấy mươi năm qui-pháp qui-tăng ;

Chỉ một niêm cầu Trời cầu Phật.

Cầu cho mình được thoát nợ trần-
duyên ;

Cầu cho mẹ được xuôi thuyền bảo-
phiệt.

Nay mẹ đã sáu mươi bảy tuổi trời ;

Vừa tuần đến bốn chín ngày định
ngiệp.

Trông lên liên-tọa, đặt lễ hương hoa ;
Kính trọng tăng già, tụng kinh bối-
diệp.

Đức Quan-Âm truyện xưa đâu tá, cõi
Nam-thiên còn chép vào kinh ;

Bà Mục-Liên sự cũ còn truyền, việc
chạy tiếu vẫn bày đàn huyệt.

Tủ phận mình bạc đức bạc duyên ;
Cúi đầu niêm *ni-da ni-dát*.

Nhờ tay tế-độ, vãng-sinh đã thoát
chốn tam-đồ ;

Đội đức cao dày, niêm tục dất mọi
dường bách-triết.

Thôi từ đây xuôi thuyền bát-nhã, tìm
thú vui vô-lượng vô-biên ;

Thôi từ đây mặc áo lục-phù, theo về
chốn bất-sinh bất-tuyệt.

Tôi may nhờ Phật, ơn nghĩa chưa đền ;
Còn chút đàn em, ngáy thơ chưa biết.

Cả rông mất mẹ, tranh tang-thương
ai khéo vẽ nên hình ;

Chim yến lạc đàn, tình cúc-dục kẻ
làm sao cho xiết.

Sinh ngã ai-ai ;

Bi-tâm chuyết-chuyết !

(Vô-danh)

AN-VIỆT-KÍNH sao-lục.

CÂU ĐỐI PHÚNG

Khóc cha

Con mất cha như chim mất tổ,
Cây muốn lặng nhưng gió chẳng dừng.

Khóc mẹ

Đức mẹ cao già, thâm-thiết thơ nga
chín chữ,
Lòng con báo đáp, ngậm-ngùi tắc cổ
ba xuân.

Con gái khóc mẹ không con trai,
cháu ăn tự

Ngao ngán thay, một chị với hai em,
chén rượu cương-thường nhờ
cháu rót ;

Đau đớn nhẽ, năm mươi mà trăm
tuổi, câu thơ ly-biệt mượn người
đưa.

Khóc ông nội

Ông đi đâu đi đâu, bánh ngọt quả
ngon, san-sẻ lấy ai vui-vẻ nữa ;

Cha khóc lẫn khóc lóc, đầu tang tóc
rối, bồi-hồi thấy cảnh ngậm-ngùi
thay.

Cháu gái mồ-côi khóc bà nội

Bà vui lên cõi Phật cõi Tiên, cô với
cháu nhớ thương khôn xiết kẻ.
Nhà tiếng thế không giàu không có,
mẹ cùng anh lo liệu những làm
sao.

Cháu gái tơ khóc ông ngoại, mà
mẹ đã xuất-giá

Trên cõi trần ông ngoại xa chơi, cảnh
ấy tình này, càng nghĩ càng
thương thân liễu yếu ;

Dời chín tuổi nhà nghiêm có biết,
dường kia nỗi nợ, thêm sâu thêm
tủ phận đào tơ.

Khóc bác

Sốt tình trông cậy như cha, đứng dưới
thềm lan sâu mọi nỗi ;

Tủ phận ngày thơ là cháu, khóc đưa
xe hạc ngàn trăm chiều.

Khóc chú

Mình thăm chú cũng như cha, mọi
việc nương nhờ khôn xiết kê.
Ngán nỗi chú về cảnh Phật, sót tình
thương nhớ biết bao người.

Khóc cậu

1

Đất Vị xa đưa ngao ngán nhĩ,
Vườn cà còn đỡ cảm thương thay !

2

Mới ngày nào, xe một cỗ, ngựa một
con, vui vẻ tiễn đưa trên đất Vị.
Chợt nghe thấy kèn ba hồi, cồng ba tiếng,
ngậm-ngùi chua-sót dưới vườn cà.

3

Mới ngày nào, đất Vị tiễn đưa, ngựa
ngựa xe xe, vui lắm về.

Sao nỗi vội tuổi vàng xa cách, thương
thương nhớ nhớ, xiết bao tình.

Cháu mồ-côi mẹ khóc cậu

Tặng cậu biết lấy gì, xe ngựa tiễn đưa
trên đất Vị ;

Lòng cháu thương khôn xiết, thần hồn
nhấn hỏi dưới đài-tuyền.

Con rề khóc bố vợ

Tạo-vật khéo trêu người, kéo đám
mây mù che núi Nhạc ;

Rề con không nhẽ nín, nỗi cơn gió
lạnh thấm nhà băng.

Vũ TỊCH-CỔNG

VĂN XUÔI

Hào - kiệt hàm - dưỡng khác người thường

Ta xem truyện Tàu, về đời Hán-mạt
có chép khi ông Gia-cát Khổng-Minh
cùng với bọn các ông Thạch Quảng-
Nguyên, Từ Nguyên-Trực, Mạnh Công-
Oai cùng đi học. Ba ông thời rùi-mài
kê-cứu, mài-miết học-hành, tỉ-mỉ từng
ly, lần-mần từng tí ; mà một mình ông
Khổng-Minh thời chỉ xem qua cho biết
đại-lược mà thôi, hình như lơ-đềnh
sự học-hành, thỉnh-thoảng lại ngồi xếp
bằng tròn thở dài, coi bộ lo-lắng. Đôi
khi thông-thả, có dịp truyện trò, ông
thường hỏi các ông kia rằng : « Mai sau
này các anh định đỗ-đạt làm quan đó
r ? » Ba ông hỏi chí-hướng ông tương-
lai như thế nào thời ông chỉ cười nhạt
mà không nói. Hằng ngày đi đánh con
trâu, vác cái cây đi làm ruộng, giữa
quăng đồng, bên bờ cỏ, thường khi
nghêu-ngao một đôi câu thơ cổ. Hỏi
oi ! Cái bụng dạ kia lạ-lùng, cái khí-
tượng kia mông-mênh biết đến dường
nào ? Ô ! sao không biết trong lúc bốn

phương loạn-lạc, binh lửa tứ-tung,
lòng người sôi nổi, cuộc đời rối bong,
mà lại tự dễ mình vào cái cảnh im-
lìm, cái nơi phẳng-lặng ở trong cái
thế-giới biến-động ấy, bó tay đưa mắt
ra ngắm cuộc đời, há lại không tự
mình đặt mình vào bậc người nào
hay sao ? Há lại không biết hình-
trạng thế-giới ra thế nào hay sao ?
Há lại không biết cái thân mình đối
với thế-giới có quan-hệ thế nào hay
sao ? Há lại không mong chiếm lấy
một cái vị-trí gì để đứng ở trong thế-
giới hay sao ? Có lẽ đâu lại nhân-tâm
lần cái trách-nhiệm làm người mà
cam chịu phóng-khi thiên-chức đi để
làm một bác nông ngu, một thầy nho
hủ ở chốn nhà quê trong miền rừng
núi đượ ? Không ! không có lẽ ấy !
Sao mà biết ? Bởi vì ông nhận đã rành,
xem đã rõ, xét đã tinh, định đâu ra đấy,
lòng mới thản-nhiên. Nào có phải
đánh mang cái thân quý báu, cái trí
tinh-ký, cái lòng cao-thượng, cái chí
sâu-xa, gửi mình vào áng cỏ cây để cầu
sống sót chết thừa, tạm bợ cho qua

ngày qua tháng ở buổi loạn-ly kia đâu. Số là ta biết ba người bạn ta, chẳng qua chỉ là một bọn theo đóm ăn tàn, bộ phong tróc ảnh, tùy thời tùy thế mà đi; chớ ta đây mình đã định cho mình, nào tài, nào chí, nào sức, nào lòng, hàm-dưỡng đề nên người dựng ra thời ra thế, hòng sai thời sai thế phải theo ta, quyết xoay phải xoay trái thế-giới như người cầm lái tàu đi bể khiến chiếc tàu vậy. Bởi thế cho nên lúc còn tĩnh-tâm suy tính thời rồng vàng uốn khúc núi Nam-dương; lúc mà ra đời thời gió chuyển, mưa sa, sấm ran, chớp dật, muôn kẻ kinh-hoàng, vạn nhà hoảng-hốt, trời đất khác hẳn, sông núi thay liền. Nào có phiến chi mà bối-rối. Than ôi! như thế mới thực là đáng giá nhân-tài! như thế mới thực là đáng giá hào-kiệt! Các người đại-nhân-tài, đại-hào-kiệt hàm-dưỡng có như thế vậy.

Ta nhân câu truyện đó mà ta mới nghĩ ra một lẽ người ta cần phải có một cái « thế-giới ngoài đời xa tục » như cái thế-giới của ông Gia-Cát Khổng-Minh ở Ngọa-long-cương để hàm-dưỡng tinh-tinh cho nên người cao-thượng. Tại sao mà phải cần có cái thế-giới như thế để mà hàm-dưỡng? Thưa, ông Á-lý-sĩ-da-đức (ARISTOTE) là một nhà đại-triết-học Hi-Lạp xưa kia có nói rằng: « Người ta là một giống động-vật yêu đàn mền lũ nhất ». Ấy có lẽ bởi người ta thực có cái tinh trời phó cho sẵn về sự yêu đàn mền lũ ấy cho nên gần từ người ruột già thân-thích, xa đến người thanh-khi biết quen, cùng nhau quây-quần, cùng nhau giao-thiệp, cùng nhau đi lại, cùng nhau tựa-nương, mà kết thành ra xã-hội, gây-dựng nên thế-gian. Như vậy thời được ở những nơi đông-đúc, quanh-quất người này kẻ khác, thế chẳng vui-vẻ lắm sao? Vui-vẻ thời vui-vẻ thật, bởi vì hợp với nhân-tinh vậy. Song le thành-phố to, làng xóm lớn,

người ta chen-chúc cùng nhau cư-tụ, tập-nhiệm những thế-tục, thời hay bị thế-tục sai khiến. Ôi! rừng danh bề lợi, chợ sắc trường tình, khoe ăn lối mặc, nết ở đường đi, thường có khi làm cho mình rối-rit tâm-thần, hao-mòn thân-thể, mình không còn có mình nữa. Bởi vậy cho nên phải có khi ra ngoài thế-giới, để mình đứng ở địa-vị khách-quan, không cho những cái thế-tục nó quấy đục được mình, để thời-giờ nhàn-rảnh mà ngắm mà coi; vì có khác được tục thời mới biết được cái chân-tinh chân-trạng của mình vậy.

Nhưng cái nghĩa ra ngoài thế-giới, khác với thế-tục ấy, không phải như mấy bọn người kẻ dưới này đâu.

Này một bọn người về phái bàng-quan không chịu làm một việc gì đứng ra cục-ngoại, làm bộ ra những nết lạ-lùng, trang-lác ra những điệu quái-quắc, đứng dằng sau lưng người ta mà bình-phẩm khen-chê; tự mình không có thi-hành được điều gì mà cứ nay nói người này, mai cười người khác. Cái thân chúng nó chẳng dùng vào việc mà chúng nó chỉ hay bàn ngang tán nhảm. Tự chúng nó cũng hay khoe mình rằng ta đứng ra ngoài thế-giới, như thế thời là bọn ăn cướp xưng bá xưng vương đó mà thôi.

Đến một hạng người cũng thực có vẻ cao-kỳ, vì tấm lòng quá nhiệt-thành, mà sinh ra một thứ động-lực phản-trái với đời, quyết đem cái tài phi-thường của mình không thèm ngoi nước theo nheo mà cam-tâm tuyệt-thế; chẳng chịu để cho sự đời nhem-nhuốc nó làm nhỏ mất cái điều mình sáng trưng được, chẳng nỡ đem cái sức kỳ kỳ (ngựa hay) mà theo nó thai (ngựa xấu) được. Những người như thế vào hạng ông Tam-Lữ-đại-phu (Khuất-nguyên nước Sở) ngày xưa; thời những người quân-tử thấy mà thương sót, đem gia-kinh-vì vậy.

Còn một hạng người nữa, thiên-tính điềm-dạm, riêng về thanh-cao, không thích giao-thiệp với đời mà vui lòng phóng-túng giang-hồ như những nhà thi-sĩ xưa phần nhiều thế cả. Vậy như ông Lý-Bạch nhà Đường có phải là thiên-tài thức-tưởng cao-quá phạm-tục hay không? Song thiết-tưởng những người như thế thật không có quan-hệ gì đến thế-giới cho lắm. Ta xem truyện thời ta yêu, ta kính, song dấu yêu dấu kính nhưng ta không muốn bắt chước làm gì.

Ồi! kẻ tầm-thường thời chỉ biết chen-chúc vào với đời mà không thể nào ra ngoài đời được lát nào; bậc cao-lưu thời chỉ biết thanh-cao ra ngoài đời mà không thể nào vào chen-chúc với đời được một lát nào. Duy

có người tối-dại cao - lưu thời thời-hồ ra ngoài đời để di-dưỡng lấy cái tinh - tinh cao - thượng mà thời-hồ vào trong đời để cùng chen-chúc với người đời, khi ra khi vào luôn luôn không kể, không khi nào để cho thế-tục sai khiến được mình mà không khi nào là bỏ hẳn thế-tục, vì đời mà không để cho đời dùng được mình, tựa-hồ như bỏ đời không nghĩ chi đến mà bụng vẫn thương đời, ra rồi lại vào, vào rồi lại ra, cao tít mù quá, coi thật là dễ mà rất khó thay! Song tuy khó thời khó, dù làm gương cũng may được, nên ta cũng nên cố mà học noi, hết lòng mong-mỏi cho tới đến bậc ấy mới là.

MÀN-CHÂU

THỜI-ĐÀM

Mở trường Thương-nghiệp ở Hà-nội. — Cái chính-sách thực-hành của quan Toàn-quyền LONG nay mai lại sắp thêm một kết-quả nữa, là lập một trường Thương-nghiệp ở Hà-nội. Thế là cái chương-trình khai-hóa của quan SARRAUT đã mấy lần tuyên-bố cho quốc-dân ta biết, nay sẽ dần-dần thi-hành cho đến hoà-toàn vậy.

Nghe đầu trường Thương-nghiệp mới này đến ngày 15 tháng chín tây sẽ khai-giảng, và mở tại nhà bán đồ cũ ở Phố Hàng-Trống (Nhà ấy trước đã định để mở trường Điện-học). Trường Thương-nghiệp tức là một ban của trường Đại-học Đông-Pháp, thế-thức nhập-học cũng giống như các ban khác: học trò muốn xin vào học phải có bằng tốt-nghiệp trường trung-học An-nam (*diplôme de fin d'études complémentaires*). Học trò không mất tiền học và ăn ở ngoài, nhưng Chính-phủ có thể tùy người mà cho lương học và cho ăn ở trong trường, các khoản phí ấy sẽ trích hoặc ở sổ chi-liệu Đông-Pháp, hoặc ở sổ chi-tiêu riêng mỗi xứ. Học hạn là hai năm, người nào thi tốt-nghiệp đỗ cao thời có thể tùy tài bổ-dụng vào chức tham-biện ở các công-sở Nhà nước. Người nào không muốn làm việc Nhà nước mà muốn vào làm ở các thương-cục lớn hay là các nhà ngân-hàng cũng được.

Chương-trình học thời có tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tàu, toán-học, đại-số-học, kinh-tế địa-dư học, hóa-học, th ống-nghiệp pháp-luật học, kỹ-hà-học, thương-phẩm-học, học về sản-vật các thuộc-địa, về võ-trang các lâu bễ, học viết tắt, học đánh máy chữ, học vệ-sinh. — Xét qua các môn học như thế thời đủ biết vừa học phổ-thông, vừa học chuyên-môn, đều hoàn-toàn cả.

Những bậc thiếu-niên tuấn-tú trong nước ta, ai là người có chí muốn chuyên-chủ về đường thực-nghiệp đề sau này mở mang sự buôn-bán công-nghệ cho nước nhà, nên vào học trường này cho đông, để mà kíp-kíp đầu thái lấy cái học-thức mới, người nước mình vẫn thường thiếu-thốn xưa nay, nên những việc tranh-thương từ xưa đến nay không thành kết-quả vậy. Bây giờ ta đã tỉnh-ngộ, chớ nên chậm-trễ. Về lại Chính-phủ đã có bụng giùm-giúp dân ta mà làm một sự kiến-thiết rất hợp-thời như thế, ta nên thừa cơ-hội này trước là ích-lợi cho sự-nghiệp riêng của ta, cho hậu-vận chung của nước nhà, và sau là khỏi phụ lòng quyến-cố của chánh-phủ.

Trời đã mưa thời mưa cho khắp.

— Bản-chí tiếp được bài lai-cáo nói về lương các viên Thừa-phái, cứ nguyên-văn đăng sau này. Trong bài xã-thuyết kỳ 34, bản-chí bản

về sự tăng-lương cho các viên-chức tông-sự chánh-phủ Bảo-hộ đã có nói đến hạng thừa-phái, phân-nân rằng hạng ấy chưa được theo lương mới như các hạng khác và xin chánh-phủ nghĩ lại mà thi-ân cho khắp. Chắc là chánh-phủ đã trừ-tính việc đó rồi, vì không có lẽ các quan-lại đều được tăng cả mà duy hạng thừa-phái thì không. Nhưng ý-giả chánh-phủ còn muốn cải-cách ngạch thừa-phái thế nào, bản-định chưa xong nên chưa thi-hành vậy.

« Trời mưa thời mưa cho khắp, cầu phương-ngôn này là các xứ dân bị hạn-hán mong mỗi trời mưa, ta thường thấy có khi cùng một xứ mà chỗ kia thời nắng như đốt, chỗ này thời mưa ruộng trên tràn ruộng dưới, thời phân-nân rằng trời có ý thiên-tư, sao không mưa khắp, nhưng cơ trời chuyển vận, hễ đã mưa xuống chỗ kia tất cũng mưa đến chỗ này, chả có lẽ nào trời lại thiên-tư, chẳng qua là ngộ-trởng đó thôi.

« Song cái ngộ-trởng ấy người ta thường nhiều. Như hạng Thừa-phái ta bây giờ, hiện lương mỗi tháng 10 \$ 76, đến năm 1921 mới được tăng đúng 12 \$ 00; thời buổi giờ bạc hạ, một đồng bạc hơn một quan tiền kẽm, mà thóc cao gạo kém, đồ ăn đắt gấp mười ngày trước và đương thời-dại văn-minh, ăn ở theo cách vệ-sinh, mỗi đường mỗi tốn, ít lương tiêu-pha thực là quần-bách quá. Mấy tháng trước thấy nhật báo đăng các nghị-định tăng-lương cho các quan-lại ở xứ Đông-Pháp, thời hạng Thừa-phái ta, phần nhiều người cũng ước ao được dự nghị-định ấy, đều nói rằng phụng Chỉ-dụ định ngạch quan-lại ở Bắc-kỳ ngày 24 tháng 11 năm Khải-Dịnh thứ 3 và biểu nha-lại cùng các viên tông-sự Tòa-sứ Bắc-kỳ đăng ở Công-báo số 2 thời Thừa-phái hạng này cũng được như Thông-ngôn thi-sai ở các tòa-sứ cũng có đối-hàm cả; và cũng là người Annam theo làm việc Nhà nước, thế thời có lẽ Nhà-nước thi-ân cho khắp cả đây; sau xem ra là Nhà-nước chỉ tăng cho các viên tông-sự ở các Tòa thời, thế mới rõ cái ngộ-trởng này cũng như ngộ-trởng trời mưa. Rồi trong hạng Thừa-phái ta có một vài người đăng báo, kể những tình-cảnh lương ít, không đủ dùng, thời thực là đáng lắm, nhưng tưởng cũng chưa dễ thấu đến Chính-phủ biết cho; vì các viên tông-sự các tòa đều có đại-biểu cả, cho nên nói trực-đạt đến ngay, như hạng Thừa-phái là nha - thuộc quan Annam, thời quan Annam có chuyên-đặt cho mới được, nếu ta kêu mà không có quau đề-đặt cho, sao thấu đến Chính-phủ biết cái tình-cảnh

này được; nay tôi thiết nghĩ rằng phải lên với các quan Đại-thần Annam ta có Chánh-Hội-đồng giao-thiệp thương-nghị luôn luôn và các quan thủ-hiến tỉnh mình nữa. Vậy thời hạng đồng-nghệp ta, nên làm đơn trình bày cái tình thiết-thực quần-bách của mình mà kêu ca, xin các quan soi xét cho dễ nhận dịp các quan chuyên-đặt cho, may có thể thấu đến Chính-phủ dù lòng thương mà thi-ân khắp đến cho, thời hạnh-phúc biết là chừng nào, cũng chẳng khác gì như đương hạn-hán mà được trời mưa rào vậy. »

NGUYỄN VĂN-LẬP

Thừa-phái huyện Yên-son
(Tuyên-quang)

Hưng-quốc Khánh-niệm-tiết. --

Ngày mồng hai tháng năm, là ngày Đức Cao-Hoàng tức.vị, nhất-thống sơn-hà, bình-định thiên-hạ, cái ngày ấy là ngày rất vẻ-vang cho Nguyễn-triều lịch-sử, rất danh-dự cho Việt-Nam tổ-quốc.

Cái ngày ấy là ngày quốc-dân nên kỷ-niệm, kẻ thần-tử đáng vui mừng, lòng-trọng thay rức-rờ thay cho cái ngày Hưng-quốc Khánh-niệm-tiết này !

Nhân ngày kỷ-niệm này tưởng nên bày tỏ cái công-trạng lớn-lao của ngài cho quốc-dân đều biết.

Trong cái hành-trạng của ngài thì có hai cái sự-nghiệp quan-trọng nhất, tưởng đến nghìn thu quốc-dân cũng nên ghi-tạc.

1^o Sự-nghiệp thống-nhất nước Nam-Việt.

2^o Việc giao-hiếu cùng quý-quốc.

Ai là người đọc quốc-sử mà không nhớ rằng nước ta, từ thừa vua Triệu-dà dựng nước tuy là tự-chủ, nhưng đất nước ta chỉ còn đất Giao-châu, đất Cửu-chân tức là Bắc-kỳ bây giờ, và đất Thanh-hóa, đất Nghệ-an, đất Hà-tĩnh mà thôi.

Bờ-cõi nước ta lúc ấy còn hẹp nhỏ, mà lại tiếp-giáp cùng nước Tàu là một nước lớn mà ta đã phải nội-thuộc hai lần, biết bao nhiêu phen khổ-sở làm-thau, nghìn năm nô lệ.

Đến đời Nguyễn-triều từ năm 1558 cho đến năm 1802 các vua mới ra công mở rộng bờ cõi, lập nền độc-lập cho nước ta, mà cái công-nghiệp mở-mang bờ-cõi ấy, thì Đức Cao-Hoàng thật đã gánh vác một phần lớn nhất.

Ồi ! cái sự-nghiệp ấy, làm cho hoàn-toàn thi ngài đã trái-quả biết bao phen lên thác

xuống ghềnh, qua sông vượt bể, đem thân vàng ngọc mà chịu lao khổ nguy-nạn, dề mở rộng giang-sơn, dựng nền tư-chủ cho quốc-dân; từ năm 1777 cho đến năm 1802, trong 25 năm trời biết bao nhiêu lần thất-bại mà lại dựng được nghĩa-kỳ thống-nhất.

Cái hồi nguy-nạn nhất là hồi đầu khi chủ và anh ngài đã bị bắt, chỉ còn một mình ngài là thoát nạn được, mà cũng nhờ ông Bá-đa-lộc (Pigneau de Béhaine, Evêque d'Adran) không-phò, mới giải-thoát được.

Trong cái hồi tị-nạn này, biết bao nhiêu phen lưu-lạc nổi-chìm, khi ở Phú-quốc, khi qua Xiêm-la, mà không may nhất là ngài cùng ông Bá-đa-lộc lại thất-lạc mỗi người một phương, cho đến năm 1784 thì ngài mới tái-ngộ ân-nhân, rồi khi ấy mới định phương cầu-cứu ở Pháp-đình; ấy là cái ngày khởi-doan việc giao-hiếu cùng quí-quốc vậy.

Lúc đã bàn-định xong, ông Bá-đa-lộc chịu lời ủy-thác của ngài, đem ông Hoàng-tử Cảnh về Pháp để làm tin mà xin quân cứu-viện.

Than ôi! tình phụ-tử tử đây mà xa cách! Nhưng mà những đấng anh-hùng vẫn lấy nghĩa nước làm trọng hơn tình nhà, cái gương ái-quốc nhiệt-thành ấy ngày nay người Việt-Nam mình nào biết còn nhớ đến hay đã quên đi rồi? Cái gương quí ấy đầu nghìn năm trước cũng nên giữ lấy mà soi chung!

Về-vang thay! cho cái sự-nghiệp của ngài trong 25 năm trời, cầm gươm lên ngựa, vượt bể trèo non, dề dập dờ cái vũ-lược của nghịch-thần, phá tan cái cường-quyền của nguy-tặc, dề cứu trăm họ tránh khỏi lầm-tham, muốn dân thoát vòng nô-lệ.

Biết bao nhiêu phen ngài đã xông-pha nơi chiến-trận, chìm nổi chốn bể khơi, vì trăm họ mà mở-mang cái sự-nghiệp dĩ-vàng, cứu vớt cái cơ-hội tương-lai. Nhờ đức Cao-Hoàng nên người nước mình ngày nay mới tránh khỏi cái cường-quyền áp-chế của giặc Tây-sơn, mà hưởng được cái công-lý tự-do của Quí-quốc!

Đây là mới kể qua cái vũ-công của ngài, còn đến tái-chính-trị tưởng cũng nên bày tỏ qua cho quốc-dân biết một thể. Sau khi vũ-công đã thành, thì ngài chính-đốn ngay những công việc đã bị bí-hãm trong 30 năm gió bụi.

Trước hết ngài chấn-chỉnh quan-trường, cải-lương học-vụ, dề chọn những người hiền-tài mà trị dân. Việc luật-lệ, tái-chính, dề-

thổ, thi-cử, việc binh-vụ, việc công-tác, vân vân... đều là tay ngài sửa sang lại cả.

Ngày nay người làm quan xem đến bộ Hoàng-việt-luật-lệ, kẻ cùg-đinh trông thấy sớ Gia-long địa-bạ, người học-trò nhìn thấy trường Quốc-tử-giam ở Kinh-đô, kẻ hành-khách đi lại trong Nam ngoài Bắc, thì ai là người chẳng nhớ đến sự-nghiệp của ngài?

Than ôi! cái công-trang lớn-lao ấy, kẻ thần-tử trong nước biết bao giờ báo đáp cho xong! Cái công-đức ấy chỉ trừ những người không nghĩ đến nước nữa, mới đành lòng bội nghĩa quên ân, còn những người còn chút lương-tâm, có lòng yêu nước, bao giờ mà còn bước chân trên đất Việt-Nam, thì chẳng ai là người đang tâm mà quên cái công-đức ấy cho đành!

Ngày mồng hai tháng năm là ngày thần-dân trong nước đều nên bái-tạ trước hình-ảnh Thánh-quân, đã ra công khó-nhọc nguy-nạn, mà dề lại cho người mình một cái tổ-quốc càng ngày càng lớn-lao, càng ngày càng rực-rỡ. Nghĩ đến cái công-nghiệp ấy, mà kẻ thần-tử muốn báo đền, thì nên tổ-chức cái mối đồng-tâm của quốc-dân cùng ân-quốc càng ngày càng thêm bền chặt mãi ra, dề mà bảo-thủ lấy cái hương-hỏa long-trọng ấy, mà đức Cao-Hoàng đã dề lại cho nước ta di-truyền vạn-dại.

Cái ngày Kỷ-niệm này, quốc-dân mình nên đồng-thanh mà hoan-ngheh cho trọng sự-thề, dề tỏ lòng người Việt-Nam cũng biết nhớ ơn đến người đã khai-sáng ra một cái tổ-quốc về-vang. Ký-giả rất là mong-mỏi. Còn như cái lối ăn tết « đình đám người mẹ con ta » trong mấy nghìn năm nay ta mê-tin hão, cũng đủ dại rồi, tưởng nên thôi đi kéo chậm.

HOÀNG HỮU ĐÓN

Tri-huyện Bình-lục (Hà-nam)

Cải-lương hương-tục

1

Trong mấy năm nay việc cải-lương hương-tục đã biết bao nhiêu người nghị-luận đến rồi, nhưng mà việc thực-hành thì chưa có được mấy xã thành-hiệu. Chỉ có tỉnh Hà-đông nhờ quan tổng-đốc Hoàng có lòng nhiệt-thành cố-động và trông nom đến luôn, thì đã nhiều xã cải-lương có kết-quả; tỉnh Thái-bình trước có quan thượng Phạm cố-động thì cũng có xã đã cải-lương, nhưng vẫn là còn phần ít lắm; ở Phú-thọ cũng có xã

cải-lương như xã Hiền-lương thật là đáng khen; nói tóm lại thì trăm phần chưa được một phần cải-lương.

Than ôi! Việc cải-lương phong-tục là một nghĩa-vụ rất cần-kíp, một sự-nghiệp rất lớn-lao, mà những người có trách-nhiệm cùng quốc-dân, nào có mấy người lo nghĩ đến đâu! Cái câu ngạn ngữ « Quốc dĩ dân vi bản » 國以民爲本, ngày nay trong nước có lẽ nhiều người đã quên đi rồi, nên mới ngồi yên mà vui thú lấy một mình, chẳng còn nghĩ gì đến ai nữa, nước nghèo dân đói, vận đốn tục suy, cũng mặc ai. Ôi! nghĩ đến lòng người nước mình như thế, khá giận thay, mà lại thương thay!

Làng là một xã-hội nhỏ trong nhân-loại, nhiều làng hợp thành một nước, làng giàu thì nước thịnh, làng nghèo thì nước suy, ấy là một lẽ đương-nhiên vậy.

Làng là nơi sinh-trưởng của quốc-dân, chỗ nguồn-gốc của phong-hóa.

Công việc trong một làng tuy là nhỏ, nhưng mà cũng phải có tổ-chức kỷ-cương, vận-trù cải-cách, thì làng mới có thể tiến-hóa được.

Ta muốn xét tình-hình trong một nước giàu hay nghèo, thịnh hay suy, thì còn có cách nào diệu hơn cách xét xem sự sinh-hoạt, phong-tục, tính-tình trong một làng thì biết rõ. Làng là một nơi thí-nghiệm đích - đáng rõ - rằng cái trình-độ thấp cao trong một nước. Cái cuộc thịnh suy của các làng thật là quan-hệ đến cái tiến-đồ Việt-Nam tổ-quốc vậy.

Nay ta xét cái hiện-tình cùng phong-tục các chốn hương-thôn, thì thật là thương-tâm! Những tục phiến-phi hủ-bại kể sao cho xiết, nào tế lễ ma chay, ăn uống rượu chè, tranh ăn, tranh ngồi, tranh xôi, tranh thịt, đánh nhau, cãi nhau, say sưa âm ỹ, không còn trật-tự gì nữa; còn đến tâm-tình người làng thì rất là suy kém; không ai cứu giúp nhau, chẳng ai thương yêu nhau, ai chết mặc ai, người ngu mặc thế, những người hiếu-đề trung-tin, nhân-nghĩa đạo-dức, thực là hiếm có; học-hành chẳng có, công-nghề cũng không, nhà nát cột xiêu, bát khoai lẫn gạo, mười nhà mới có một nhà có màu mặt! Ôi! những người còn chút lương-tâm, ai trông thấy cái cảnh-tượng đời-bại ấy, mà chẳng đau lòng! Nay ta muốn cho nước cường-thịnh, thì ta cần phải cải-lương hương-tục, để trừ bỏ những tục-lệ phiến-phi, phong-hóa suy-đồi, chấn-chỉnh công-

thương, mở mang học-thuật, thì dân làng mới được duy-tân, để chen chân cùng thế-giới.

Cái sự-nghiệp ấy, cái nghĩa-vụ ấy, những người có trách-nhiệm cùng quốc-dân nhờ ơn nước, ăn lộc nước, há chẳng hồi tâm mà nghĩ lại, để ra tay gánh vác mà làm cho làng cho nước được nhờ hay sao?

Ngày nay nhờ ơn Bảo-hộ đem hạt vắn-minh mà gieo khắp trên đất Việt-Nam, rung chuông cảnh-tỉnh mà đánh thức hồn người Hồng-Lạc, để cho người nước mình được mở mắt cùng càn - khôn vũ-trụ, mà khỏi thẹn tiếng con liên châu rồng; qui-quốc còn có lòng đoái thương đến ta như thế, thì ta há lại cứ ngồi khoanh tay mà thủ-cụu, nằm yên giấc mà chờ thời, đánh giừ cái phong-tục hủ-lậu mãi, mà không chịu thay đổi theo người, thì há chẳng thẹn lắm ru? Hóa-công ôi! biết bao giờ cho người Việt-Nam thoát vòng hủ-bại, biết tỉnh-ngộ lại, mà theo chân nổi gót cùng người!

Mười năm nay, ký-giả đã nhiều phen đến nơi thôn-giã, thân-cận cùng kẻ cùng-dinh, nhờ những dịp ấy mà kinh-lịch khảo-sát được đôi chút nhân-tình thế-thái trong chốn hương-thôn, mà ta càng trông thấy lại càng thương-tâm! Than ôi! cũng là một dân-tộc trong thế-giới, cũng hình-thể, cũng tâm-hồn như ai, mà sao hóa-công nở để người Việt-Nam nhiều người khổ-sở làm-than, khá thương thay! Những cái bi-trạng ấy xét ra lỗi ở ta, mà chẳng phải ở trời vậy.

Những người có thể-lực, có chức-phẩm trong nước, thật đáng chịu một phần trách-nhiệm lớn cùng quốc-dân.

Vì các lẽ ấy, nên ký-giả xin đem chút nhiệt-tâm mà hiến cho quốc-dân — sau này sẽ xin in riêng ra để phát-hành) — một bản sổ cải-lương hương-tục mà ký-giả đã chăm-chước phong-tục các xã đảo mà nghĩ thảo ra, và đã xin làm cho những xã trong hạt ký-giả; cái sổ này tưởng cũng có lẽ giúp được đôi chút cho những người có nhiệt-tâm về việc này, cho chóng thành công-hiệu, ký-giả rất là mong mỏi; may ra mà còn có người yêu làng, yêu nước, mà làm thì cũng hay, bằng không may mà không ai lưu-tâm đến nữa, thì ký-giả cũng thỏa lòng, vì đã làm được một việc nghĩa-vụ cần kíp cho quốc-dân; cái thì giờ khảo-cứu khó nhọc ấy, tưởng cũng không lấy gì làm đáng tiếc (1).

HOÀNG HỮU-ĐỒN
Tri-huyện Bình-lục (Hà-nam)

(1) Kỳ sau bản-chí sẽ đăng cái sổ cải-lương hương-tục của quan huyện Hoàng.

II

Đang buổi cái ánh sáng của ngọn đuốc văn-minh bên Âu-Mỹ chiếu sang cõi Á-đông, lại thêm báo-trương cô-động, quốc-dân ta phần nhiều đang như mơ-màng trong giấc ngủ hôn-trầm, đã biết bừng hai con mắt giậy, rồi trông trước nhìn sau, ngẩng lên coi xuống, xem người rồi lại nghĩ đến mình, thấy một giầy một mủng khác nhau xa vậy. Từ đấy những người gọi là có tâm-trí ai nấy cũng muốn nhiệt-thành cải-lương trong mọi việc. Việc học, việc hương-chính, việc công-nghệ, việc nông-tang, việc bán buôn, thậm-chí cả cách ăn-mặc chơi-bời. Trong các việc cải-lương quan-trọng thì việc học đứng đầu, nhưng cải-lương việc ấy đã có chánh-phủ và duy Chánh-phủ mới có quyền; kể đến cải-lương hương-chính thì phải ở ý-chi quốc-dân ta, Chánh-phủ không muốn cưỡng bắt, bởi thế việc không đáng khó mà thành ra khó nhất. Mà khó thực, vì nhiều người cứ lấy né câu «*phép vua thua lệ làng*».

Các tay chính-trị, các nhà làm báo cũng cho việc ấy không phải là việc dễ, nên thường nghị-luận ở báo-trương, cái vấn-đề cải-lương hương-tục đã làm lộn mất bao nhiêu giấy mực rồi, nếu tôi lại dự bàn, thật là vô-ích vậy.

Nay muốn cho việc cải-lương hương-chính một ngày một bành-trướng, tưởng nên kể những làng nhờ cái ánh sáng văn-minh và tiếng chuông cảnh-tỉnh đã biết sửa đổi tục dân.

Ở Bắc-kỳ đã có nhiều làng cải-lương hương-lệ, như làng Đông-ngạc tỉnh Hà-đông, làng Bộ-la tỉnh Thái-bình, làng Hiền-lương tỉnh Phú-tho, và làng Phú-xá-đoài tỉnh Phúc-yên, những làng ấy mà cải-lương được, cũng nhờ bọn thượng-lưu trong thôn-xã, là đám quan-trường, hay bọn cựu-học, và đã mượn báo-trương mà đem công-hỗ cho đồng-bào biết đề làm gương.

Duy có một làng đã biết sửa-sang tục-lệ đã lâu, mà không mấy người biết đến, làng ấy là làng gì? là làng Lương-quán, huyện Yên-lạc, tỉnh Vĩnh-yên. Nói đến làng ấy không những làm vẻ-vang cho người thủ-xướng lên việc sửa-sang hương-lệ là ông Nguyễn Văn-Bịch mà làm vẻ-vang cả cho bọn tân-học nữa, vì Nguyễn-quân là người trong đám tân-học, hiện sung chức thông-phán thượng-hạng sở Bưu-chính và Điện-báo tại Hà-nội

Những người xưa nay bảo đi học chữ Pháp chỉ cốt đề kiếm tiền, từ nay phải tác lữ, mà những người nào trong tân-học quả có cái chí xuẩn như thế, há chẳng nên thẹn với Nguyễn-quân rư?

Trên kia tôi đã nói việc cải-lương hương-chính không phải là việc dễ, thế mà Nguyễn-quân làm được, đủ biết Nguyễn-quân không phải là người tầm-thường vậy. Lúc khởi-xướng lên việc công-ích xiết bao sự khó-khăn, khuyến-khích một bọn người như bọn kỳ-mục trong dân tưởng chẳng dễ, không những phải dùng đến mưu-trí, lại phải dùng đến cả tiền-tài, thế mà bởi lòng nhiệt-thành, tinh kiên-nhẫn và lòng vị-nghĩa của ông, các việc khó-khăn đều phải tiêu-tán; nào thế đã xong, sau lại phải bọn hạ-lưu ở làng vì lòng ích-kỷ khởi lên, làm ngăn-trở việc cải-lương, chúng dùng đến cả những cách phản-đối vũ-phu hèn-hạ phạm đến danh-giá và sinh-mệnh ông, nhưng ông khéo biết dùng mưu-mô tuyệt-điệu khiến cho hết thấy phục-tòng.

Đến nay công ông đã thành, năm-mười-hai điều-lệ của ông soạn đã thi-hành, thực là vẻ-vang cho ông vậy. Nghe đầu mới rồi quan Công-sứ Vĩnh-yên có cho mời ông về đề hỏi-hạn sự-thề và bảo lục-sao các điều-lệ cùng sổ-sách đề làm phương-châm cho các làng khác.

Nhân mới rồi tôi được gặp Nguyễn-quân trên xe lửa, lại nhân có một người hỏi chuyện, nên Nguyễn-quân mới nói đầu đuôi cho nghe, nay thuật lại mục-đích đề giúp một phần vào sự khuyến-khích cải-lương hương-tục, chứ không phải ý riêng đề ca-tụng công ông vậy.

NGUYỆT-THÀNH

Giới-thiệu sách mới. — *Nam-học-hán - văn - khóa - bản* 南學漢文課本 NGUYỄN CAN MỘNG, Phó-Bảng Giáo-thụ trường Bảo-hộ soạn. Giá 0 \$ 30. — Chữ nho ngày nay người nông-nổi coi ra thời tự-hồ như vô-tức khinh-tọng, song nghĩ cho chín thời bao nhiêu quốc-hồn quốc-túy đều ở cả trong. Xem như văn-tự văn-khế, bia khoán đối phá, những cái đề cho ta xét lại được dấu tích của tiên-nhân ta đều là ở chữ nho tất cả. Ta còn cần phải học chữ nho lắm, vì có biết chữ nho mới làm văn quốc-ngữ hay được, mới xem sách quốc-ngữ hiểu được, mới tra-cứu mọi điều hay sự tốt của tổ-tiên đề lại được. Nhà nước Bảo-hộ

khai-hóa cho ta cũng không muốn cho ta ra người vong-bản, nên trong chương-trình các trường có dạy học chữ nho. Ông Nguyễn Can-Mộng mới soạn quyển sách dạy chữ nho này theo lối Pháp chia ra từng khóa (*leçon*) một, trên thời tiêng một (*mot*), dưới lại đặt thành câu (*phrase*), cho người mới học lợi-dụng ngay được những chữ đã học ; quyển này cộng 83

bài, 59 trang, mỗi chữ nho lại chua âm và nghĩa bằng quốc-ngữ, rồi lại đối sang chữ tây. Kề ra quyển sách làm cũng khéo. Hội-đồng Học-chính đã duyệt-y cho các trường học rồi. Ta cũng vui lòng mà giới-thiệu cho mọi cậu học-trò mới nhập-môn hán-tự lần đầu vậy.

MAN-CHAU

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIÊN-ĐỨC »

Quan danh-dự Hội-trưởng Marty về nghỉ bên Đại-Pháp. — Quan cai-trị L. MARTY danh-dự Hội-trưởng Hội ta, ngày 8 Juin đã xuống tàu *Le Général* về nghỉ bên Đại-Pháp. Ngài là một người rất có công với Hội ta, Hội thành-lập được thật là nhờ một tay ngài. Hồi bấy giờ quan SARRAUT đương làm Toàn-quyền Đông-Pháp, muốn thi-hành cho rộng cái chính-sách khai-hóa trong quốc-dân Annam. Quan MARTY thường giao-tiếp với những người danh-giá trong bọn thượng-lưu ta, bên bàn xin lập một Hội đã thừa cái chính-sách khai-hóa ấy mà giúp cho sự khai-trí tiên-đức trong quốc-dân. Ngài vừa xuống lên cái ý đó thời nhiều người tán-thành ngay. Nhân ngài lại là một tay giúp việc thân-tín của quan SARRAUT, nên xin phép cũng được ngay. Bấy giờ đồng-nhau đều suy-cử ngài lên làm Hội-trưởng, ngài cố từ-chối, nói rằng Hội Annam phải để người Annam đứng đầu, ngài giúp Hội là vì bụng công-ích, không phải vì danh-dự riêng ; song các ông sáng-lập nói mãi ngài phải nhận vậy. Trong năm đầu làm Hội-trưởng, một tay ngài cang-dáng mọi việc, tuy việc quan bận mà thường xem-xét đến việc Hội luôn, cố vận-động cho Hội thành cơ-sở vững-vàng ; tới năm nay ngài mới nhường chức Hội-trưởng cho quan Tổng-đốc Hoàng. Nay nhân ngài về nghỉ bên Qui-quốc, tòa trị-sự có nhờ ngài tới Paris điện-ngộ quan Thượng-thư SARRAUT đề báo-cáo cho ngài biết tình-hình cũng công việc Hội. Chừng cuối năm nay thời quan MARTY lại trở lại Đông-Pháp. Bản-hội có lời mừng ngài nghỉ bên qui-quốc được bình-yên mạnh-khỏe vậy.

Việc Hội trong tháng mới qua. — Chiều theo lời quyết-nghị của Hội-đồng, tòa trị-sự đã trích trong số tiền thu được về hai cuộc diễn-kịch tháng trước lấy hai khoản, một khoản 1500\$ để nộp quan Thống-sứ Bắc-kỳ

nhờ ngài gửi quyền vào Hội « Kỷ-niệm Đông-Pháp » (*Oeuvre du Souvenir Indochinois*), một khoản 500\$ để quyền vào nhà Phúc-đường của Bà Phước Antoine ở Thái-hà-ấp.

— Cạnh đất nhà Thư-viện cũ ở phố Hàng Trống của phủ Thống-sứ đã nhường cho Hội ta, còn có một cái đất rộng nữa, rập đền vua Lê, nguyên là đất tịch-ký của người Đức, bấy giờ là công-thổ của Chánh-phủ Đông-Pháp. Hội ta có ý muốn xin cái đất ấy để làm vườn cho nhà Hội-quán và sau này có thể xây rộng thêm ra được. Quan Chánh-Hội-trưởng có viết thư trình quan Toàn-quyền về việc đó. Thời quan Toàn-quyền đã trả lời (thư ngày 30 Mai, số 798F), nói rằng ngài đã chấp đơn của Hội và làm-thời sẽ lưu-ý.

— Theo điều thứ 5 trong tờ giao-kèo ngày 29 Mai 1920, thời Hội muốn xây nhà ở cái đất nhà Thư-viện cũ phải trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ xét bản đồ trước. Hội đã gửi cái bản-đồ được giải nhất là bản của ông Đỗ văn-Y, lên trình phủ Thống-sứ thời quan Thống-sứ đã duyệt-y rồi. Trong tháng Juillet Hội sẽ họp hội-đồng đề bàn về việc khởi công dựng nhà. Tháng trước đã có cáo-bạch đấu giá bán những vật-liệu nhà Thư-viện cũ, nhưng không có ai mua cả, nay định đề sáp-nhập luôn vào việc đấu-giá xây nhà nhân thế.

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng Juillet, có những ông kê tên sau này gửi đơn xin vào chân chủ-trì, hạn hai tháng trong cách-hội-viên ông nào có điều gì dị-nghị hoặc phản-đối về ai xin viết thư về cho Hội.

1 — Chu-Tam Duy, buôn-bán ở Phủ Từ-sơn Bắc-ninh.

2 — Dương-Tự-Nhu, Tri-huyện Ân-thị, Hưng-yên.

3 — Lê Nguyên-Úc, làm việc ở nhà báo Trung-bắc-tân-văn, Hà-nội (1)

4 — Mai-Huy-Hội, làm việc ở nhà báo Trung-bắc-tân-văn, Hà-nội. (1)

5 — Nguyễn Ngọc, fournisseur, Dalat (Annam)

6 — Vũ-Bội-Hoàng, hậu-tuyên tri - huyện, trợ-tá huyện Gia-lâm (Bắc-ninh).

7 — Vũ-Cầu, buôn-bán, 100 Rue Maréchal Pétain, Hà-nội. (1)

— Ông Đinh Tiến-Quy, secrétaire à là Compagnie du Yunnan, Hanoi, xin vào chân thường-hội-viên.

— **Khẩn-cáo.** — Các ngài hội-viên có ký tên quyền tiền giúp về việc dựng nhà hội-quán xin kịp gửi về nộp cho ông Thủ-qui Hội là ông Lê Văn-Phúc, 14-16 Rue du Coton.

Ngài nào kỳ hội-đồng trước vắng mặt chưa kịp quyền mà nay muốn quyền giúp cho Hội, xin cũng cứ gửi tiền thẳng về cho ông Lê-Văn-Phúc đầu-nhận.

XỬ-THẾ CÁCH-NGÔN

Lập-chí

1 — Học trước phải lập-chí ; chí đã lập thời sự học-vấn mới lần-lượt ra công được. Lập-chí không định, sau không thành việc gì. Theo tự ngày nay làm đầu, tùy xử đề-khởi, tùy xử thu-thập, tùy xử thể-cứu, tùy xử thảo-luận, thời mỗi ngày thêm một chút, mỗi tháng thêm một từng, tự-nhiên thuần-thục, tự-nhiên quang-minh. (CHU-TỬ).

2 — Đại-phàm lập-thân hành-kỷ, cốt tự lúc đầu lập-cước, phải cho vững-vàng, không thể lay-chuyển được, về sau càng lâu càng bền, dầu tử-sinh họa-phúc cũng không thể đoạt được. (CHU-TỬ).

3 — Người có chí về sự học, bất-luận khí-chất tốt hay xấu, chỉ xem cái chí thế nào, dầu người sắt-phu mà có cái chí vững-vàng, thời lo gì học không kiên-đững. (TRƯƠNG HOÀNH-CỬ).

4 — Người đi học như trèo cái núi cao ; khi hãy còn ở rìa núi thời chân bước vẫn còn mau lắm, khi tới chỗ cao thường phải dừng lại ; đến đấy mới cần phải cương-quyết quả-cảm mà tiến lên. (TRINH Y-XUYÊN).

5 — Học chỉ ở lập-chí mà thôi. Chí đã phóng-đảo, trăm điều không gì thành. Như đêm ngồi đọc sách, nếu chí lập vững-vàng, thời không buồn ngủ, nếu chí đã phóng-đảo, thời buồn ngủ ngay, cũng một mình, có phải hai người khác đâu. Chí ví như cái gốc cây, gốc cây có vững, thời mới có thể tài-bồi tâm-trước. Phàm học-vấn chẳng qua là một cách tâm-trước tài-bồi ; nếu gốc đã không vững thời còn tài-bồi tâm-trước vào đâu ? (TỪ TỒN-TRAI).

6 — Lập-chí chỉ là lập cái chí làm thiện không làm ác, theo chính không theo tà. (LƯU DUNG-TRAI).

7 — Người ta nên tự-tín tự-thủ. Phàm điều nghĩa nên làm, sức thể làm, bụng muốn làm, mà thân-hữu vẫn-hồi, thế-nô khuyến-chỉ được, thế là người vô-chí. (LA CẬN-KHÊ).

8 — Chí không lập, thiên-hạ không có việc gì thành được. Dầu đến bách-công kỹ-nghệ, cũng không có gì là không gốc ở chí. Chí không lập như cái thuyền không lái, con ngựa không cương, lông-bông chạy cuồng, biết đi vào đâu.

(1) Ông này trước đã xin vào thường-hội-viên, nay xin đổi vào chân chủ-tri.

Người đời xưa có nói rằng : « Nếu làm thiện mà cha mẹ giận, anh em oán, tôn-tộc hương-đảng ghét, như thế mà không làm thiện còn được ; nhưng làm thiện thời cha mẹ yêu, anh em vui, tôn-tộc hương-đảng tin-mến, thời khổ gì mà không làm thiện. Nếu làm ác mà cha mẹ yêu, anh em vui, tôn-tộc hương-đảng tin-mến như thế mà làm ác còn được ; nhưng làm ác thời cha mẹ giận, anh em oán, tôn-tộc hương-đảng khinh ghét, thời khổ gì mà cứ làm ác. » Auh em học-trò phải nhớ câu đó, cho biết phải nên lập-chí thế nào vậy. (VƯƠNG DƯƠNG-MINH).

9 -- Người ta gọi lập-chí là thế nào ? Là trước phải biện-biệt cho biết việc gì là việc hay, ta xét ra nên làm, hay tất là phải làm ; việc gì là việc không hay, ta xét ra không nên làm, hay không nữa làm. (NGUY THỨC-TỬ).

10 — Người có chí-khí không chịu người ta khinh mình ; người có cốt khí không chịu người ta thương mình ; người có huyết-tính không chịu kém người ; người có chí-tính không chịu khi người. (LỤC THANH-HIỆN).

11 — Làm người không nên có *ngạo-thái*, nhưng không nên không có *ngạo-cốt*. Có ngạo-thái thời khiến người ta ghét, bĩ, chê, cười ; có ngạo-cốt thời phạm việc gì không có ti-ô cầu-tiện, nhân-phẩm được chính. (LỤC THANH-HIỆN).

12 — Hai chữ *khi tiết*, đó là cái đầu mối lớn của người sĩ-quân-tử lập-thân. Khi-tiết là ở tiết hết bụng dục ; người ta có bụng dục thời không cương, ngộ-sự đời-nhiên vậy. (TỪ MỊ-VĂN).

13 — Kẻ học-giả phải phân-biệt cho rõ điều *nghĩa* điều *lợi*, như cầm con dao chặt đôi ra vậy. Trong thiên-hạ còn có sự gì to hơn sự sống chết ru ? Đã coi sống chết như sớm chiều, thời còn có gì khiên-luyến mình được nữa. (THANG VĂN-CHÍNH).

14 — Nhân-sinh làm lợi, nói cho cùng chẳng qua là sợ đói chết. Đưa ăn mày vì còn chí-khí, người ta cho cái của bất-nghĩa, tở-hào cũng không lấy, trông thấy đói chết, đói mà không chết. (THANG VĂN-CHÍNH).

Mua báo đông-niên hết hạn

Ngài nào mua báo đông-niên từ số 25 thời đến số 36 này là hết hạn ; nếu bản-quán không nhận được giấy thôi mua, thời theo lệ thường cứ gửi luôn năm nữa ; trong một vài tháng xin các ngài gửi tiền về trả cho. Xin đề tên ông Lê Văn-Phúc thâu-nhận.